

TNG

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**
ANUAL REPORT
2016





TNG



TNG

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

ANUAL REPORT

2016



Mục lục

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI	07
CAM KẾT	08
CÁC THÔNG TIN TÀI CHÍNH	10
CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU	13
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
PHẦN I: THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	17
Quá trình hình thành phát triển	18
Ngành nghề kinh doanh	24
Địa bàn kinh doanh	26
Mô hình quản trị	28
Định hướng phát triển	35
Các rủi ro	56
PHẦN II: HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	59
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016	59
Tình hình thực hiện so với kế hoạch	78
Tổ chức và nhân sự	82
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	89
Tình hình tài chính năm 2016 của công ty	92
Cơ cấu cổ đông	98
PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	102
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	102
Tình hình tài chính	108
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý	111
Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững	116
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	130
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty	130
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của ban giám đốc	134
Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị	141
PHẦN V: TNG TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG	144
Hội đồng quản trị	147
Ban kiểm soát	162
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	184
LỜI KẾT	189
PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	191
Báo cáo đánh giá của BKS về công ty kiểm toán	182
Báo cáo tài chính kiểm toán 2016	191

Đặc tính vải Bamboo Silk



MADE IN TNG BAMBOO SHIRT – SPECIAL IN TNG



Không ồn ào nhưng từ những năm gần đây loại vải dệt từ sợi của cây tre còn gọi là “Bamboo fiber” dường như đang thổi một làn gió mới vào ngành công nghiệp dệt may và thời trang thế giới, làm dấy lên một cuộc cách mạng trong lĩnh vực này. Đây là loại sợi thiên nhiên, quá trình sản xuất hầu như không cần sự can thiệp của hóa chất rất nên thân thiện với môi trường và an toàn với người sử dụng.

Bắt kịp xu hướng cũng như đem đến trải nghiệm sự mới mẻ trong thời trang, cùng với những ứng dụng công nghệ tiên tiến, dòng áo sơ mi Bamboo của TNG mang trọn vẹn những đặc tính tự nhiên như: tính hút ẩm cao, kháng khuẩn tự nhiên, khả năng chống tia UV, độ bền màu, bền vải cao và thân thiện với môi trường.

TNG



Tâm nhìn

Giữ vững vị thế của doanh nghiệp may mặc xuất khẩu hàng đầu Việt Nam, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước. Hướng tới trong 10 năm tới sẽ bán sản phẩm bằng chính thương hiệu của mình là TNG tại khắp thị trường Việt Nam, tiếp đến là thị trường ASEAN và châu Á, sau đó là thị trường EU và Mỹ.

Sứ mệnh

TNG luôn luôn cung cấp những sản phẩm may mặc tốt nhất, thoải mái nhất. Đáp ứng nhu cầu của mọi người về một cuộc sống Tốt Đẹp hơn.

Giá trị cốt lõi

Gánh vác trách nhiệm:

Luôn luôn đặt trách nhiệm với khách hàng, công đồng lên hàng đầu, thực hiện đạo đức kinh doanh trong công việc

Tinh thần Đoàn kết:

Toàn bộ công ty thể hiện tinh thần hợp tác, đoàn kết, tôn trọng đồng nghiệp.

Công khai, minh bạch:

Cổ đông, đối tác, nhà đầu tư luôn luôn nắm được tất cả các hoạt động SXKD của Công ty.

Phát triển bền vững

Chúng tôi hoạt động với khách hàng và các đối tác có liên quan cùng có lợi ích dài hạn.

Phát triển tương lai xanh:

Vì một màu xanh TNG, Chúng tôi chú trọng mọi hoạt động liên quan đời sống người lao động, cộng đồng địa phương. Thực hiện phương châm hành động: “Phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường”.

Lời cam kết của TNG

Khách hàng

1. Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn
2. Chất lượng sản phẩm tốt, giá cả cạnh tranh và giao hàng đúng thời hạn.
3. Bảo vệ quyền lợi khách hàng về thương hiệu và nhãn hiệu hàng hóa.
4. Đảm bảo uy tín tôn trọng khách hàng.
5. Cam kết thời gian sản xuất, năng lực khách hàng.
6. Cam kết thời gian giao hàng.
7. Cam kết chống tiêu cực, hối lộ trong sản xuất kinh doanh.



Cổ đông

1. Công khai, minh bạch, công bằng mọi thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh .
2. Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho cổ đông.
3. Phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và uy tín trên thị trường.
4. Đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển.



Lời cam kết của TNG

Cộng Đồng

1. Hòa hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích xã hội.
2. Tham gia các hoạt động cộng đồng, an sinh xã hội.
3. Sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường
4. Thể hiện trách nhiệm với cộng đồng



Người Lao động

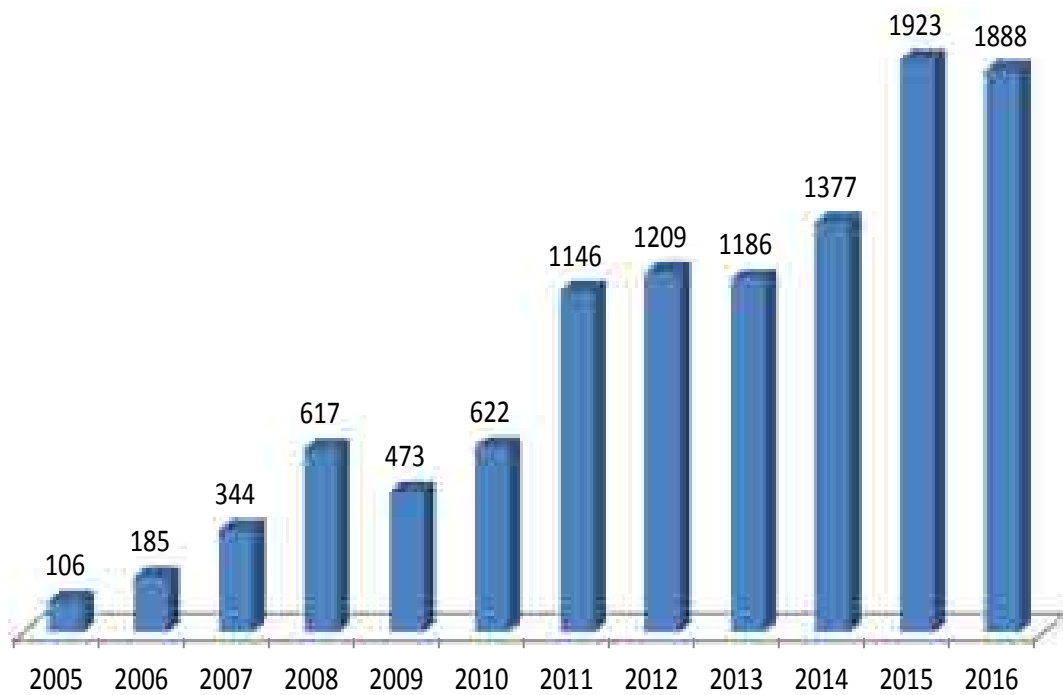
1. Người lao động làm việc tại TNG không bị vi phạm quyền lợi theo quy định của pháp luật
2. Mọi quyền lợi của người lao động làm việc tại TNG theo Bộ Luật Lao động đều được đảm bảo.



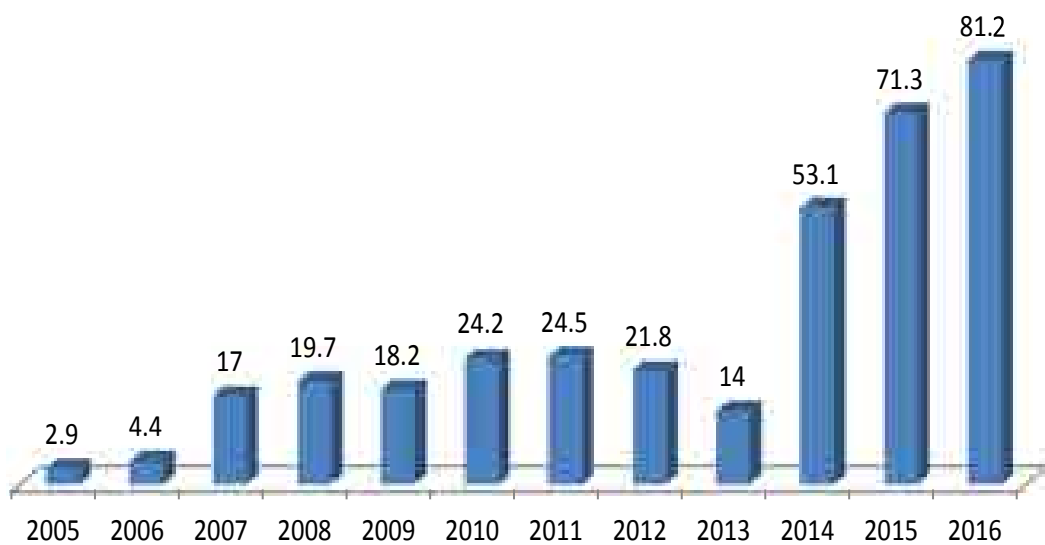
CÁC THÔNG TIN TÀI CHÍNH CƠ BẢN

	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng doanh thu	106	184	344	617	473	622	1.146	1.209	1.186	1.377	1.923	1.888
Lợi nhuận trước thuế	3,4	5,1	17,7	20	20,3	26,1	26,9	23,4	17,1	64,3	88	95
Lợi nhuận sau thuế	2,9	4,4	17	19,7	18,2	24,2	24,5	21,8	14	53,1	71,3	81,2
Tổng tài sản	73,7	118	304,9	407,2	354,6	510,1	821,4	951,3	961,1	1.197,9	1.613	1.846
Vốn chủ sở hữu	16,2	20,7	74,3	84,2	90,3	150,1	216,2	213,1	211,5	262,2	428	521
Tổng nợ phải trả	57,5	97,3	230,6	323	264,3	340	605,2	738,2	749,6	935,7	1.185	1.325

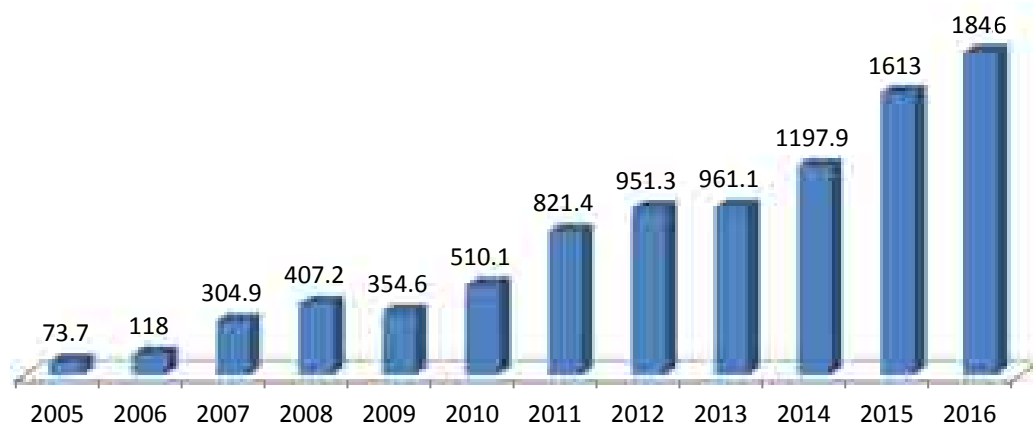
Tổng doanh thu



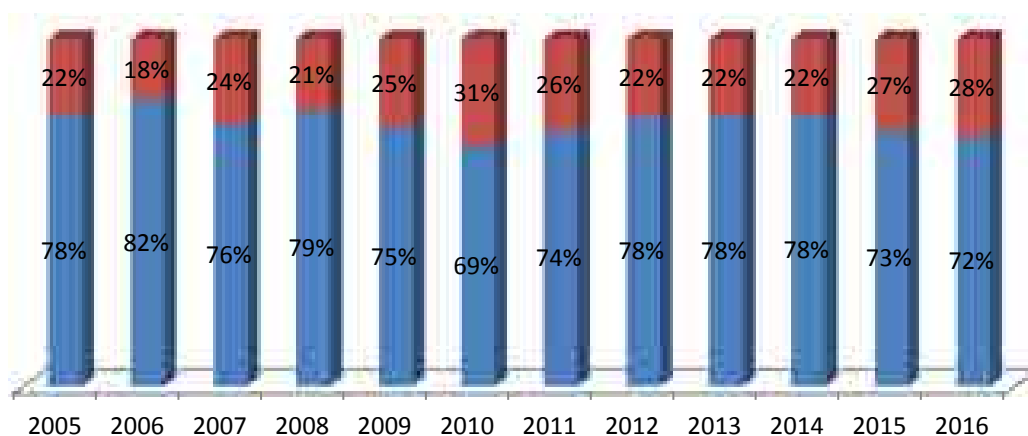
Lợi nhuận sau thuế



Tổng tài sản



Cơ cấu vốn chủ sở hữu và tổng nợ



Các DANH HIỆU & GIẢI THƯỞNG tiêu biểu

1. Top 3 báo cáo phát triển bền vững thể hiện sự tiến bộ vượt trội



2. Top 30 báo cáo thường niên tốt nhất năm 2016



3. Doanh nghiệp ưu tiên: đích đến thời hội nhập

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại (TNG), doanh nghiệp thứ 52 được trao quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên vào ngày 13/7/2016



4. TNG - doanh nghiệp xuất sắc, doanh nhân tiêu biểu tỉnh thái nguyên năm 2015

Tối 29-2, Công ty TNG đã đạt được những thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, ngoài ra đơn vị cũng thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, từ thiện... Ghi nhận những đóng góp của Công ty TNG, tại Lễ tôn vinh, Công ty TNG vinh dự được nhận bằng khen của Liên đoàn lao động tỉnh Thái Nguyên. (Tổng kết năm 2015, đơn vị đã được nhận bằng khen của UBND tỉnh Thái Nguyên). Và cá nhân đồng chí Nguyễn Văn Thời - Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là 1 trong số 8 doanh nhân đã được nhận Cup "Doanh nhân tiêu biểu tỉnh Thái Nguyên năm 2015"



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

“Vượt qua thử thách để tăng trưởng, phát triển bền vững, đảm bảo giữ vững vị thế đầu ngành dệt may là những mục tiêu tng đặt ra trong “chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2016 – 2020”



Ông NGUYỄN VĂN THỜI
Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG
Chủ tịch hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên

Kính thưa các Quý nhà đầu tư, cổ đông, khách hàng và toàn thể người lao động.

Lời đầu tiên, thay mặt Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG, tôi gửi lời kính chúc sức khỏe và hạnh phúc đến Quý vị và gia đình.

Kính thưa Quý vị, với định hướng chiến lược và tình thế cụ thể từng giai đoạn phát triển mới trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô đang ủng hộ rất lớn cho ngành may mặc đó là hiệp định TPP đã được quốc hội nước ta phê chuẩn 2016.

Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG ngoài việc giữ vững việc trong top đầu các doanh nghiệp may mặc xuất khẩu lớn, TNG hoàn toàn có thể tự tin hướng đến vị trí của một thương hiệu của chính mình là thương hiệu TNG.

Hiện tại, phần lớn doanh thu của TNG vẫn đến từ mảng gia công, FOB cho các thương hiệu nước ngoài, và mảng này sẽ chắc chắn còn là trụ cột trong vài năm nữa. Nhưng đưa con cứng mà TNG cho rằng sẽ đưa công ty lên tầm cao mới chính là thương hiệu thời trang TNG, do chính Cty thiết kế và kinh doanh.

Đối với thị trường phía nam, thương hiệu thời trang TNG vẫn còn xa lạ, nhưng ở phía Bắc thì thương hiệu TNG thành công khi phủ sóng hệ thống đại lý và cửa hàng TNG khắp các tỉnh phía bắc, kéo dài từ Lạng Sơn cho tới Quảng Bình. Tại Hà Nội, một loạt hệ thống cửa hàng của TNG đã mở ra ở những vị trí thuận tiện cho việc thu hút người tiêu dùng nhất như tại Time City, Royal City hay trung tâm thương mại Savico Long Biên.

Có thể nói sản phẩm mang thương hiệu TNG là công ty sinh sau đẻ muộn trong mảng kinh doanh thời trang ở Việt Nam, nếu so với những tên tuổi đã gặt hái được ít nhiều thành công như An Phước, Việt Tiến hay May 10. Nhưng TNG cho rằng mình đang đi theo một lối hoàn toàn khác, bền vững hơn nhiều. Đó là thay vì ký hợp đồng nhượng quyền thương mại với các hãng nổi tiếng trên thế giới như An Phước đã từng làm, TNG tự thiết kế và xây dựng một thương hiệu riêng của mình. Cách làm này TNG cho rằng các sản phẩm mang thương hiệu MADE IN TNG sẽ giúp TNG tiến từng bước đi chậm mà chắc.

“Định hướng của TNG đang học tập theo Uniqlo” – có nghĩa là tập trung vào những sản phẩm phổ thông dành cho đa số chứ không nhắm sản phẩm đắt tiền chỉ dành cho số ít khách hàng.

Theo kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2015 – 2020, TNG sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định, phát triển bền vững các hoạt động kinh doanh trong đó phần thương hiệu MADE in TNG sẽ chiếm dần từ 20 – 30% tổng doanh thu đem lại. Qua đó, Công ty sẽ tận dụng cơ hội mở rộng hợp tác đầu tư, ưu tiên khai thác những thế mạnh và năng lực cốt lõi có sẵn.

Với lòng quyết tâm và sự nỗ lực không ngừng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ - nhân viên, TNG phải tiếp tục thay đổi và hoàn thiện mình để không phụ lòng tin tưởng và sự kỳ vọng mà Quý vị đã dành cho TNG.

Trân trọng!

Thái Nguyên, ngày 05/01/2016

Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Văn Thời

TNG's Location

- 50 Km from Noibai Airport
- 80 Km from Hanoi capital
- 180 Km from Haiphong port

TNG[★]

Thái Nguyên



Nội Bài



Hà Nội



Cảng
Hải Phòng



Thông tin doanh nghiệp

Tên giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

Giấy chứng nhận ĐKKD

Số 4600305723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên.
Đăng ký thay đổi lần thứ 24, ngày 30 tháng 09 năm 2016

Tên giao dịch quốc tế

TNG INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt

TNG

Vốn điều lệ

342.649.780.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

342.649.780.000 đồng

Mã chứng khoán

TNG

Giá giao dịch trên TTCK

13.600 đồng (Ngày 06/01/2017)

Tổng lao động năm 2015

9.544

Địa chỉ trụ sở chính

Số 434/1, đường Bắc Kạn, P. Hoàng Văn Thụ, TP. Thái Nguyên

Điện thoại

02803.854.462

Fax

02803.852.060

Email

info@tng.vn

Website

www.tng.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế:

4600305723



Thành lập ngày: 22/11/1979



Số lượng nhân viên (31/12/2016): 9.544



Số chi nhánh may: 14



Mạng lưới cửa hàng: 42 cửa hàng tại 22 tỉnh, thành phố

Quá trình **HÌNH THÀNH** & **PHÁT TRIỂN**



Từ năm 1979 - 2003



Ngày thành lập: 22/11/1979

1. Doanh nghiệp nhà nước
2. Tên công ty: Công ty may Thái nguyên
3. Sản xuất theo đơn đặt hàng, theo kế hoạch của nhà nước
4. Lao động: 1.150 người (2003)
5. Vốn chủ SH (9.3 tỷ đồng) 2003
6. Lợi nhuận sau thuế: 1.5 tỷ đồng
7. Số nhà máy may: 01

Từ năm 2003 - 2007



Hình ảnh lên sàn chứng khoán TNG: 2007 - Hnx



Hình ảnh xưởng may 2003 - 2007

1. 2003: Cổ phần hóa: 100% vốn cổ đông, không có cổ phần nhà nước.
2. 2003: Đổi tên: Công ty CP may XK Thái Nguyên.
3. Sản xuất theo đơn đặt hàng khách hàng và xuất khẩu.
4. 2007: Đổi tên: Công ty CP Đầu Tư và Thương mại TNG
5. 2007: Lên sàn chứng khoán HNX
6. Lao động: 4.380 người (2007)
7. Vốn chủ SH (54.3 tỷ đồng) 2007.
8. Lợi nhuận sau thuế: 17.1 tỷ đồng.
Số nhà máy may : 03.

1. 2016: Khánh thành tòa nhà Trung tâm thiết kế thời trang (Viện nghiên cứu thời trang TNG).
2. Sản xuất theo đơn đặt hàng khách hàng và xuất khẩu.
3. TOP 10 Báo cáo phát triển bền vững.
4. TOP các công ty có báo cáo thường niên tiến bộ nhất.
5. TOP 30 công ty minh bạch nhất năm 2015
6. 2016: Được công nhận Doanh nghiệp ưu tiên theo quyết định số 2018QĐ-TCHQ ngày 06/07/2016 của Tổng cục trưởng TCHQ.
7. 2016: Sáp nhập Công ty Cp Thời trang TNG vào Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại TNG
8. Lao động 2016: .9544 người
9. Lợi nhuận sau thuế 2016: 81,2 tỷ đồng.
10. Số nhà máy may : 14 nhà máy.
11. Số nhà máy Phụ trợ 02 (Nhà Máy Phụ trợ 1: Bông, Thêu, chần bông, Padding, Nhà Máy Phụ trợ 2: Giặt, Thùng carton, In, Túi PE)
12. Có 42 cửa hàng và đại lý riêng bán thương hiệu TNG.
13. Chuyển trụ sở chính tại: 160 đường Minh Cầu, Phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên đến 434/1 đường Bắc Kạn, Phường Hoàng Văn Thụ, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.



Các SỰ KIỆN NỔI BẬT



1

Khách thành trung tâm thiết kế thời trang (Viện nghiên cứu thời trang TNG).



Chuyển trụ sở

Trụ sở mới Công ty CP Đầu tư và thương mại TNG:

Địa chỉ mới: Số 434/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

2

3

Sáp nhập công ty CP Thời trang TNG vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG.



TNG - Doanh nghiệp ưu tiên của tổng cục hải quan

4

5

Tạo động lực làm việc:
Thưởng theo ngày, theo tháng,
theo đơn vị...



Kỷ luật là Sức mạnh

Kỷ luật rút gọn, nghiêm khắc
với tất cả các hành vi vi phạm

6

7

TNG đạt danh hiệu 1 trong 30
công ty niêm yết minh bạch
nhất sàn Hnx 2016



TNG là Top 100 doanh nghiệp
phát triển bền vững 2016

8

NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Những hoạt động chính tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty là:



May công nghiệp xuất khẩu

Sản phẩm chủ lực: Áo Jacket Bông, Lông vũ, Quần áo dán seam, quần sooc, các loại, váy, hàng trẻ em, quần áo nỉ, hàng dệt kim...

Bông tấm, trần bông, thêu công nghiệp



Thùng Carton, túi PE các loại, giặt công nghiệp



Sản xuất hàng nội địa mang thương hiệu TNG

TNG đang trong quá trình xâm nhập thị trường nội địa. Hàng năm, TNG đều ra những bộ sưu tập độc đáo, đa dạng về màu sắc và kiểu dáng, bắt kịp với xu hướng thời trang thế giới.

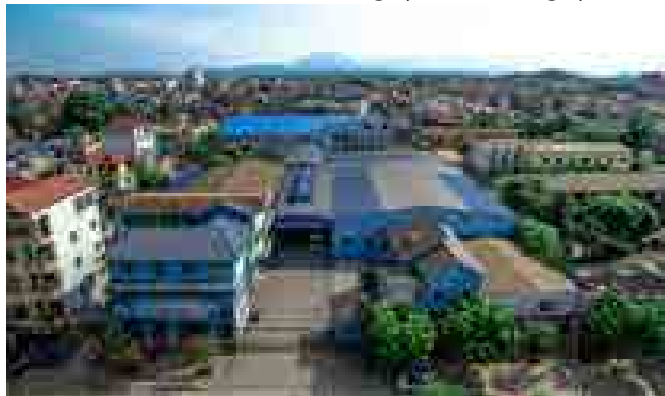
Với slogan **“TNG – Sự lựa chọn của tôi”**, TNG hướng đến những sản phẩm may mặc đẹp mắt và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm.



Chi nhánh may Việt Đức

Thành lập 1979

Đ/c: 160 Minh Cầu, TP. Thái Nguyên, Thái Nguyên



Chi nhánh may TNG Thời trang

Thành lập: 2013

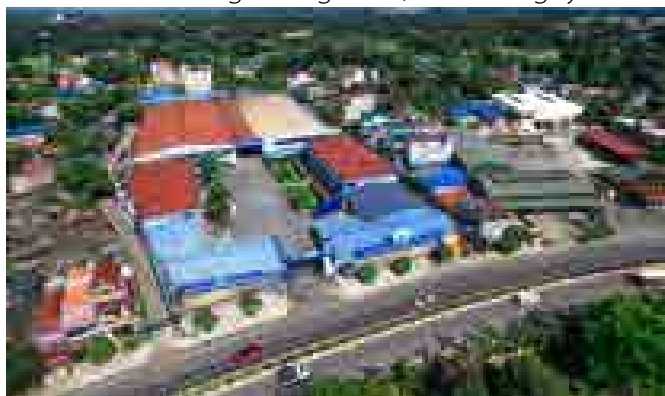
Đ/c: 434/1, Đ. Bắc Kạn, P. Hoàng Văn Thụ, TPTN



Chi nhánh may Việt Thái

Thành lập 1997

Đ/c: Số 223 đường Thống Nhất, TP. Thái Nguyên



Chi nhánh may Đại Từ

Thành lập: 2015

Đ/c: Xã Tiên Hội, Huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên



Chi nhánh sản xuất bông tấm, thêu, trần bông

Thành lập 2006

Đ/c: Khu B, KCN Sông Công, T.P Sông Công, Thái Nguyên



Chi nhánh may Sông Công: 1, 2, 3, 4

Thành lập: 2006

Đ/c: Khu B, KCN Sông Công, T.P Sông Công, Thái Nguyên



Trung tâm thiết kế thời trang

Thành lập 2016

Đ/c: 434/1, Đ. Bắc Kạn, P. Hoàng Văn Thụ, TPTN



Chi nhánh may Phú Bình: 1, 2, 3, 4

Thành lập: 2012

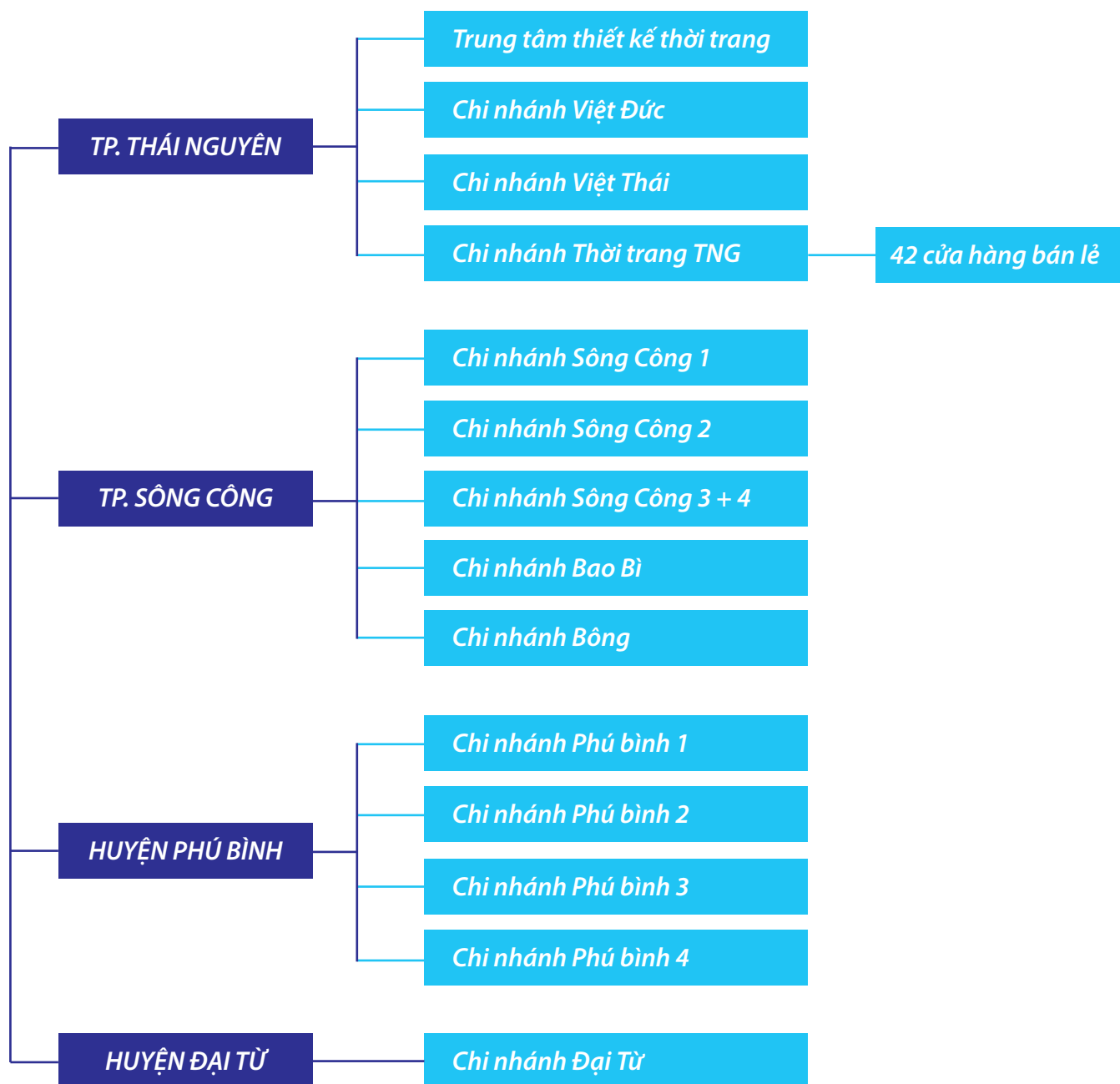
Đ/c: KCN Kha Sơn, xã Kha Sơn, H. Phú Bình, TN



Mô hình QUẢN TRỊ CÔNG TY

TNG

TNG có 14 chi nhánh hoạt động trên khắp các địa bàn tỉnh thái nguyên cùng với 42 cửa hàng bán lẻ trên toàn quốc



MÔ HÌNH TỔ CHỨC

(BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH 695/QĐ-HĐQT NGÀY 05/05/2016)



GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông: NGUYỄN VĂN THỜI

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1958

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2003

Quá trình công tác

1982 - 1992:

Đội trưởng đội vật tư Công ty xây
lập điện Bắc Thái

1993:

Phó giám đốc xí nghiệp may Bắc Thái
1993 - 2002:

Giám đốc công ty may Thái Nguyên
2003 - Nay:

Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư và
thương mại TNG

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện
mỏ, Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị

Khác: Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp
tỉnh Thái Nguyên, Phó Chủ tịch Hiệp hội
doanh nghiệp TP Thái Nguyên

Thành tích tiêu biểu: Giải thưởng
doanh nhân tiêu biểu, Huân chương
lao động Hàng ba năm 2007



Ông: RUSDY PRANATA

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1975

Quốc tịch: Indonesia

Thời điểm bổ nhiệm: 2014

Quá trình công tác

11/2001 - 2/2005:

Cán bộ kiểm soát tài chính tại Công
ty Toys'R'Us - In-đô-nê-xi-a

2/2005-12/2014:

Giám đốc tài chính doanh nghiệp,
Phó tổng giám đốc công ty PT Great
River International Tbk Garment

Manufacturing and Retailers/
PT Samudra Biru/ Garment

Manufacturing for Export and Local
Market

12/2014 - Nay:

Giám đốc Công ty PT Surya Berkas
Indonesia Klatten, Central Java/PT
Aseli Garment Indonesia.

Ủy viên hội đồng quản trị Công ty
Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG



Ông: NGUYỄN ĐỨC MẠNH

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2010

Quá trình công tác

2010 - 2011:

Trưởng phòng kinh doanh Công ty
CP đầu tư và thương mại TNG

2011 - nay:

Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc
Công ty CP đầu tư và thương mại
TNG

Trình độ chuyên môn: Cử nhân
CNTT – USA; Cử Nhân ngoại ngữ:
Shanghai, China.

Khác:

Giám đốc chi nhánh Thời trang TNG



Ông: NGUYỄN VĂN THỜI

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1971

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2013

Quá trình công tác

1995 - 2013:

Cán bộ Công ty CP may Thái
Nguyên

2013 - 8/2014:

Phó Tổng giám đốc Công ty CP đầu
tư và thương mại TNG

9/2014 - nay:

Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và
thương mại TNG



Bà: Lương Thị Thúy Hà

Thành viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Năm sinh: 1969

Thời gian bổ nhiệm: 2016

Quá trình công tác:

1992 - 2012:

Cán bộ Công ty CP Đầu tư và
Thương mại TNG

2013 - 4/2016:

Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư
và Thương mại TNG

04/2016 - nay:

Thành viên Hội đồng quản trị, Kế
toán trưởng Công ty CP Đầu tư và
Thương mại TNG

GIỚI THIỆU VỀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



Ông: NGUYỄN VĂN THỜI

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1971

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2013

Quá trình công tác

1995 - 2013:

Cán bộ Công ty CP may Thái Nguyên

2013 - 8/2014:

Phó Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

9/2014 - nay:

Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG



Bà: LÝ THỊ LIÊN

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1962

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2009

Quá trình công tác

1989 - 1995:

Ngân hàng công thương Yên Bái

1996: Công ty may Thái Nguyên

1998 - 2008: Kế toán trưởng công ty may Thái Nguyên

2008 - nay: Ủy viên HĐQT - Phó

tổng giám đốc công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trách nhiệm: Giám sát các hoạt động nhân sự, tài chính, xuất nhập khẩu, công tác nội chính và văn phòng tổng công ty; Đưa ra nhiều giải pháp để kiểm soát dòng vốn của TNG

Trình độ chuyên môn

Cao đẳng tài chính, ngân hàng



Ông: NGUYỄN ĐỨC MẠNH

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2010

Quá trình công tác

2010 - 2011:

Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

2011 - nay:

Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trình độ chuyên môn: Cử nhân CNTT - USA; Cử Nhân ngoại ngữ: Shanghai, China.

Khác:

Giám đốc chi nhánh Thời trang TNG



Bà: Lương Thị Thúy Hà

Thành viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Năm sinh: 1969

Thời gian bổ nhiệm: 2016

Quá trình công tác:

1992 - 2012:

Cán bộ Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

2013 - 4/2016:

Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

04/2016 - nay:

Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

GIỚI THIỆU VỀ BAN KIỂM SOÁT



Ông: NGUYỄN VĂN ĐỨC

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2011

Quá trình công tác

1999 – 2007:

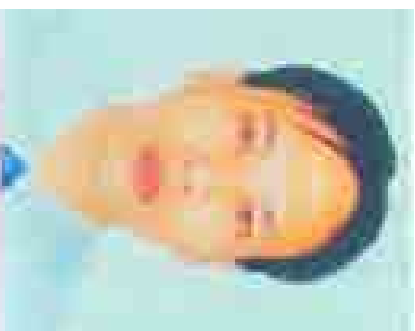
Cán bộ - Công ty CP may Thái Nguyên

2008 – nay:

Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Kế toán, Cử nhân ngoại ngữ



Ông: TRẦN MINH HIẾU

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1979

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2016

Quá trình công tác

2004 – 2012:

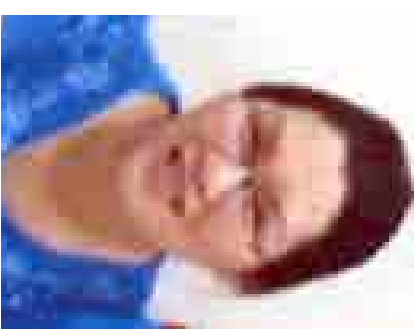
Cán bộ - Công ty CP may Thái Nguyên

2012 - Nay:

Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trình độ chuyên môn

Cử nhân QTKD Quốc tế



Bà: Hà Thị Tuyết

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1984

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2016

Quá trình công tác

07/2007 - 2015:

Cán bộ - Công ty may Thái Nguyên

2015 - Nay:

Trưởng phòng Pháp chế Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trình độ chuyên môn

Luật sư

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty cổ phần xây lắp điện Bắc Thái,

Địa chỉ: Tổ 20 phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Năm 2015, Đại hội đồng cổ đông công ty CP xây lắp điện Bắc Thái đã đưa ra kế hoạch tái cơ cấu lại công ty xây lắp điện Bắc Thái và sẽ chuyển hướng kinh doanh.

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu CP	Hoạt động chính	Vốn góp (đồng)
CT CP Xây lắp điện Bắc Thái	49%	Xây lắp điện	771.150.000

Định hướng **PHÁT TRIỂN**

ĐÁNH GIÁ NGÀNH DỆT MAY THẾ GIỚI

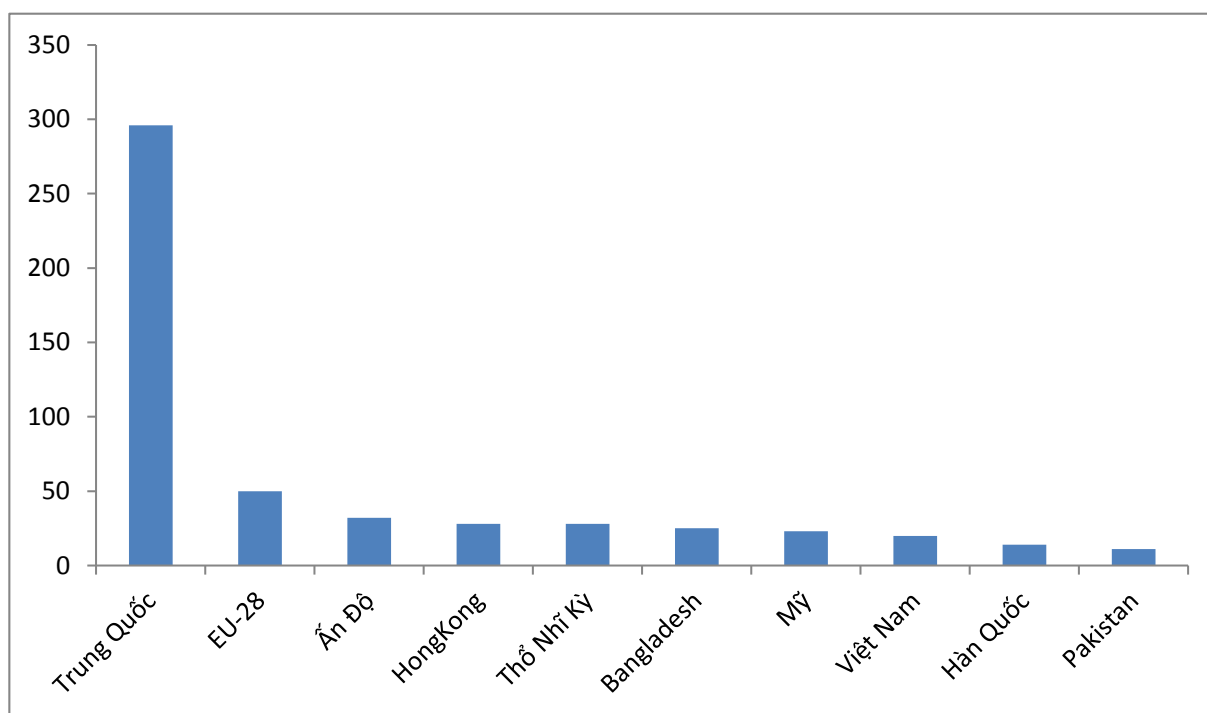
- Ngành dệt may thế giới chịu ảnh hưởng sâu sắc của các biến động kinh tế vĩ mô. Sau khi sụt giảm vào năm 2009 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, ngành dệt may đang trên đà phục hồi và được dự báo sẽ tăng trưởng liên tục với tốc độ 6% trong những năm tới.

- Trung Quốc là công xưởng sản xuất dệt may lớn nhất thế giới với chuỗi cung ứng hoàn thiện và các lợi thế về máy móc cũng như nhân công giá rẻ. Các nước phát triển như Mỹ, Ý, Hàn Quốc, HongKong chiếm lĩnh các khâu mang lại giá trị gia tăng cao hơn như thiết kế, marketing và xây dựng thương hiệu, thương mại hóa và xuất khẩu.

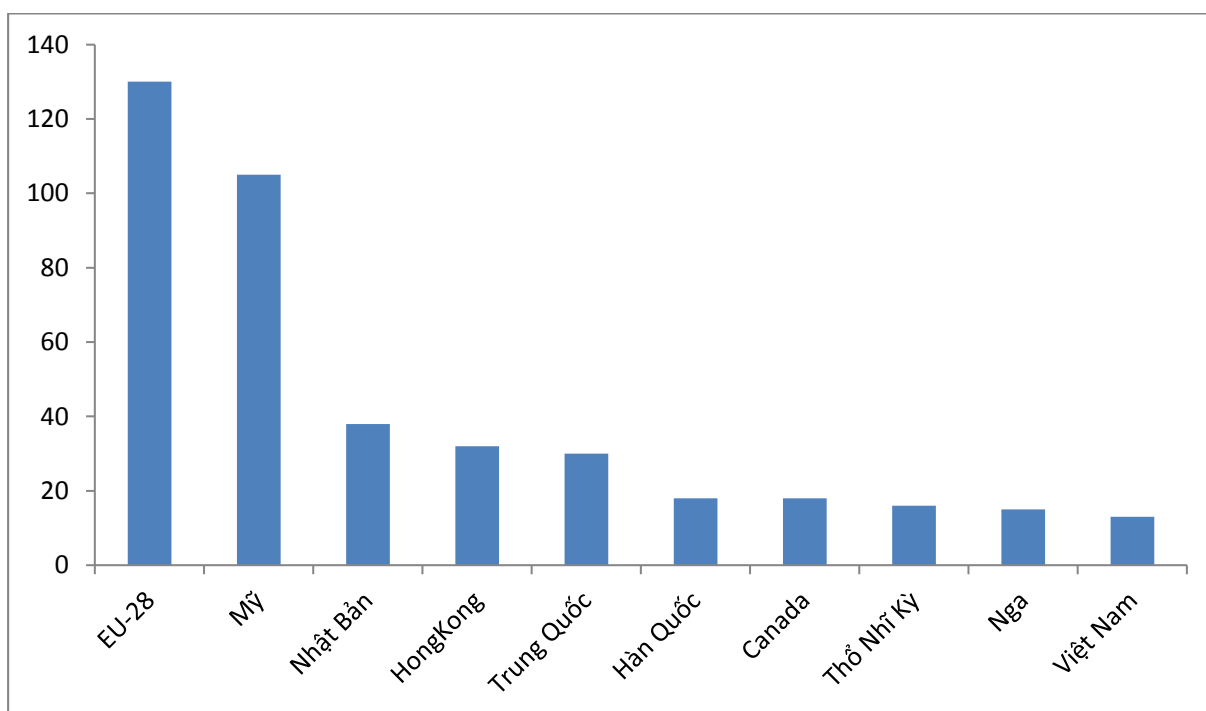
- Trung Quốc, Mỹ, Đức và Nhật Bản là những quốc gia tiêu thụ dệt may lớn nhất thế giới. Các nước đang phát triển có quy mô thị trường dệt may lớn chủ yếu do dân số đông; mức chi tiêu bình quân đầu người cho dệt may có sự chênh lệch lớn giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển. Dự đoán trong 5 năm tới, các thị trường mới nổi với quy mô dân số lớn như Trung Quốc, Ấn Độ,... sẽ tăng trưởng mạnh mẽ; trong khi đó thị trường dệt may tại các nước phát triển, đặc biệt là các nước Châu Âu, có xu hướng bão hòa và tăng trưởng chậm lại.

- Những Hiệp định thương mại như TPP hay RCEP sẽ thúc đẩy hình thành những khu vực mậu dịch với chuỗi giá trị dệt may hoàn chỉnh nhờ các quy định nghiêm ngặt trong sản xuất cũng như nguyên tắc xuất xứ.

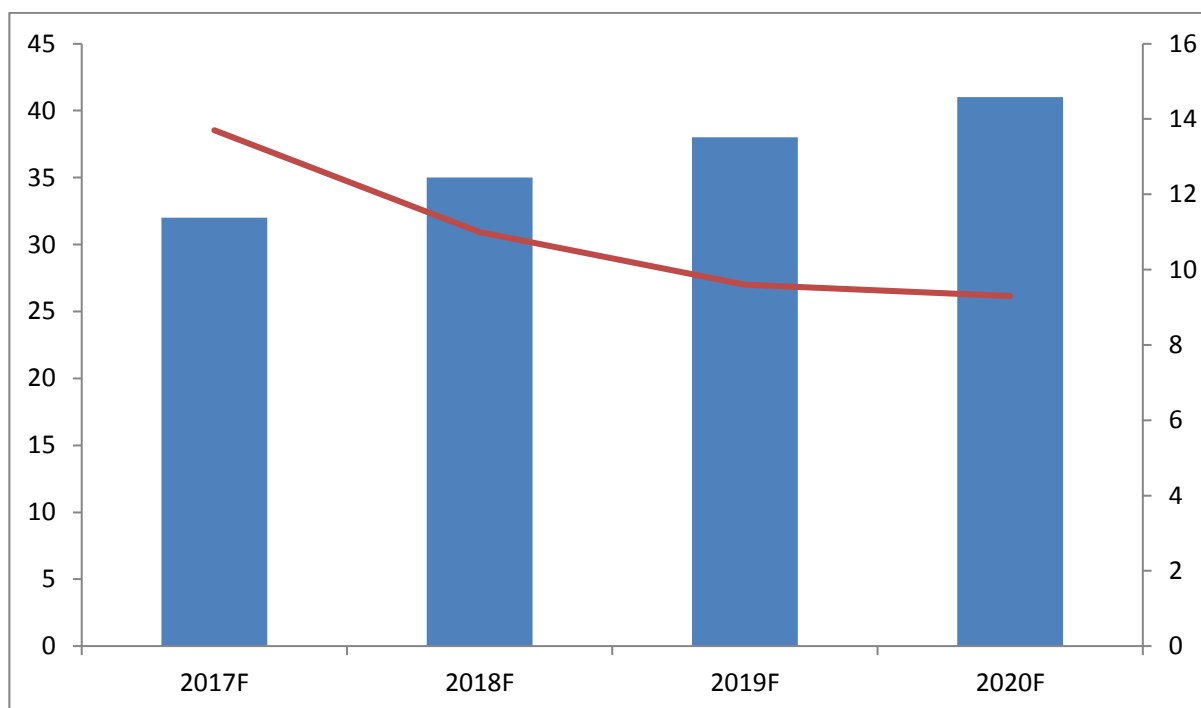
10 nước xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới 2014 (Tỷ USD)



10 nước nhập khẩu dệt may lớn nhất thế giới 2014 (Tỷ USD)



Dự báo kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may 2015 -2020 (Tỷ đồng)



ĐÁNH GIÁ NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM

- Ngành dệt may là một trong những ngành mũi nhọn của Việt Nam, ngành có kim ngạch xuất khẩu lớn thứ hai với giá trị xuất khẩu đóng góp từ 10-15% vào GDP. Trong những năm gần đây, ngành dệt may liên tục phát triển với tốc độ bình quân 17% một năm.

- Theo Hiệp hội Dệt may Việt Nam, tính đến hết năm 2014, Việt Nam có 5,214 công ty dệt may với các công ty có quy mô vừa và nhỏ chiếm đa số. Lực lượng lao động ngành dệt may chiếm hơn 20% lao động trong khu vực công nghiệp và gần 5% tổng lực lượng lao động toàn quốc. Các công ty may chiếm tỷ trọng lớn nhất (84%), theo sau là các công ty dệt và kéo sợi (15%).

- Việt Nam là một trong 10 nước xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới với thị phần năm 2014 đạt 3.1%. Những thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam bao gồm Mỹ, EU, Nhật Bản và Hàn Quốc (chiếm đến 85% tổng kim ngạch xuất khẩu) với sản phẩm chủ yếu quần áo cho phân cấp thấp và trung bình. Các doanh nghiệp FDI tuy chỉ chiếm 25% về số lượng nhưng đóng góp đến hơn 65% vào kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

- Hiện nay, Việt Nam mới chỉ tham gia khâu tạo ra giá trị gia tăng thấp nhất là “cắt may” với phương thức sản xuất gia công đơn giản CMT (chiếm tới 85%). Ngành dệt may Việt Nam vẫn phải phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu (khoảng 70-80%), chủ yếu là từ Trung Quốc, Đài Loan và Hàn Quốc.

- Quy mô tiêu thụ thị trường dệt may Việt Nam rất hạn chế, chỉ khoảng 3 tỷ USD, chi tiêu bình quân đầu người cho dệt may thấp. Các doanh nghiệp dệt may Việt Nam gặp khó khăn trong việc chiếm lĩnh thị trường trong nước do phải cạnh tranh với hàng nhái, hàng giả và hàng nhập khẩu qua đường tiểu ngạch.

- Các doanh nghiệp dệt may trong nước còn yếu kém trong những khâu thâm dụng tri thức như xây dựng hệ thống phân phối, xuất khẩu, thiết kế và xây dựng thương hiệu. Việt Tiến, Nhà Bè, May 10, TNG... là một số ít các doanh nghiệp thành công trong việc xây dựng và marketing thương hiệu.

- Các Hiệp định thương mại tự do, điển hình là VKFTA, EVFTA và TPP, mở ra nhiều cơ hội tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cho ngành dệt may Việt Nam. Dự đoán kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam có thể chạm mức 50-55 tỷ USD vào năm 2025 nhờ các FTA. Song song với đó, Việt Nam cũng phải đối mặt với không ít khó khăn và thách thức khi phải tuân thủ các quy tắc xuất xứ, chuẩn mực lao động, các yêu cầu khắt khe về trách nhiệm xã hội, nhãn mác sinh thái, bảo vệ môi trường... Hiện nay, Việt Nam đang dựa vào nguồn cung vải và sợi chính từ Trung Quốc và Đài Loan – những nước không nằm trong TPP. Như vậy, khi các hiệp định thương mại có hiệu lực, Việt Nam có rất ít khả năng để được hưởng ưu đãi thuế.

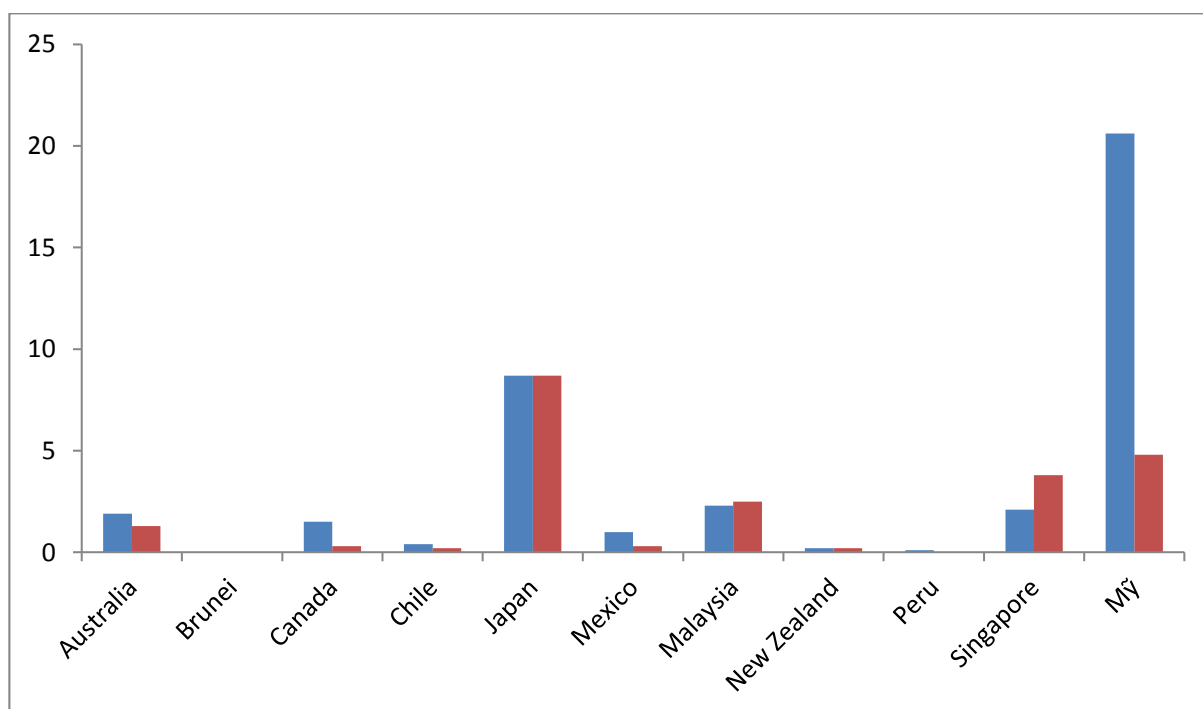
- Có thể nói, ngành dệt may với phần lớn các công ty thuộc quy mô vừa và nhỏ, tiềm lực tài chính và năng lực cạnh tranh thấp sẽ gặp khó khăn khi mở cửa nền kinh tế. Tuy nhiên, về lâu dài các Hiệp định thương mại tự do sẽ là động lực thúc đẩy các doanh nghiệp hoàn thiện và chuyển lên khâu cao hơn trong chuỗi giá trị, hội nhập sâu và rộng hơn vào nền kinh tế thế giới.

Top 9 Doanh nghiệp ngành dệt may Việt Nam có doanh thu thuần lớn nhất ngành (Tỷ đồng)

Công ty	Địa chỉ
Tổng CTCP May Việt Tiến	07 Lê Minh Xuân, Quận Tân Bình, TP HCM
Tổng CTCP May Nhà Bè	04 đường Bến Nghé, Quận 7, TP HCM
Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ	35 Ông Ích Đường, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
CTCP May Sông Hồng	105 Nguyễn Đức Thuận, Nam Định
Tổng CT May 10	765 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Hà Nội
Tổng Công ty Đức Giang	59 Phố Đức Giang, Quận Long Biên, Hà Nội
CTCP ĐT và TM TNG	434/1, Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên
Công ty sản xuất – Thương mại May Sài Gòn	213 Hồng Bàng, Quận 5, TP HCM
Tổng Công ty May Đồng Nai	Đường số 2, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai

HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG TPP

Tỷ trọng xuất nhập khẩu của Việt Nam trong TPP năm 2014 (Tỷ USD)



Việt Nam chiếm 38,8% tỷ trọng xuất khẩu vào các nước TPP, trong đó xuất khẩu nhiều nhất ở thị trường Mỹ với 20,6%. Đứng thứ hai là thị trường Nhật Bản 8,7%. Các thị trường còn lại, Việt Nam chưa tiếp cận được nhiều, tỷ trọng xuất khẩu còn hạn chế. Trong đó với Brunei, chưa có sản phẩm nào của Việt Nam đặt chân tới thị trường này.

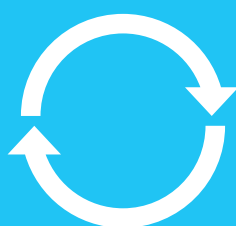
TPP thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu thực dân qua các nước. Theo dự đoán, năm 2020 xuất khẩu thực của Việt Nam tăng trưởng hơn 5% nhờ TPP, và con số này sẽ tăng lên 17,1% vào năm 2030.

ĐIỂM MẠNH

TNG có quy mô nhân lực SX lớn
TNG thiết lập được mối quan hệ đối tác lâu dài với một số nhãn hiệu nổi tiếng trên thế giới như : C&A, JC PENNEY, DECATHLON, Levis...
Thực hiện đúng cam kết với người lao động: Không một người lao động nào làm việc tại TNG bị vi phạm chế độ và quyền lợi theo quy định của pháp luật.
Có nhà ở cho CBCNV (khoảng 4.000 LĐ), có nhà trẻ, xe ô tô đưa đón CNV
Có hệ thống phần mềm quản trị công ty từ khâu đầu vào cho đến thu tiền
Có hệ thống đánh giá công việc (KPI) theo định lượng, gắn liền với thu nhập của người lao động
Bước đầu xây dựng chuỗi cung ứng để được hưởng lợi về thuế suất sau khi TPP được ký kết (có nhà máy SX bông) giúp cho các khách hàng đặt trực tiếp hàng tại TNG và có nguồn cung tại TNG không phải đặt các nơi khác, Nhà máy SX bông cũng là điểm cộng cho việc tính khi giảm thuế.

ĐIỂM YẾU

Nợ doanh nghiệp ở mức cao, vốn lưu động âm và khả năng thanh toán nợ còn yếu.
Nhân lực lao động có tay nghề chưa đáp ứng được nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất.
Hàng FOB thực hiện theo FOB convert (Khách hàng chỉ định nguồn nguyên phụ liệu).
Các đơn hàng CMPT bị phụ thuộc về hàng đồng bộ để sản xuất nên kế hoạch SX nhiều khi thay đổi ngoài dự tính.



CƠ HỘI

TNG có các nhà máy tại các vùng nhiều lao động.
TNG có các mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương mà TNG đặt nhà máy
TNG cũng được hưởng lợi do dịch chuyển đơn hàng từ TQ và các nước khác về Việt Nam.

THÁCH THỨC

Cạnh tranh thu hút nhân lực trong vùng bởi dự án nhà máy Sam Sung Thái Nguyên
Rủi ro về trả nợ lãi vay khi sử dụng đòn bẩy tài chính cao
Các đơn vị cùng dòng sản phẩm cạnh tranh về giá nhân công

Vị thế CỦA TNG

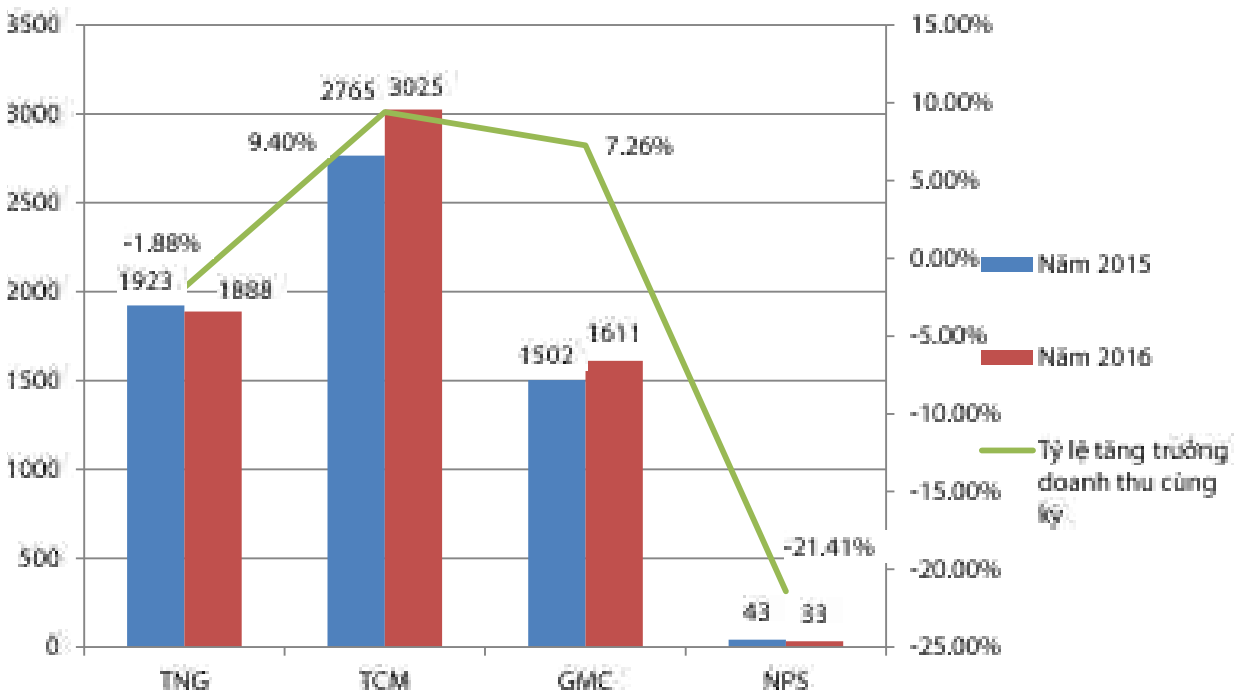
TNG từng là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được thành lập từ năm 1979 khi nền kinh tế Việt Nam đang còn là nền kinh tế tập trung với tên gọi Xí nghiệp may Bắc Thái. Với bề dày lịch sử phát triển, Công ty đã phát triển bền vững trong suốt những năm qua. Năm 2003, TNG được phép cổ phần hóa và trở thành doanh nghiệp ngoài Quốc doanh thuộc sở hữu tư nhân. Đến năm 2007, Công ty được phép niêm yết trên sàn giao dịch HNX. Hiện nay, TNG nằm trong top 10 doanh nghiệp tiêu biểu toàn diện ngành May Việt Nam – theo Giải thưởng Doanh nghiệp tiêu biểu ngành Dệt may, được tổ chức 3 năm một lần do Bộ Công Thương chủ trì và Hiệp hội Dệt may Việt Nam thực hiện.

Với vị trí nằm trong top 10 doanh nghiệp trong vô số những công ty may mặc có mặt tại Việt Nam, TNG đang chiếm những lợi thế lớn trong toàn ngành; trong các thế mạnh đó phải kể đến các hợp đồng gia công Quốc tế cho các nhãn hiệu nổi tiếng như ZARA, MANGO, GAP, C&A, CK, TCP, Columbia, Walmart, Mark & Spencer, Target, Decathlon, JCPenney, The Children Place. Mục tiêu lâu dài mà TNG hướng đến là bán hàng trực tiếp cho các nhà bán lẻ hàng đầu thế giới nhằm gia tăng lợi nhuận. Mặt khác, TNG cũng đang tận dụng thế mạnh, khai thác và củng cố vị thế của mình đối với thị trường thời trang trong nước.

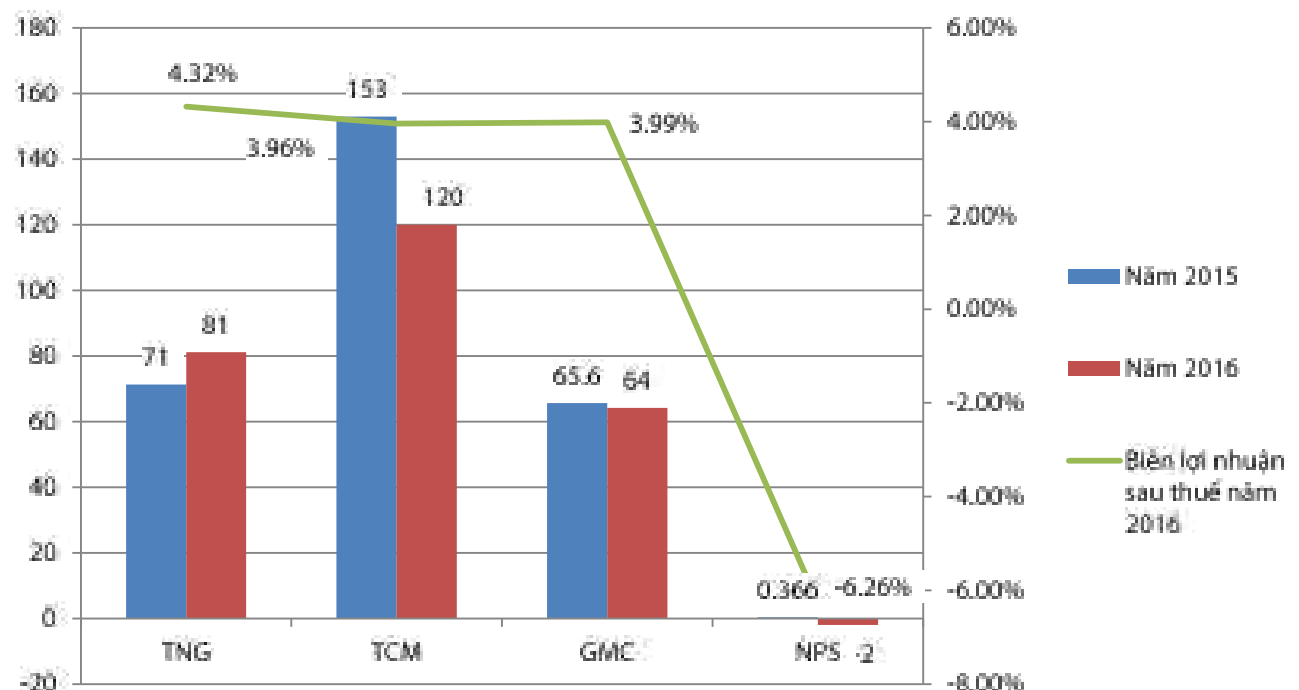


Số liệu tham khảo các đơn vị cùng ngành

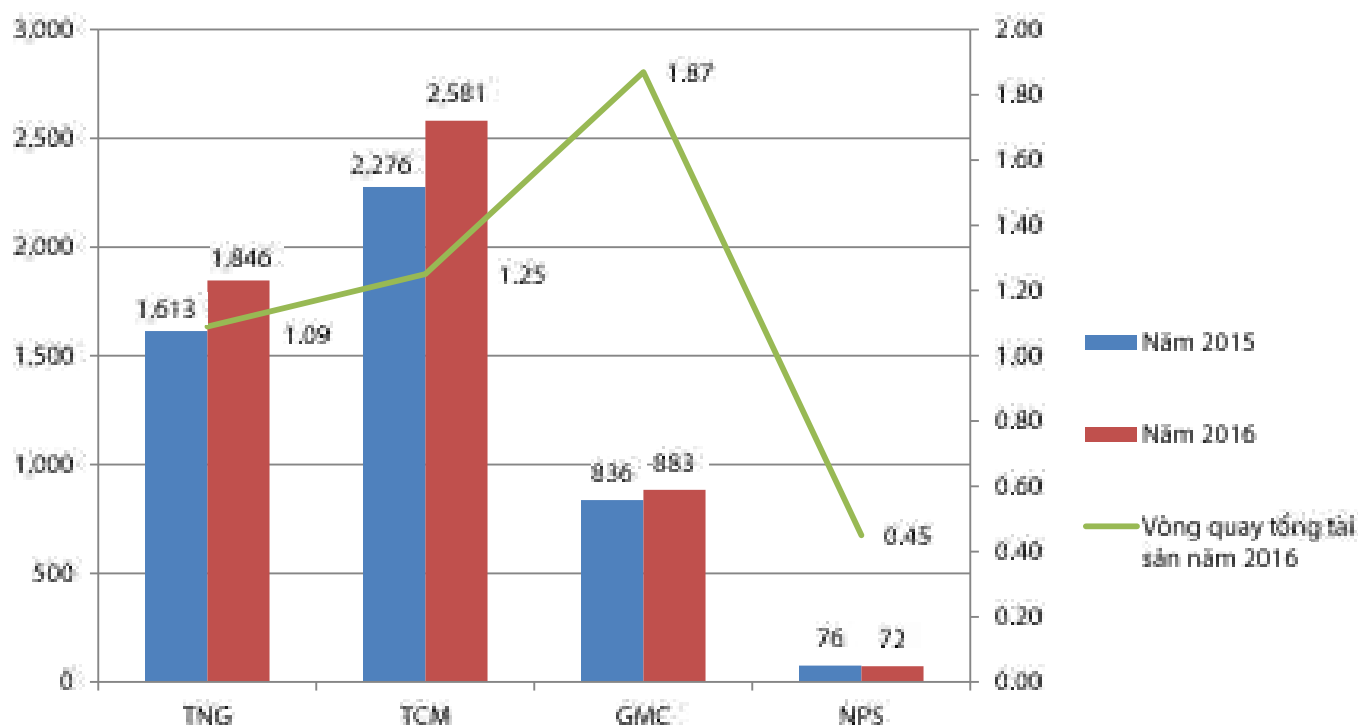
Doanh thu thuần (Tỷ đồng)



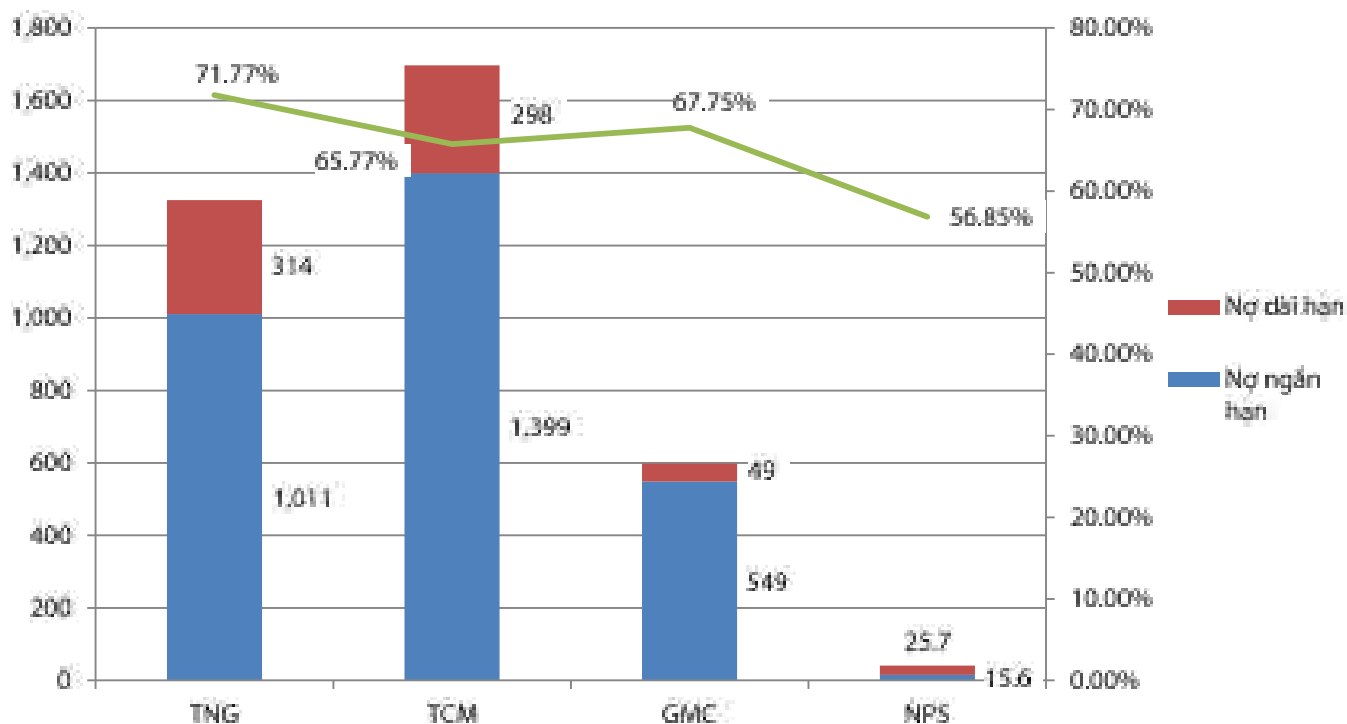
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)



Tổng tài sản (Tỷ đồng)



Cơ cấu nợ vay (Tỷ đồng)



Các chỉ số tài chính khác (*)

Chỉ số	TNG	TCM	NPS
Hệ số khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện thời	0,76	0,93	0,38
Khả năng thanh toán nhanh	0,32	0,42	0,25
Khả năng thanh toán tức thời	0,01	0,05	0,09
Khả năng thanh toán lãi vay	2,41	7,36	-3,00
Hệ số cơ cấu tài sản			
Hệ số nợ	71,77%	65,77%	56,85%
Hệ số tự tài trợ	28,23%	34,23%	43,15%
Hệ số nợ vay / VCSH	254,29%	192,16%	131,76%
Hệ số đánh giá hiệu quả sử dụng vốn			
Số vòng quay HTK	3,92	3,51	10,83
Số ngày một vòng quay HTK	93,18	102,59	33,24
Số vòng quay nợ phải thu	7,13	9,11	11,68
Kỳ thu tiền trung bình	51,17	39,54	30,83
Hệ số khả năng sinh lời			
Tỷ suất LNST/VKD (ROA)	4,69%	4,93%	-2,81%
Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	17,09%	13,76%	-6,44%
Hệ số cơ cấu chi phí			
GVHB/ DTT	82,35%	85,44%	90,56%
Chi phí bán hàng / DTT	1,53%	3,19%	1,93%
Chi phí quản lý doanh nghiệp / DTT	7,42%	4,15%	13,75%
Chi phí lãi vay / DTT	3,56%	0,72%	1,56%

CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

MỤC TIÊU		GIẢI PHÁP	
TĂNG TRƯỞNG	<p>Tăng trưởng bình quân doanh thu thuần > 20% mỗi năm</p> <p>Nâng cao và đảm bảo các chỉ tiêu tài chính hiệu quả: ROE > 20%; ROA > 10%</p> <p>Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi</p>	TĂNG TRƯỞNG	<p>Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi: May mặc</p> <p>Xây dựng hệ thống kiểm toán nội bộ công ty</p> <p>Tăng cường chức năng quản lý vốn và đầu tư,</p> <p>Xây dựng môi quan hệ với khách hàng, duy trì lượng hàng tốt</p>
THỊ TRƯỜNG	<p>Mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng thị phần tại các thị trường mới nổi</p> <p>Mở rộng thị trường nội địa, thiết lập các kênh bán hàng trên toàn quốc</p>	THỊ TRƯỜNG	<p>Tổ chức nghiên cứu thị trường, làm việc trực tiếp với khách hàng nước ngoài.</p> <p>Đánh giá nhà cung cấp ở nước ngoài</p> <p>Thiết lập thêm 20 kênh/ năm bán hàng trên thị trường nội địa</p>
QUẢN TRỊ	<p>Dẫn hoàn thiện mô hình quản trị theo mô hình quản trị thế giới</p>	QUẢN TRỊ	<p>Học hỏi, nghiên cứu phương pháp quản trị của Thái Lan, Mỹ...</p> <p>Xây dựng mô hình quản trị hướng tới kiểm soát nội bộ tốt</p>
MÔI TRƯỜNG	<p>Hướng tới hình ảnh một TNG xanh, thân thiện với môi trường</p> <p>Thực hiện giảm thiểu tối đa các tác động xấu tới môi trường, giảm thiểu ô nhiễm</p>	MÔI TRƯỜNG	<p>Đầu tư xây dựng các dự án xử lý nước thải tốt nhất cho các nhà máy</p> <p>Thực hiện huấn luyện và nâng cao ý thức người lao động</p> <p>Tổ chức những ngày vì môi trường hằng năm</p>
XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG	<p>Đồng hành phát triển kinh tế địa phương</p> <p>Thực hiện tốt trách nhiệm với môi trường địa phương trong sản xuất</p> <p>Minh bạch trong công bố thông tin, sản xuất kinh doanh</p>	XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG	<p>Thực hiện các chương trình nhân ăn, từ thiện với cộng đồng</p> <p>Tham gia các hoạt động phát triển kinh tế với người dân địa phương</p> <p>Thực hiện các chính sách chống tham nhũng, hối lộ nhằm minh bạch thông tin, xây dựng niềm tin với khách hàng nhà đầu tư</p>
NGƯỜI LAO ĐỘNG	<p>Duy trì các hoạt động khám sức khỏe, đời sống cho người lao động</p> <p>Triển khai, nâng cao các chính sách về an toàn vệ sinh lao động</p>	NGƯỜI LAO ĐỘNG	<p>Xây dựng chính sách về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp</p> <p>Đầu tư máy móc, trang thiết bị an toàn, hiện đại để đảm bảo sức khỏe cho người lao động</p> <p>Tiến hành đánh giá môi trường lao động định kỳ, đảm bảo một môi trường lao động sạch</p>

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2017 – 2020

Trong vòng 4 năm tới, mục tiêu của TNG sẽ hướng tới doanh thu 160 triệu USD, lợi nhuận sau thuế khoảng: **10 triệu USD**

Đây là động lực cũng như quyết tâm chung của toàn thể Công nhân viên TNG

1 Tìm kiếm đầu tư kinh doanh thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới, may mặc vẫn giữ vai trò chủ đạo. Trước hết để phục vụ trực tiếp cho hàng may mặc là giặt, bao bì, in, thêu,... Tiếp theo là Bất động sản....

Thị trường xuất khẩu vẫn là chính, từng bước tăng dần tỷ lệ doanh thu hàng nội địa lên 10-15% từ nay đến hết năm 2017. Tăng cường thúc đẩy quan hệ với các khách hàng mới, mở rộng thị trường, tránh phụ thuộc

3 Liên tục phát triển sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu, phát huy tối đa công suất thiết kế để nâng cao năng suất lao động. Công ty cũng thường xuyên bổ sung, đổi mới máy móc thiết bị công nghệ mới.

Công ty sẽ tập trung vào năng lực sản xuất may và dệt: nắm bắt một cách tốt nhất các cơ hội từ Hiệp định TTP và VN-EU FTA.

5 Mở rộng sản xuất kinh doanh bằng việc đầu tư mở rộng các nhà máy sản xuất hàng may mặc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: Hệ thống nhà máy như: TNG Phú Lương, TNG Võ Nhai, Khu công nghiệp Sơn Cẩm... Trong chiến lược phát triển 2017 - 2020: TNG sẽ đầu tư xây dựng mới những cái tên như: Nhà ở Xã Hội tại Thái Nguyên

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi dệt – may: Nâng cao năng lực sản xuất; đa dạng hóa sản phẩm chính; nâng cao chất lượng sản phẩm; cải tiến tốc độ giao hàng; quản lý chi phí sản xuất; đào tạo và phát triển lực lượng nhân sự kế thừa.
- Mở rộng sản xuất kinh doanh bằng cách xây dựng các chi nhánh nhà xưởng mới nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Công ty
- Phát triển nhà ở xã hội, trước hết là ưu tiên cán bộ công nhân viên công ty.
- Top các công ty minh bạch trên sàn chứng khoán Hnx.
- TNG phấn đấu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam bán lẻ sản phẩm mang thương hiệu TNG - VIETNAMESE BRANCH – MADE IN VIET NAM. trong lĩnh vực dệt may thay cho việc sản xuất các thương hiệu lớn trên thế giới trước hết là phủ khắp thị trường Việt Nam, sau đó là thị trường ASEAN, châu Á và tiến tới các thị trường quen thuộc xuất khẩu là EU và bắc Mỹ.
- Hiện nay TNG đã có 26 cửa hàng và 42 đại lý bán chính sản phẩm mang thương hiệu TNG. TNG vinh dự được hãng bán lẻ của Thái Lan đặt hàng và bán tại chuỗi siêu thị ROBINS ở tại thành phố Hồ Chí Minh.



TNG DỰ ÁN KHU NHÀ Ở XÃ HỘI TNG
PHƯỜNG PHẠM VĂN PHƯƠNG, THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN





CHIẾN LƯỢC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trên cơ sở định hướng chung của ngành, TNG xây dựng định hướng phát triển của Công ty trong những năm tới như sau:

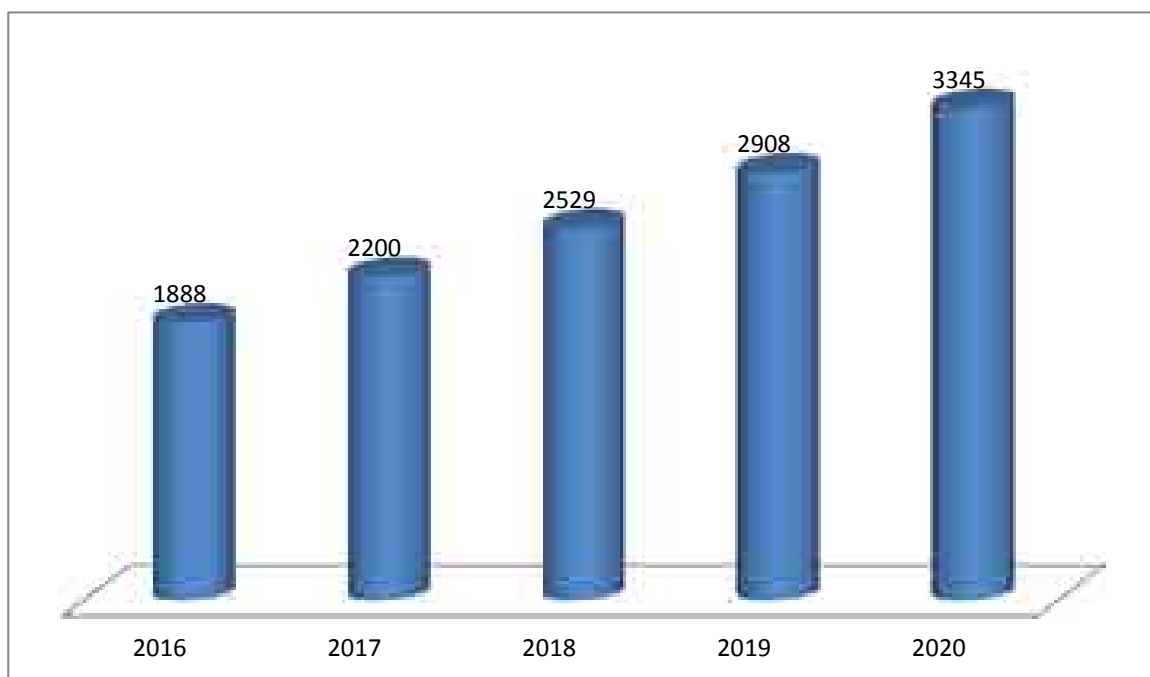
1. May mặc giữ vai trò chủ đạo, từng bước đầu tư kinh doanh thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới, trước hết để phục vụ trực tiếp cho hàng may mặc là giặt, bao bì, in, thêu,...
2. Thị trường xuất khẩu vẫn là chính, tăng dần tỷ lệ doanh thu hàng nội địa lên 10-15% từ nay đến hết năm 2016, cân bằng giữa các thị trường, tránh phụ thuộc quá nhiều vào thị trường nước Mỹ, tiếp cận và khai thác thị trường Nhật Bản.
3. Liên tục phát triển sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu, phát huy tối đa công suất thiết kế để nâng cao năng suất lao động. Công ty cũng thường xuyên bổ sung, đổi mới máy móc thiết bị công nghệ mới
4. Công ty sẽ tập trung vào năng lực sản xuất may và dệt; nắm bắt một cách tốt nhất các cơ hội từ hiệp định định TTP và VN-EU FTA
5. Mở rộng sản xuất kinh doanh bằng việc đầu tư mở rộng các nhà máy sản xuất hàng may mặc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: Hệ thống nhà máy TNG Đại Từ đã đi vào hoạt động.

Định hướng phát triển ngành may là chủ lực, mở rộng sang các lĩnh vực phù hợp với chiến lược phát triển toàn diện của ngành Dệt may Việt Nam trong thời gian tới. Việc tăng cường đầu tư được xác định trên cơ sở nhận định về tiềm năng, lợi thế của Việt Nam trên thị trường dệt may thế giới và mục tiêu chiến lược của Dệt may Việt Nam giai đoạn tới. Bên cạnh đó, cũng như các đơn vị trong ngành, Công ty luôn ý thức được sức nặng của thị trường nội địa với hơn 92 triệu dân, cơ cấu dân số trẻ, nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn.

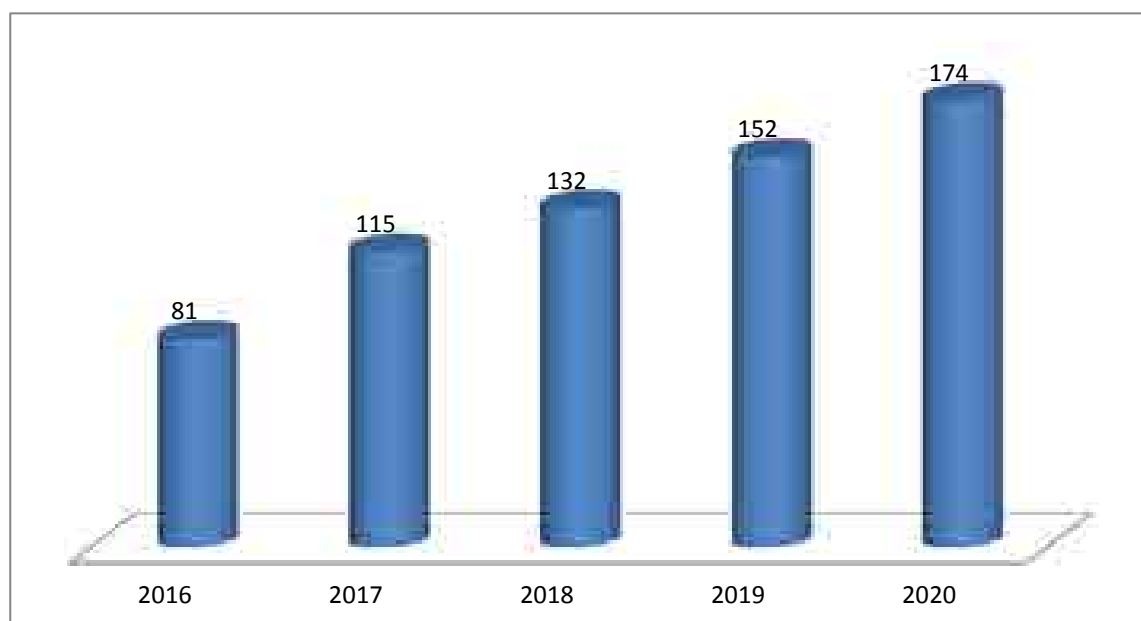
Kế hoạch doanh thu

CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016-2020

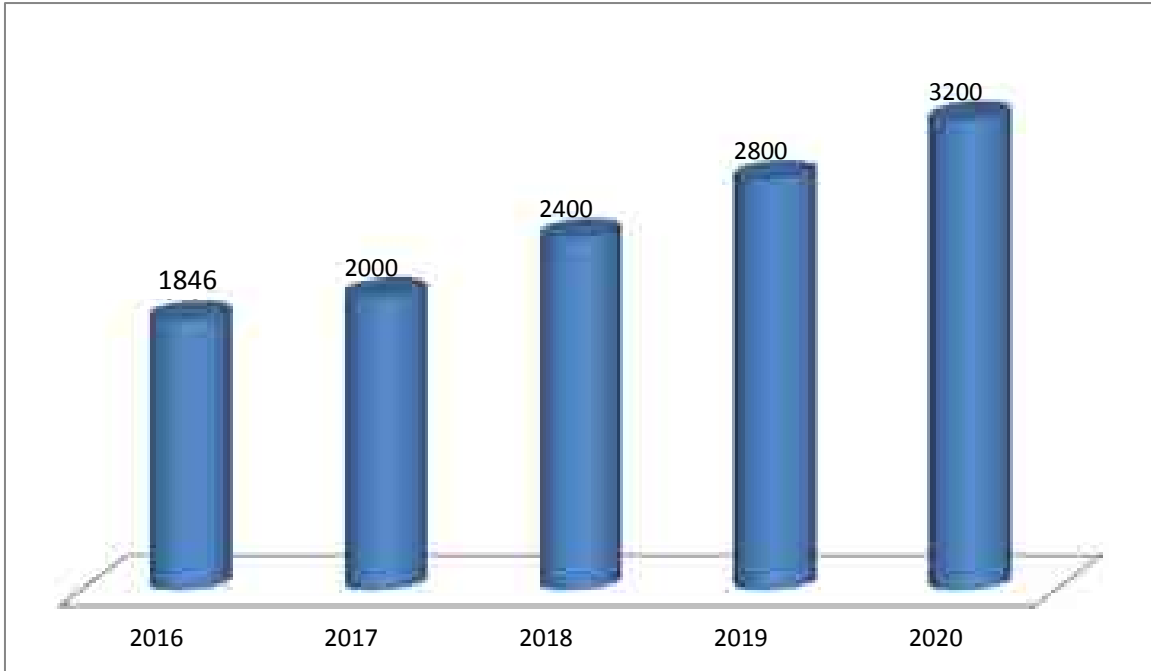
Doanh thu năm 2020
(3.345 tỷ đồng)



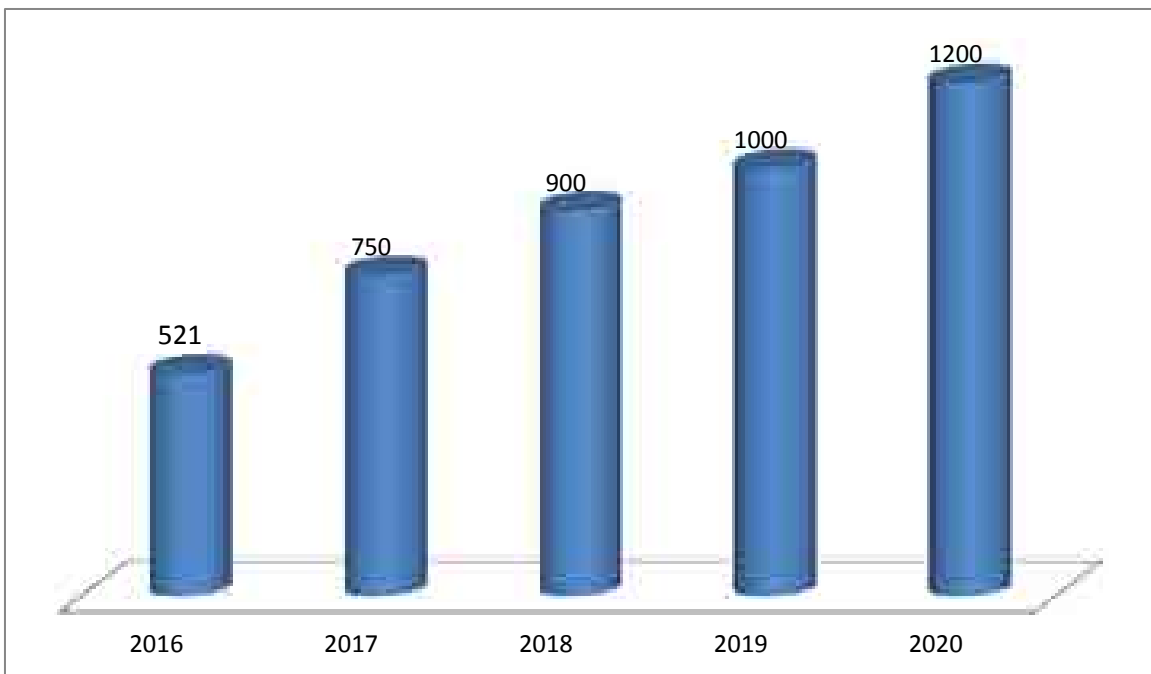
Lợi nhuận sau thuế năm 2020
174 (Tỷ đồng)



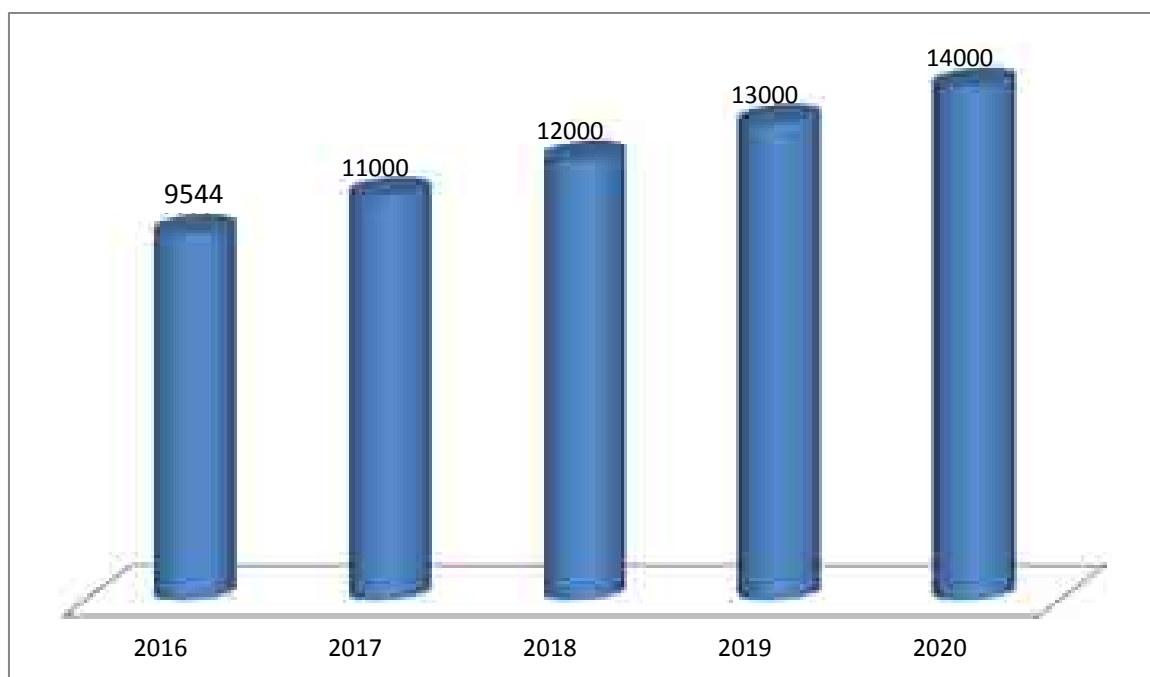
Tổng tài sản năm 2020
3200 (tỷ đồng)



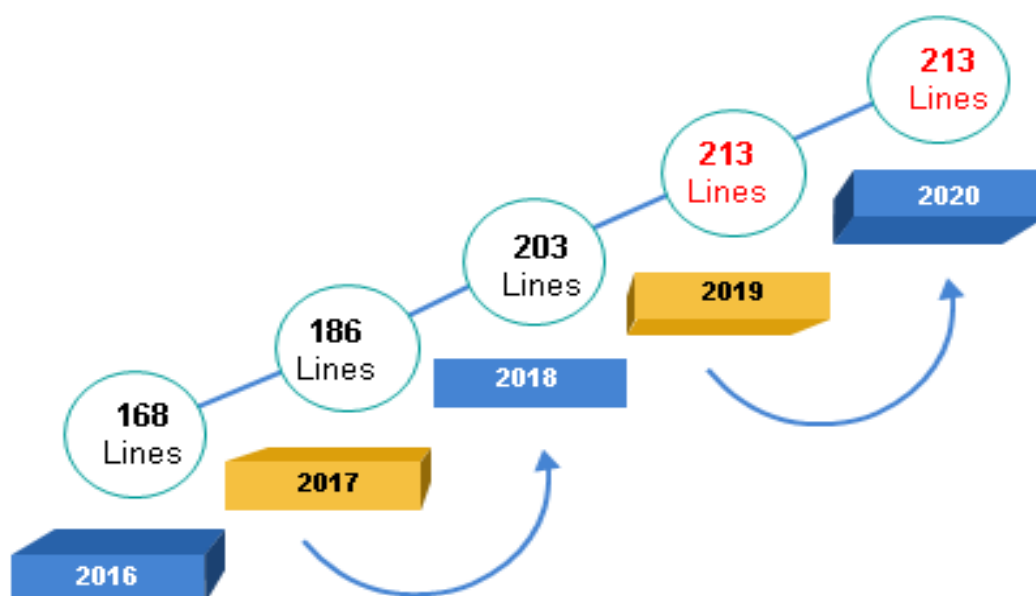
Vốn chủ sở hữu năm 2020
1200 (tỷ đồng)



Số lượng nhân viên năm 2020 20.000 người



LINES EXPEND FROM 2016 TO 2020



TNG: Tăng trưởng bền vững

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2017

Lĩnh vực	Mục tiêu	Giải pháp
Tăng trưởng kinh tế bền vững	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng trưởng 20% về doanh thu và 10% về lợi nhuận - Mở rộng quy mô sản xuất ra khỏi địa bàn tỉnh Thái Nguyên - Duy trì tỷ lệ trả cổ tức 20% - Duy trì vị thế một trong những doanh nghiệp may mặc hàng đầu Việt Nam - Tăng cường tiếp nhận ý kiến khách hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, khẳng định thương hiệu TNG - Tiết kiệm 5% năng lượng điện, 5% lượng nước, 5% năng lượng than 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng hóa sản phẩm may mặc, nghiên cứu chuyên sâu thị yếu của khách hàng, người tiêu dùng - Tập trung triển khai đẩy mạnh bán hàng, xuất khẩu, thương mại quốc tế - Mở rộng thị trường kinh doanh tại các quốc gia phát triển - Tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi: May mặc
Phát triển xã hội bền vững	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo sản phẩm chất lượng, phù hợp với nhu cầu của khách hàng trong nước - Dành một số tiền đáng kể cho các hoạt động cộng đồng nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của địa phương - Đảm bảo lợi ích và môi trường làm việc cho người lao động tạo sự gắn bó lâu dài với công ty 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao chất lượng sản phẩm đảm bảo các nguyên tắc về chất lượng của nhà cung cấp - Hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân có hoàn cảnh khó khăn về tài chính và tinh thần - Không ngừng nâng cao phúc lợi cho người lao động về chế độ lao động và tiền lương
Giữ gìn môi trường bền vững	<ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm 5% năng lượng điện, 5% lượng nước, 5% năng lượng than - Thực hiện đo kiểm môi trường thường xuyên, đảm bảo yêu cầu của nhà cung cấp - Phát triển các công trình nghiên cứu về sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch vào sản xuất 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tốt việc sử dụng nguồn nước, điện và than trong sản xuất kinh doanh - Thực hiện các hoạt động trồng cây gây rừng, trồng cây xanh trong công ty. - Tổ chức tuyên truyền về hành tinh xanh, giữ gìn bảo vệ môi trường cho toàn thể CBCNV - Tiết kiệm văn phòng phẩm, giảm thiểu rác thải văn phòng, khu sản xuất

MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG, CỘNG ĐỒNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Môi trường xanh

TNG hướng tới hình ảnh của một công ty thân thiện với môi trường

TNG vẫn tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tác động xấu đến môi trường, giảm thiểu ô nhiễm không khí đô thị và khu công nghiệp. Về lâu dài, chúng tôi có kế hoạch di dời một số nhà máy đến các khu công nghiệp được quy hoạch cho ngành công nghiệp, không ảnh hưởng đến khu vực dân cư xung quanh.



Sức khỏe và phúc lợi người lao động

TNG đảm bảo duy trì các hoạt động khám sức khỏe, đời sống lao động cho người lao động

TNG luôn tổ chức hoặc cho người lao động tham gia các khóa đào tạo để nâng cao trình độ

TNG chăm lo cho đời sống người lao động với mục tiêu: “Người lao động vững doanh nghiệp vững”

TNG đã xây dựng một môi trường làm việc lành mạnh, sạch sẽ cho người lao động



Môi trường lao động an toàn

TNG xây dựng các chính sách về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp

TNG đầu tư các trang thiết bị máy móc an toàn, hiện đại để đảm bảo sức khỏe cho người lao động

TNG tiến hành đánh giá môi trường lao động định kỳ, đảm bảo một môi trường lao động sạch



Đồng hành cùng sự phát triển cộng đồng

TNG đồng hành phát triển kinh tế với địa bàn địa phương

TNG có các chương trình từ thiện, nhân văn với gia đình, cá nhân có điều kiện khó khăn

TNG cam kết về bảo vệ môi trường địa phương trong quá trình sản xuất

TNG tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội trên địa bàn nhằm phát triển đời sống tinh thần của địa phương



Công khai minh bạch

TNG thực hiện công bố thông tin trên nhiều phương tiện, thông tin rõ ràng, công khai minh bạch

TNG thực hiện chính sách chống nhận hối lộ trong quá trình sản xuất kinh doanh

TNG xây dựng niềm tin với khách hàng và nhà đầu tư thông qua phương diện công khai, minh bạch



Các RỦI RO



Rủi ro tăng trưởng kinh tế

Thực trạng

Việc tình hình chính trị thế giới có nhiều bất ổn. TNG nhận định có 3 rủi ro lớn mà công ty xuất khẩu như TNG phải đối mặt, trong đó, tình trạng bội chi ngân sách đang tăng nhanh cũng là rủi ro lớn nhất. Cùng với đó, nguy cơ lạm phát trở lại và thị trường ngoại hối đối diện với sự bất ổn, gây sức ép lên tỷ giá trong nước. Hai thị trường lớn của Công ty là Mỹ và EU trải qua hai kịch bản kinh tế âm ảm. Trong khi Mỹ cho thấy dấu hiệu sự phục hồi kinh tế nhưng thị trường vẫn còn khá yếu thì EU lại đang phải đối mặt với tình hình kinh tế cận kề suy thoái với việc Anh đã ra khỏi EU. Điều này ít nhiều cũng sẽ ảnh hưởng tới tình hình xuất nhập khẩu của TNG.

Hành động

Mở rộng thị trường tại các thị trường đang phát triển như Thị trường Nội địa, thị trường Đông Nam Á, thị trường Hàn Quốc, Nhật bản...

Rủi ro lạm phát

Thực trạng

Sự biến động của chính trị trên thế giới cũng dẫn tới lạm phát gây ảnh hưởng không nhỏ đến tỷ giá, giá cả nguyên vật liệu, nhân công, các chi phí đầu vào. Việc lạm phát biến động tăng có thể gây khó khăn cho Công ty trong chiến lược kinh doanh.

Hành động

TNG luôn chủ động trong kế hoạch mua nguyên vật liệu và có chính sách bán hàng phù hợp cho khách hàng.

Rủi ro về cạnh tranh

Thực trạng

Trong thời gian gần đây, ngành may mặc luôn chịu áp lực cạnh tranh cả trong và ngoài nước. TNG ngoài phải chịu sự cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước như: TCM, NPS, GMC và còn chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các đối thủ từ Trung Quốc, Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a,....

Hành động

Muốn cạnh tranh được trong thị trường khắc nghiệt như hiện nay, TNG sẽ tiến hành đa dạng hóa sản phẩm, giảm giá thành để có giá cạnh tranh nhất trên thị trường. Ngoài ra cũng không ngừng đầu tư máy móc thiết bị để nâng cao sản xuất và chất lượng sản phẩm

Rủi ro về nguồn nhân lực

Thực trạng

Nguồn nhân lực là một trong những nguồn đầu vào quan trọng đối với tất cả doanh nghiệp hiện nay. Trên địa bàn tỉnh Thái nguyên, hiện tại có rất nhiều doanh nghiệp lớn cạnh tranh nguồn lực lao động với TNG như Samsung, Gonic, Gang Thập Thái nguyên...

Hành động

Nâng cao thu nhập cho người lao động. Cải thiện các chính sách phúc lợi nhằm thu hút người lao động về với TNG. Thực hiện các hoạt động tuyển dụng hiệu quả như: Các hoạt động tuyển dụng tại phường xã, trường đại học...móc thiết bị để nâng cao sản xuất và chất lượng sản phẩm

Rủi ro về môi trường

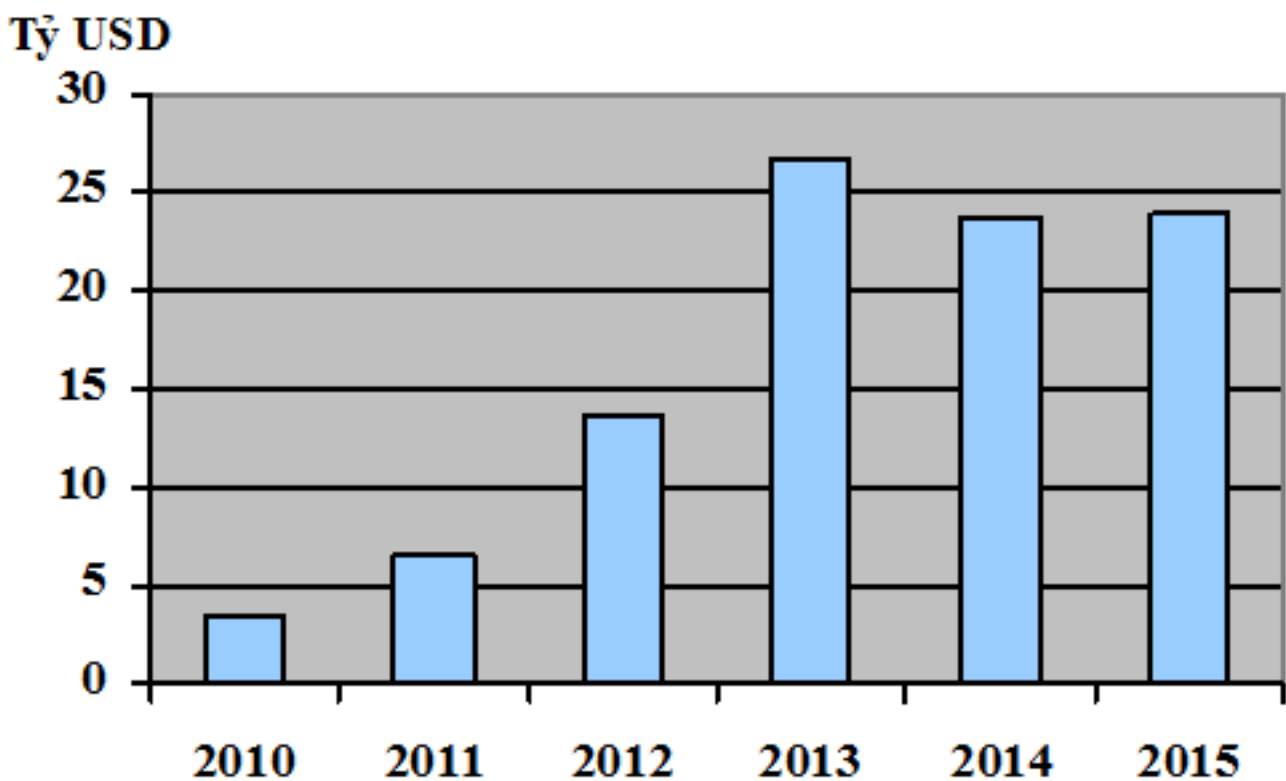
Thực trạng

- Chất thải rắn chưa được phân loại theo yêu cầu.
- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu khiến nhiều thiên tai, bão lũ hơn gây ảnh hưởng tới sản xuất
- CBCNV chưa có ý thức sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên nước.
- Các chất thải rắn, nước chưa được xử lý đúng cách

Hành động

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại tất cả các chi nhánh
- Thực hiện đo kiểm môi trường theo định kỳ
- TNG tuân thủ luật pháp về bảo vệ tài nguyên môi trường.
- Thực hiện các biện pháp trồng cây gây rừng, hạn chế chất thải nhà kính nhằm giảm thiểu áp lực cho môi trường

Tình hình HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2016



Năm 2016 là năm đánh dấu sự phát triển vượt bậc của TNG về cả quy mô lẫn thương hiệu. Một mặt, Công ty tiếp tục thực hiện hóa mục tiêu đã đề ra về mức tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận. Một mặt tích cực quảng bá thương hiệu TNG nhằm đẩy mạnh tiêu thụ của thị trường nội địa.

Trong năm 2016, TNG đã tiến hành sáp nhập Công ty cổ phần Thời Trang TNG, xây dựng như một chi nhánh sản xuất hàng hóa nội địa. Đây là một dấu hiệu cho thấy quyết tâm của TNG trong việc mở rộng thị trường nội địa

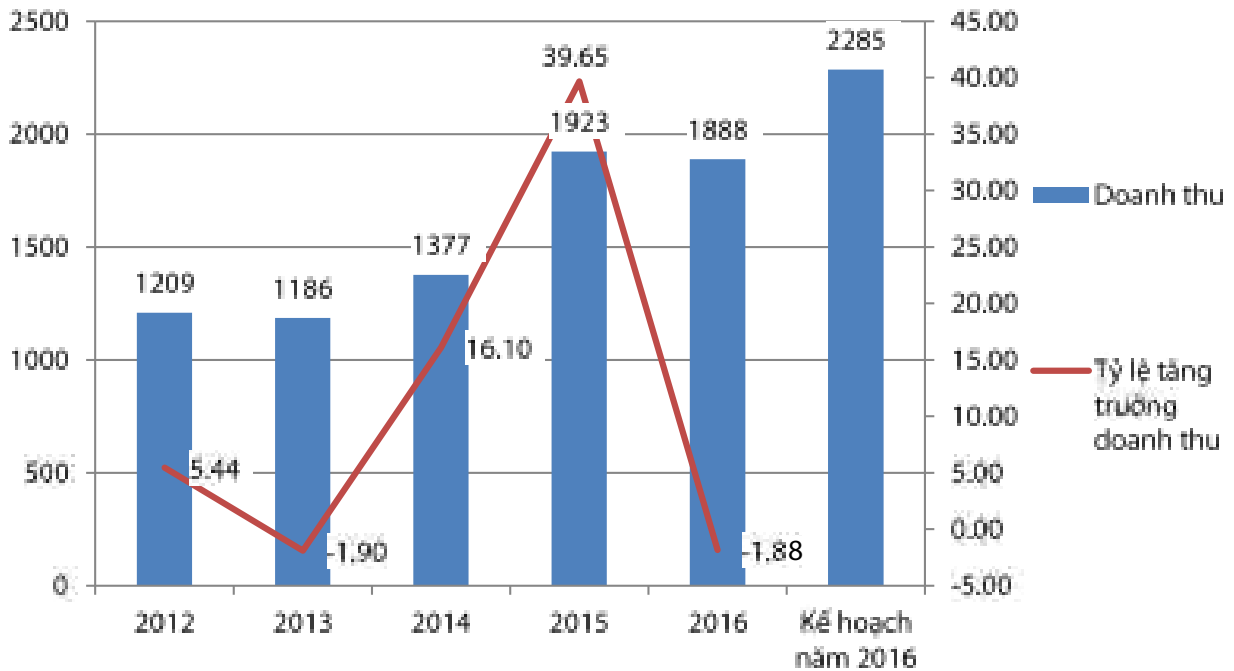
Nhờ việc tập trung quản trị sản xuất kinh doanh các lĩnh vực cốt lõi May mặc, kết quả kinh doanh năm 2016 của TNG đã đạt được nhiều kết quả tốt, tất cả các mục tiêu kinh doanh đều tăng trưởng mạnh và vượt kế hoạch đặt ra. Cụ thể:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2015(đồng)</i>	<i>Thực hiện 2016 (Đồng)</i>	<i>Tăng/ giảm(%)</i>
Doanh thu thuần	1.923.940.013.849	1.887.748.876.802	-1,88%
Giá vốn hàng bán	1.574.938.521.234	1.554.545.859.262	-1,29%
Lợi nhuận gộp	349.001.492.615	330.203.017.540	-4,53%
Doanh thu tài chính	18.332.478.234	15.624.286.111	-14,77%
Chi phí tài chính	97.899.770.796	88.185.793.211	-9,92%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	56.842.066.988	67.121.178.523	18,08%
Chi phí bán hàng	36.668.267.417	28.942.215.544	-21,07%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	146.518.877.448	140.126.838.350	-4,36%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	86.247.125.188	91.572.456.546	6,17%
Thu nhập khác	1.791.514.454	5.958.322.231	232,59%
Chi phí khác	7.886.828	2.731.506.032	34533,77%
Lợi nhuận khác	1.783.627.626	3.226.816.199	80,91%
Lợi nhuận trước thuế	88.030.752.814	94.799.272.745	7,69%
Lợi nhuận sau thuế	71.300.379.040	81.179.114.445	13,86%

Doanh thu tiêu thụ (Tỷ đồng)

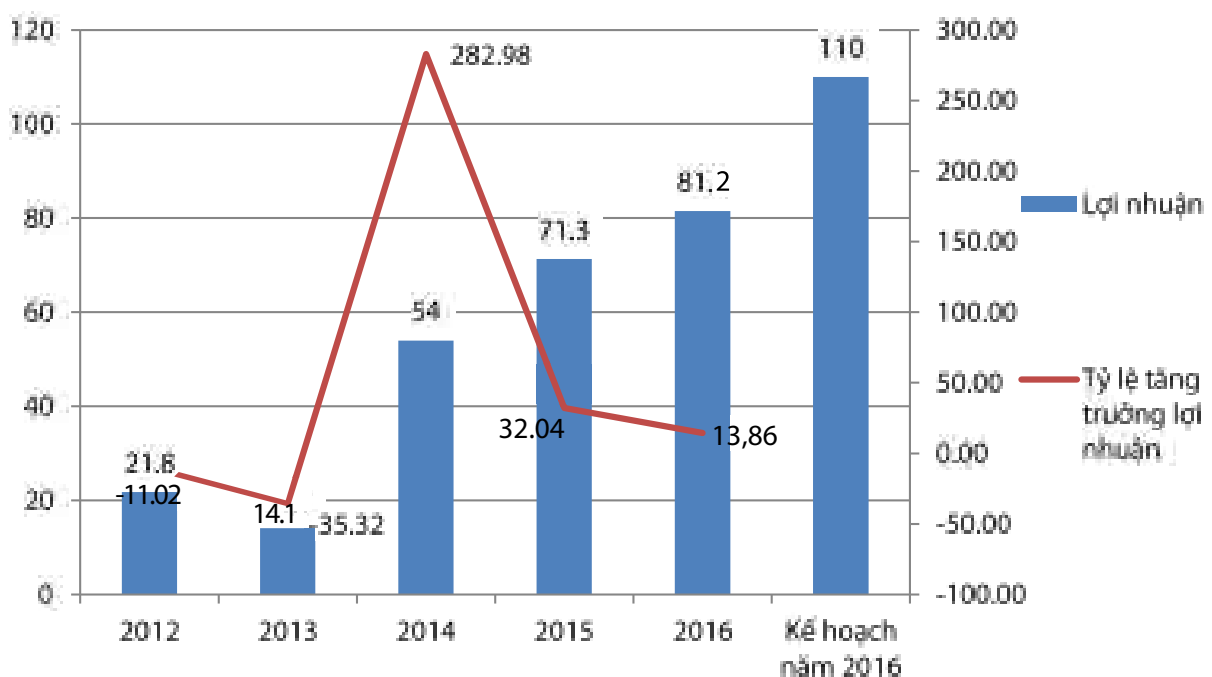
Năm 2016 doanh thu tiêu thụ đạt 1.888 tỷ đồng, giảm 1,88% so với năm 2015. Doanh thu 2016 giảm là do thị trường dệt may gặp nhiều khó khăn.



Biểu đồ thể hiện việc thực hiện doanh thu qua các năm

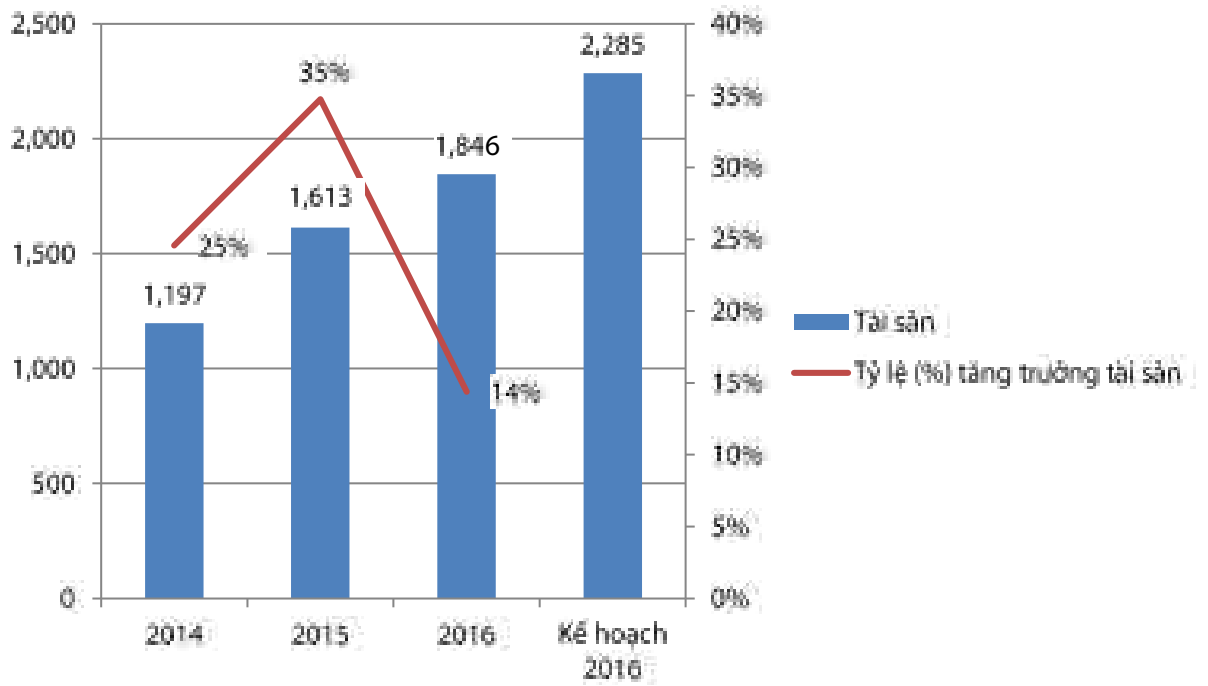
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)

Lợi nhuận sau thuế đạt 81,2 tỷ đồng trong năm 2016, tăng 13,86% so với năm 2015



Tình hình tài sản (Tỷ đồng)

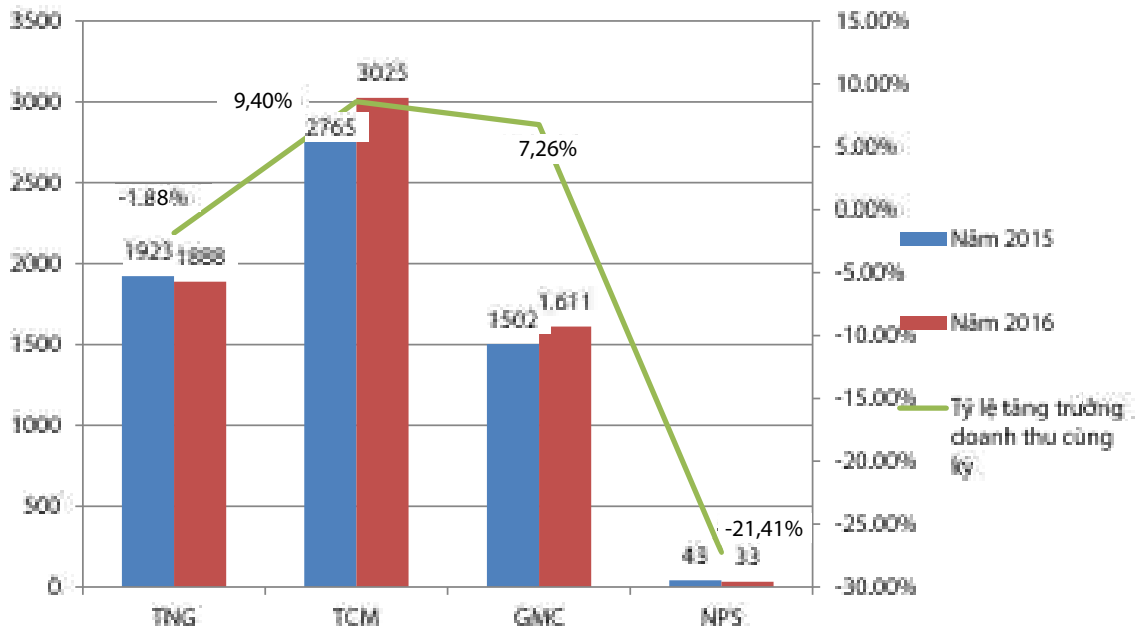
Tài sản của TNG năm 2016 tăng 14% so với năm 2015



I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CHUNG CỦA CÁC CÔNG TY DỆT MAY QUÝ II NĂM 2016

1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Số liệu tham khảo các đơn vị cùng ngành)

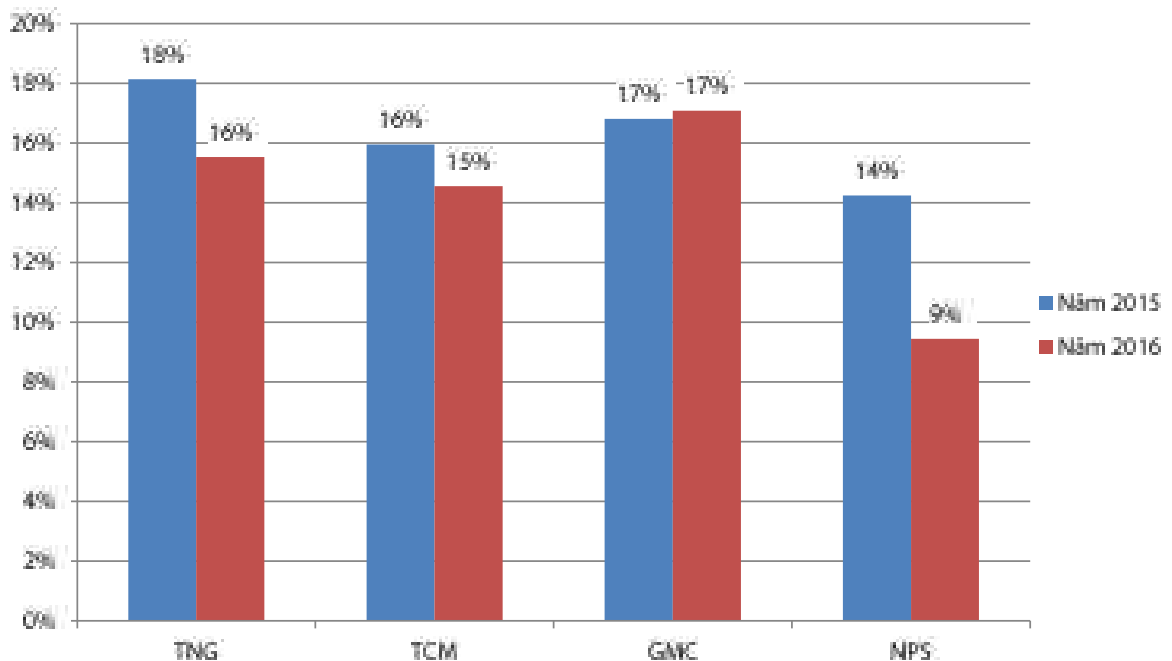
Doanh thu thuần (Tỷ đồng)



Trong các doanh nghiệp, TCM là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất với doanh thu năm 2016 là 3.025 tỷ đồng, tăng 9,40% so với cùng kỳ

TCM cũng đạt mức tăng trưởng tốt nhất về doanh thu cao nhất trong 4 công ty đánh giá

TNG, NPS là doanh nghiệp có tỷ lệ tăng trưởng doanh thu năm 2016 so với cùng kỳ âm. Cụ thể, TNG: -1,88% và NPS: -21,41%. Tuy về quy mô doanh thu TNG vẫn đứng thứ 2 trong các công ty đánh giá song tỷ lệ doanh thu lại giảm nhẹ.



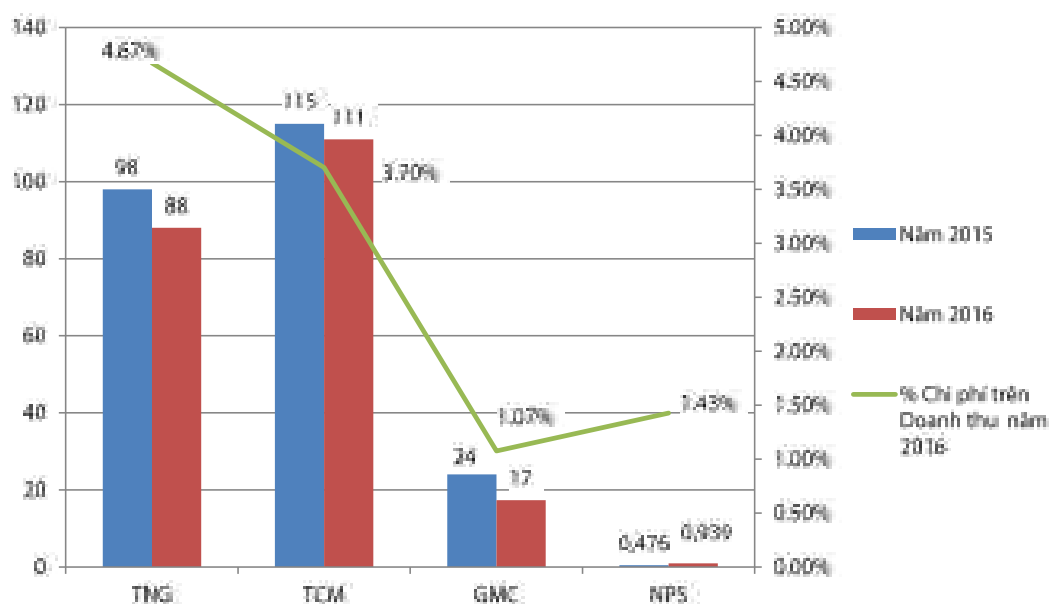
Biên lợi nhuận là chỉ số giữa lợi nhuận gộp trên doanh thu

GMC là doanh nghiệp có biên lợi nhuận gộp cao nhất, biên lợi nhuận gộp được cải thiện và đạt 17,08% trong năm 2016

TNG, NPS, TCM là công ty có biên lợi nhuận giảm trong năm 2016. Cụ thể

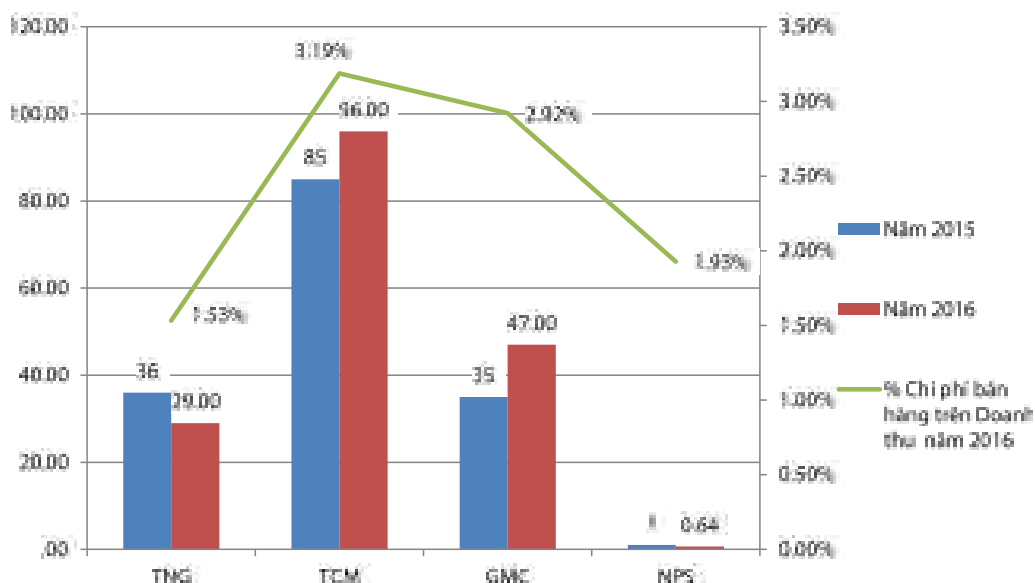
Biên lợi nhuận của TNG bị sụt giảm so với năm 2016, khi giảm từ 18% xuống 16%

Chi phí tài chính (Tỷ đồng)

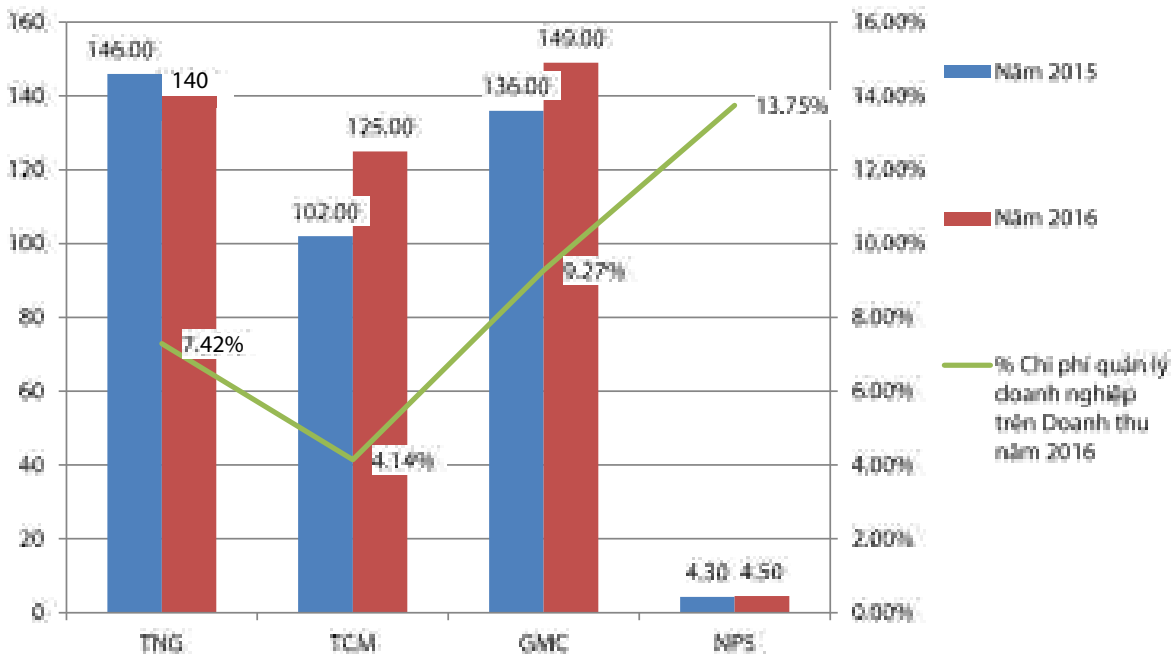


Chi phí tài chính năm 2016 của tất cả các doanh nghiệp dệt may đều giảm so với năm ngoái. Cụ thể:
 Chi phí tài chính của TNG giảm từ 98 tỷ đồng xuống 88 tỷ đồng
 Chi phí tài chính của TCM giảm từ 115 tỷ đồng xuống 111 tỷ đồng
 Chi phí tài chính của GMC giảm từ 24 tỷ đồng xuống 17 tỷ đồng
 Chi phí tài chính của NPS giảm từ 0,476 tỷ đồng xuống 0,939 tỷ đồng
 TCM là doanh nghiệp có tỷ trọng chi phí tài chính trên doanh thu thuần cao nhất do công ty sử dụng đòn bẩy tài chính cao. Năm 2016, chi phí tài chính TNG là 88 tỷ đồng, tỷ lệ chi phí tài chính trên doanh thu là 4,67%.

Chi phí bán hàng (Tỷ đồng)

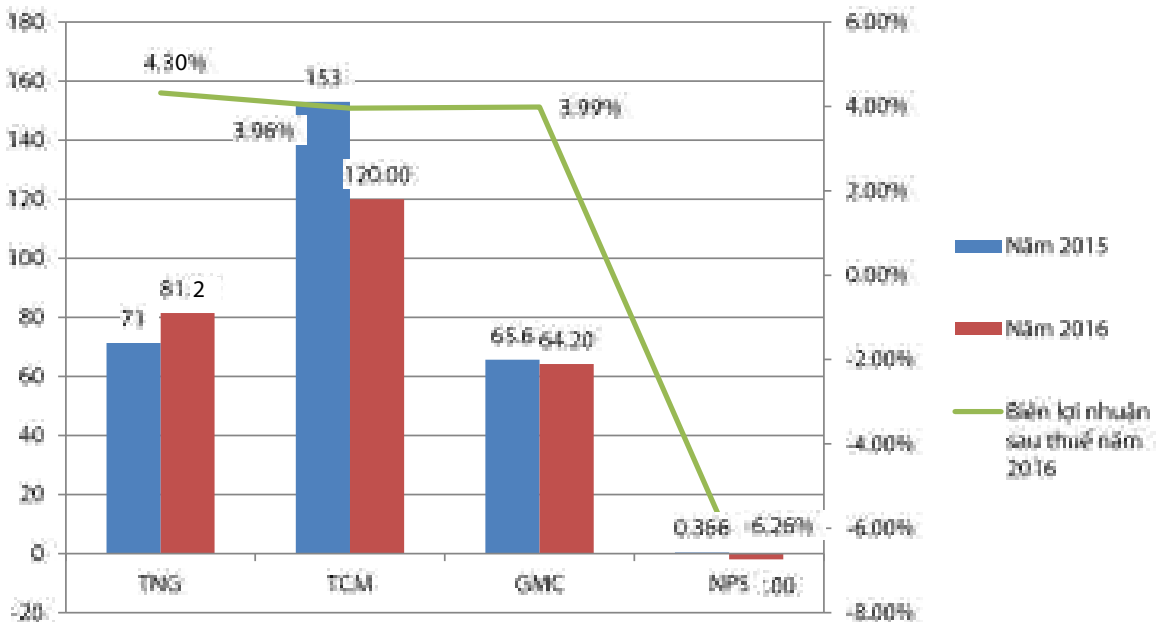


Chi phí quản lý doanh nghiệp (Tỷ đồng)



NPS là doanh nghiệp có chi phí quản lý doanh nghiệp cao nhất.
 NPS là doanh nghiệp có tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu lớn nhất với 13,75%
 TCM là doanh nghiệp có tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thấp nhất với 4,14%

Lợi nhuận sau thuế (Tỷ đồng)



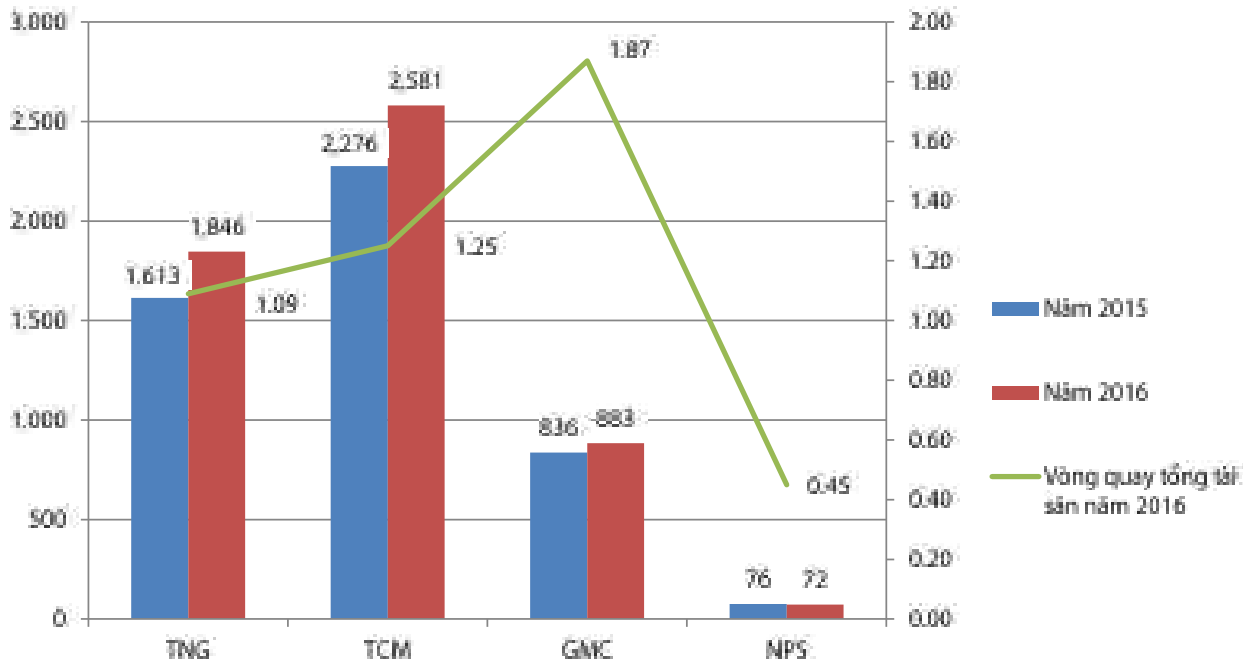
GMC là doanh nghiệp lợi nhuận sau thuế lớn nhất trong năm năm 2016. Lợi nhuận sau thuế của GMC đạt được là 64,2 tỷ đồng và biên lợi nhuận thuần là 3,99%

TCM giảm tiêu chí này, Năm 2015 lợi nhuận sau thuế của TCM đạt 153 tỷ đồng đến năm 2016 chỉ đạt 120 tỷ đồng.

Tong năm 2015, lợi nhuận sau thuế của TNG đạt 71,3 tỷ đồng, sang năm 2016, lợi nhuận sau thuế đã tăng lên 81,2 tỷ đồng, cùng với đó là tỷ lệ biên lợi nhuận sau thuế là 4,30%

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng tài sản (Tỷ đồng)

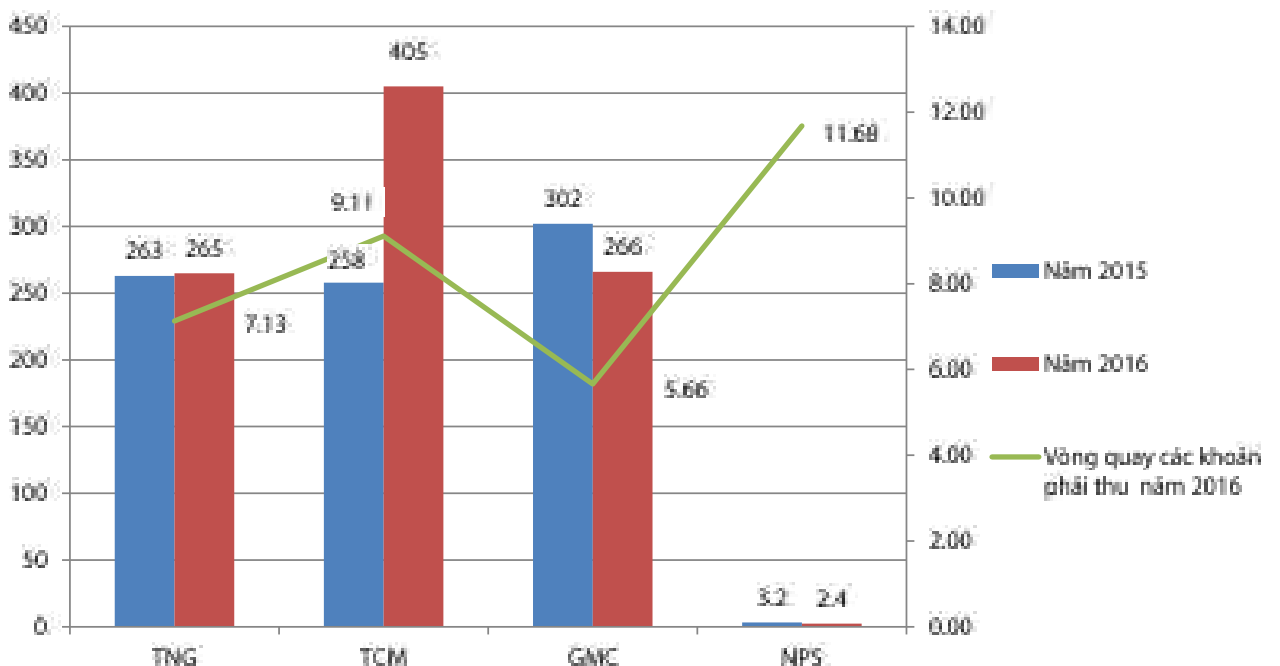


TCM là doanh nghiệp có giá trị tổng tài sản cao nhất. Tại thời điểm 31/12/2016, giá trị tổng tài sản công ty đạt 2.581 tỷ đồng, cao hơn rất nhiều so với doanh nghiệp có giá trị tổng tài sản lớn thứ 2 là TNG với 1.846 tỷ đồng. Vòng quay tài sản đạt 1,25; chỉ thấp hơn GMC

GMC là doanh nghiệp có vòng quay tổng tài sản cao nhất. Năm 2016, vòng quay tổng tài sản công ty đạt 1,87; điều này thể hiện hiệu quả sử dụng tài sản của GMC.

Tổng tài sản của TNG tính đến 31/12/2016 là 1.846 tỷ đồng với vòng quay tổng tài sản là 1,09.

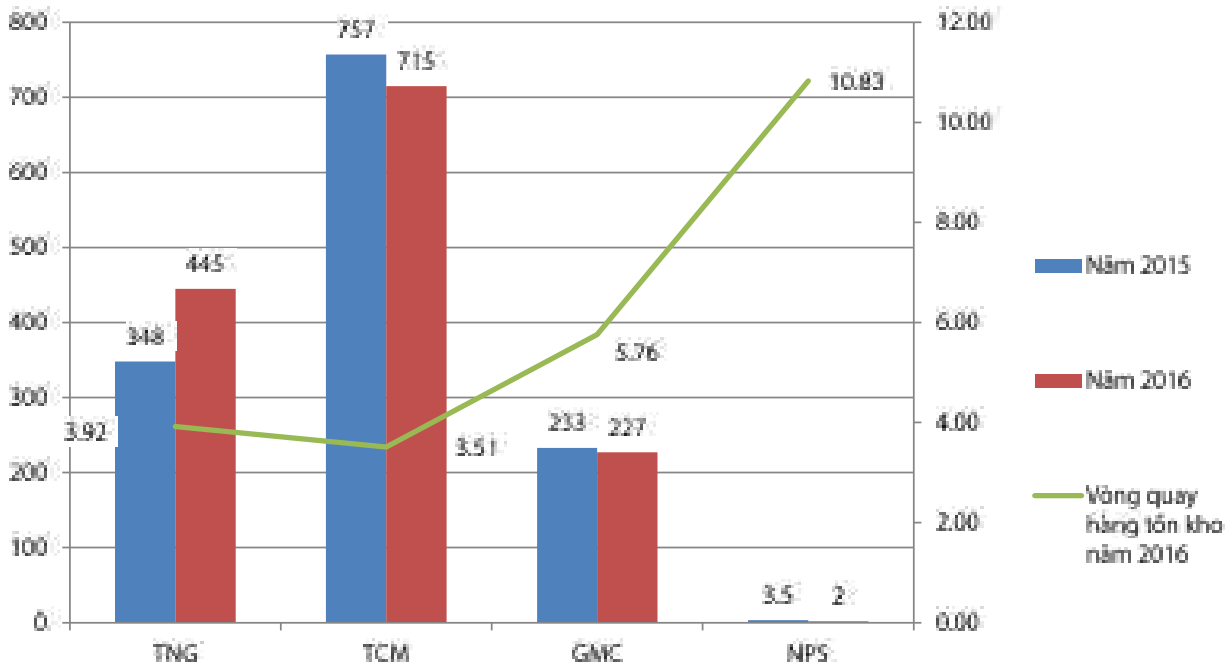
Giá trị khoản phải thu (Tỷ đồng)



TNG là doanh nghiệp có giá trị các khoản phải thu lớn. Trong năm 2016, giá trị các khoản phải thu của TNG là 265 tỷ đồng, tương ứng với Số vòng quay nợ phải thu là 7,13 vòng

NPS là doanh nghiệp có vòng quay nợ phải thu cao nhất với 11,68 vòng

Giá trị hàng tồn kho (Tỷ đồng)

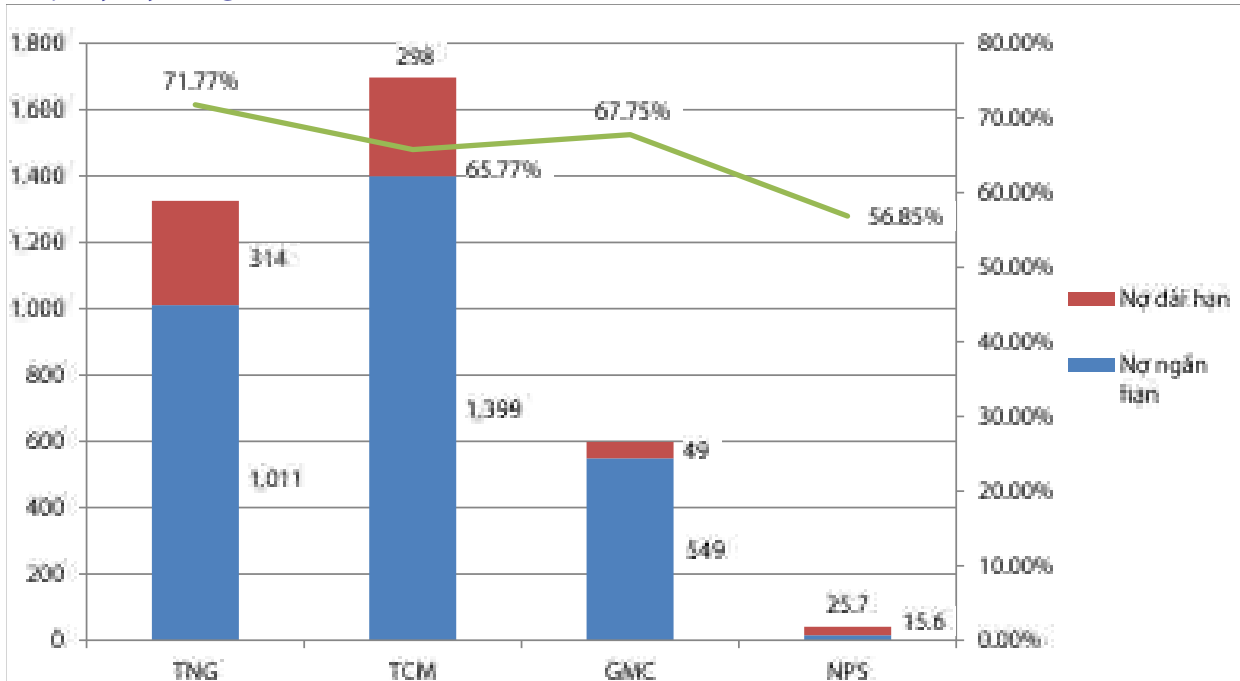


TCM là doanh nghiệp có giá trị hàng tồn kho năm 2016 lớn nhất tương ứng với quy mô công ty với 757 tỷ đồng

NPS là doanh nghiệp có vòng quay hàng tồn kho năm 2016 cao nhất với 10,83 vòng

TNG có lượng hàng tồn kho năm 2016 là 445 tỷ đồng, và vòng quay hàng tồn kho là 3,92 vòng

Cơ cấu nợ vay (Tỷ đồng)



TCM là doanh nghiệp có vay nợ cao nhất. Tại thời điểm 31/12/2016, vay nợ ngắn hạn và vay nợ dài hạn lần lượt là 1.399 tỷ đồng và 298 tỷ đồng. Song hệ số nợ của TCM vẫn ở mức tốt, ổn định 65,77%

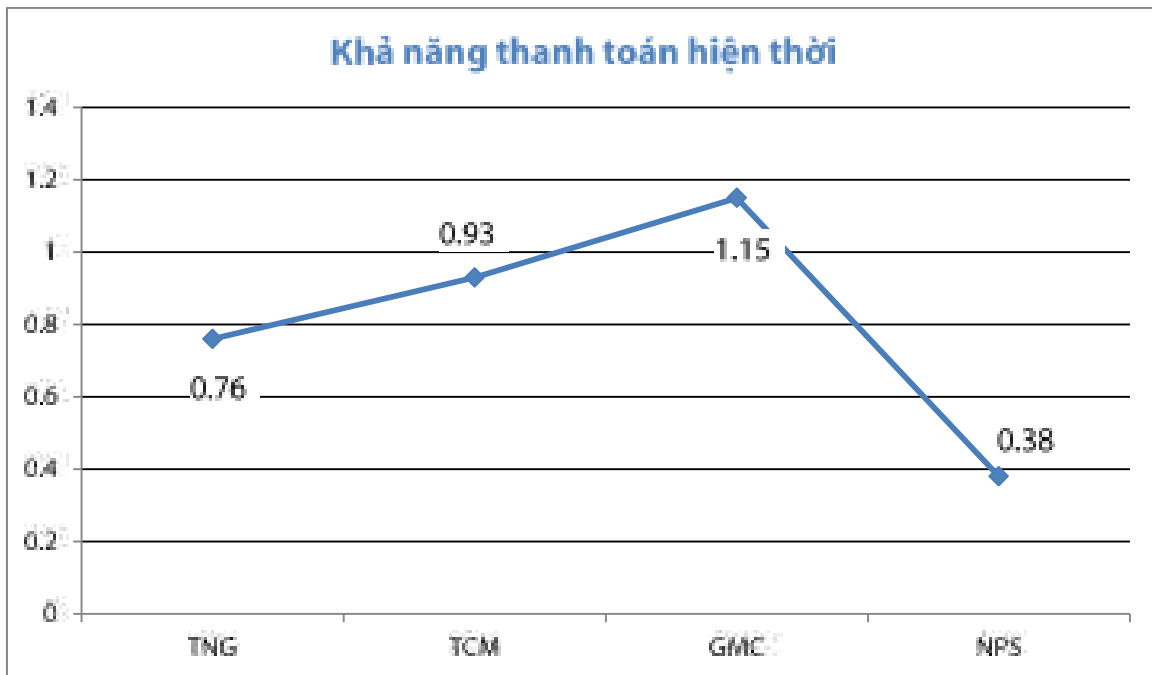
TNG là doanh nghiệp có tỷ trọng tổng nợ trên tổng tài sản cao nhất với 71,77% với nợ ngắn hạn và nợ dài hạn tương ứng lần lượt là 1.011 tỷ đồng và 314 tỷ đồng.

Do dùng đòn bẩy tài chính cao nên chi phí tài chính của TNG cũng ở mức cao so với các doanh nghiệp cùng ngành và ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của công ty

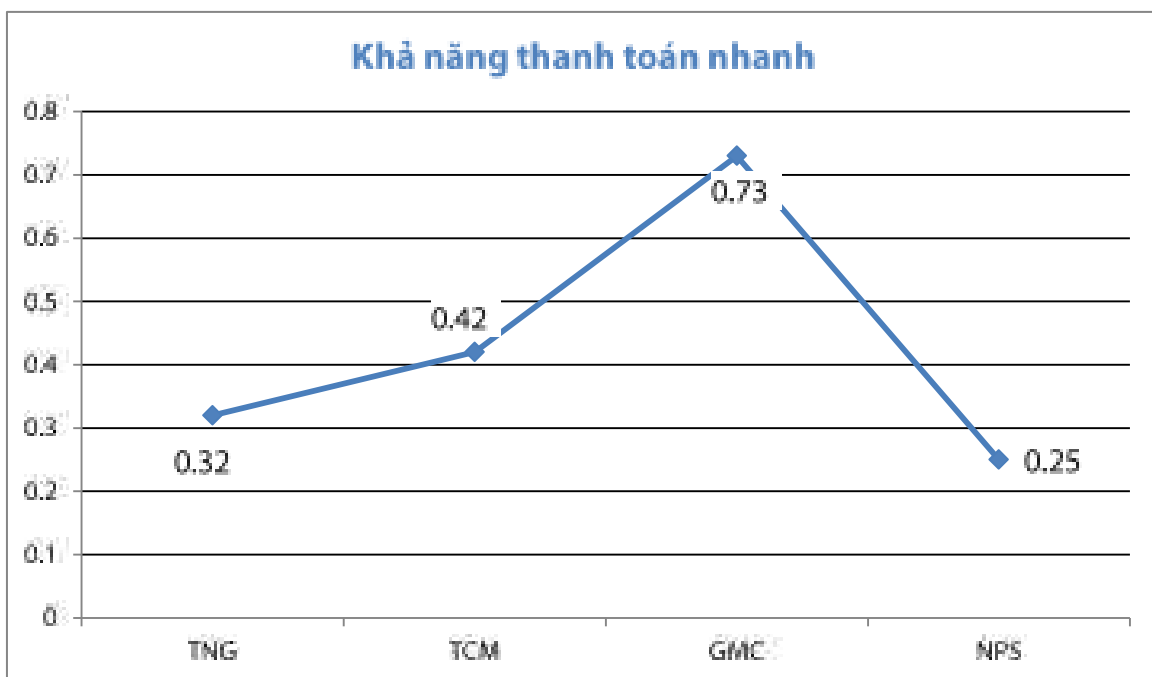
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH VỚI CÁC CÔNG TY DỆT MAY (Số liệu tham khảo các đơn vị cùng ngành)

Chỉ số	TNG	TCM	GMC	NPS
Hệ số khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện thời	0,76	0,93	1,15	0,38
Khả năng thanh toán nhanh	0,32	0,42	0,73	0,25
Khả năng thanh toán tức thời	0,01	0,05	0,19	0,09
Khả năng thanh toán lãi vay	2,41	7,36	8,77	-3,00
Hệ số cơ cấu tài sản				
Hệ số nợ	71,77%	65,77%	67,75%	56,85%
Hệ số tự tài trợ	28,23%	34,23%	32,25%	43,15%
Hệ số nợ vay / VCSH	254,29%	192,16%	210,08%	131,76%
Hệ số đánh giá hiệu quả sử dụng vốn				
Số vòng quay HTK	3,92	3,51	5,79	10,83
Số ngày một vòng quay HTK	93,18	102,59	62,14	33,24
Số vòng quay nợ phải thu	7,13	9,11	5,66	11,68
Kỳ thu tiền trung bình	51,17	39,54	63,56	30,83
Vòng quay phải trả	9,88	11,33	14,41	44,55
Số ngày phải trả	36,94	31,77	24,98	8,08
Vòng quay toàn bộ vốn	1,09	1,25	1,87	0,45
Hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất LNST/VKD (ROA)	4,69%	4,93%	7,47%	-2,81%
Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	17,09%	13,76%	23,57%	-6,44%
Hệ số cơ cấu chi phí				
GVHB/ DTT	82,35%	85,44%	82,92%	90,56%
Chi phí bán hàng / DTT	1,53%	3,19%	2,92%	1,93%
Chi phí quản lý doanh nghiệp / DTT	7,42%	4,15%	9,26%	13,75%
Chi phí lãi vay / DTT	3,56%	0,72%	0,60%	1,56%

1. Nhóm khả năng thanh toán.

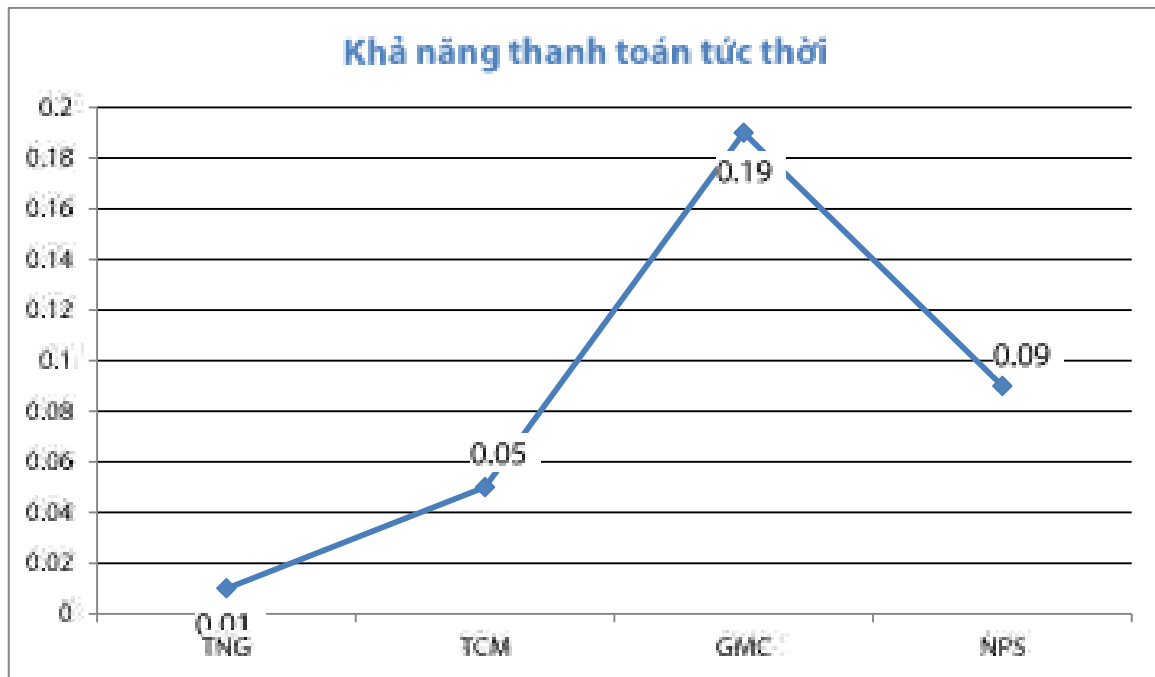


Khả năng thanh toán hiện thời của TNG năm 2016 là 0,76. Chỉ số này của GMC là 1,15 >1. Cho thấy khả năng thanh toán hiện thời là GMC là tốt.

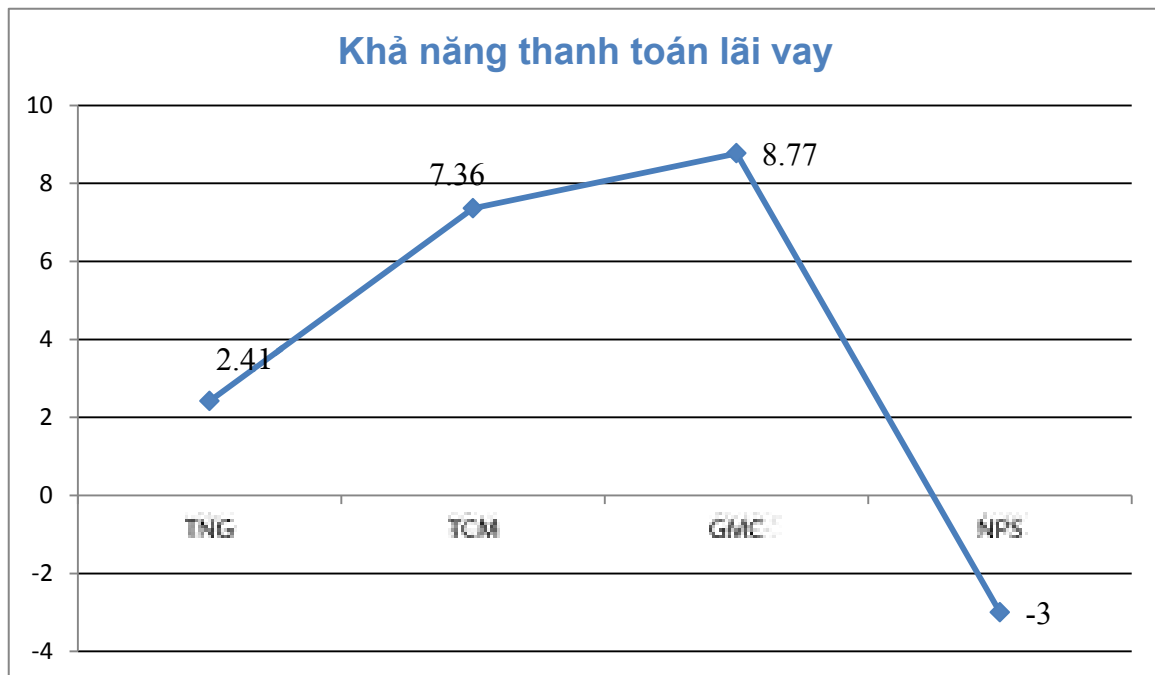


Chỉ số này của GMC là tốt nhất với 0,73. Chỉ số này của TNG không thực sự tốt khi chỉ đạt mức 0,32.

1. Nhóm khả năng thanh toán.

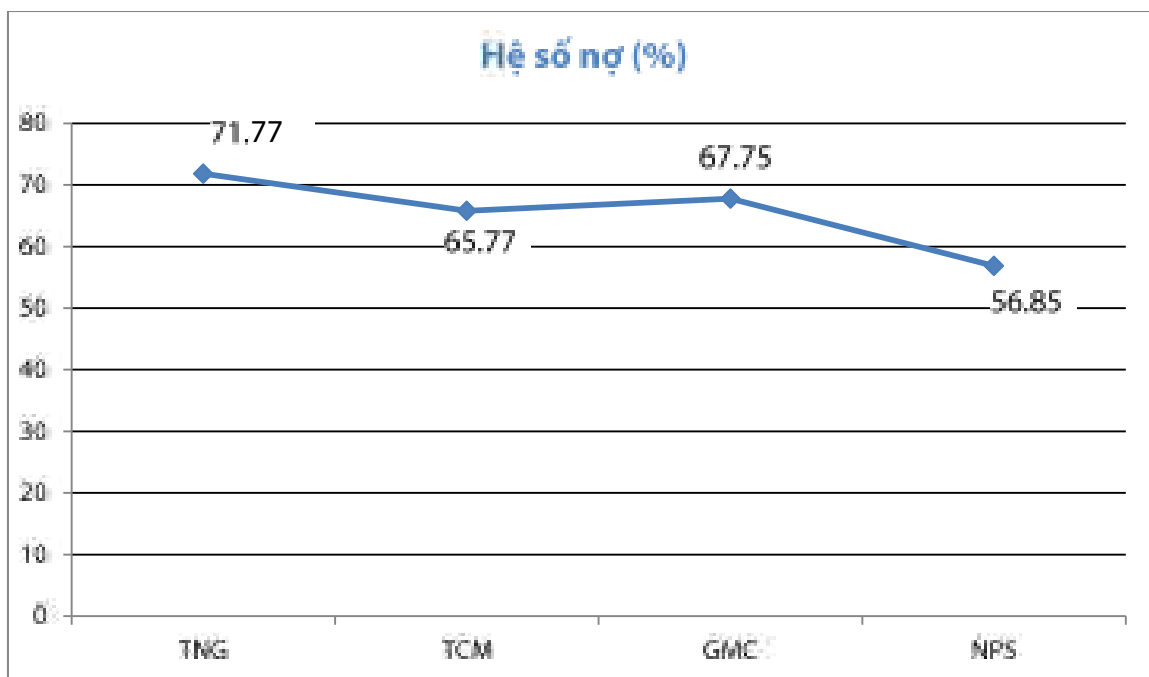


Chỉ số thành toán tức thời của 4 công ty đều thấp. Chỉ số này của TNG là thấp nhất với 0,01. Nếu xét về khả năng thanh toán tức thời thì GMC là tốt nhất với 0,19 lần. TNG vẫn chưa thực sự có khả năng thanh toán tốt.

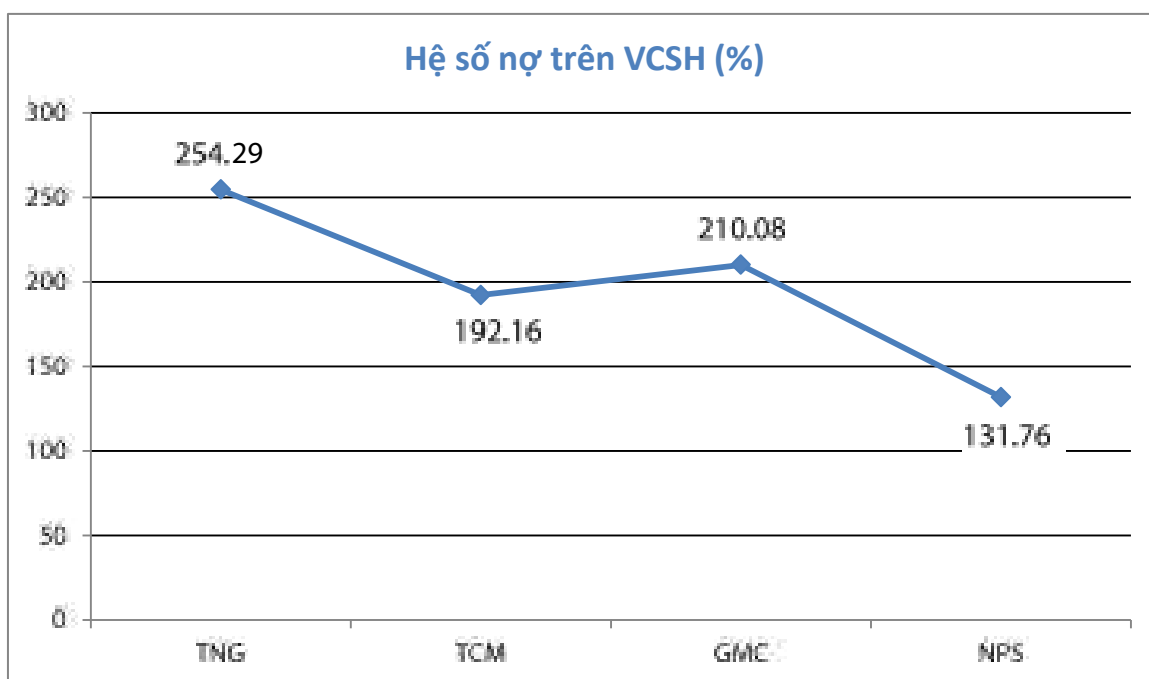


Chỉ số này của TNG trong năm 2016 là 2,41. Chỉ số này của TNG thấp và cách khá xa so với GMC (8,77).
Nhận xét: Xét về khả năng thanh toán, GMC là công ty có khả năng thanh toán tốt nhất.

2. Nhóm cơ cấu tài sản

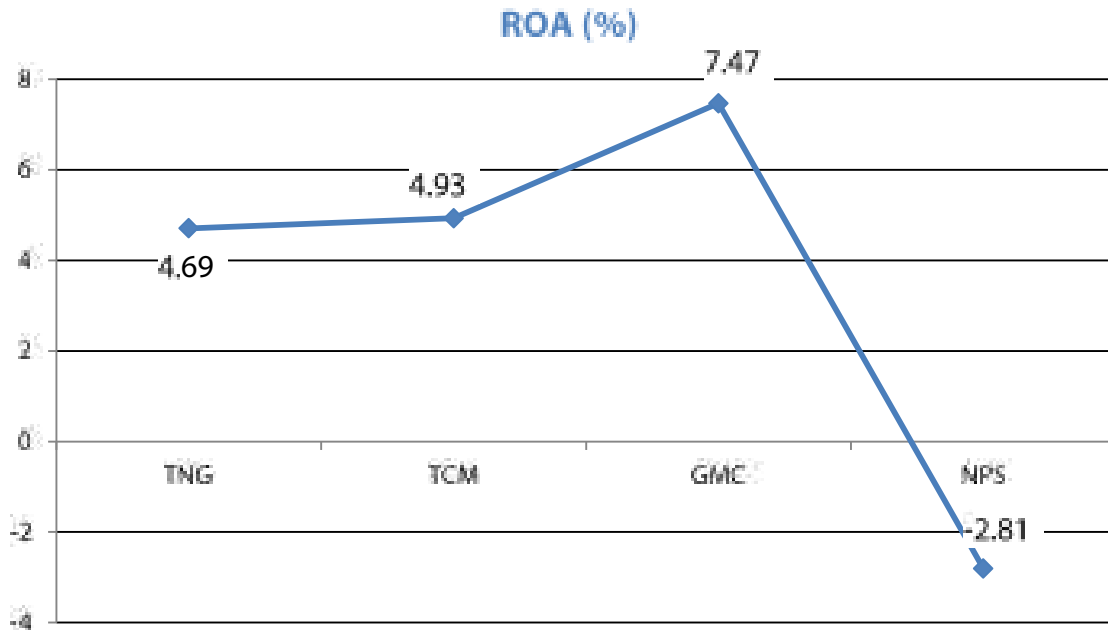


Hệ số nợ của TNG năm 2016 là 71,77%, cao nhất trong bốn công ty đánh giá. 3 công ty còn lại đều có hệ số nợ khá lý tưởng. TCM với 65,77%, GMC với 67,75 %, và NPS có hệ số nợ thấp nhất 56,85%. Điều này cũng có thể giải thích bằng việc TNG đang sử dụng đòn bẩy tài chính bằng cách sử dụng vốn vay, nhưng TNG vẫn nên hạ hệ số nợ của mình xuống mức dưới 60% để có thể tự chủ tốt hơn về tài chính



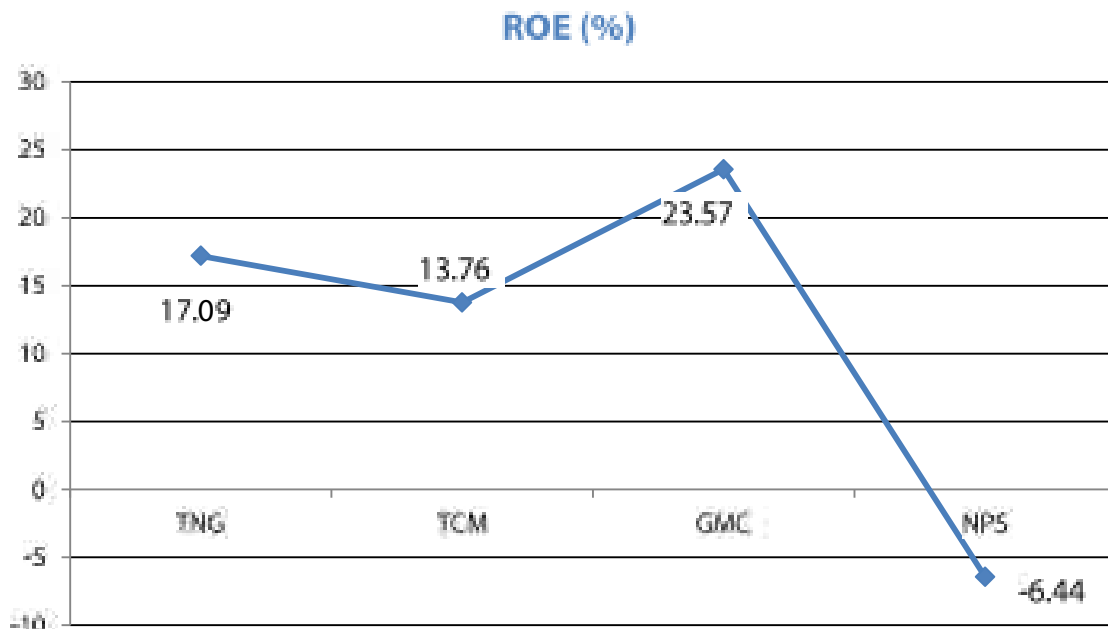
Hệ số này của TNG năm 2016 là 254,29%, cao nhất trong 4 công ty đánh giá

Khả năng sinh lời trên vốn kinh doanh



Tỷ suất sinh lời trên vốn kinh doanh của TNG năm 2016 là 4,69% đã được cải thiện. Chỉ số này của GMC là cao nhất trong 4 công ty đánh giá. Cụ thể, ROA của GMC là 7,47%, TCM là 4,93% và của NPS là -2,81%. Chỉ số này cho thấy trong 100 đồng tài sản thì TNG tạo ra lợi nhuận cao nhất với 4,71 đồng lợi nhuận sau thuế trong năm 2016.

Khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu



Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu của TNG năm 2016 là 17,09% đã được cải thiện rõ rệt so với năm 2015

ROE của GMC là hấp dẫn nhất nhất với 23,57%. Và ROE của TCM là 13,76% và NPS là -6,44%. Chỉ số này cho thấy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu thì TNG tạo ra được 17,09 đồng lợi nhuận sau thuế trong năm 2016

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH CỦA TNG

Tích cực

- Năm 2016, công ty mở rộng quy mô kinh doanh. Lượng vốn đưa vào kinh doanh tăng lên gần 300 tỷ đồng so với đầu năm, trong đó tăng mạnh vào TSDH
- Tỷ suất sinh lời vốn kinh doanh (ROA) và Tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE) đều đã tăng trưởng. Cụ thể ROE tăng từ 16,66 lên 17,19%
- Khả năng thanh toán nhanh, hệ số khả năng thanh toán tức thời, khả năng thanh toán hiện thời và lãi vay đều được cải thiện tích cực, đạo niềm tin cho các đối tác trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn
- Hệ số nợ đang có xu hướng tăng lên khi tăng nhẹ so với quý 1 năm 2016 khi tăng từ 77% lên 71,77%

Cần cải thiện

- Bên cạnh những điểm tích cực chỉ ra ở trên, trong năm vẫn còn một số tồn tại mà công ty cần xem xét để đưa ra những điều chỉnh hợp lý hơn trong thời gian tới.
- Doanh thu năm 2016 của TNG giảm so với cùng kỳ năm ngoái tương ứng với mức giảm 1,88%.
- Hệ số khả năng thanh toán hiện thời, hệ số khả năng thanh toán nhanh và hệ số khả năng thanh toán tức, hệ số khả năng thanh toán lãi quá ở mức thấp, vì vậy công ty cần có biện pháp đẩy nhanh thu hồi nợ phải thu, giải phóng HTK, tăng cường khả năng thanh toán.

KẾT LUẬN

Trong năm 2016, TNG vẫn có được sự tăng trưởng đều và ổn định, Các tỷ số ROE và ROA đều tăng cho thấy các nhà đầu tư nên đầu tư vào TNG trong tương lai

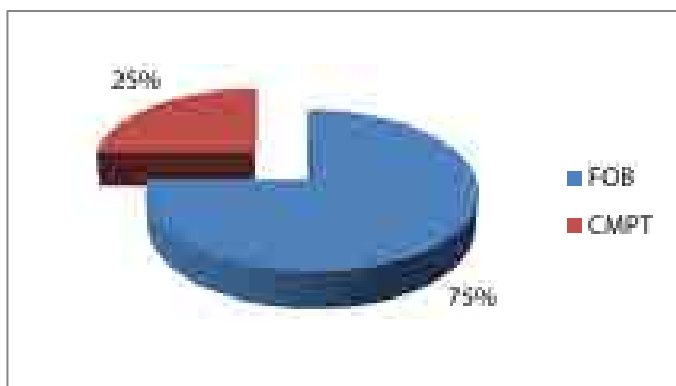
Tuy các chỉ số khả năng thanh toán thực sự không tốt, song đây không phải do vấn đề tài chính của TNG, đây là việc sử dụng đòn bẩy tài chính, và nếu sử dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính, TNG sẽ tăng trưởng rất nhanh

TNG vẫn là một doanh nghiệp có vị thế trong ngành dệt may Việt Nam, so với các doanh nghiệp hàng đầu về lĩnh vực này, TNG không hề thua kém mà vẫn có các chỉ số vượt trội.

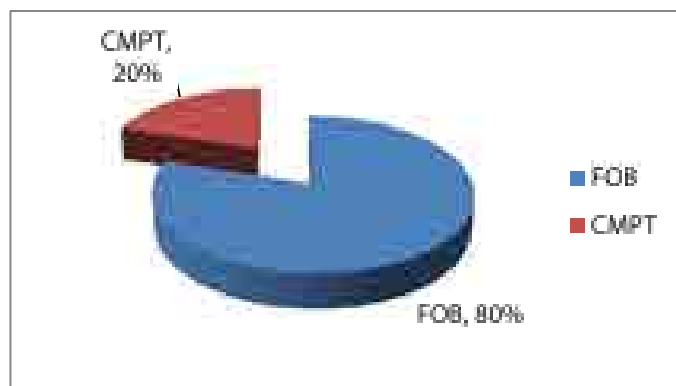
Trong năm 2017, TNG đã đề ra những kế hoạch chi tiết cho sự phát triển, Toàn bộ cán bộ công nhân viên và ban lãnh đạo TNG sẽ hoàn thành tốt những định hướng đề ra để cho TNG ngày càng phát triển.

2. NHỮNG THAY ĐỔI, BIẾN ĐỘNG TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

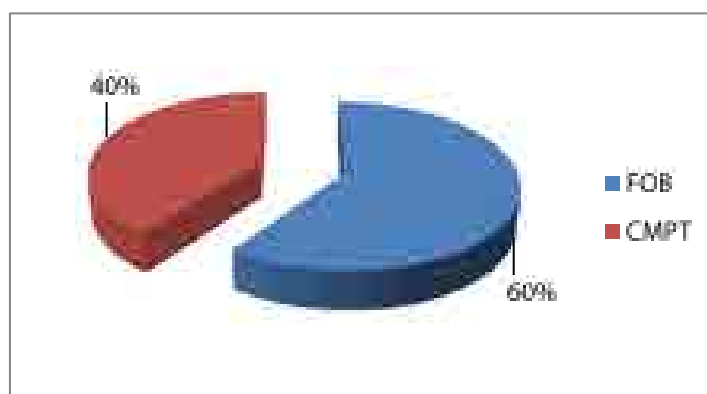
2.1. Thay đổi tỷ lệ đơn hàng từ FOB/ CMPT



Năm 2014



Năm 2015



Năm 2016

2.2 Nguồn cung cấp

Tỷ trọng (%) các loại nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu tại địa phương (Trong tỉnh)	Nguyên liệu trong nước (Từ địa phương khác)	Nguyên liệu nhập khẩu
1%	30%	69%

Công ty thường mua nguyên vật liệu từ nhiều nguồn khác nhau, cả trong nước và nước ngoài. Song tỷ trọng nguyên vật liệu dệt may từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Hồng Kông, Đài Loan luôn chiếm phần lớn do chất lượng đáp ứng được yêu cầu, chủng loại phong phú và giá cả cạnh tranh. Ngoài ra, Công ty còn nhập nguyên liệu phụ liệu từ những nước khác như Pa-kix-tan, Ma-lay-xi-a,..



Danh sách các nhà cung cấp nguyên liệu trong nước

STT	Đối tác	Hàng hóa
1	Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Bao Bì Hà Nội	Giấy các loại
2	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Đồng Tiến Thịnh	Giấy các loại
3	Công ty cổ phần năng lượng An Phú	Than
4	Công ty TNHH Thủy Việt	Giấy các loại
5	Công ty CP Cơ điện và phát triển Hà Nội	Băng dính, Logo
6

2.3 Thị trường

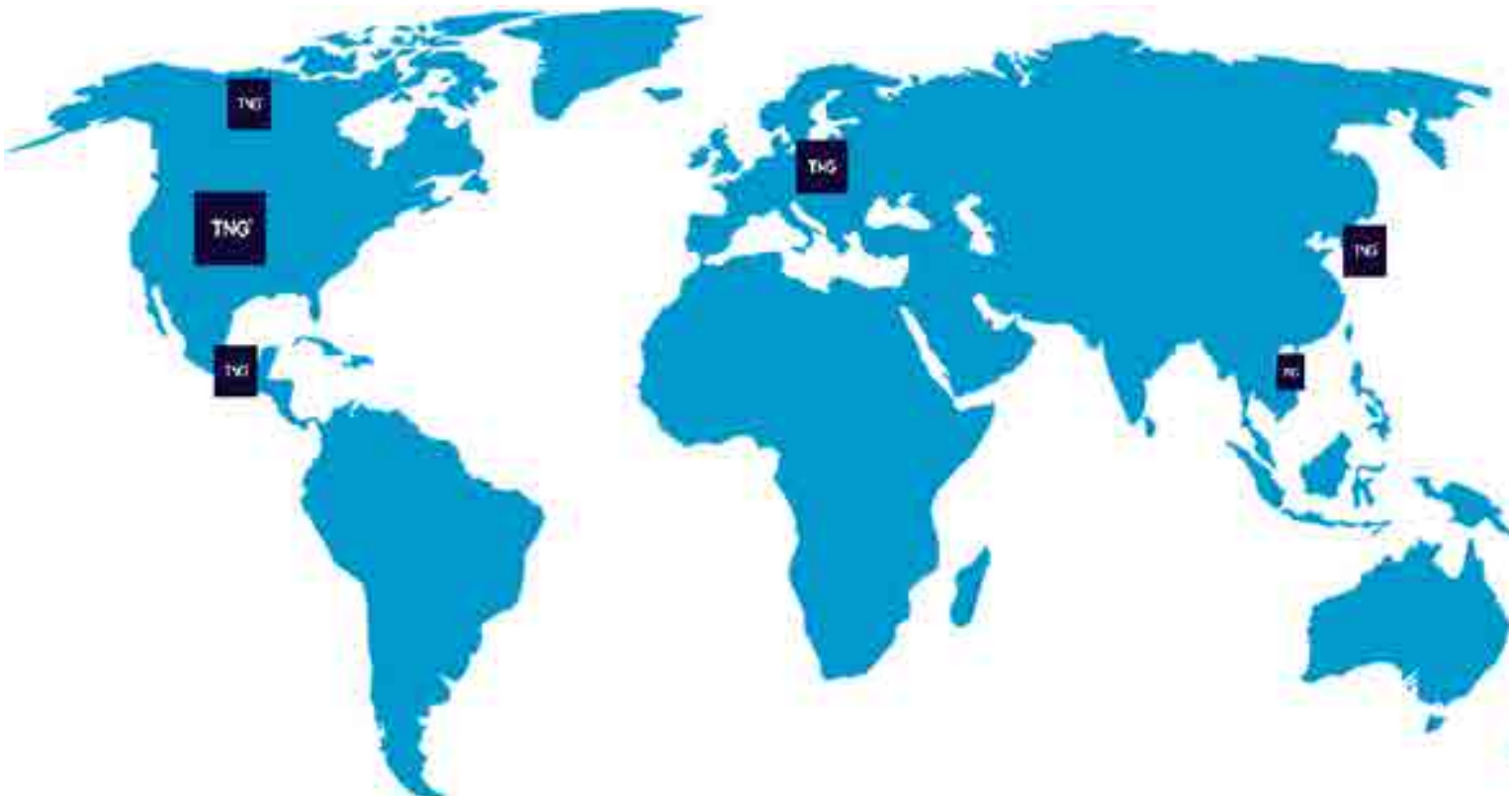
- Mạng lưới khách hàng: Sản phẩm của TNG hiện diện khắp các tỉnh/ thành phố trong cả nước và xuất hiện trên toàn thế giới. Thị trường xuất khẩu của TNG gồm các quốc gia: Mỹ, Hồng Kong, Canada, Mexico, EU ...

- Mạng lưới cửa hàng: TNG hiện có 46 cửa hàng trên hơn 20 tỉnh thành ở Việt Nam. Trong năm 2016, đã tiến hành mở rộng thêm 10 điểm bán lẻ trong toàn quốc. Và trong năm 2017 sẽ là 20 điểm bán lẻ

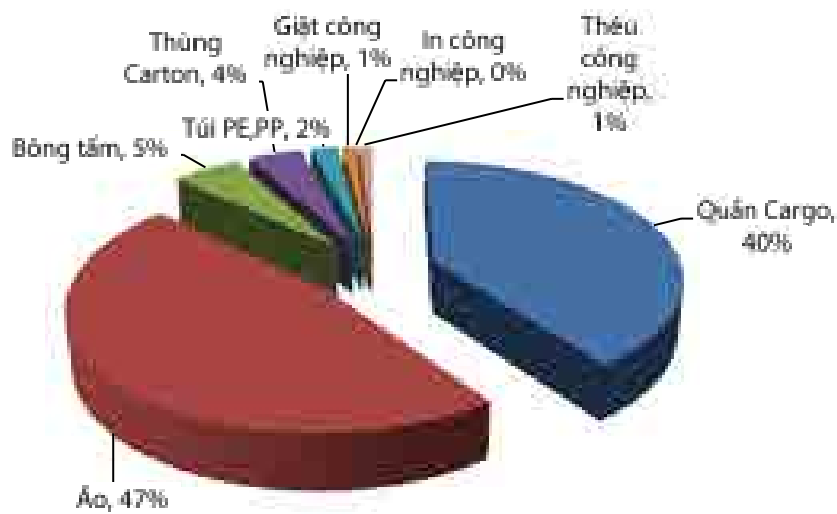
Thị trường trong nước:



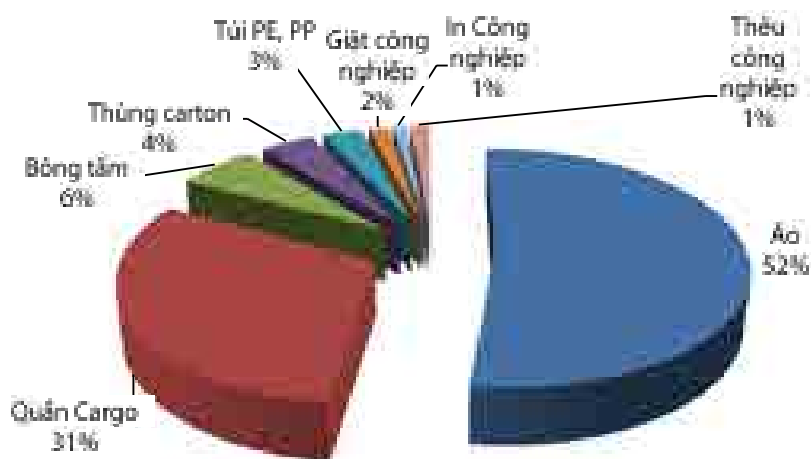
Thị trường xuất khẩu:



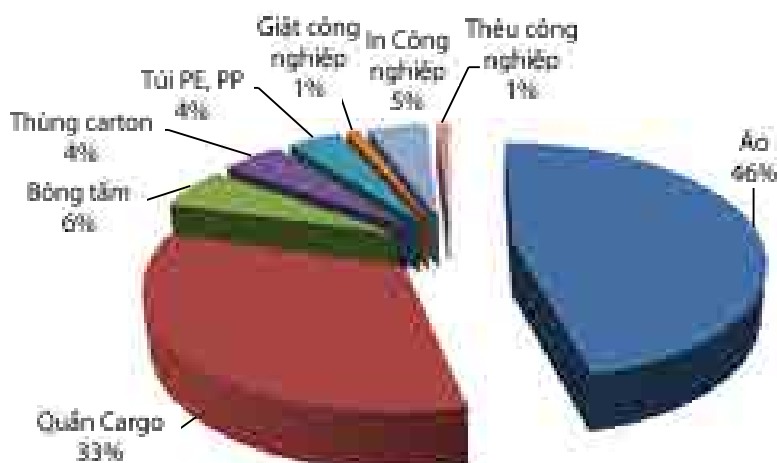
6. Cơ cấu doanh thu



Cơ cấu doanh thu năm 2014 (1.377 tỷ đồng)



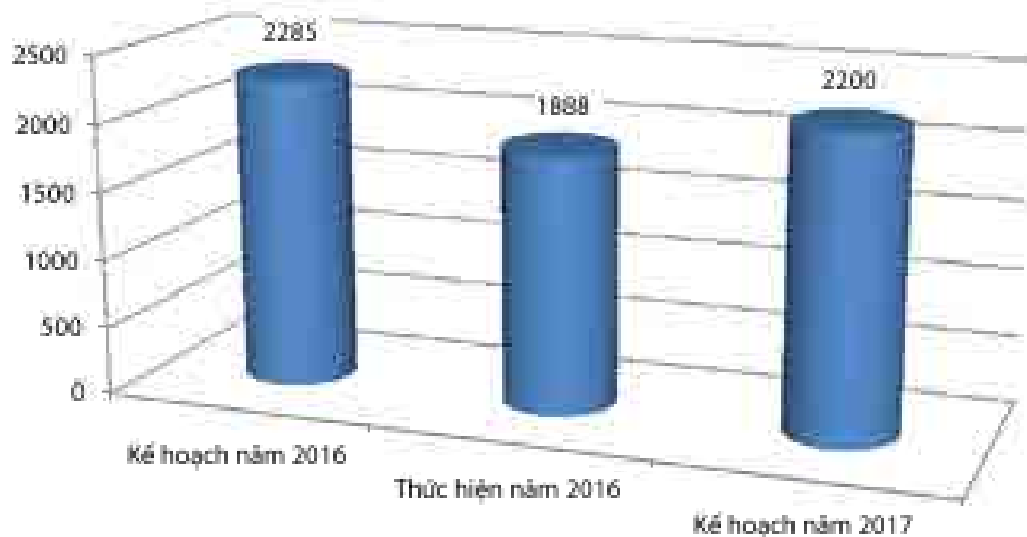
Cơ cấu doanh thu 2015 (1.923 tỷ đồng)



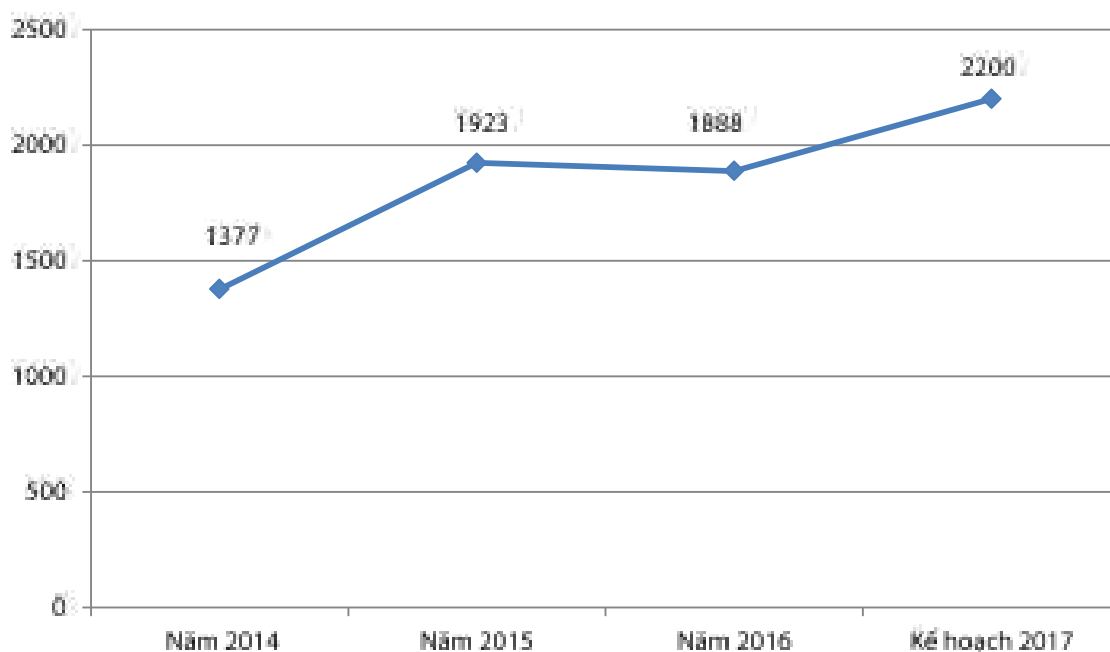
Cơ cấu doanh thu 2016 (1.888 tỷ đồng)

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

1. Doanh thu thực hiện so kế hoạch: Doanh thu thực hiện so kế hoạch giảm 17,37%



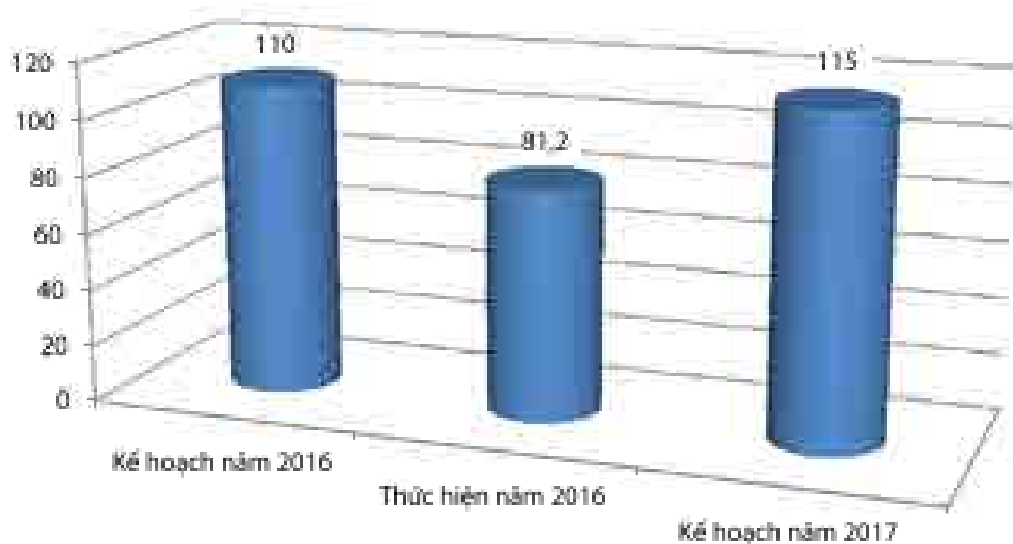
Doanh thu thực hiện trong 3 năm:



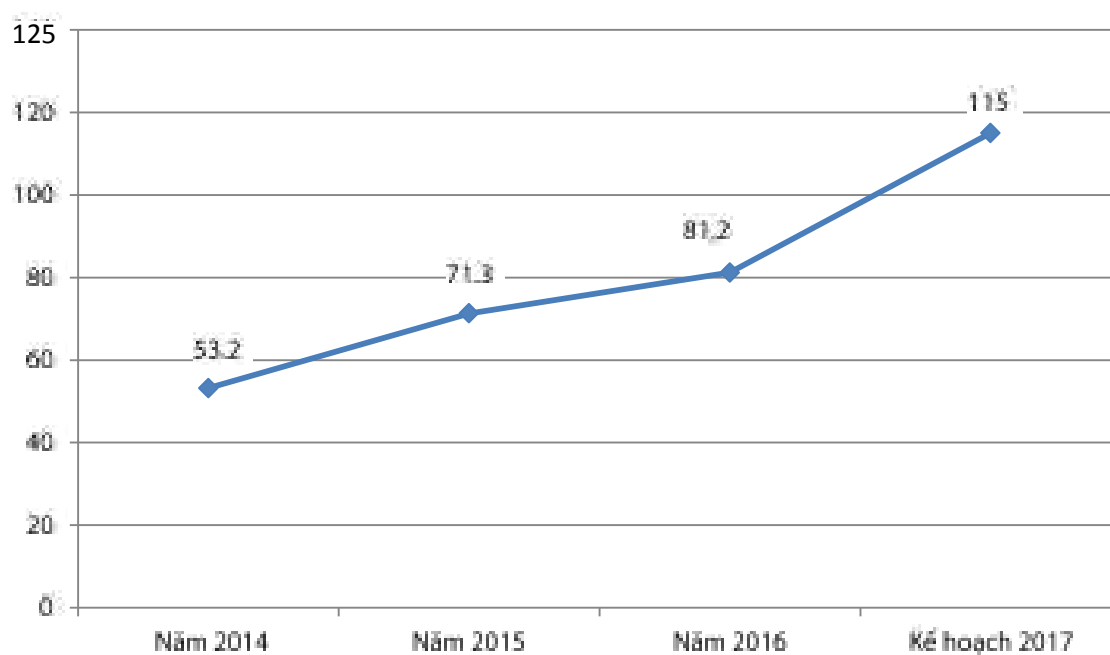
Doanh thu thực hiện trong 3 năm: 2017, 2018, 2019: tăng trung bình 127%.

2. Lợi nhuận (Tỷ đồng):

Lợi nhuận thực hiện trong năm 2016 là 81,2 tỷ đồng, Lợi nhuận tăng so với năm 2015 nhưng TNG lại không hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Lợi nhuận sau thuế năm 2016 chỉ bằng 75% so với kế hoạch.



Lợi nhuận thực hiện trong 3 năm:



Lợi nhuận thực hiện trong 3 năm 2014, 2015, 2016

Vậy các nguyên nhân dẫn tới việc không đạt kế hoạch như sau:

1. Nguyên nhân khách quan:

1.1. Do ngành may đang phải cạnh tranh trực tiếp với các nước đối thủ như Trung Quốc, Ấn Độ, Campuchia, Bangladesh, Myanmar, Sri Lanka. Ấn Độ đang tập trung nguồn lực cũng như chính sách từ phía nhà nước để phát triển ngành dệt may. Campuchia, Myanmar... được hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang EU.

Một bất lợi nữa là thuế suất. Trong khi hàng dệt may Việt Nam vào thị trường Châu Âu chịu thuế suất từ 9% đến 12% thì thuế suất của hàng may mặc các nước như Campuchia, Lào chỉ là 0%

1.2. Chính sách tỷ giá của Việt Nam ổn định và neo vào đồng tiền mạnh là đô la Mỹ, trong khi các đồng tiền khác ở những thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam đã điều chỉnh giảm rất mạnh: euro đã mất 18% giá trị; yen Nhật 17%; nhân dân tệ 8%... Đồng thời, đồng tiền các nước xuất khẩu cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam như ASEAN, Ấn Độ, Bangladesh cũng giảm từ 10-20%. "Như vậy, chỉ riêng yếu tố tỷ giá đã làm cho hàng dệt may đắt hơn so với các nước khác từ 10-16%".

1.3. Lãi vay ngân hàng trong nước từ 8-10%/năm, cao gấp hai đến ba lần so với các nước đối thủ khác hay tiền lương tối thiểu liên tục tăng bình quân từ 12-15% cũng khiến chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng chóng mặt.

1.4. Các hiệp định thương mại mà ngành Dệt may có thể được hưởng lợi như TPP và FTA chưa có hiệu lực thi hành. Mức lương tối thiểu tăng nhanh cũng góp phần làm tăng chi phí của Doanh nghiệp. Theo thống kê, chi phí tiền lương trong tổng sản phẩm chiếm tới 60% ở Việt Nam, trong khi đó ở Myanmar chỉ từ 15-20%

2. Nguyên nhân chủ quan:

1. Sự sụt giảm sản lượng các khách hàng dẫn đến sụt giảm lợi nhuận, hiệu quả và làm gia tăng chi phí.

2. Chi phí lương tăng cao so với tăng lao động.

ĐỀ XUẤT:

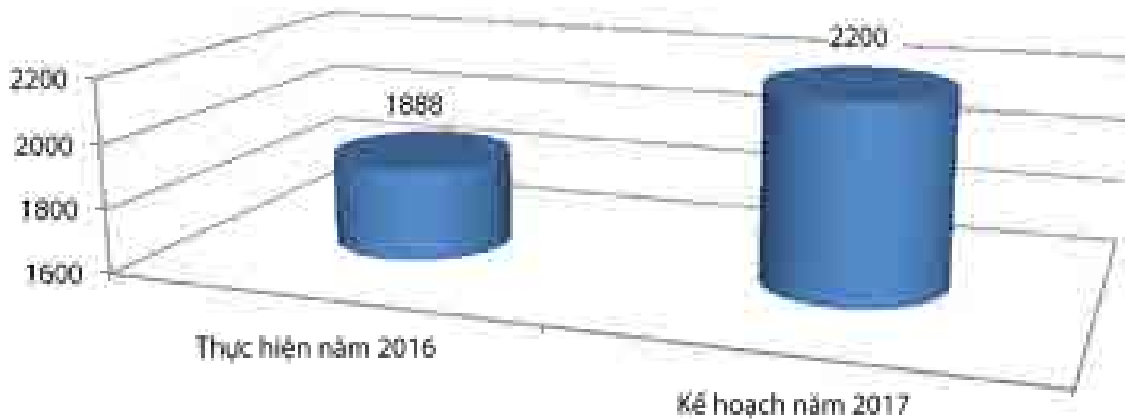
Các khách hàng thực hiện như sau:

Đến trực tiếp tại trụ sở chính/VP đại diện của khách hàng để hiểu rõ khách hàng hơn.

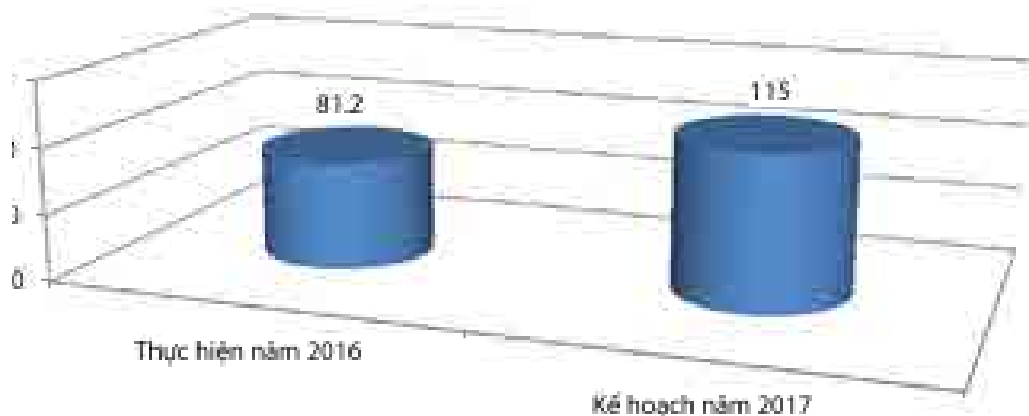
B. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2017

TNG lên kế hoạch 2.200 tỷ đồng doanh thu và 115 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế trong năm 2017.

1. Kế hoạch doanh thu năm 2017: 2.200 tỷ đồng



2. Kế hoạch lợi nhuận năm 2017: 115 tỷ đồng



3. Các cơ sở để thực hiện

Tuyển dụng đủ lao động:

- Thực hiện đúng cam kết với người lao động: Không một người lao động nào làm việc tại TNG bị vi phạm chế độ và quyền lợi theo quy định của pháp luật
- Tạo động lực tốt nhất cho người lao động an cư làm việc.

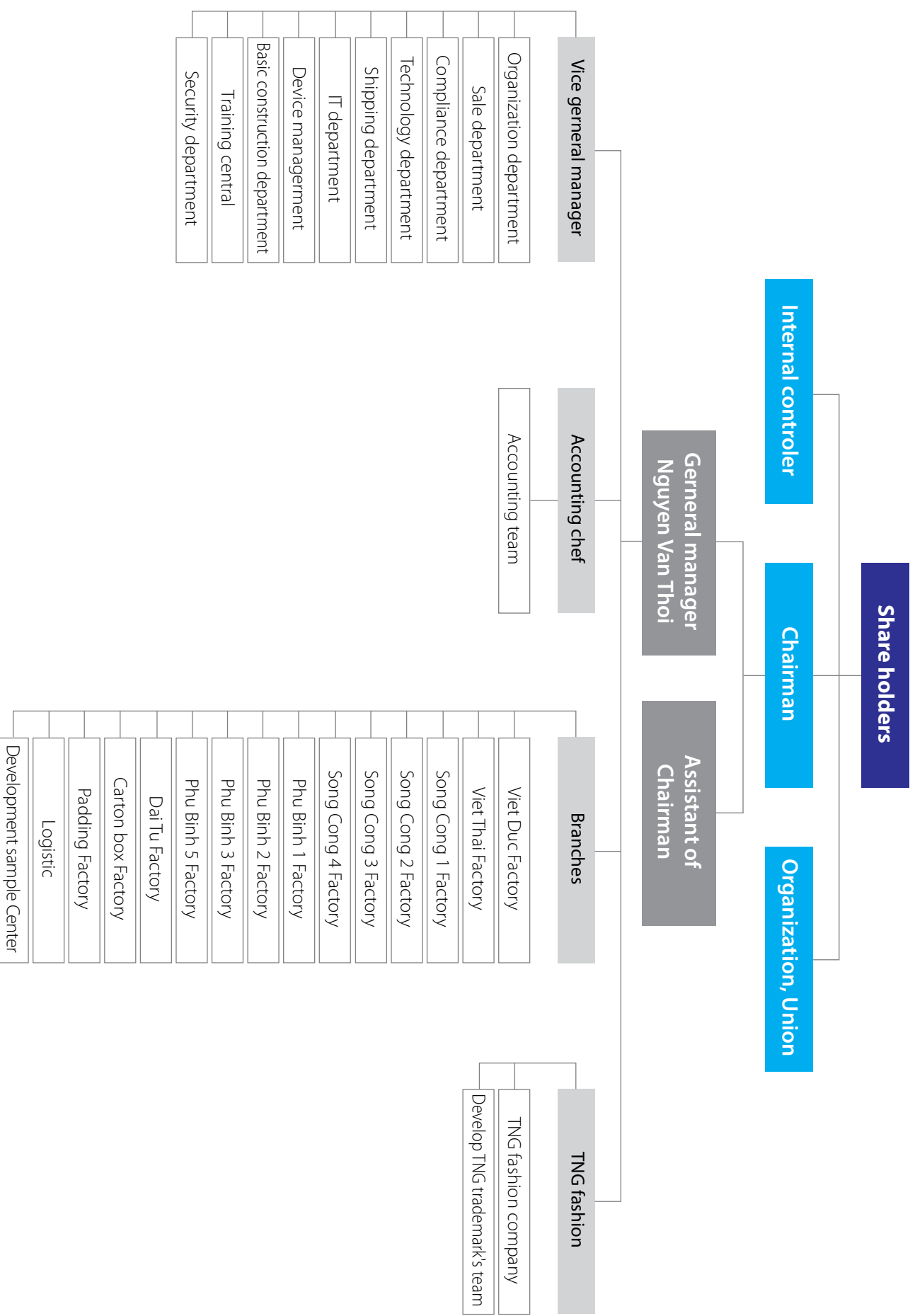
Kế hoạch đến năm 2020.

- + Cơ sở: Đầu ra cho các thị trường nước ngoài rất tốt, các khách hàng lớn tiếp tục thông tin đặt hàng.
- + Tập trung năng lực cán bộ kỹ thuật có tay nghề cao, hàng năm đều tuyển chọn các cán bộ có tay nghề cao và vinh danh.
- + Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo nhân lực chất lượng cao, cùng đội ngũ quản lý kế thừa các cấp.
- + Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, quản trị tài chính trên phần mềm.
- + Tăng cường thẩm định đánh giá năng lực của khách hàng cũng như nhà cung cấp, tiết kiệm chi phí, mua sắm vật tư qua hình thức đấu thầu, chào thầu cạnh tranh.

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ



MÔ HÌNH TỔ CHỨC



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ban giám đốc - Nhiệm kỳ: 2015 -2018

<p>Ông: NGUYỄN VĂN THỚI Tổng giám đốc Năm sinh: 1971 Quốc tịch: Việt Nam Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2014</p> <p>Quá trình công tác 1995 - 2013: Cán bộ Công ty CP may Thái Nguyên 2013 - 8/2014: Phó Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG 9/2014 - nay: Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG</p> <p>Trách nhiệm Giám sát các hoạt động hàng hóa xuất khẩu Đưa doanh thu, lợi nhuận của TNG tăng trưởng cao</p> <p>Trình độ chuyên môn Cử nhân QTKD, ĐH KTQD</p> <p>Kinh nghiệm quản lý tại công ty Có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực dệt may. Trên 10 năm làm quản lý trong ngành may mặc</p> <p>Số CP hiện nắm giữ: 375.954 CP</p>	<p>Bà: LÝ THỊ LIÊN Phó Tổng giám đốc Năm sinh: 1962 Quốc tịch: Việt Nam Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2009</p> <p>Quá trình công tác 1989 - 1995: Ngân hàng công thương Yên Bái 1996: Công ty may Thái Nguyên 1998 - 2008: Kế toán trưởng công ty may Thái Nguyên 2008 - nay: Ủy viên HĐQT - Phó tổng giám đốc công ty CP đầu tư và thương mại TNG</p> <p>Trách nhiệm: Giám sát các hoạt động nhân sự, tài chính, xuất nhập khẩu, công tác nội chính và văn phòng tổng công ty; Đưa ra nhiều giải pháp để kiểm soát dòng vốn của TNG</p> <p>Trình độ chuyên môn Cao đẳng tài chính, ngân hàng</p> <p>Kinh nghiệm quản lý tại công ty 19 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may. 17 năm quản lý trong lĩnh vực tài chính, nhân sự của TNG</p> <p>Số CP hiện nắm giữ: 415.954 CP</p>	<p>Ông: NGUYỄN ĐỨC MẠNH Thành viên Hội đồng quản trị Năm sinh: 1983 Quốc tịch: Việt Nam Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2010</p> <p>Quá trình công tác 2010 - 2011: Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP đầu tư và thương mại TNG 2011 - nay: Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG</p> <p>Trình độ chuyên môn: Cử nhân CNTT - USA; Cử Nhân ngoại ngữ: Shanghai, China.</p> <p>Trách nhiệm Giám sát các hoạt động hàng hóa mang thương hiệu TNG tại thị trường trong nước Đưa TNG làm việc các tập đoàn, các thương hiệu lớn của Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản</p> <p>Trình độ chuyên môn Cử nhân CNTT - USA, Cử Nhân ngoại ngữ: Shanghai, China Kinh nghiệm quản lý tại công ty Quản lý kinh doanh của TNG từ năm 2007</p> <p>Số CP hiện nắm giữ: 2.082.018 CP</p>	<p>Bà: Lương Thị Thúy Hà Thành viên Hội đồng quản trị Quốc tịch: Việt Nam Năm sinh: 1969 Thời gian bổ nhiệm: 2016</p> <p>Quá trình công tác: 1992 - 2012: Cán bộ Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG 2013 - 4/2016: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG 04/2016 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG</p> <p>Trách nhiệm Kiểm soát tài chính, giám sát xuất nhập khẩu</p> <p>Trình độ chuyên môn Cử nhân kế toán</p> <p>Kinh nghiệm quản lý tại công ty Trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, tài chính</p> <p>Số CP hiện nắm giữ: 253.159 CP</p>
--	---	---	---

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Ban giám đốc điều hành hiện tại



Ông: NGUYỄN VĂN THỜI

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1971

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2013

Quá trình công tác

1995 - 2013:

Cán bộ Công ty CP may Thái Nguyên

2013 - 8/2014:

Phó Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

9/2014 - nay:

Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG



Bà: LÝ THỊ LIÊN

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1962

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2009

Quá trình công tác

1989 – 1995:

Ngân hàng công thương Yên Bái
1996: Công ty may Thái Nguyên

1998 - 2008: Kế toán trưởng công ty may Thái Nguyên

2008 - nay: Ủy viên HĐQT – Phó tổng giám đốc công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trách nhiệm: Giám sát các hoạt động nhân sự, tài chính, xuất nhập khẩu, công tác nội chính và văn phòng tổng công ty; Đưa ra nhiều giải pháp để kiểm soát dòng vốn của TNG

Trình độ chuyên môn

Cao đẳng tài chính, ngân hàng



Ông: NGUYỄN ĐỨC MẠNH

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2010

Quá trình công tác

2010 - 2011:

Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

2011 - nay:

Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trình độ chuyên môn: Cử nhân CNTT – USA; Cử Nhân ngoại ngữ: Shanghai, China.

Khác:
Giám đốc chi nhánh Thời trang TNG



Bà: Lương Thị Thúy Hà

Thành viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Năm sinh: 1969

Thời gian bổ nhiệm: 2016

Quá trình công tác:

1992 - 2012:

Cán bộ Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

2013 - 4/2016:

Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

04/2016 - nay:

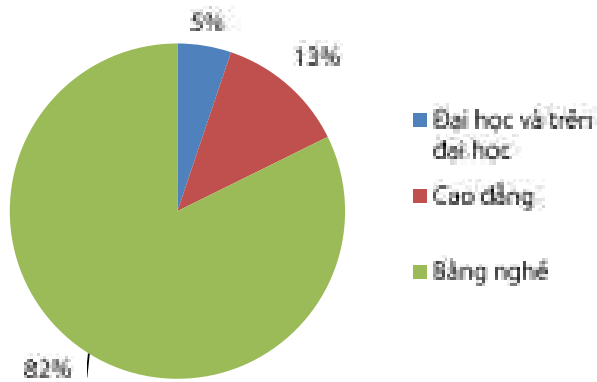
Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

CẤU TRÚC NHÂN SỰ

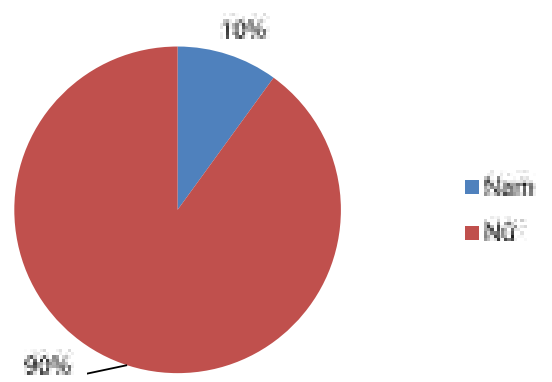
Tổng hợp lực lượng lao động của TNG

Chỉ tiêu Số lượng (Người)		Năm 2015		Năm 2016	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số lao động		9.313	100,00%	9.544	100%
Giới tính	Nam	950	10,20%	974	10,20%
	Nữ	7610	81,71%	8.570	89,80%
Độ tuổi	Dưới 25 tuổi	1.045	11,22%	1.254	13,13%
	Từ 25-40 tuổi	7.125	76,51%	7.455	78,11%
	Từ 40-50 tuổi	950	10,20%	766	8,02%
	Trên 50 tuổi	380	4,08%	69	0,7%
Chi nhánh	Văn phòng công ty	126	1,35%	125	1,31%
	TNG Thời trang	-	-	856	8,97%
	Việt Thái	904	9,71%	932	9,77%
	Việt Đức	1.100	11,81%	978	10,25%
	Đại Từ	952	10,22%	666	6,98%
	Sông công 1	747	8,02%	654	6,85%
	Sông công 2	1.473	15,82%	1.159	12,14%
	Sông công 3	854	9,17%	876	9,18%
	Phú Bình 1	680	7,30%	673	7,05%
	Phú Bình 2	807	8,67%	789	8,27%
	Phú Bình 3	763	8,19%	803	8,41%
	Phú Bình 4	566	6,08%	755	7,91%
	Bao bì	142	1,52%	152	1,59%
	Bông	112	1,20%	126	1,32%
Trình độ học vấn	Bằng nghề	7.600	81,61%	7.855	82,3%
	Cao đẳng	1.140	12,24%	1.394	12,51%
	Đại học và trên đại học	760	8,16%	495	5,18%

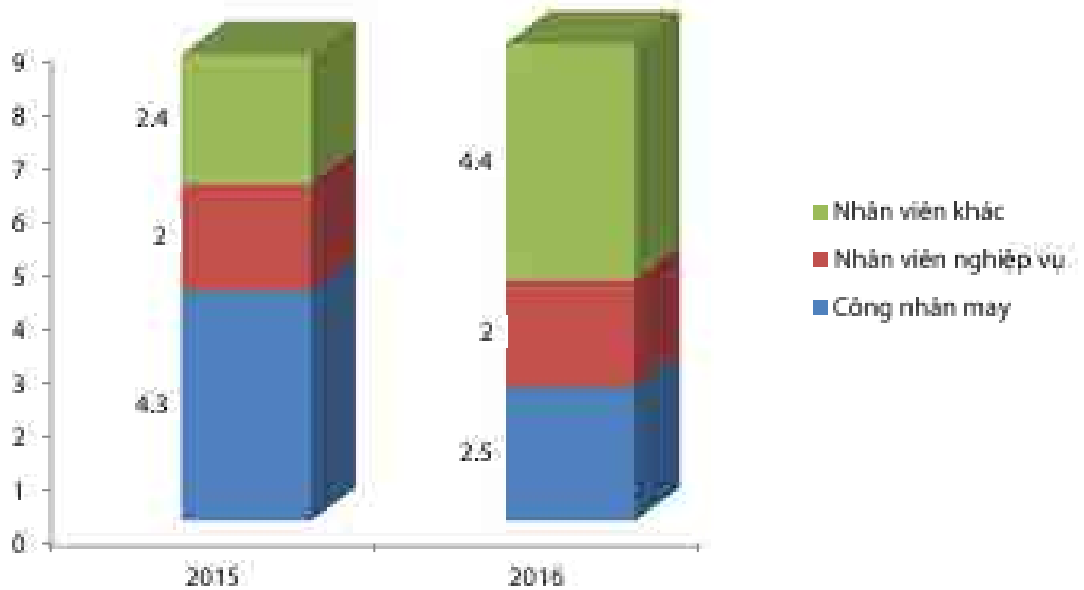
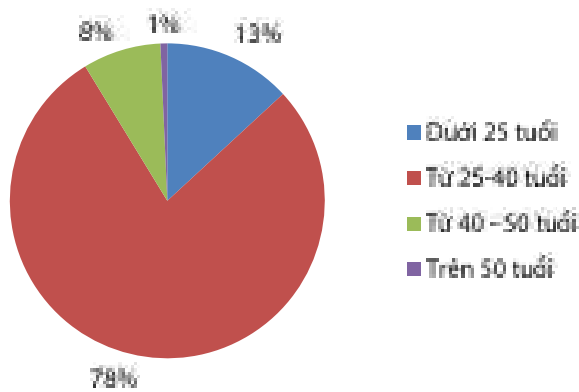
Theo trình độ



Theo Giới tính



Theo độ tuổi



Thay đổi cơ cấu nhân sự của TNG 2015 – 2016

**NHỮNG SỰ THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH:
Bổ nhiệm ông Trần Minh Hiếu – Phó tổng giám đốc công ty**

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Mục tiêu đào tạo của TNG là nâng cao chất lượng các khóa đào tạo nội bộ và bên ngoài, nhằm mang tới cho CBCNV cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của công ty

Năm 2016, TNG đã tổ chức và đăng ký tham gia nhiều khóa đào tạo về kỹ năng mềm cho nhóm cán bộ quản lý, đào tạo về kiến thức chuyên môn cho nhóm Chuyên viên. Các chương trình đào tạo đã được thực hiện trong năm 2016 như sau:

CÔNG TÁC LƯƠNG THƯỞNG

Công tác tiền lương tại TNG được thực hiện rất nghiêm ngặt, tuyệt đối tuân thủ quy trình, quy chế tiền lương của TNG cũng như các quy định của Pháp luật. Tất cả CBCNV làm việc tại TNG được hưởng lương đúng theo chức danh công việc đảm nhận, và đảm bảo đúng với năng lực làm việc

Để tăng sự gắn kết của nhân viên, tập trung phát triển nguồn năng lực chuyên môn nghiệp vụ và luôn nỗ lực để tạo ra những giá trị mới, TNG đã thực hiện xây dựng và kiện toàn chính sách lương thưởng dựa trên các yếu tố cơ bản sau:

- Xây dựng hệ thống thang bảng lương theo đúng tình hình thực tế tại Công ty và quy định của pháp luật

- Xây dựng bản mô tả công việc chi tiết cho mỗi vị trí chức danh

- Thực hiện giao mục tiêu công việc định kỳ để nhân viên nắm rõ được mục tiêu nhiệm vụ và đồng thời phát triển kỹ năng lập kế hoạch để hoàn thành mục tiêu cá nhân góp phần vào mục tiêu chung của Công ty

- Xây dựng hệ thống quản trị thành tích, đánh giá chính xác hiệu quả thực hiện mục tiêu của từng cá nhân. Kết quả đánh giá này là công cụ hữu hiệu giúp cho cá nhân và cấp quản lý xác định được sự phù hợp của mục tiêu và là cơ sở để điều chỉnh, lập kế hoạch phát triển cho kỳ tiếp theo.

Bên cạnh chính sách tiền lương đúng theo năng lực và hiệu quả làm việc, Tập đoàn PAN còn xây dựng chính sách khen thưởng hợp lý như thưởng các cá nhân, tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thưởng kết quả hoạt động trong năm dựa trên cơ sở KPI và kết quả công việc đánh giá vào cuối năm, thời gian tính thưởng bao gồm cả thời gian thử việc, thưởng đột xuất cho những cá nhân có thành tích vượt bậc, tháng lương 13, thưởng cuối năm nhằm động viên khích lệ CBCNV nỗ lực cống hiến và phấn đấu hết mình để xây dựng Tập đoàn PAN ngày càng phát triển lớn mạnh và bền vững.

Mức lương bình quân:

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty như sau:

Năm 2013: **3.938.000** đồng/ người/tháng

Năm 2014: **4.138.000** đồng/ người/tháng

Năm 2015: **4.800.000** đồng/người/tháng

Năm 2016: **5.200.000** đồng/người/tháng

So với các doanh nghiệp khác cùng ngành, đây được coi là một mức thu nhập khá ổn định và có tính cạnh tranh.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM 2016

Kế hoạch đầu tư

Ngoài xuất khẩu, TNG cũng không giấu tham vọng ‘phủ sóng’ thị trường nội địa. Ông Nguyễn Văn Thời – Chủ tịch HĐQT cho biết, trong các năm tới, mỗi năm TNG sẽ mở thêm 10 cửa hàng tại 10 tỉnh, thành phố khác nhau (hiện nay Công ty có 42 cửa hàng dạng này). Mục tiêu của TNG tại thị trường nội địa là phủ sóng hệ thống bán lẻ tại 50% tỉnh, thành phố trong cả nước với doanh thu bán lẻ tăng bình quân 50%/ năm.

Đã hoàn thiện trung tâm thiết kế thời trang TNG





Nhà ở xã hội của TNG đang trong giai đoạn hoàn thiện giấy phép



Kế hoạch đến năm 2020

- + Cơ sở: Đầu ra cho các thị trường nước ngoài rất tốt, các khách hàng lớn tiếp tục thông tin đặt hàng.
- + Tập trung năng lực cán bộ kỹ thuật có tay nghề cao, hàng năm đều tuyển chọn các cán bộ có tay nghề cao và vinh danh.
- + Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo nhân lực chất lượng cao, cùng đội ngũ quản lý kế thừa các cấp.
- + Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, quản trị tài chính trên phần mềm.
- + Tăng cường thẩm định đánh giá năng lực của khách hàng cũng như nhà cung cấp, tiết kiệm chi phí, mua sắm vật tư qua hình thức đấu thầu, chào thầu cạnh tranh.

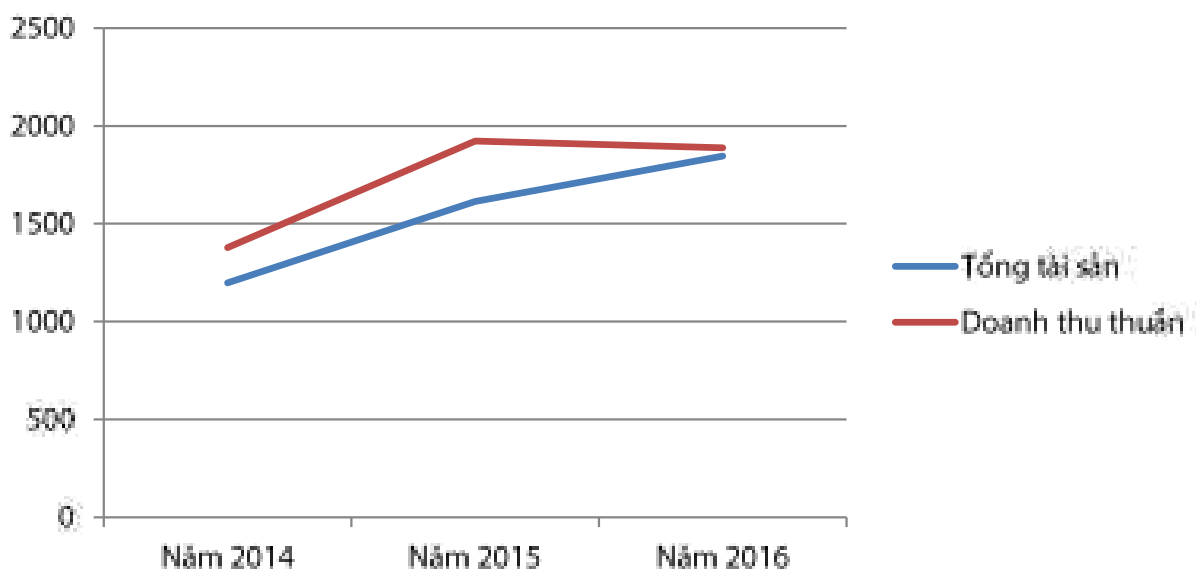


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2016



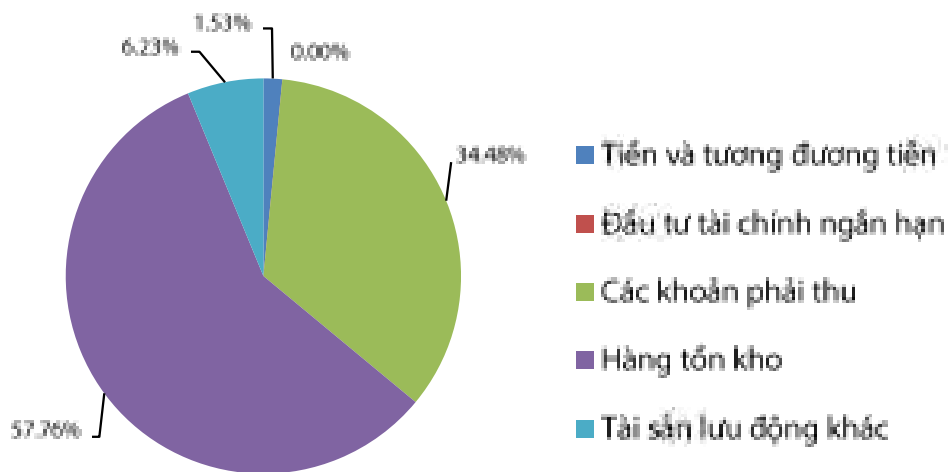
1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ Financial Figure	Năm/ Year	Năm/ Year	% tăng giảm/ % change
	2015	2016	
Tổng giá trị tài sản/ Total asset	1.613.646.205.042	1.846.222.622.229	14,41%
Doanh thu thuần/ Net revenue	1.923.940.013.849	1.887.748.876.802	-1,88%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	86.247.125.188	91.572.456.546	6,17%
Lợi nhuận khác/ Other profits	1.783.627.626	3.226.816.199	80,91%
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	88.030.752.814	94.799.272.745	7,69%
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	71.300.379.040	81.179.114.445	13,86%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.472	2.480	0,32%

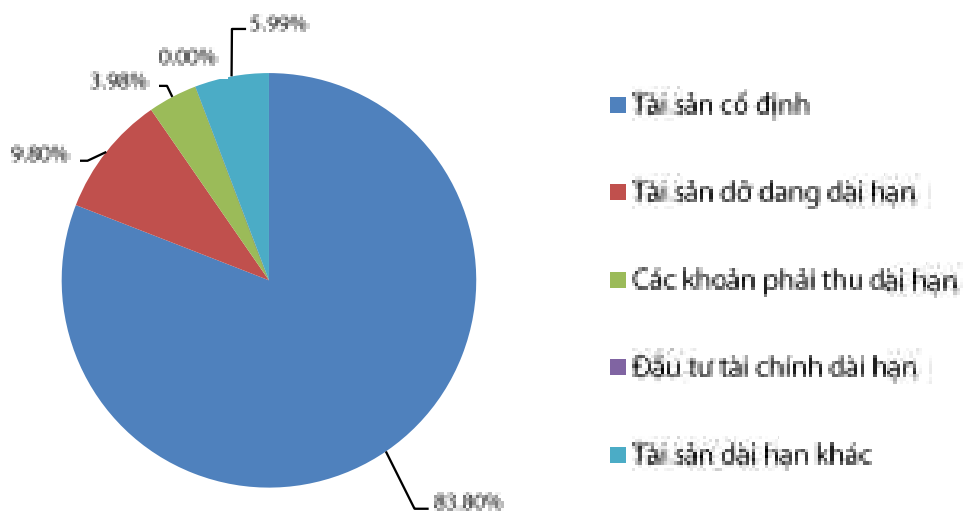


Bảng: Tổng tài sản và Doanh thu thuần năm 2014 - 2016 (ĐVT: Tỷ đồng)

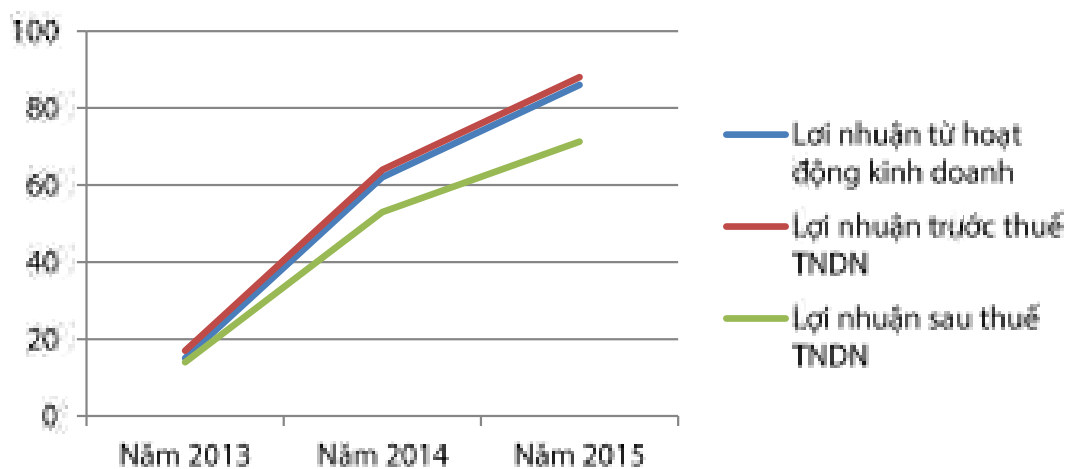
Tại thời điểm 31/12/2016, giá trị tổng tài sản công ty đạt 1.846 tỷ đồng, tăng 14,41% so với thời điểm đầu năm. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản không biến động mạnh qua các năm, đạt 41,78% tại thời điểm 31/12/2016. Với 58,22% trong cơ cấu tài sản, TNG có mức tỷ trọng tài sản dài hạn tương đối cao trong ngành dệt may. Đây cũng là điểm khác biệt của TNG so với các doanh nghiệp cùng ngành khi Công ty thực hiện đầu tư bài bản, toàn diện vào tài sản cố định để phục vụ chu trình sản xuất khép kín.



Bảng: Cơ cấu tài sản ngắn hạn



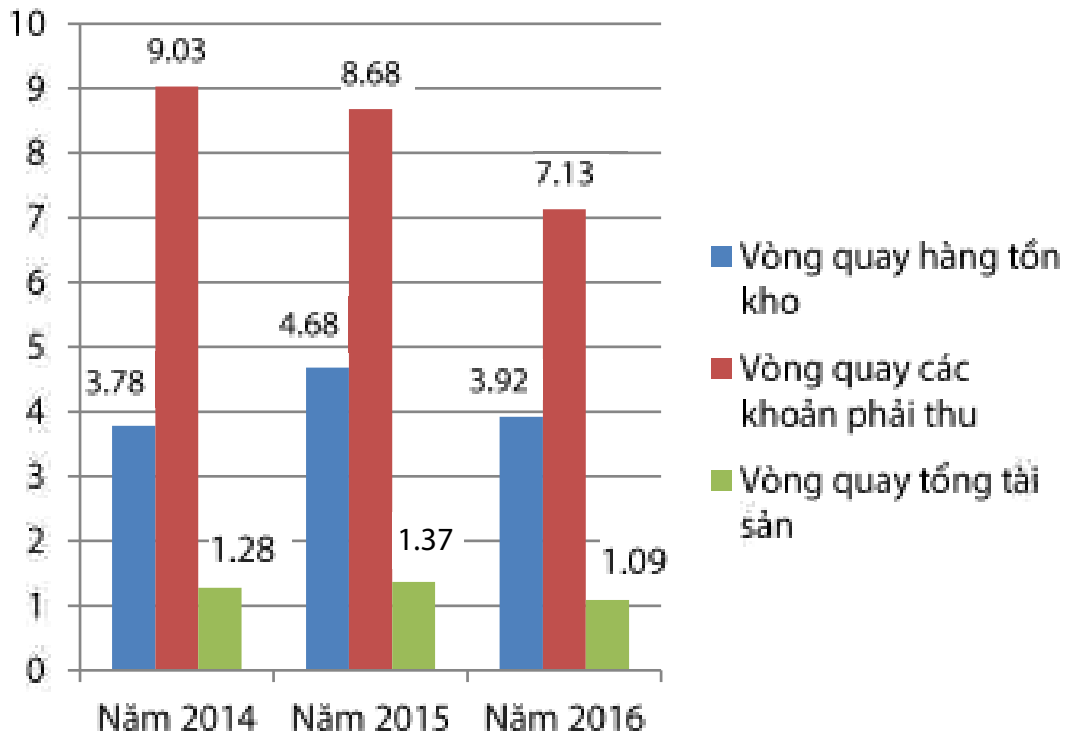
Bảng: Cơ cấu tài sản dài hạn



Bảng: Thành tích đạt được về lợi nhuận năm 2014 - 2016 (ĐVT: Tỷ đồng)

Nhận xét: Như ta thấy, quy mô cũng như lợi nhuận của TNG không ngừng tăng lên từ năm 2013 đến hết năm 2015, đó là một thành tích tốt của TNG trong sự phát triển khi kinh tế những năm trở lại đây đang khó khăn.

Cùng với xu hướng biến động của giá trị tài sản so với cùng kỳ, TNG duy trì xu hướng ổn định về năng lực hoạt động của mình.



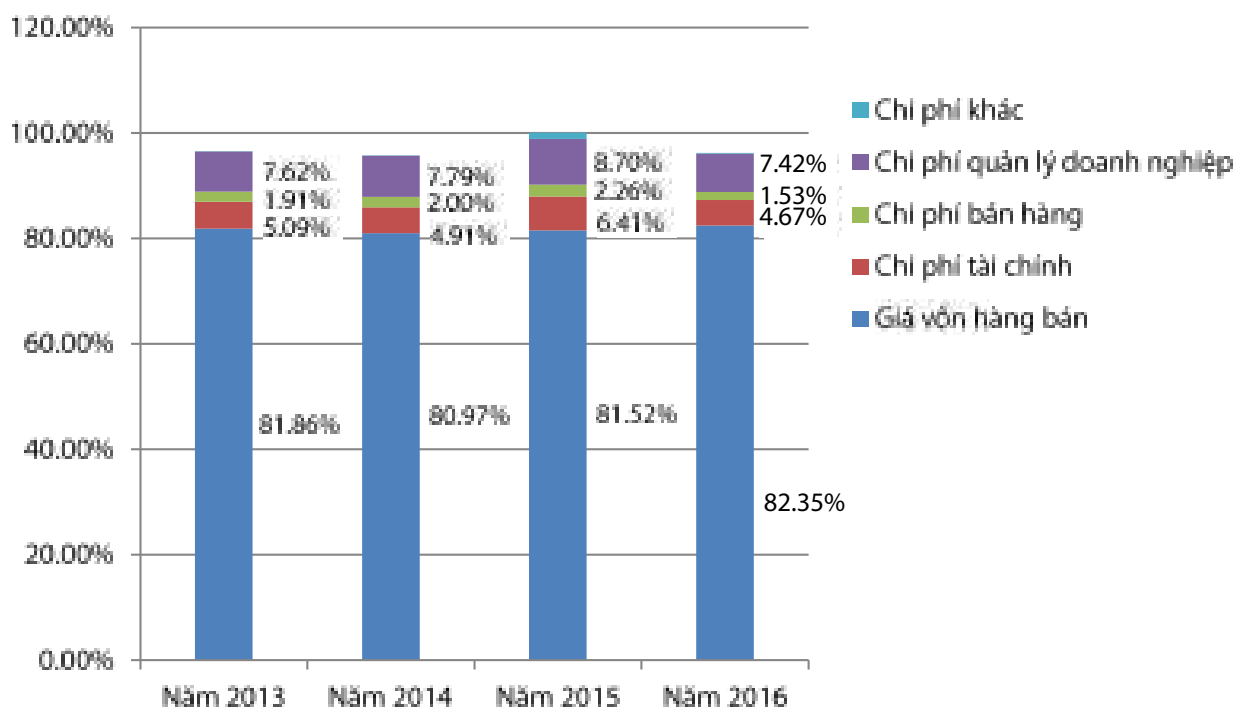
- Vòng quay tổng tài sản công ty đạt 1,09 vòng, là mức trung bình so với các doanh nghiệp khác trong ngành dệt may.

- Vòng quay khoản phải thu rất ổn định qua các năm. Năm 2016, vòng quay khoản phải thu đạt 7,13 vòng, tương đương 51,17 ngày phải thu. Đây là con số cao so với số ngày phải thu trung bình của các doanh nghiệp dệt may. Điều này cho thấy công ty đang quản lý chưa tốt dòng tiền phải thu để không bị chiếm dụng vốn.

- Hàng tồn kho chiếm 57,72% tổng tài sản. Vòng quay hàng tồn kho ổn định qua các năm và đạt 3,92 vòng năm 2016, tương ứng 93,18 ngày tồn kho.

Tỷ trọng chi phí trên doanh thu

Theo biểu đồ, trong 3 năm qua, tỷ trọng các loại chi phí trên doanh thu không biến động nhiều. TNG luôn chú trọng kiểm soát cho phí hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy các biện pháp tiết kiệm chi phí như: đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, giảm thiểu tiêu hao năng lượng, tạo ra sản phẩm tốt nhất cho khách hàng. Bên cạnh đó, công ty cũng sắp xếp tổ chức sản xuất, khai thác hiệu quả công suất máy móc thiết bị, thực hiện nghiêm túc việc mua sắm máy móc, vật tư, nguyên vật liệu theo quy định và đảm bảo chất lượng.

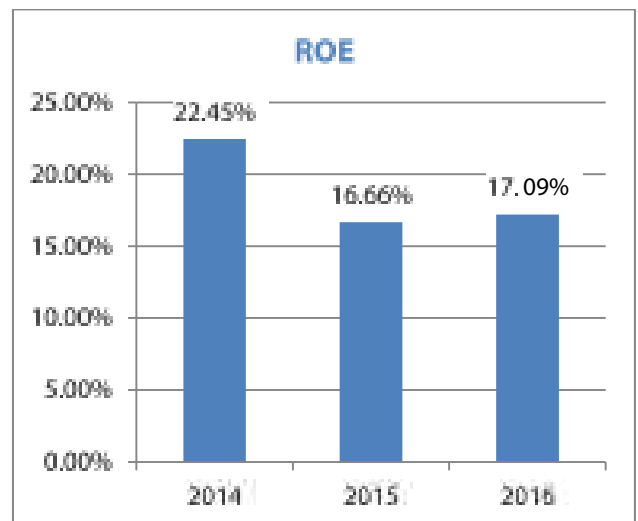
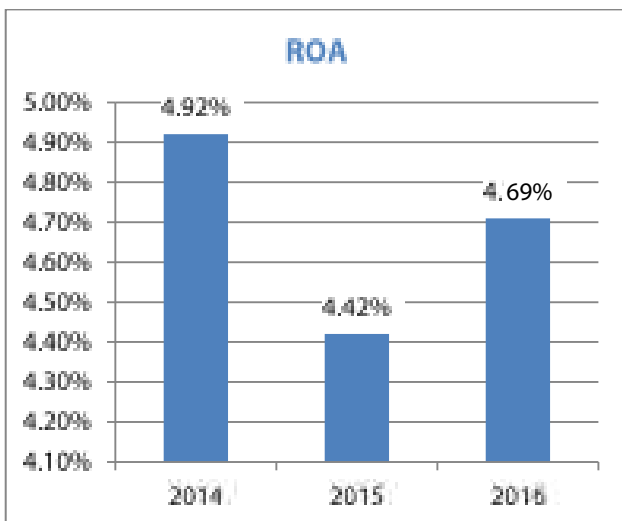
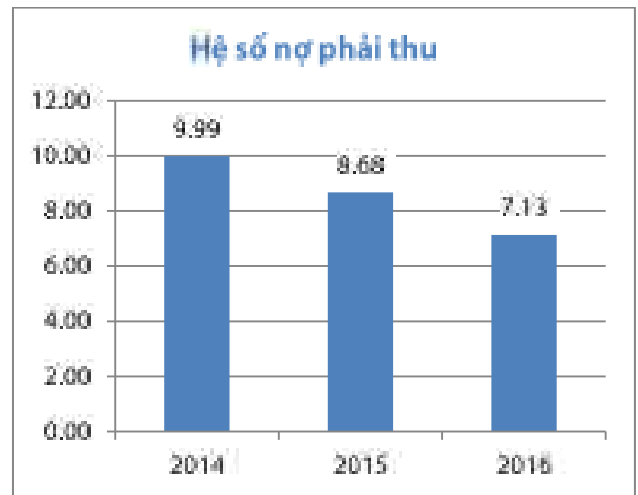
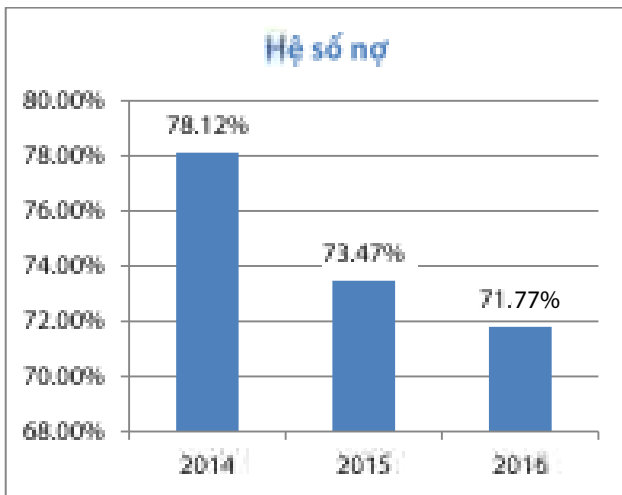
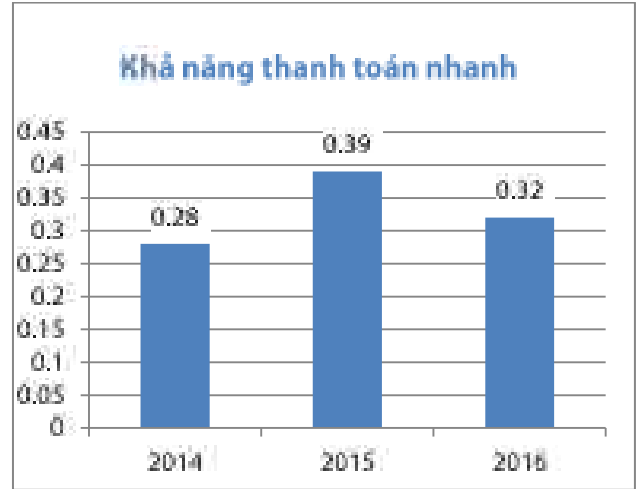
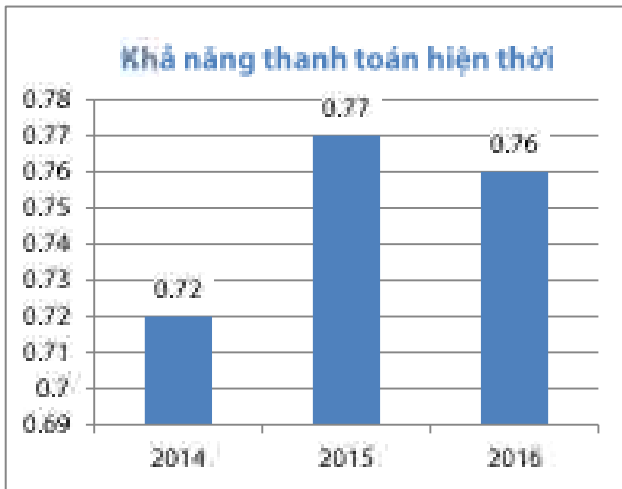


Biểu đồ: Tỷ trọng chi phí trên doanh thu

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/ Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/ Year	Năm/ Year	% tăng giảm/ % change
	2015	2016	
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ Current ratio	0,77	0,76	-1,30%
+ Hệ số thanh toán nhanh/ Quick ratio	0,39	0,32	-17,95%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	73,47%	71,77%	-2,31%
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	276,95%	254,29%	-8,18%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover	4,68	3,92	-16,24%
+ Vòng quay tổng tài sản	1,37	1,09	-20,44%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	3,71%	4,69%	26,42%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	16,66%	17,09%	2,58%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	4,42%	4,30%	-2,71%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	4,48%	4,85%	8,26%

Cải thiện các chỉ số tài chính



Nhận xét: Hệ số khả năng thanh toán tuy còn thấp nhưng vẫn đang có dấu hiệu tăng lên theo từng năm, chỉ số về năng lực hoạt động cũng như vậy, dấu hiệu tốt trong kinh doanh của TNG. Hệ số nợ có trong năm 2016 đang có xu hướng giảm.

Cơ cấu CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI

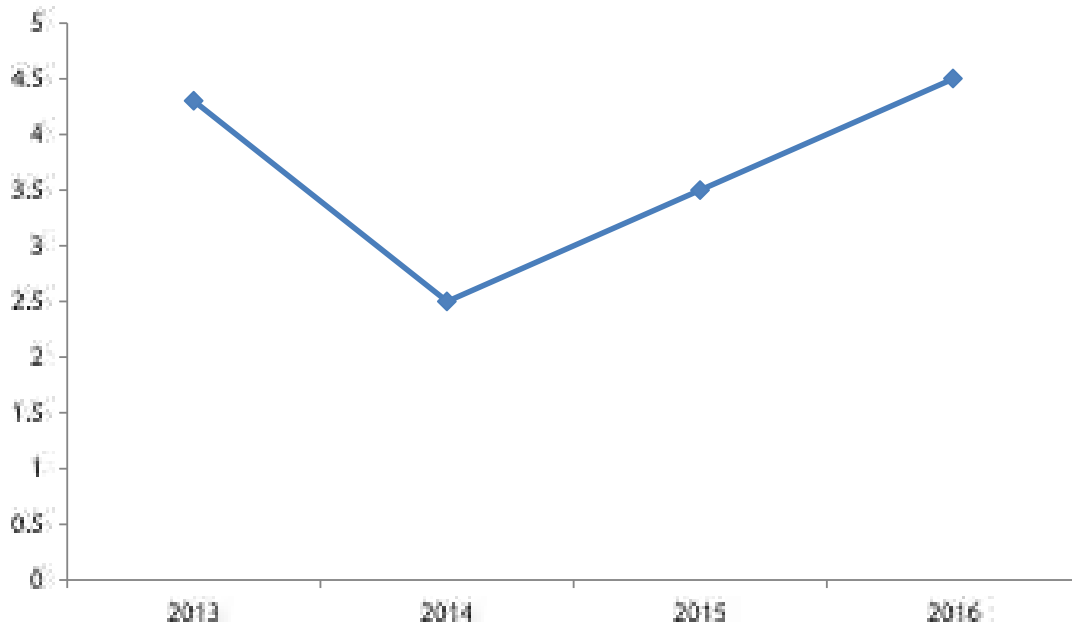
VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

- Vốn điều lệ Công ty: 342.649.780.000 đồng
- Mệnh giá 1 cổ phiếu: 10.000 đồng
- Khối lượng cổ phiếu niêm yết: 34.264.978 cổ phiếu
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 34.264.978 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Giá trị cổ phiếu trên thị trường: 13.600 đồng (06/01/2017)



Giá trị vốn hóa thị trường qua các năm (tỷ đồng)



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG (Mã: TNG) được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Cổ phiếu: Đến ngày 31/12/2016, vốn điều lệ của TNG là **342.649.780.000 đồng** được chia thành 34.264.978 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần cổ thông

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU

Danh mục	Số lượng	Tỷ lệ (%) vốn điều lệ
Cổ phiếu đang lưu hành	34.264.978	100%
Cổ phiếu quỹ	0	0%
Trong đó		
Cổ đông trong nước	1829	78%
• Tổ chức	1796	98%
• Cá nhân	33	2%
Cổ đông nước ngoài	48	22%
• Tổ chức	32	70%
• Cá nhân	16	30%

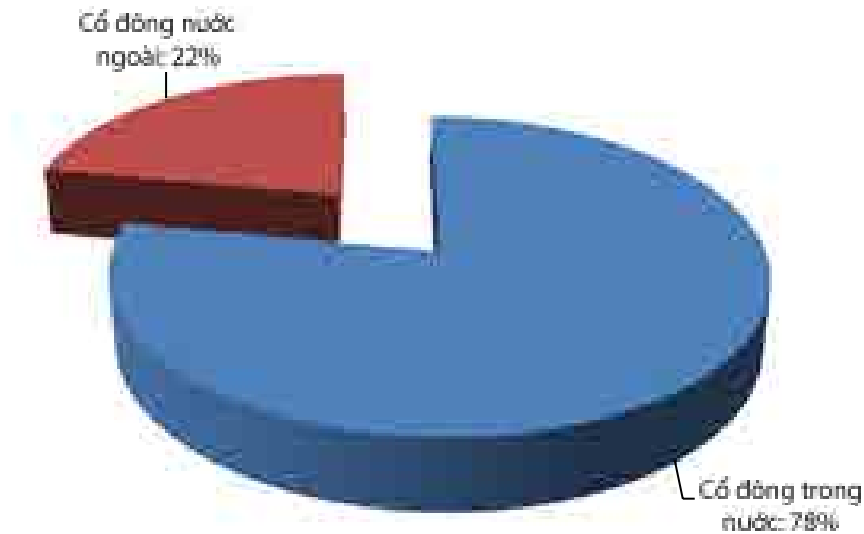
CỔ ĐÔNG LÀ THÀNH VIÊN BAN QUẢN TRỊ

Stt	Tên cổ đông	Chức vụ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT	6.624.491	19,33%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Ủy viên HĐQT, phó TGĐ	2.082.018	6,08%
3	Rusdy Pranata	Ủy viên HĐQT độc lập		
4	Nguyễn Văn Thới	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc	375.954	1,1%
5	Lương Thị Thúy Hà	Ủy viên HĐQT, KTT	253.159	0,74%
6	Lý Thị Liên	Phó tổng giám đốc	415.954	1,21%
7	Nguyễn Văn Đức	Trưởng BKS	66.690	0,19%
8	Trần Minh Hiếu	Ủy viên BKS	19.463	0,06%
9	Hà Thị Tuyết	Ủy viên BKS	8.637	0,03%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Văn Thời	6.624.491	19,33%
2	Nguyễn Đức Mạnh	2.082.018	6,08%
3	Asian Small Fund	1.959.579	5,71%

Cơ cấu cổ đông



Biểu đồ: Cơ cấu cổ đông

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, trong năm 2016 TNG đã có các đợt tăng vốn như sau:

- Chi trả cổ tức bằng năm 2015 bằng cổ phiếu;
- Phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu trong đợt sáp nhập Công ty CP Thời trang TNG vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

STT	TÊN CỔ ĐÔNG LỚN	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU NĂM 2015	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU NĂM 2016
1	Nguyễn Văn Thời	4.877.984	6.624.491
2	Nguyễn Đức Mạnh	1.279.706	2.082.018
3	Asian Small Fund	1.47.326	1.959.579

Giao dịch cổ phiếu quỹ

TNG không có giao dịch cổ phiếu quỹ

Chứng khoán khác

TNG đã thực hiện sáp nhập cổ phiếu TNGF vào TNG và đã thành công



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

• Về môi trường kinh doanh năm 2016

Ngành Dệt may thế giới chịu ảnh hưởng sâu sắc của các biến động kinh tế vĩ mô. Sau sự sụt giảm vào năm 2009 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, ngành dệt may đang trên đà phục hồi và được dự báo sẽ tăng trưởng liên tục với tốc độ 6% trong những năm tới.

Trung Quốc là công xưởng sản xuất dệt may lớn nhất thế giới với chuỗi cung ứng hoàn thiện và các lợi thế về máy móc cũng như nhân công giá rẻ. Các nước phát triển như Mỹ, Ý, Hàn Quốc, HongKong, chiếm lĩnh các khâu mang lại giá trị gia tăng cao hơn như thiết kế, marketing và xây dựng thương hiệu, thương mại hóa và xuất khẩu

Hiệp định thương mại như TPP hay RCEP sẽ thúc đẩy hình thành những khu vực mậu dịch với chuỗi giá trị dệt may hoàn chỉnh nhờ các quy định nghiêm ngặt trong sản xuất cũng như nguyên tắc ứng xử

• Tình hình huy động vốn trong năm 2016

Tháng 8:

+ Phát hành thành công 1.481.106 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2016

+ Phát hành 2.961.745 cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2015 theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2016

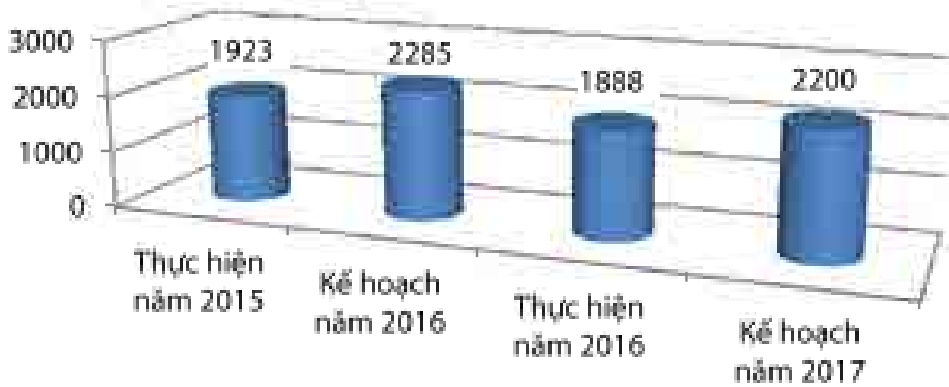
+ Phát hành 70.000 cổ phiếu bổ sung cho cổ đông hiện hữu tại đợt hoán đổi cổ phiếu để sáp nhập Công ty CP Thời Trang TNG và Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

+ Phát hành 130.000 cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG tại Công ty CP Thời Trang TNG

• Tình hình sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	Tăng/ giảm
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1923	1888	-1,88%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	71,3	81,2	+ 13,86%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/ CP	2.472	2.480	+0,32%
Số lượng lao động	Người	9.313	9.544	+2,48%
Thu nhập bình quân người lao động	VNĐ/người/tháng	4.800.000	5.200.000	+8,33%

*** Về doanh thu**

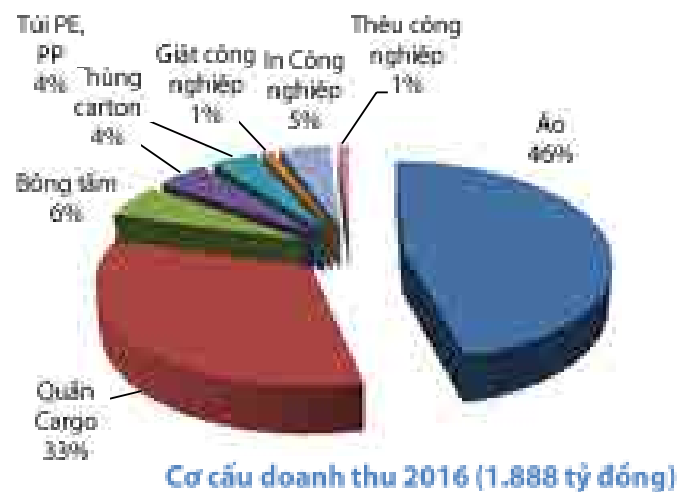
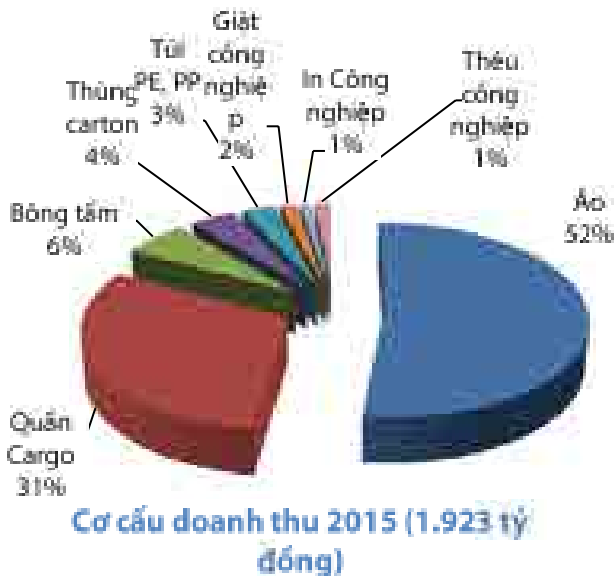


Năm tài chính 2016
Doanh thu thuần giảm

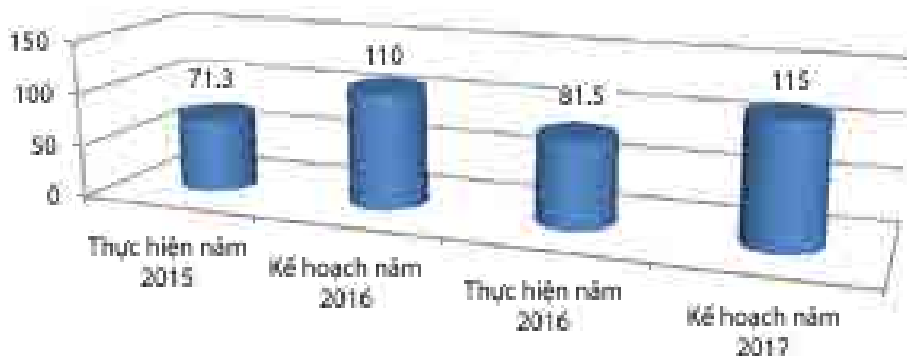
1,88%

Trong năm 2016, doanh thu của TNG là 1.888 tỷ đồng. Trong năm 2017, TNG đề ra kế hoạch là 2.200 tỷ đồng.

Về cơ cấu doanh thu năm 2015 - 2016 (lĩnh vực kinh doanh)



Về cơ cấu doanh thu năm 2015 - 2016 (lĩnh vực kinh doanh)



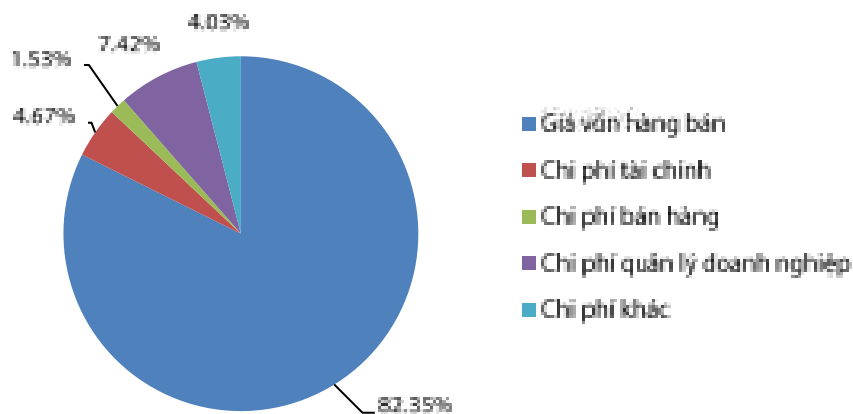
Năm tài chính 2016
Lợi nhuận sau thuế tăng

13,86%

Trong năm 2016, doanh thu của TNG là 81,2 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 75% kế hoạch đề ra do chịu ảnh hưởng của khó khăn kinh tế toàn cầu. Trong năm 2017, TNG đề ra kế hoạch là 115 tỷ đồng.

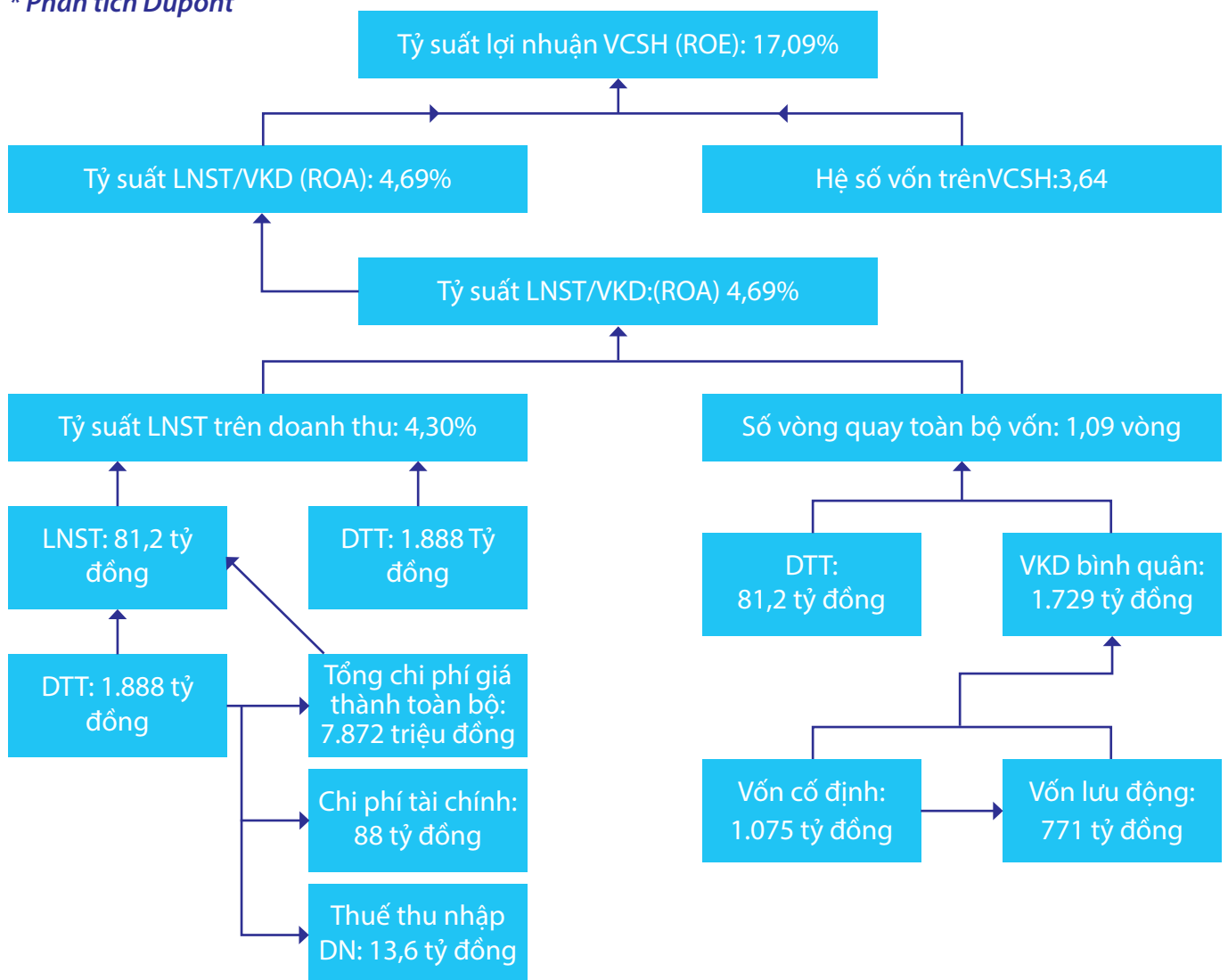
*** Về chi phí**

Cơ cấu chi phí hoạt động:



Giá vốn hàng bán luôn là nhóm chi phí chiếm tỷ trọng khá lớn, với mức 82,35% trong tổng các chi phí hoạt động của TNG. Trong các nhóm chi phí, sự giảm sút 9% của chi phí tài chính mà chủ yếu là chi phí lãi vay đã có sự đóng góp đáng kể vào sự tăng lên của Lợi nhuận sau thuế của Công ty. Các nhóm chi phí khác dù có sự tăng lên so với cùng kỳ nhưng với tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu tổng chi phí hoạt động nên có ít tác động đến tổng lợi nhuận hoạt động của toàn Công ty.

*** Phân tích Dupont**



*** Hiệu suất sử dụng tài sản**

	2015	2016
Số ngày hàng tồn kho bình quân	77,99	93,18
Số ngày phải thu bình quân	39,71	51,17
Số ngày phải trả bình quân	31,69	36,94
Vòng quay toàn bộ vốn	1,37	1,09

*** Phân tích lưu chuyển tiền tệ**



Vậy các nguyên nhân dẫn tới việc không đạt kế hoạch như sau:

2. Nguyên nhân khách quan:

2.1. Do ngành may đang phải cạnh tranh trực tiếp với các nước đối thủ như Trung Quốc, Ấn Độ, Campuchia, Bangladesh, Myanmar, Sri Lanka. Ấn Độ đang tập trung nguồn lực cũng như chính sách từ phía nhà nước để phát triển ngành dệt may. Campuchia, Myanmar... được hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang EU.

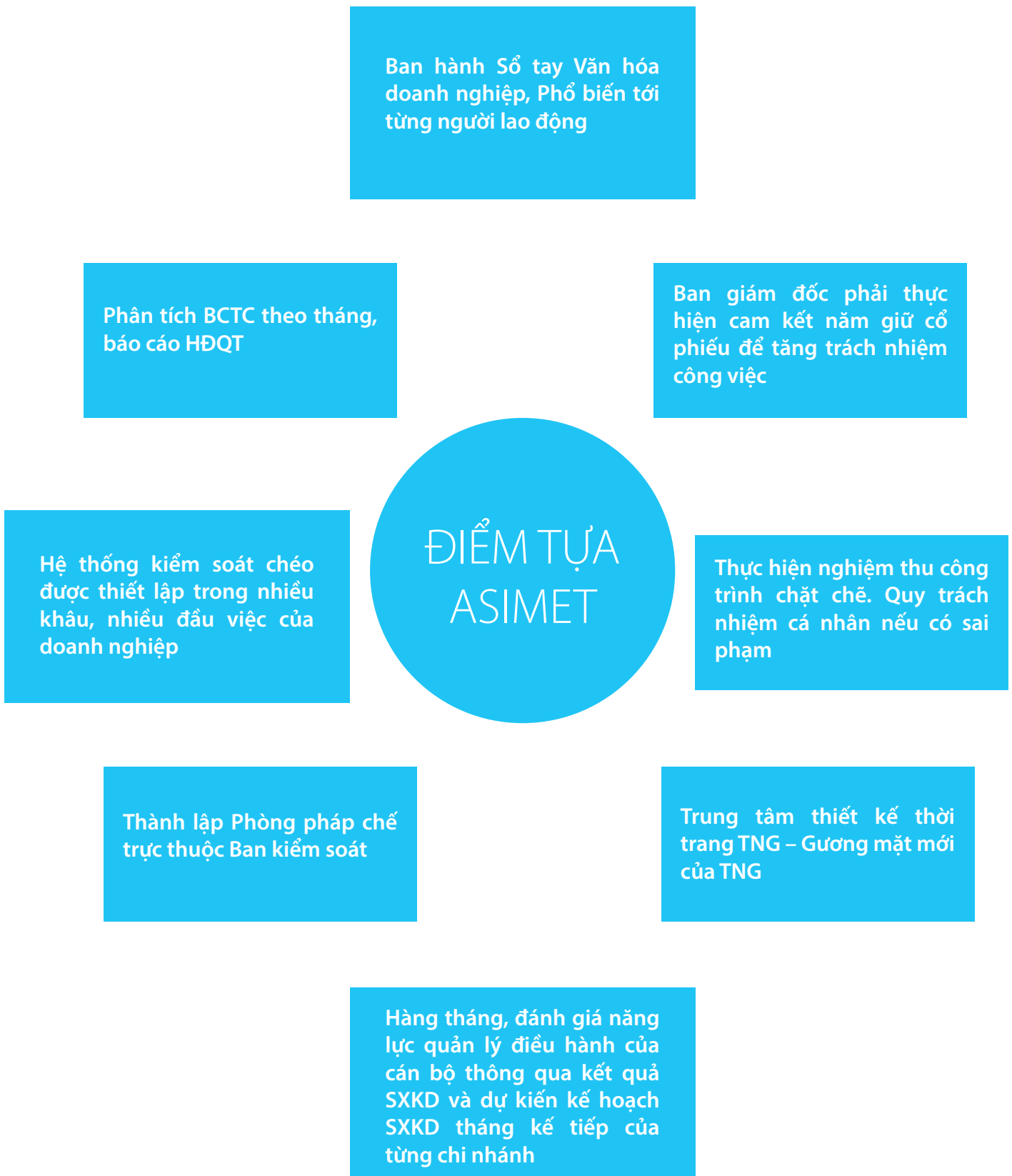
Một bất lợi nữa là thuế suất. Trong khi hàng dệt may Việt Nam vào thị trường Châu Âu chịu thuế suất từ 9% đến 12% thì thuế suất của hàng may mặc các nước như Campuchia, Lào chỉ là 0%

2.2. Chính sách tỷ giá của Việt Nam ổn định và neo vào đồng tiền mạnh là đô la Mỹ, trong khi các đồng tiền khác ở những thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam đã điều chỉnh giảm rất mạnh: euro đã mất 18% giá trị; yen Nhật 17%; nhân dân tệ 8%... Đồng thời, đồng tiền các nước xuất khẩu cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam như ASEAN, Ấn Độ, Bangladesh cũng giảm từ 10-20%. "Như vậy, chỉ riêng yếu tố tỷ giá đã làm cho hàng dệt may đắt hơn so với các nước khác từ 10-16%".

2.3. Lãi vay ngân hàng trong nước từ 8-10%/năm, cao gấp hai đến ba lần so với các nước đối thủ khác hay tiền lương tối thiểu liên tục tăng bình quân từ 12-15% cũng khiến chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng chóng mặt.

2.4. Các hiệp định thương mại mà ngành Dệt may có thể được hưởng lợi như TPP và FTA chưa có hiệu lực thi hành. Mức lương tối thiểu tăng nhanh cũng góp phần làm tăng chi phí của Doanh nghiệp. Theo thống kê, chi phí tiền lương trong tổng sản phẩm chiếm tới 60% ở Việt Nam, trong khi đó ở Myanmar chỉ từ 15-20%

*** Những thay đổi ở TNG**



NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Xây dựng Trung tâm thiết kế thời trang

Tuyên bố không có tham nhũng, tiêu cực trong công ty
+ Nhân viên sai phạm => Đào thải
+ Nhà cung cấp sai phạm => Hủy hợp đồng

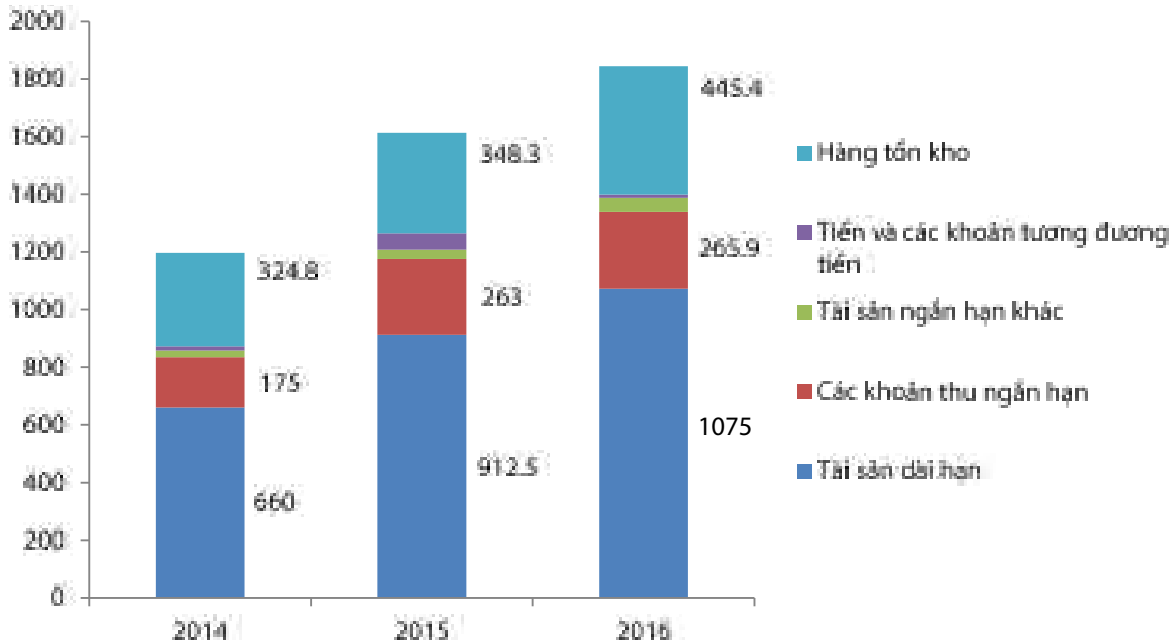
Tăng quy mô vốn lên
342.649.780.000

Tiến hành khoán việc cho Nhân viên

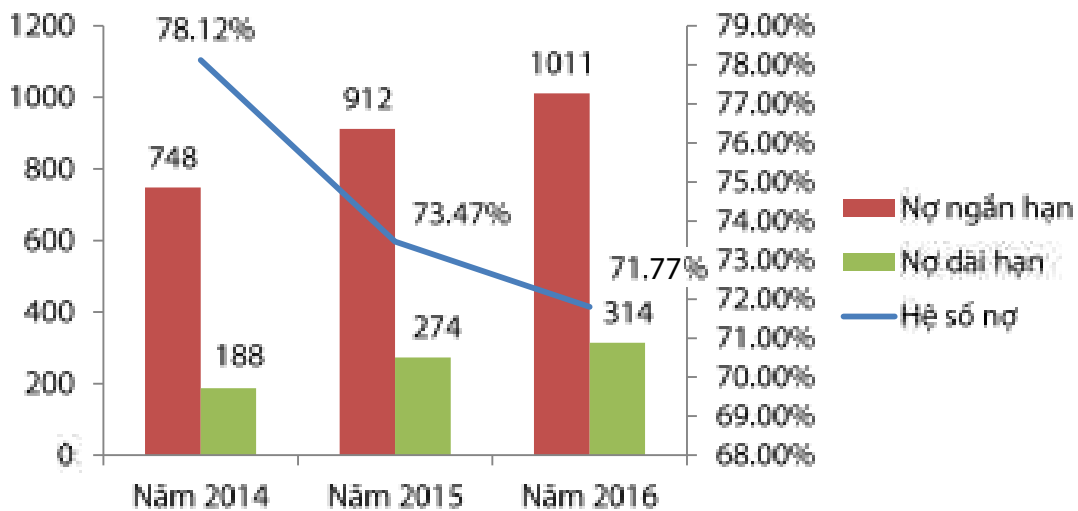
Mọi thông tin đơn hàng, công nợ đều được đưa lên phần mềm kinh doanh

3. Tình hình tài chính

* Tình hình tài sản



Tình hình nợ phải trả



Tại thời điểm 31/12/2016, giá trị tổng nợ đạt 1.325 tỷ đồng, chiếm 71,77% tổng nguồn vốn. Đây là mức tương đối cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành dệt may. Tuy nhiên, tỷ lệ tổng nợ trên tổng nguồn vốn liên tục giảm qua các năm cho thấy những cải thiện khả quan trong cơ cấu nguồn vốn của công ty. Nợ ngắn hạn của công ty tại thời điểm 31/12/2016 đạt 1.011 tỷ đồng, tăng 100 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm.. Nợ dài hạn của công ty tại thời điểm 31/12/2016 đạt 314 tỷ đồng, tăng 48 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Quản lý các khoản nợ
TNG không có nợ xấu

Áp dụng thanh toán L/C: Sau khi xuất hàng, toàn bộ vận đơn gốc TNG sẽ xuất trình qua ngân hàng để đảm bảo khách hàng khi lấy hàng sẽ phải thanh toán cho TNG.

Áp dụng thanh toán theo hình thức tradecard với khách hàng

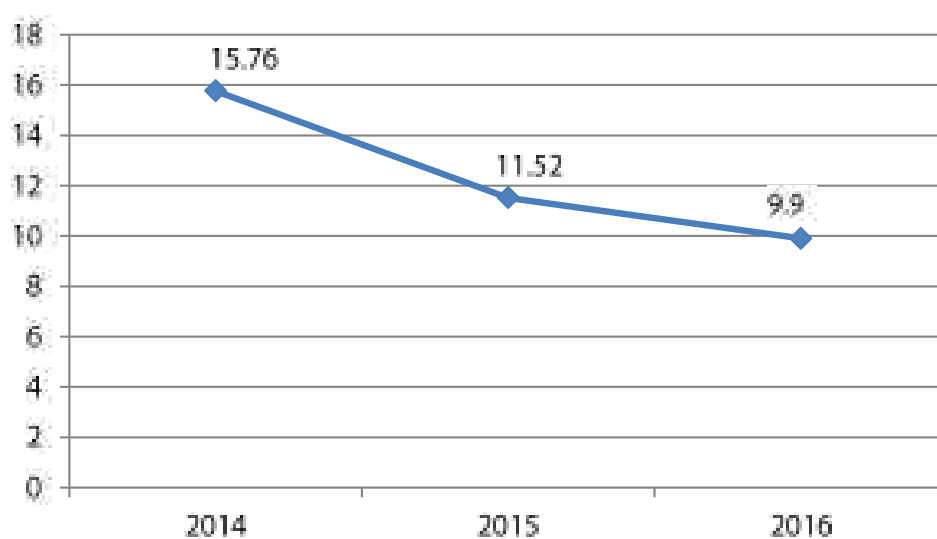
TNG chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm với khách hàng

Đối với các nhà cung cấp: Hàng về đến cảng, hoặc về đến kho TNG sẽ trả tiền

* Chênh lệch lãi vay: Trong năm 2016, tỷ giá tương đối ổn định nên đối với doanh nghiệp xuất khẩu là một lợi thế, TNG không có vướng mắc liên qua đến chênh lệch lãi vay vì TNG vay bằng đồng USD nên tỷ giá cũng khá thấp.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016
Vay ngắn hạn	Tỷ đồng	912	1011
Vay dài hạn	Tỷ đồng	273	314
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	56,8	67
Chi phí lãi vay/ DTT	%	2,95	3,56

Năm 2016, tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần đạt 3,56%. Đây là mức trung bình và thể hiện công ty có thể chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất. Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất.



Năng lực hoạt động – vòng quay phải trả nhà cung cấp của TNG qua các năm

Tại thời điểm 31/12/2016, giá trị các khoản phải trả đạt 117 tỷ đồng. Vòng quay khoản phải trả trong năm 2016 đạt 9,9 vòng, tương đương 36,94 ngày. Số vòng quay cũng như số ngày phải trả cho thấy năng lực tài chính lành mạnh cũng như xu hướng chiếm dụng vốn của nhà cung cấp đang có xu hướng giảm vào năm 2016.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



* Chính sách lựa chọn nhà cung cấp

TNG sử dụng sản phẩm dịch vụ của hàng trăm nhà cung cấp trong nước và ngoài nước. Do vậy để đảm bảo sự minh bạch trong cung ứng hàng hóa, TNG đã thực hiện đấu thầu công khai mọi hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ đầu vào.

Quy trình lựa chọn nhà cung cấp qua đấu thầu

Bước công việc	Bộ phận thực hiện	Ghi chú
Bước 1: Phê duyệt kế hoạch/ chủ trương mua sắm hàng hóa, dịch vụ	- Đơn vụ có như cầu mua sắm HH,DV. - Phòng chuyên môn – Văn phòng Công ty: (1) Thẩm định (2) Lập kế hoạch mua sắm theo Tháng, Quý, Năm trình Chủ tịch/ Tổng giám đốc phê duyệt theo thẩm quyền	Chủ tịch HĐQT: - Phê duyệt Kế hoạch/ Chủ trương mua sắm TSCĐ và MMTB (Không kể giá trị), theo Tháng/Quý/Năm - Phê duyệt Kế hoạch/ Chủ trương cải tạo sửa chữa công trình XD CB có giá trị dự toán từ 30 triệu đồng trở lên, xây dựng mới công trình XD CB, theo Tháng/Quý/Năm Tổng Giám đốc: - Phê duyệt Kế hoạch/Chủ trương mua sắm HH,DV đầu vào còn lại phục vụ cho hoạt động SXKD không thuộc thẩm quyền của HĐQT

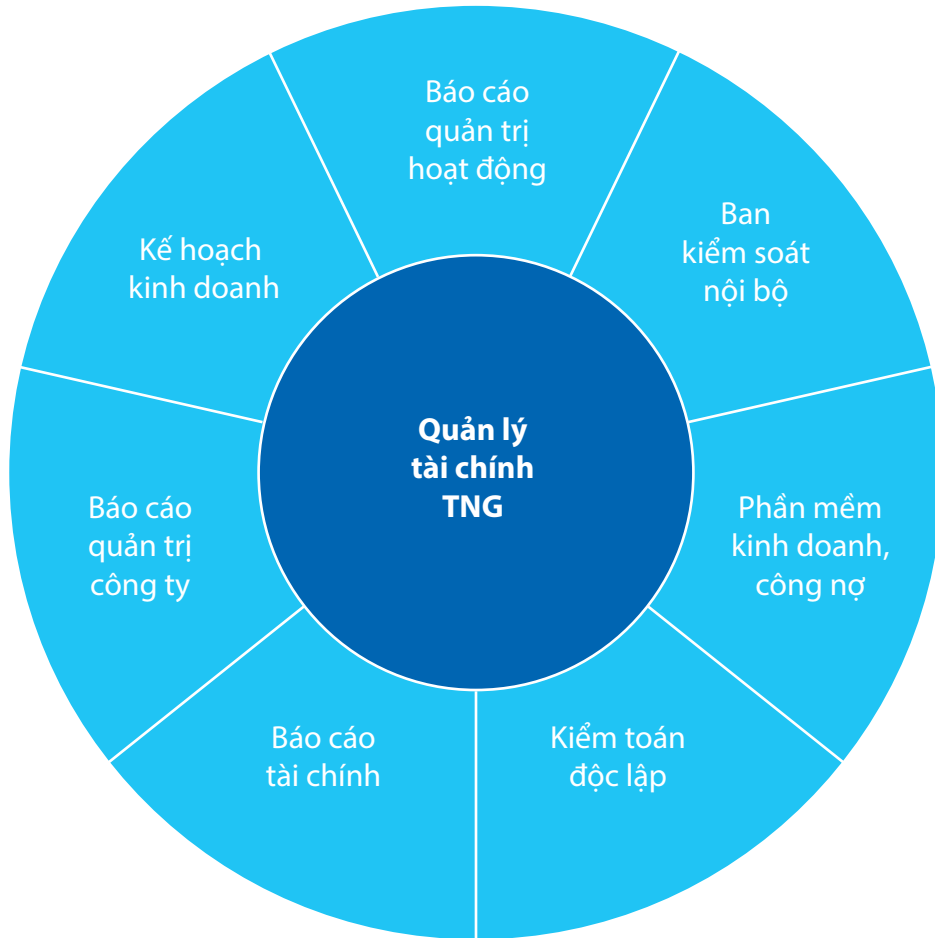
<p>Bước 2: Tổ chức đấu thầu</p>	<p>- Ủy viên thường trực gửi Bộ Hồ sơ đấu thầu sang Phòng Pháp Chế thẩm định trước khi trình Chủ tịch hội đồng đấu thầu phê duyệt</p> <p>- Sau khi Bộ hồ sơ đấu thầu được ban hành, Hội đồng đấu thầu thực hiện các công việc sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mời thầu 2. Đóng thầu, mở thầu 3. Xét thầu 4. Đánh giá, lựa chọn nhà thầu 5. Thương thảo hợp đồng 6. Phê duyệt kết quả đấu thầu 7. Công việc khác theo quy định của Luật đấu thầu 	<p>Quy định về thời gian từ ngày mở thầu đến ngày phê duyệt kết quả đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối đa 10 ngày đối với chào hàng cạnh tranh đơn giản - Tối đa 30 ngày đối với các gói thầu còn lại <p>Việc mua sắm HH,DV ... có giá trị dưới 30 triệu đồng từng lần phát sinh nhưng giá trị thanh toán HH,DV đó của Chi nhánh trong năm dự kiến không quá 10 triệu đồng – thuộc thẩm quyền ký hợp đồng của Giám đốc chi nhánh</p> <p>Trong trường hợp này, có tổ chức đấu thầu mua sắm HH,DV hay không do Giám đốc chi nhánh quyết định</p>
<p>Bước 3: Ký hợp đồng</p>	<p>Ủy viên thường trực gửi dự thảo Hợp đồng sang Phòng Pháp chế thẩm định trước khi trình Chủ tịch/ Tổng giám đốc ký theo thẩm quyền</p>	<p>Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua sắm TSCĐ và MMTB - Cải tạo sửa chữa công trình XD CB có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên - Các hợp đồng xây dựng <p>Tổng giám đốc; Các hợp đồng còn lại</p>
<p>Bước 4: Theo dõi thực hiện HĐ</p>	<p>Ủy viên thường trực</p>	

Các tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp của TNG



* Hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính đối với các chi nhánh

Trong năm 2016, TNG đang tiến hành hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính, theo đó bên cạnh việc quản lý tập trung trên Phần mềm kinh doanh, Phần mềm kế toán Bravo... TNG đang từng bước xây dựng hệ thống kiểm toán nội bộ nhằm quản lý hiệu quả, chặt chẽ tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty



* Chính sách về văn hóa doanh nghiệp

Trong năm 2016, TNG đang tiến hành hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính, theo đó bên cạnh việc quản lý tập trung trên Phần mềm kinh doanh, Phần mềm kế toán Bravo... TNG đang từng bước xây dựng hệ thống kiểm toán nội bộ nhằm quản lý hiệu quả, chặt chẽ tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty

Văn hóa trang phục, tác phong	<ul style="list-style-type: none"> - Mặc đồng phục theo quy định của Công ty - Lịch sự, gọn gàng, sạch sẽ
Văn hóa chào hỏi, ứng xử	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp dưới chào hỏi cấp trên trước - Người ít tuổi chào người nhiều tuổi trước, người đến sau chào người đến trước - Khi gặp Lãnh đạo, CBCNV phải chào hỏi trước, thể hiện sự kính trọng, lễ phép. Lãnh đạo cũng phải đáp lại bằng cử chỉ thân thiện, có thể gật đầu mỉm cười đáp lại. - Đồng nghiệp khi gặp nhau phải chào hỏi thân thiện

Văn hóa về công tác nhân sự	<p>Văn hóa tiếp nhận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt tình, vui vẻ, quan tâm, giúp đỡ, hướng dẫn, thực hiện công tác hòa nhập cho nhân viên mới - Tạo môi trường thân thiện, hòa đồng. <p>Văn hóa khen thưởng, kỷ luật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kịp thời, công bằng và minh bạch <p>Văn hóa điều động, bổ nhiệm, từ nhiệm chức vụ :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gặp gỡ, trao đổi, chia sẻ trước khi Điều động, Bổ nhiệm, từ nhiệm
Văn hóa về tiếp khách, đón khách	<ul style="list-style-type: none"> - Đúng giờ, lịch sự, chu đáo, nhiệt tình - Niềm nở, chủ động chào hỏi và tự giới thiệu về mình với khách. - Hướng dẫn khách đến bộ phận cần làm việc - Ở lại tiếp khách đến khi chương trình kết thúc.
Văn hóa sử dụng không gian chung	<p>Phòng làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn vệ sinh nơi làm việc luôn xanh, sạch, đẹp - Đi lại nhẹ nhàng, tránh đi giày dép tạo ra tiếng ồn quá lớn làm ảnh hưởng đến môi trường làm việc chung. - Không mang đồ ăn vào phòng làm việc
Văn hóa làm việc	<p>Văn hóa giao việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụ thể, đúng người, đúng việc - Không giao việc chồng chéo - Đặt mục tiêu rõ ràng về kết quả công việc và thời gian hoàn thành
Văn hóa tuyển dụng lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên nghiệp, ân cần niềm nở, có sự hiểu biết sâu rộng về các chế độ chính sách của TNG. - Tận tình hướng dẫn ứng viên về hồ sơ tuyển dụng, quy trình tuyển dụng. - Tư vấn và giải thích rõ ràng các chính sách, chế độ, quyền lợi đối với người lao động. - Công tác tuyển dụng thực hiện công khai, minh bạch.
Văn hóa về phân phối thu nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật - Có tính ổn định , minh bạch, dân chủ - Thông báo cho người lao động biết ít nhất 1 tháng trước khi thực hiện - Trả lương đúng thời hạn quy định - Không tiết lộ thông tin tiền lương
Văn hóa về thực hiện Nội quy lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Nội quy lao động Công ty được phổ biến đến toàn bộ CBCNV - Việc ban hành nội quy đi đôi với việc kiểm tra và giám sát thực hiện. - Thực hiện một cách nghiêm túc, chủ động và tự giác. - Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm nội quy lao động Công ty.
Văn hóa kinh doanh	<p>Về phía Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh đúng pháp luật - Công khai, minh bạch <p>Về phía CBCNV</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tôn trọng đối tác - Không được phép tiết lộ bất cứ thông tin mật liên quan đến sản xuất, kinh doanh, tài chính, nhân sự, bí quyết công nghệ hay thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, các thông tin nội bộ khác của Công ty.

<p>Văn hóa sử dụng điện thoại</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị trước nội dung cần trao đổi khi gọi. - Chào hỏi, xưng tên, chức danh bộ phận làm việc của mình. - Trao đổi nội dung ngắn gọn, rõ ràng, cụ thể. - Tác phong nói chuyện từ tốn, âm lượng vừa phải. - Khi đang tham gia hội họp đặt điện thoại ở chế độ im lặng hoặc rung, khi có công việc cần thiết thì nên xin phép chủ tọa ra ngoài nghe điện để xử lý công việc. - Kết thúc trao đổi, phải có lời cảm ơn, lời chào. - Đối với điện thoại do Công ty cung cấp: phải sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích công việc được giao
<p>Văn hóa sử dụng tài sản chung của Công ty</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn, tiết kiệm và sử dụng đúng mục đích - Không sử dụng vào mục đích của cá nhân. - Không được mang tài sản, phương tiện ra khỏi nơi làm việc nếu chưa được cấp có thẩm quyền cho phép. - Hết giờ làm việc, CB-CNLĐ phải tắt hết các thiết bị điện, khóa chốt các cửa trước khi ra về.
<p>Văn hóa về thực hiện an toàn bảo hộ trong lao động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền và phổ biến đến người lao động thấu hiểu và tự nguyện thực hiện. - Người lao động tự nguyện thực hiện: <ol style="list-style-type: none"> 1. Kiểm tra và sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân được cấp phát khi làm việc. 2. Kiểm tra tình trạng của máy móc thiết bị trước khi sử dụng. 3. Thực hiện đúng quy trình, thao tác làm việc an toàn. 4. Ngắt thiết bị ra khỏi nguồn điện trước khi ra về. KHÔNG - Làm mất tác dụng của cơ cấu che chắn, bảo vệ, cảnh báo. - Di chuyển hoặc sử dụng khi chưa được phép các thiết bị chữa cháy tại chỗ. - Để hàng hóa che lấp, xâm lấn thiết bị chữa cháy, tủ thuốc và lối thoát nạn, cửa thoát hiểm. - Mang chất cấm, nguy hiểm cháy nổ vào Công ty.
<p>Văn hóa chống tham nhũng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công khai, minh bạch các thông tin đấu thầu tại các cuộc họp qua các văn bản, qua website, báo chí... - Ngăn chặn trước khi xử lý: Nhận diện các hành vi các đối tượng có nguy cơ tham nhũng để giáo dục tư tưởng và ngăn chặn.

Tổng quan về
BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Báo cáo phát triển bền vững 2016 được TNG xây dựng nhằm tổng hợp công bố các hoạt động quan trọng của công ty liên quan đến vấn đề phát triển bền vững trong năm 2016. Xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng dài hạn đồng thời đánh giá sự hài lòng của khách hàng, người tiêu dùng và đảm bảo sức khỏe của hơn 10.000 người lao động, TNG xác định công ty chỉ có thể thành công trong sản xuất kinh doanh khi thực hiện tốt các trách nhiệm đối với môi trường, cộng đồng và xã hội.

Nội dung báo cáo sẽ chia sẻ các hoạt động của công ty về phát triển bền vững, các hoạt động liên quan đến lợi ích các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên liên quan tâm. Đồng thời, cũng phác họa bức tranh bền vững của Công ty thông qua các mục tiêu, định hướng dài hạn về môi trường, cộng đồng và xã hội trong những năm tới.

PHẠM VI BÁO CÁO

Bao gồm các thông tin về chỉ số hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại TNG có trụ sở chính tại số: Số 434/1, Đường Bắc Kạn, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Thái Nguyên cùng 13 nhà máy may và 2 đơn vị sản xuất phụ trợ phụ trợ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong lĩnh vực sản xuất xuất khẩu hàng may mặc.

KỲ BÁO CÁO: 01/01/2016 – 31/12/2016.

Chu kỳ báo cáo: Báo cáo phát triển bền vững được lập theo định kỳ hàng năm.

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Báo cáo được xây dựng theo hướng dẫn báo cáo phát triển bền vững G4 – Global reporting Initiative – Các nguyên tắc báo cáo và công bố thông tin theo tiêu chuẩn.

Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững – của Ủy ban chứng khoán nhà nước và IFC.

Bộ chỉ số Bền vững Doanh nghiệp (CSI) – Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam (VBCSD)

* Môi trường

CHÍNH SÁCH CHUNG

Lập kế hoạch

Trong năm 2016 và thời gian tới, TNG cũng có những kế hoạch cụ thể và đang tiến hành thực hiện về

+ TNG đã có những kế hoạch về xây dựng hệ thống xử lý nước thải ở Phú Bình

+ Lập kế hoạch Thu gom rác thải nguy hại theo thông báo 1684/TB-CT ngày 10/12/2015 và đã tiến hành vào ngày 15/12/2015 tại các chi nhánh Sông Công 1,2,3,4, chi nhánh bao bì, chi nhánh Phú Bình 1,2,3,4, Chi nhánh may Việt Đức, Việt Thái, Đại Từ

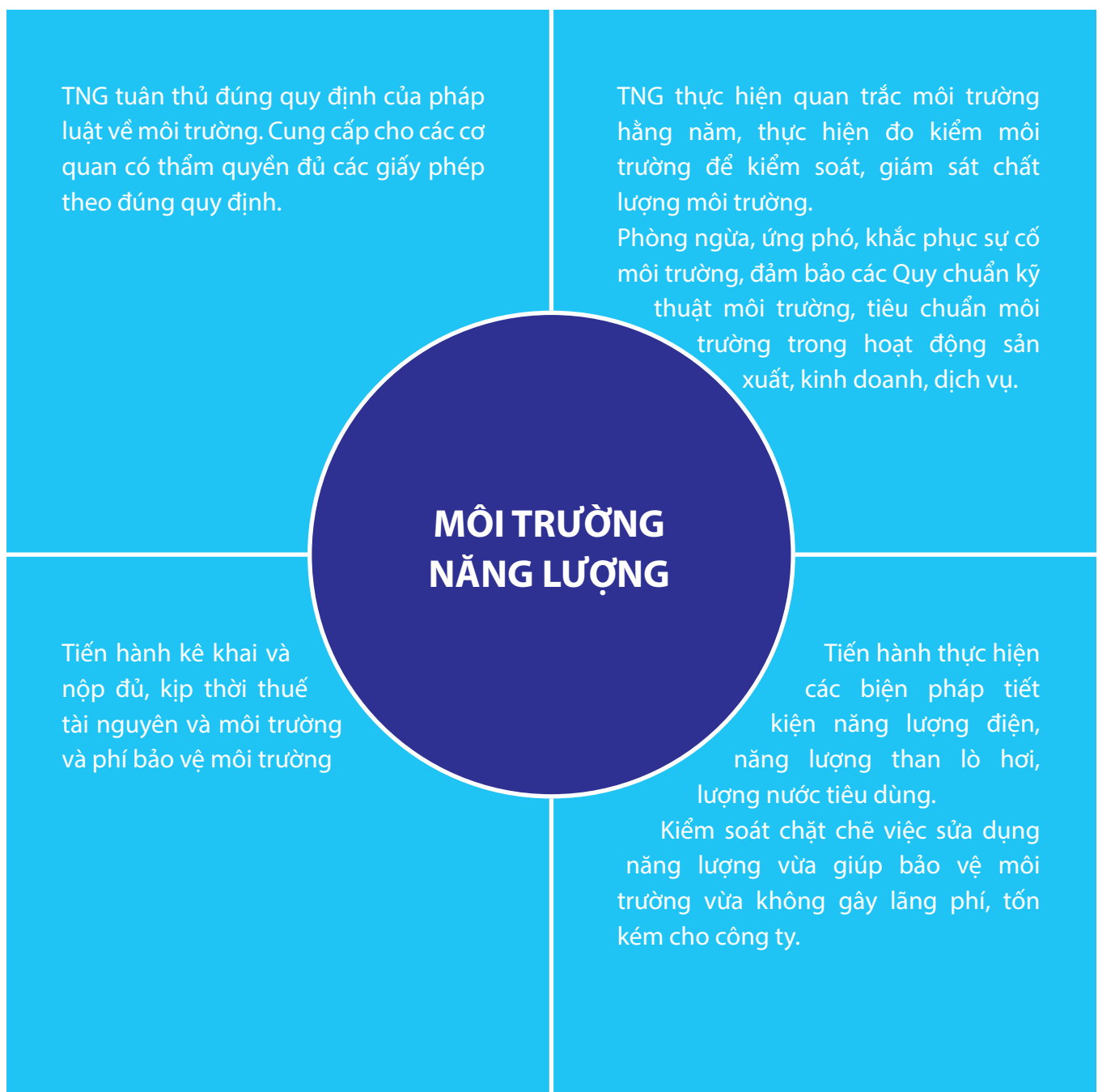
+ Ban hành kế hoạch số: 958/KH-CT về việc kế hoạch quán trắc môi trường quý 2,3,4 năm 2016

Xây dựng chính sách

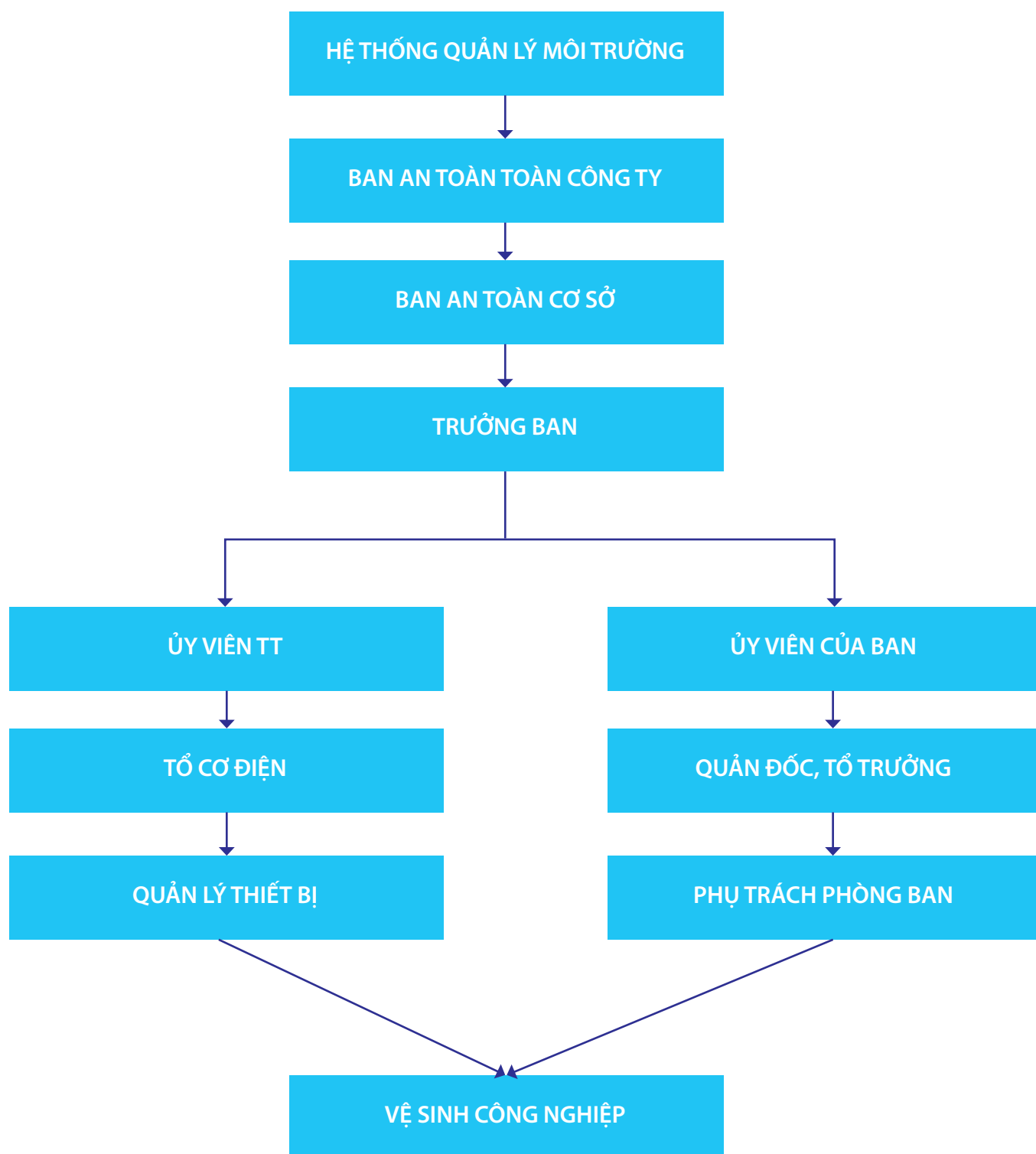
TNG đã mỗi năm đều ban hành mục tiêu môi trường và trong năm 2016, TNG cam kết thực hiện mục tiêu môi trường như sau

- + Đào tạo cho 100% cán bộ công nhân viên trong công ty nhận diện các khía cạnh và tác động của nó đến môi trường
- + Tiết kiệm 5% nước sinh hoạt trong toàn Công ty so với năm 2015
- + Tiết kiệm 5% lượng điện tiêu thụ so với năm 2015
- + Thực hiện định kỳ vệ sinh nơi làm việc vào cuối ngày thứ 7 hàng tuần trong toàn Công ty
- + Nghiêm túc thực hiện 5S tại các nhà máy, Công ty

TNG tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường



*Hệ thống quản lý môi trường



* Người lao động

Đối với TNG, Người lao động là tài sản quý giá nhất, trách nhiệm đối với người lao động cũng chính là động lực để công ty phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Con người tại TNG rất được chú trọng đầu tư. TNG luôn cam kết tất cả người lao động của Công ty đều được đối xử công bằng, được làm việc trong một môi trường làm việc làm mạnh, đoàn kết để phát huy hết khả năng của mình đóng góp vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

“TNG cam kết không một người lao động nào làm việc tại TNG bị vi phạm chế độ, quyền lợi theo quy định của pháp luật. Trong khả năng của mình, TNG cam kết mang lại phúc lợi tốt hơn cho người lao động”



Nhằm phục vụ cho công tác tra cứu, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách cho Người lao động, Hội đồng Quản trị công ty đã chỉ đạo biên soạn cuốn Sổ tay An sinh xã hội.

Đây là tập hợp các quy định của pháp luật, được chuyển hóa thành quy định Công ty về các chế độ mà Người lao động được hưởng, kể từ khi bắt đầu vào học việc/thử việc tại Công ty, cho đến khi nghỉ hưu hay chấm dứt Hợp đồng lao động

Chính sách lao động tại TNG

Đơn vị: Triệu đồng

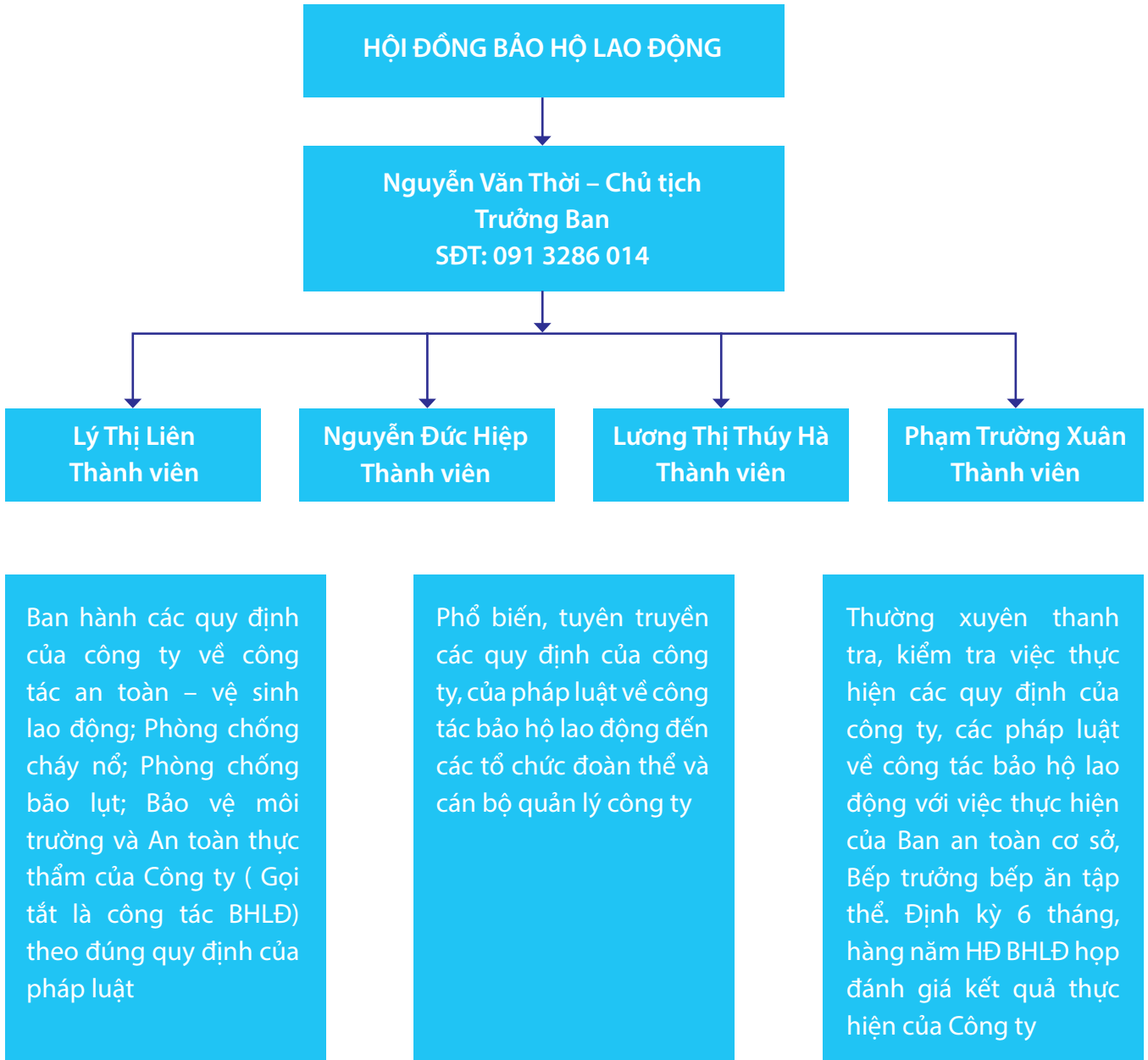
Chỉ tiêu	2015	2016	2017
Lương bình quân (Triệu đồng)	4,8	5,2	5,6
Tổng tiền khen thưởng	416	558	612

Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG cam kết: “Người lao động làm việc tại TNG được hưởng đầy đủ mọi chế độ quyền lợi theo quy định của pháp luật: Luật lao động, Luật bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quy định của nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động”. Đặc biệt, không nhận người lao động là trẻ em dưới 18 tuổi vào làm việc trong công ty.

*An toàn vệ sinh lao động

Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Chỉ tiêu	2015	2016
Số trường hợp tai nạn lao động	0	0
Số trường hợp khiếu nại	0	0



Trong năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng khám sức khỏe định kỳ với công ty: Công ty CP Phòng khám đa khoa Hà Nội Thái Nguyên. Đơn vị này có đầy đủ giấy phép hành nghề, giấy phép khám chữa bệnh theo yêu cầu của Bộ Y tế.

Đối tượng khám sức khỏe là CBCNV toàn Công ty bao gồm: Nhân viên văn phòng, Công nhân may lao động. Riêng Lao động nữ được tiến hành khám sản và phụ khoa, siêu âm ổ bụng tổng quát.

Khám sức khỏe định kỳ	Đối tượng	Nội dung khám
Lần 1	Toàn bộ cán bộ công nhân viên công ty	+ Khám lâm sàng: Nội khoa, ngoại khoa, Sản phụ khoa, tai mũi họng, răng, hàm, mặt...
Lần 2	Các cán bộ công nhân viên làm việc tại môi trường có yếu tố độc hại	+ XQ tim phổi + Điện tim đồ + Siêu âm ổ bụng tổng quát + Xét nghiệm mức tiểu 11 thông số + Xét nghiệm chức năng gan, thận

*** Cộng đồng địa phương**

Trong gần 40 năm phát triển, TNG luôn giữ đúng vị thế của một doanh nghiệp lớn về cả kinh tế và cộng đồng. Công tác hướng tới cộng đồng của TNG luôn được ban lãnh đạo quan tâm và hướng ứng nhằm chung tay xây dựng một xã hội ngày càng phát triển, giàu mạnh về mọi mặt

Song song với mục tiêu phát triển kinh tế, TNG cũng xác định rõ trách nhiệm của một doanh nghiệp lớn đối với cộng đồng. Trong hơn 40 năm thực hiện công tác xã hội cộng đồng, TNG cũng đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển của xã hội

Hoạt động cụ thể vì cộng đồng địa phương

1. Công đoàn TNG - tết vì người nghèo

Cái rét 10 độ C không ngăn được bước chân của những thành viên trong đoàn lãnh đạo công ty Cp Đầu tư và thương mại TNG đến với những công nhân có hoàn cảnh khó khăn trước thềm tết Nguyên đán Bính thân 2016. Đây là hoạt động mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện sự quan tâm, chăm lo của lãnh đạo công ty với cán bộ, công nhân viên, những cộng sự đã gắn bó với TNG trong suốt thời gian qua.



Gia đình chị Nguyễn Thị Hương, huyện Phú Bình, công tác tại TNG Phú Bình



Xuân ấm yêu thương, dịp tết Bính thân 2016, công đoàn công ty đã tặng 460 suất quà với tổng trị giá trên 5 tỷ đồng đến công nhân có hoàn cảnh khó khăn, công nhân là con thương binh, liệt sỹ, người có công với cách mạng.

2. Đảng bộ công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG: "mỗi chuyến đi, một tấm lòng"



Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG Thái Nguyên thăm và tặng quà tại liên trường xã Sán Sả Hồ tỉnh Hà Giang

Trong thời gian tới, Đảng bộ Công ty sẽ tiếp tục duy trì những truyền thống tốt đẹp và cha ông ta đã để lại, Công ty sẽ lại tìm đến những mảnh đất xa xôi hơn nữa, khó khăn hơn nữa để mong rằng sẽ mang đến cho đồng bào ta những tình cảm động viên về cả tinh thần lẫn vật chất.

3. Công đoàn TNG - bàn giao 2 nhà tình nghĩa tại huyện phú bình và huyện đại từ

Vừa qua, Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG phối hợp với UBND xã Tân Đức huyện Phú Bình tổ chức bàn giao nhà tình nghĩa cho gia đình chị Nguyễn Thị Hương tại xóm Diển.

Dự buổi lễ bàn giao có đồng chí Dương Ngọc Long – Nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên, các đồng chí lãnh đạo UBND huyện Phú Bình, lãnh đạo UBND xã Tân Đức, trưởng xóm và đại gia đình chị Hương.



Các đại biểu chụp hình lưu niệm tại căn nhà mới của chị Hương



Đồng chí Nguyễn Đức Hiệp - Chủ tịch Công đoàn TNG trao số tiền 50 triệu đồng cho chị Hương



Anh Tuấn cùng ngôi nhà mới

Sau hơn 4 tháng xây dựng, căn nhà đã được hoàn thiện với tổng diện tích gần 50m² có giá trị gần 90 triệu đồng. Trong đó, công ty Cp Đầu tư và thương mại TNG hỗ trợ 50 triệu đồng, gia đình tự có hơn 30 triệu đồng, số tiền còn lại do UBMT TQ xã Tiên Hội và anh em họ hàng anh Tuấn quyền góp ủng hộ.

Kiểm tra chặt chẽ chất lượng sản phẩm

“Nhằm đem lại sự hài lòng nhất với khách hàng, TNG tiến hành kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm nhằm mong muốn không một sản phẩm nào đến tay khách hàng bị lỗi”

Thông tin sản phẩm

TNG luôn cam kết cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chất lượng tốt nhất cho khách hàng.

Cam kết bảo vệ quyền lợi của khách hàng về thương hiệu và nhãn hiệu hàng hóa: mỗi mặt hàng đều có mã vạch và số Seri riêng, có nhãn mác TNG in sau cổ áo



+ Thông tin hướng dẫn sử dụng: được in kèm theo nhãn mác của công ty cung cấp cho khách hàng và người tiêu dùng cách sử dụng sản phẩm tốt nhất. Ngoài ra, Khách hàng và người tiêu dùng cũng có thể liên hệ với Hotline: 0964 920 222 để được tư vấn trực tiếp về sản phẩm công ty



Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán

Chúng tôi khẳng định trách nhiệm của mình đối với các vấn đề sau:

- a. Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung.
- b. Xây dựng và thực hiện chương trình, biện pháp kiểm soát nhằm ngăn ngừa, phát hiện gian lận.
- c. Xây dựng và duy trì hoạt động hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Các nội dung được trình bày tại thư giải trình này được giới hạn cho các vấn đề trọng yếu. Các vấn đề được coi là trọng yếu, không phân biệt mức độ (về giá trị), nếu liên quan đến các thiếu sót, sai sót về thông tin kế toán mà, trong từng trường hợp cụ thể, sự thiếu sót hoặc sai sót này có thể ảnh hưởng hoặc làm thay đổi các quyết định của người sử dụng thông tin tài chính.

Trong phạm vi trách nhiệm và sự hiểu biết của mình, chúng tôi xác nhận các giải trình sau đây:

1. Báo cáo tài chính đề cập ở trên được trình bày trung thực và hợp lý, tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.
2. Chúng tôi đã cung cấp cho Kiểm toán viên toàn bộ:
 - a. Báo cáo tài chính và thông tin liên quan;
 - b. Biên bản Đại hội cổ đông, các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hoặc bản tóm tắt nội dung các cuộc họp chưa lập biên bản gần đây.
3. Không có phản ảnh nào từ các cơ quan quản lý nhà nước về việc không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các quy định về kế toán.
4. Chúng tôi không có bất kỳ kiện tụng, khiếu nại hoặc khoản bồi thường nào đang xảy ra, hoặc có khả năng xảy ra, hoặc các khiếu nại, bồi thường chưa được xác nhận, cần phải tổng hợp và trình bày trên báo cáo tài chính theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung và chúng tôi không thực hiện tham vấn các chuyên gia về luật liên quan đến các kiện tụng có khả năng xảy ra hoặc các khiếu nại, khoản bồi thường chưa được xác nhận.
5. Các vấn đề sau đây, trong phạm vi áp dụng thích hợp, đã được xác định phù hợp, ghi chép đầy đủ và trình bày hợp lý trên báo cáo tài chính:
 - a. Nghiệp vụ đối với các bên liên quan, các khoản phải thu, phải trả liên quan bao gồm các khoản mua, bán, đi vay, chuyển nhượng, thuê tài sản và bảo lãnh (bằng lời hay văn bản).
 - b. Các khoản bảo lãnh bằng lời hay bằng văn bản mà công ty có nghĩa vụ hoàn trả.
 - c. Các thỏa thuận với các tổ chức tài chính liên quan đến việc bù trừ các số dư hoặc các thỏa thuận khác liên quan đến một số hạn chế về số dư tiền mặt, các hạn mức tín dụng, hoặc các thỏa thuận tương tự khác đã được trình bày một cách phù hợp trên báo cáo tài chính.
 - d. Các thỏa thuận mua lại các tài sản đã bán trước đây
6. Trong việc lập báo cáo tài chính theo các nguyên tắc kế toán Việt nam, Ban Giám đốc đã thực hiện các ước tính kế toán. Tất cả các ước tính kế toán được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu các thông tin hiện có trước ngày phát hành báo cáo cho thấy:
 - a. Có cơ sở hợp lý cho thấy ước tính về mức độ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của một điều kiện, hoàn cảnh hoặc tình huống tại ngày của báo cáo sẽ bị thay đổi trong tương lai gần do ảnh hưởng của một hoặc một số sự kiện trong tương lai.

b. Ảnh hưởng của sự thay đổi là trọng yếu đến báo cáo tài chính.

7. Công ty không:

a. Vi phạm hay có thể vi phạm luật và các quy định mà ảnh hưởng cần trình bày trên báo cáo tài chính hoặc là cơ sở cho việc ghi nhận công nợ tiềm tàng.

b. Các khoản công nợ hoặc thu nhập, chi phí tiềm tàng khác cần phải dự phòng hoặc trình bày theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung.





Global Car Sales



CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động năm 2016

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1 Quản trị khách hàng:

Duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng đang có quan hệ hợp tác với TNG trong các năm qua, và giao nhiệm vụ cho giám đốc các chi nhánh:

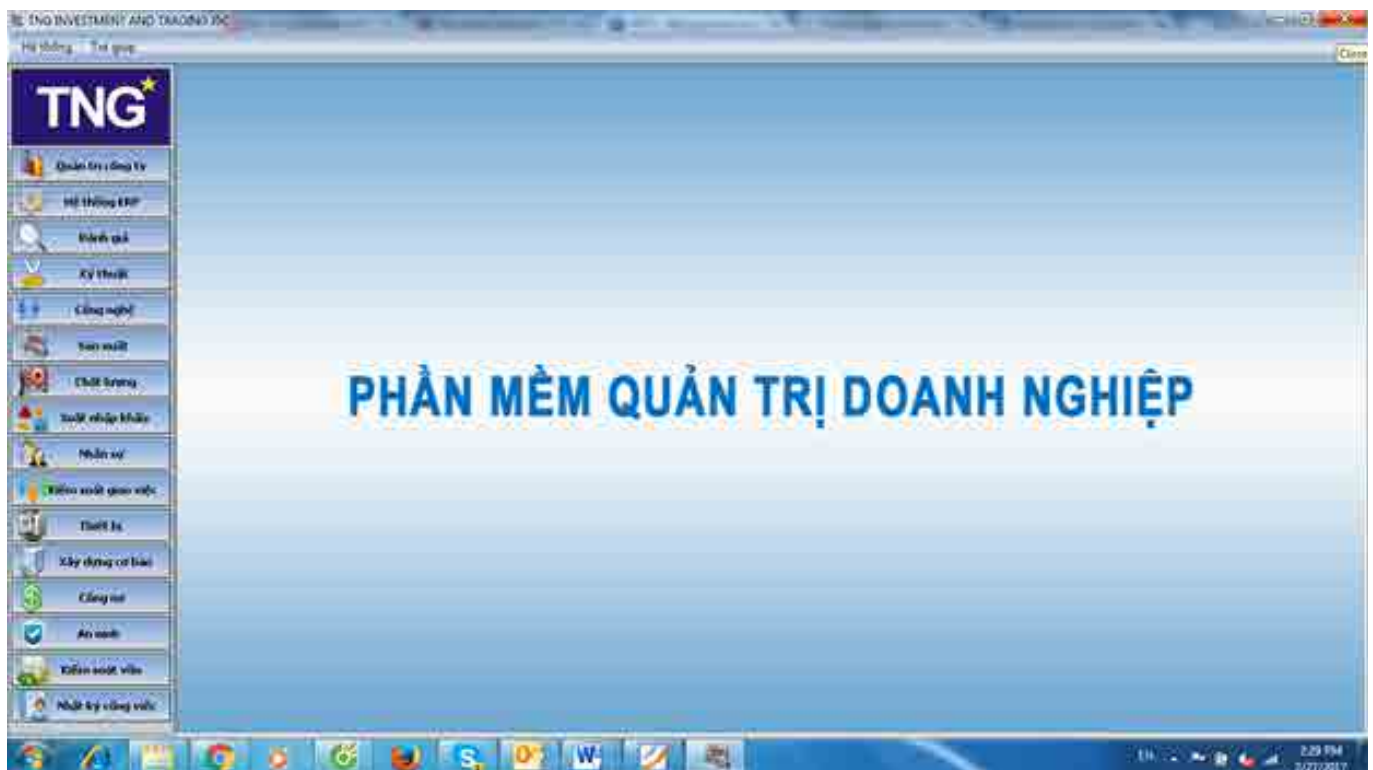
1. Giám đốc các chi nhánh phải tập trung mọi nguồn lực để khai thác tối đa nguồn hàng từ các khách hàng được giao, mục tiêu hợp tác: Các khách hàng được giao về Chi nhánh đủ đơn hàng bao trọn năng lực Nhà máy cả chính vụ và trái vụ.

2. Giám đốc Chi nhánh chỉ được nhận đơn hàng với các khách hàng được giao.

- Khi Giám đốc chi nhánh đàm phán chào giá với khách hàng, yêu cầu phải có Hội đồng đàm phán đơn hàng cùng tham gia đàm phán. Trường hợp đàm phán qua Email thì phải gửi email đàm phán vào hòm thư của những thành phần trên.

- Để đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phòng ngừa tham nhũng, gian lận, HĐQT nghiêm cấm Giám đốc chi nhánh, trưởng phòng kinh doanh của chi nhánh hoặc bất kỳ 1 thành viên nào trong Hội đồng đàm phán đơn hàng mà đàm phán riêng rẽ với khách hàng.

1.2 Quản trị sản xuất: Duy trì, kiểm soát các hoạt động trên phần mềm quản trị kinh doanh để ra quyết định chính xác nhất:

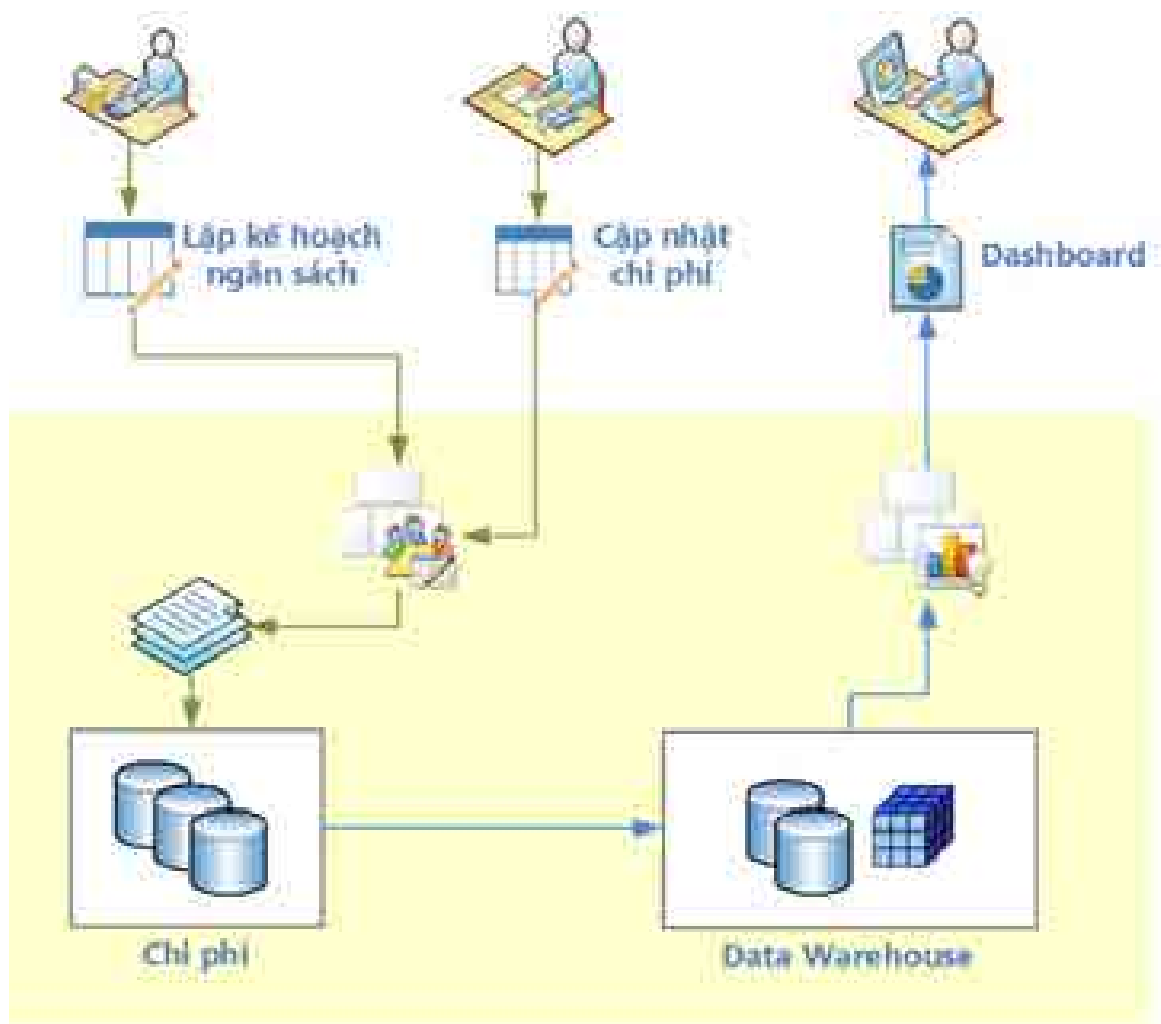


1.3 Quản trị nhân sự: Tạo động lực làm việc cho người lao động:



1. Quản trị chi phí:

- Phân tích từng tiểu mục, kiểm soát chi phí so với kế hoạch từng tháng.



Quản lý Kế hoạch ngân sách & Chi phí

TNG luôn đề cao trách nhiệm đối với môi trường:



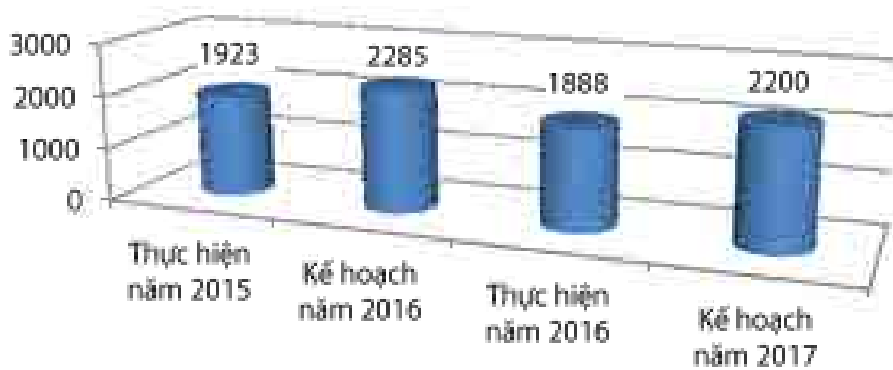
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty:



2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

• Tình hình sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2015	2016	Tăng/ giảm
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1923	1888	-1,88%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	71,3	81,2	+ 13,86%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/ CP	2.472	2.480	+0,32%
Số lượng lao động	Người	9.313	9.544	+2,48%
Thu nhập bình quân người lao động	VNĐ/người/tháng	4.800.000	5.200.000	+8,33%

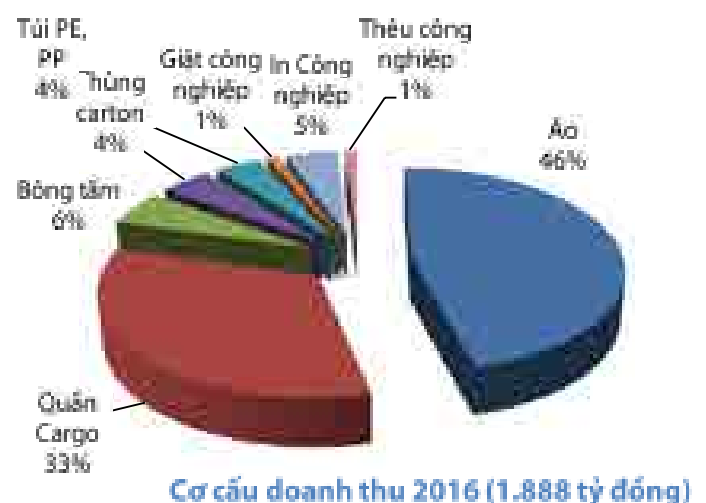
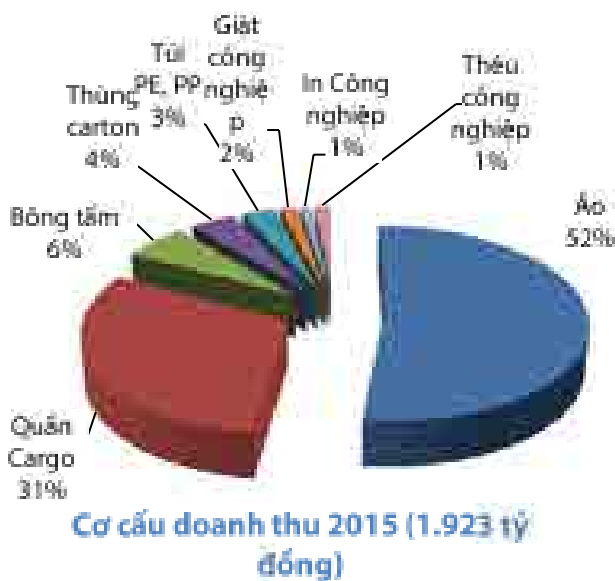


Năm tài chính 2016
Doanh thu thuần giảm

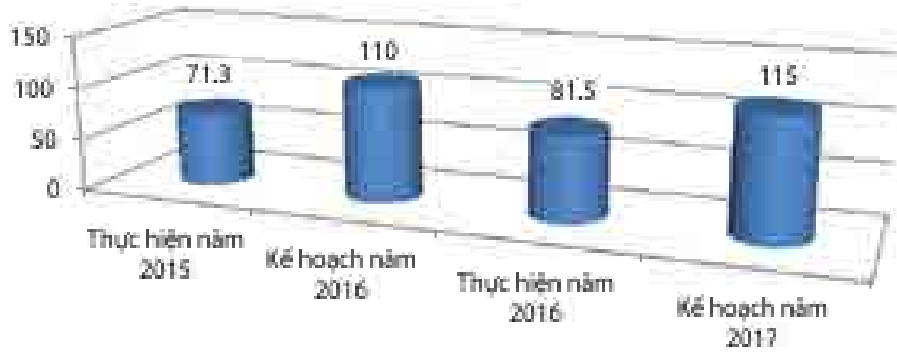
1,88%

Trong năm 2016, doanh thu của TNG là 1.888 tỷ đồng. Trong năm 2017, TNG đề ra kế hoạch là 2.200 tỷ đồng.

Về cơ cấu doanh thu năm 2015 - 2016 (lĩnh vực kinh doanh)



Về cơ cấu doanh thu năm 2015 - 2016 (lĩnh vực kinh doanh)

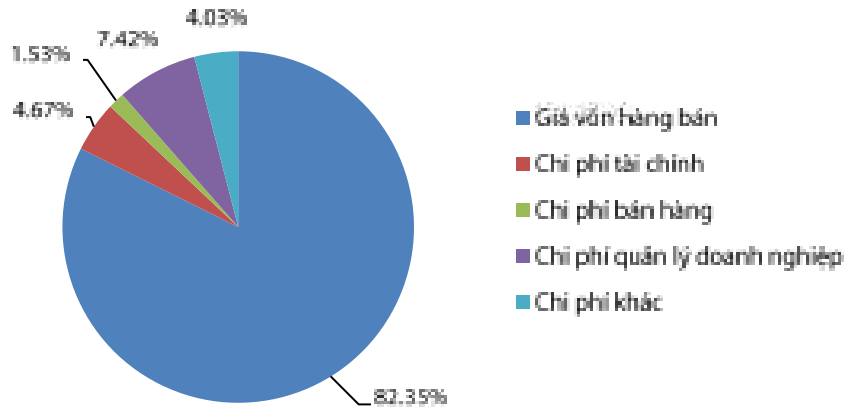


Năm tài chính 2016
 Lợi nhuận sau thuế tăng
13,86%

Trong năm 2016, doanh thu của TNG là 81,2 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 75% kế hoạch đề ra do chịu ảnh hưởng của khó khăn kinh tế toàn cầu. Trong năm 2017, TNG đề ra kế hoạch là 115 tỷ đồng.

*** Về chi phí**

Cơ cấu chi phí hoạt động:



Giá vốn hàng bán luôn là nhóm chi phí chiếm tỷ trọng khá lớn, với mức 82,53% trong tổng các chi phí hoạt động của TNG. Trong các nhóm chi phí, sự giảm sút 9% của chi phí tài chính mà chủ yếu là chi phí lãi vay đã có sự đóng góp đáng kể vào sự tăng lên của Lợi nhuận sau thuế của Công ty. Các nhóm chi phí khác dù có sự tăng lên so với cùng kỳ nhưng với tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu tổng chi phí hoạt động nên có ít tác động đến tổng lợi nhuận hoạt động của toàn Công ty.

Ban Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế:

+ Về Doanh thu:

Doanh thu năm 2016 của TNG là 1.888 tỷ đồng, đạt 75% so với kế hoạch đề ra và giảm 1,88% so với năm 2015.

Nguyên nhân

1. Do ngành may đang phải cạnh tranh trực tiếp với các nước đối thủ như Trung Quốc, Ấn Độ, Campuchia, Bangladesh, Myanmar, Sri Lanka. Ấn Độ đang tập trung nguồn lực cũng như chính sách từ phía nhà nước để phát triển ngành dệt may. Campuchia, Myanmar... được hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang EU.

Một bất lợi nữa là thuế suất. Trong khi hàng dệt may Việt Nam vào thị trường Châu Âu chịu thuế suất từ 9% đến 12% thì thuế suất của hàng may mặc các nước như Campuchia, Lào chỉ là 0%

2. Chính sách tỷ giá của Việt Nam ổn định và neo vào đồng tiền mạnh là đô la Mỹ, trong khi các đồng tiền khác ở những thị trường nhập khẩu chính của Việt Nam đã điều chỉnh giảm rất mạnh: euro đã mất 18% giá trị; yen Nhật 17%; nhân dân tệ 8%... Đồng thời, đồng tiền các nước xuất khẩu cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam như ASEAN, Ấn Độ, Bangladesh cũng giảm từ 10-20%. “Như vậy, chỉ riêng yếu tố tỷ giá đã làm cho hàng dệt may đắt hơn so với các nước khác từ 10-16%”.

3. Lãi vay ngân hàng trong nước từ 8-10%/năm, cao gấp hai đến ba lần so với các nước đối thủ khác hay tiền lương tối thiểu liên tục tăng bình quân từ 12-15% cũng khiến chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng chóng mặt.

4. Các hiệp định thương mại mà ngành Dệt may có thể được hưởng lợi như TPP và FTA chưa có hiệu lực thi hành. Mức lương tối thiểu tăng nhanh cũng góp phần làm tăng chi phí của Doanh nghiệp. Theo thống kê, chi phí tiền lương trong tổng sản phẩm chiếm tới 60% ở Việt Nam, trong khi đó ở Myanmar chỉ từ 15-20%

+ Về lợi nhuận:

Năm 2016, TNG đạt mức lợi nhuận là 81,2 tỷ đồng, tăng 13,86% so với năm 2015. Tuy tình hình kinh tế có nhiều khó khăn song TNG vẫn đang trên đà phát triển cho thấy năng lực làm việc tốt của Ban giám đốc và toàn thể CBCNV của TNG

Nguyên nhân

1. Lợi nhuận sau thuế vẫn đạt 81,2 tỷ đồng, tăng 13,86% nhờ các chi phí bán hàng và chi phí quản lý được cắt giảm.



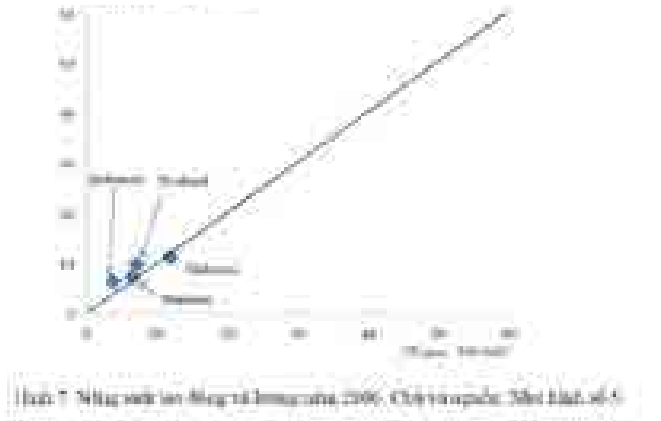
2. Siết chặt chi phí đầu vào: Đàm phán giá, loại bỏ nhà thầu phụ trung gian, chào giá cạnh tranh



2. Tiết giảm chi phí: tất cả các bộ phận



3. Đẩy mạnh chương trình hành động chống tham nhũng



4. Tăng năng suất lao động

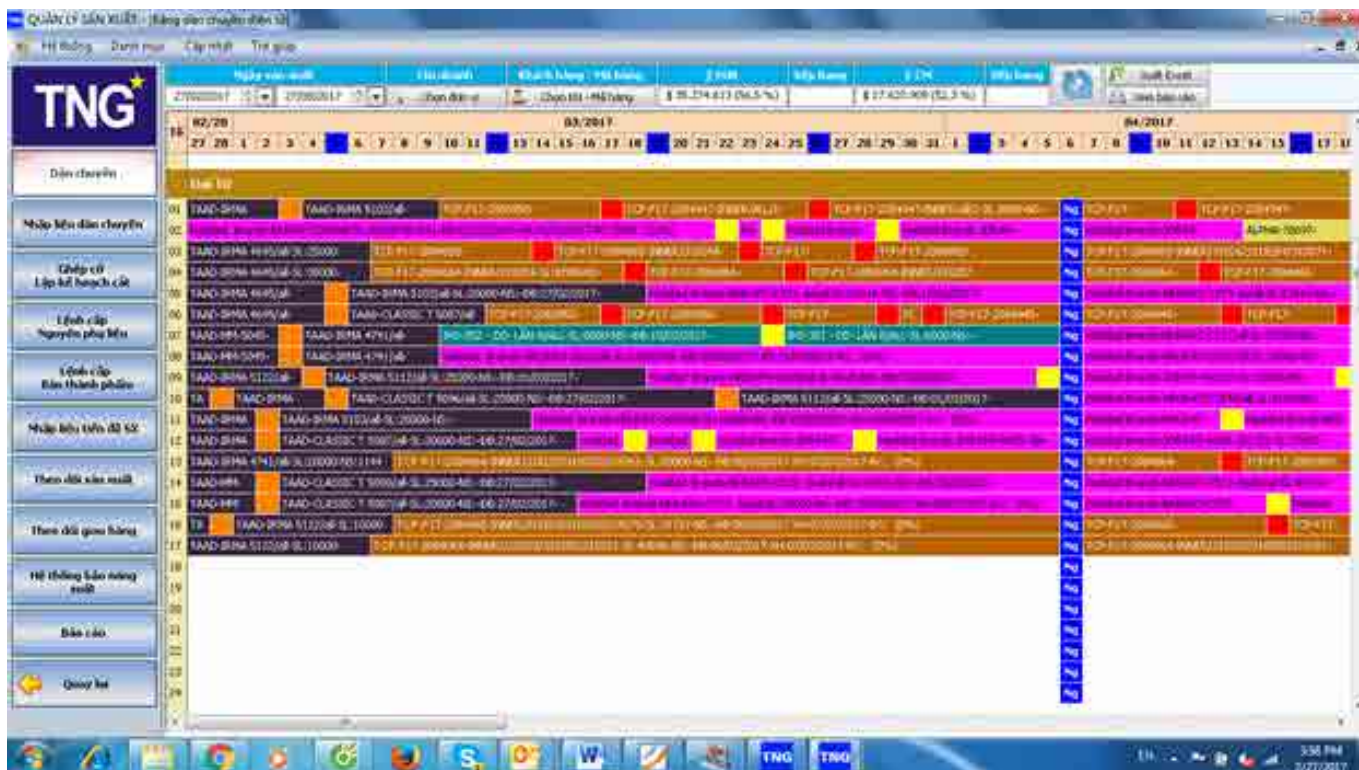


5. Đưa ra các chính sách tạo động lực cho người lao động

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT cùng ban Tổng giám đốc đã tiến hành 04 buổi họp chung nhằm đánh giá, nhận xét tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong các quý năm 2016. Đồng thời, HĐQT đã có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp đến ban Tổng giám đốc và tiếp tục theo dõi, giám sát, định hướng và chỉ đạo đối với việc quản lý và điều hành của ban Tổng giám đốc trong thời gian tới.

- Thực hiện toàn bộ công việc kiểm soát trên phần mềm.



Kiểm soát từng mã hàng của khách hàng, ngày vào SX, ngày kết thúc, tổ sản xuất mã hàng, khi nào xong...

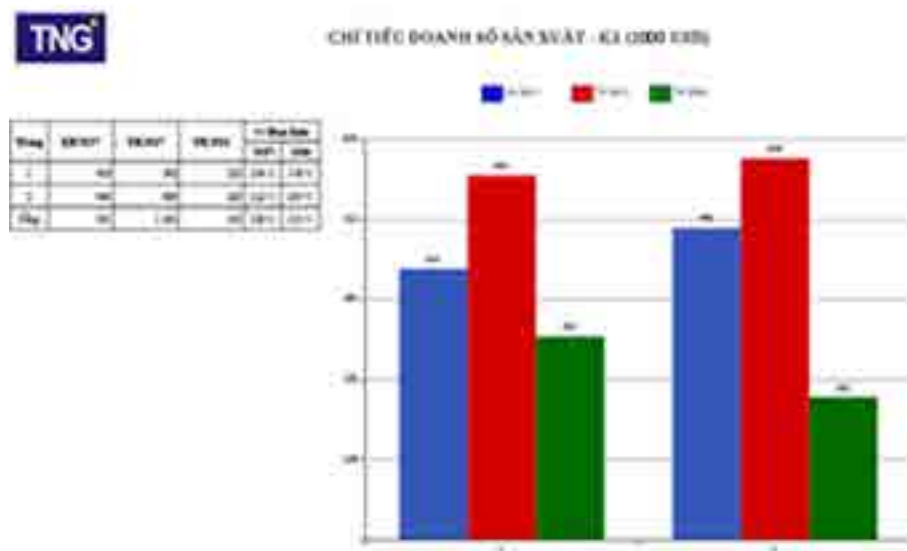
- Đánh giá phân tích kế hoạch theo tháng.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2017			Thực hiện 2017			12 năm trước (2016)		55 năm kế	55 / (kỳ năm trước (2016))		So sánh kế hoạch 2017		
			Tháng 1	Lý kế	Cả năm	Tháng 1	Lý kế	Cả năm	Tháng 1	Lý kế		Tháng 1	Lý kế	Tháng 1	Lý kế	
A	Doanh thu tiêu thụ	Tr.đ	154.758	154.758	2.631.601	191.086	191.086	191.086	132.105	132.105	118%	145%	145%	145%	123%	123%
B	Doanh thu xuất khẩu	Tr.đ	127.526	127.526	2.301.404	172.853	172.853	172.853	125.915	125.915	107%	137%	137%	135%	135%	135%
1	Việt Nam		16.262	16.262	307.797	16.199	16.199	16.199	16.465	16.465	92%	96%	96%	102%	100%	
2	Việt Nam		25.488	25.488	244.580	32.944	32.944	32.944	19.709	19.709	109%	172%	172%	219%	219%	
3	Đài Loan		9.284	9.284	284.405	9.940	9.940	9.940	8.690	8.690	95%	214%	214%	101%	101%	
4	Sông Công 1		11.627	11.627	237.130	22.130	22.130	22.130	8.430	8.430	229%	203%	203%	191%	191%	
5	Sông Công 2		22.800	22.800	357.889	30.329	30.329	30.329	27.063	27.063	113%	112%	112%	132%	132%	
6	Sông Công 3		17.696	17.696	287.215	29.298	29.298	29.298	12.603	12.603	147%	202%	202%	142%	142%	
7	Phụ Bin 1		8.005	8.005	161.132	8.218	8.218	8.218	8.788	8.788	95%	75%	75%	11%	11%	
8	Phụ Bin 2		41.799	41.799	194.569	13.002	13.002	13.002	12.639	12.639	137%	106%	106%	117%	117%	
9	Phụ Bin 3		15.581	15.581	296.632	9.637	9.637	9.637	15.221	15.221	67%	63%	63%	71%	71%	
10	CH 088 - Sơn Đ		3.573	3.573	50.400	2.209	2.209	2.209	3.490	3.490	95%	80%	80%	18%	18%	
11	CH 088 - Sơn Đ		2.449	2.449	90.760	2.519	2.519	2.519	2.200	2.200	142%	91%	91%	52%	52%	
12	CH 088 - Sơn Đ		21.002	21.002	102.029	13.728	13.728	13.728			194%			89%	89%	
B	Doanh số sản xuất	1880	3.708.977	3.708.977	39.977.169	3.103.129	3.103.129	3.103.129	2.559.886	2.559.886	80%	124%	124%	93%	93%	
1	Việt Nam		369.925	369.925	7.080.320	254.087	254.087	254.087	250.218	250.218	85%	98%	98%	89%	89%	
2	Việt Nam		300.197	300.197	5.906.333	324.041	324.041	324.041	310.030	310.030	86%	106%	106%	101%	101%	
3	Đài Loan		230.089	230.089	8.079.600	246.798	246.798	246.798	206.980	206.980	96%	120%	120%	100%	100%	
4	Sông Công 1		263.167	263.167	5.427.538	281.492	281.492	281.492	220.390	220.390	90%	118%	118%	107%	107%	
5	Sông Công 2		359.140	359.140	3.018.136	306.760	306.760	306.760	416.586	416.586	95%	142%	141%	181%	181%	
6	Sông Công 3		433.025	433.025	2.236.702	581.552	581.552	581.552	328.609	328.609	89%	176%	176%	134%	134%	
7	Phụ Bin 1		225.881	225.881	4.128.968	230.749	230.749	230.749	225.000	225.000	98%	100%	100%	103%	103%	
8	Phụ Bin 2		244.788	244.788	4.140.949	221.380	221.380	221.380	230.746	230.746	79%	90%	90%	91%	91%	
9	Phụ Bin 3		375.334	375.334	7.140.135	332.528	332.528	332.528	270.000	270.000	80%	119%	119%	86%	86%	
10	CH 088 - Sơn Đ		36.508	36.508	1.231.974	75.178	75.178	75.178	64.699	64.699	74%	116%	116%	11%	11%	
11	CH 088 - Sơn Đ		90.545	90.545	2.093.444	48.818	48.818	48.818	24.318	24.318	158%	201%	201%	17%	17%	

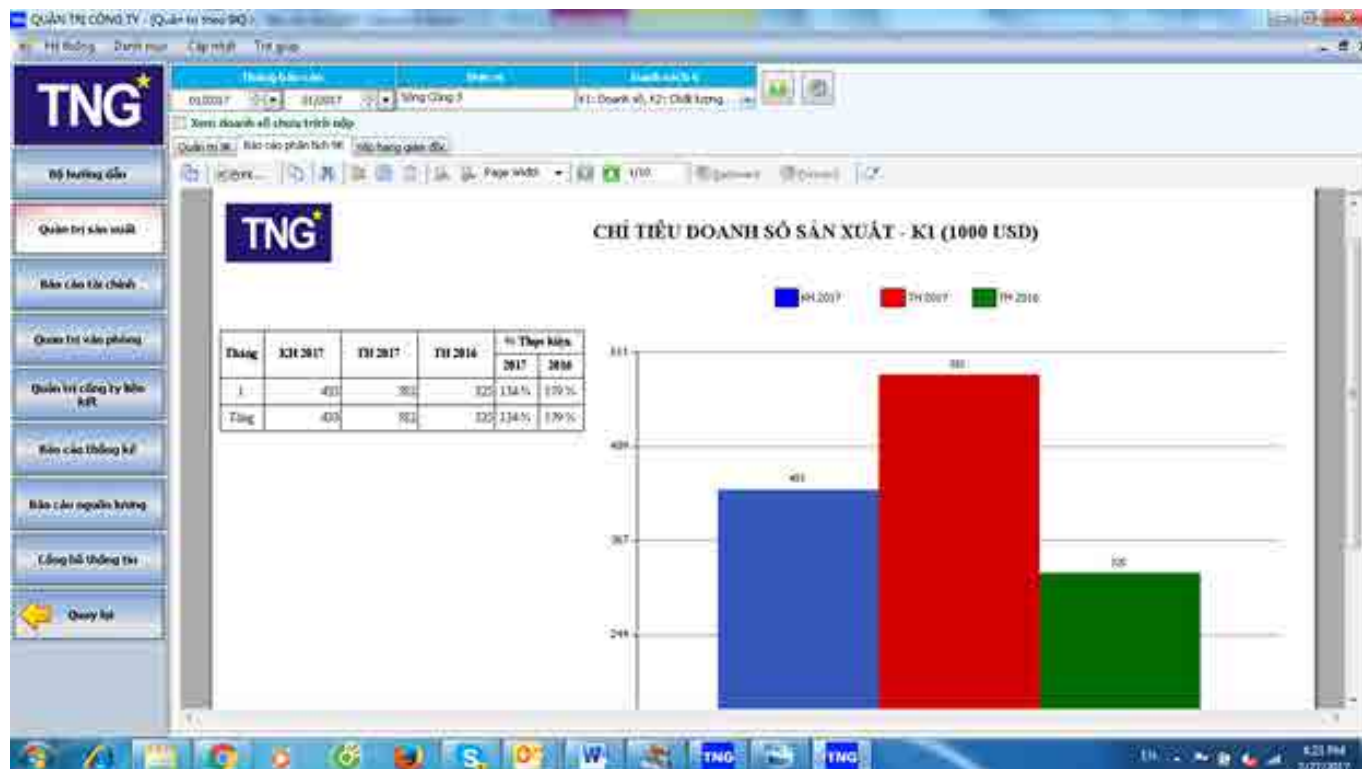
- Chỉ đạo tiết giảm chi phí thông qua đấu thầu, chào hàng cạnh tranh.



- HĐQT trực tiếp chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện một số nội dung chính như sau:
- Đánh giá, phân tích, dự báo tình hình SXKD theo từng tháng:



- Cơ chế đánh giá, tự đánh giá công việc từng bộ phận, từng phòng ban được thực hiện triệt để để nâng cao hiệu quả công việc.



QUẢN TRỊ CÔNG TY - THEO DẪN QUẢN TRỊ NHỎ NGHIỆP VỤ CÔNG TY

Hệ thống | Danh mục | Cập nhật | Trợ giúp

TNG

Tháng tài chính: 1/2016 | Kỳ báo: 1/2016 | Bảng tính: 1/2016

Kế toán P. Hồ Đình Công, P. Tài, K2, K3, K4

Phản ánh | Mở sổ sách

Bộ phận	Kế hoạch	Thực hiện	K1		K2		K3		K4		Trạng			
			Kế hoạch	Thực hiện	%	Kế hoạch	Thực hiện	%	Kế hoạch	Thực hiện		%		
Bộ lương cấp	P. Kế toán		\$ 3.135.566	\$ 2.661.486	85 %	170.477	156.416,73	92 %	114.064	20.200	18 %	\$ 122.701	\$ 84.647	69 %
	P. Xây dựng Cơ bản					20	16	80 %	60	0	0 %			
Quản trị sản xuất	0/2016	70 %	0	0	0 %	20	15	75 %	10	9	90 %			Đạt
	P. Dịch vụ		1	1,2	120 %	12	14,4	120 %	16	19,5	122 %			Đạt
Bảo cáo tài chính	0/2016	115 %	1	1,2	120 %	0	0	0 %	0	26,52	102 %			Đạt
	1/2016	102 %	1	1,2	120 %	0	0	0 %	0	36,52	102 %			Đạt
	12/2016	30 %	0	0	0 %	0	0	0 %	26	26,52	102 %			Đạt
Quản trị vận phòng	P. Kế hoạch Công ty		\$ 2.727.597	\$ 3.574.199	131 %	3.207.108	3.546.807,9	110 %	\$ 359.994	\$ 296.171	82 %			
	P. Tổ chức hành chính		1	1	100 %		0	0 %	219	0	0 %	0,0 %	1,2 %	0 %
Quản trị công ty liên kết	P. CNTT		10	10	100 %	452.416.000	3000.7.000	66 %	2,6 %	1,6 %	148 %			
	P. Thuế và Công Nghệ		1.000.311,5	1.165.775,8	117 %	16.464	362	21,323 %	446.795.107	556.379.069	124 %	186.192.053	217.227.201	117 %
Bản cáo thống kê	P. Báo về Tổng Công		4	3	75 %	0.721	0,630	87 %						
	0/2016	40 %	1	2	50 %	2.026	2,075	98 %						Đạt
Bản cáo nguồn hàng	0/2016	100 %	1	1	100 %	2.960	2.930	99 %						Đạt
	0/2016	100 %	0	0	0 %	2.940	2.930	100 %						Đạt
Lồng hồ thống kê	P. Báo về Phó Giám		0	0	0 %	4.009	3.912	98 %						
	0/2016	96 %	0	0	0 %	2.024	1,871	92 %						Đạt
	0/2016	99 %	0	0	0 %	2.042	2.041	99 %						Đạt

Quay lại

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC TIÊU TRUNG VÀ DÀI HẠN

CHIẾN LƯỢC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trên cơ sở định hướng chung của ngành, TNG xây dựng định hướng phát triển của Công ty trong những năm tới như sau:

1. May mặc giữ vai trò chủ đạo, từng bước đầu tư kinh doanh thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới, trước hết để phục vụ trực tiếp cho hàng may mặc là giặt, bao bì, in, thêu,...

2. Thị trường xuất khẩu vẫn là chính, tăng dần tỷ lệ doanh thu hàng nội địa lên 10-15% từ nay đến hết năm 2016, cân bằng giữa các thị trường, tránh phụ thuộc quá nhiều vào thị trường nước Mỹ, tiếp cận và khai thác thị trường Nhật Bản.

3. Liên tục phát triển sản xuất theo cả chiều rộng và chiều sâu, phát huy tối đa công suất thiết kế để nâng cao năng suất lao động. Công ty cũng thường xuyên bổ sung, đổi mới máy móc thiết bị công nghệ mới

4. Công ty sẽ tập trung vào năng lực sản xuất may và dệt; nắm bắt một cách tốt nhất các cơ hội từ hiệp định định TTP và VN-EU FTA

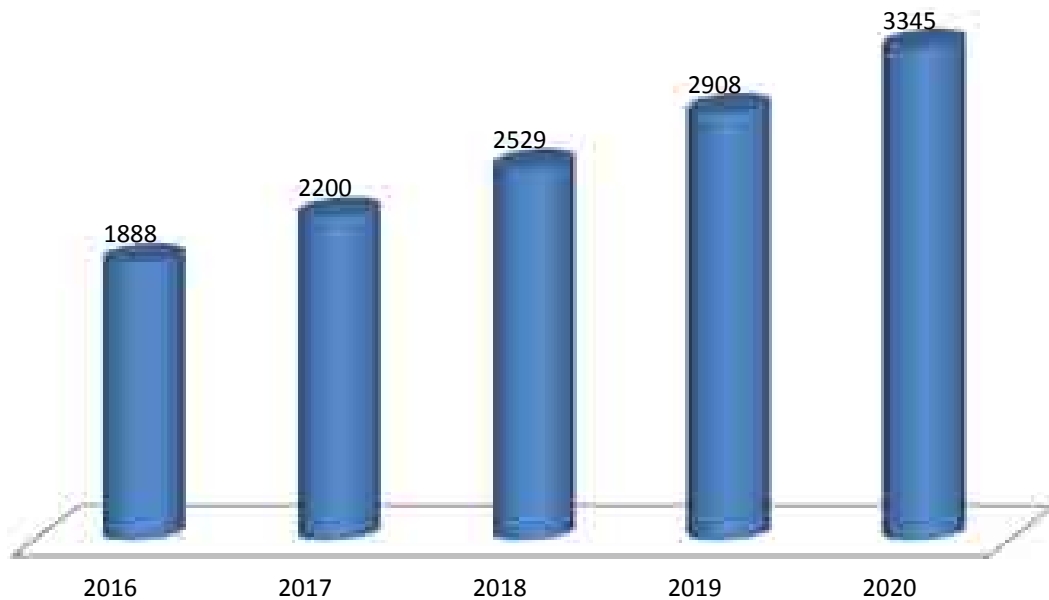
5. Mở rộng sản xuất kinh doanh bằng việc đầu tư mở rộng các nhà máy sản xuất hàng may mặc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: Hệ thống nhà máy TNG Đại Từ đã đi vào hoạt động.

Định hướng phát triển ngành may là chủ lực, mở rộng sang các lĩnh vực phù hợp với chiến lược phát triển toàn diện của ngành Dệt may Việt Nam trong thời gian tới. Việc tăng cường đầu tư được xác định trên cơ sở nhận định về tiềm năng, lợi thế của Việt Nam trên thị trường dệt may thế giới và mục tiêu chiến lược của Dệt may Việt Nam giai đoạn tới. Bên cạnh đó, cũng như các đơn vị trong ngành, Công ty luôn ý thức được sức nặng của thị trường nội địa với hơn 92 triệu dân, cơ cấu dân số trẻ, nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn.

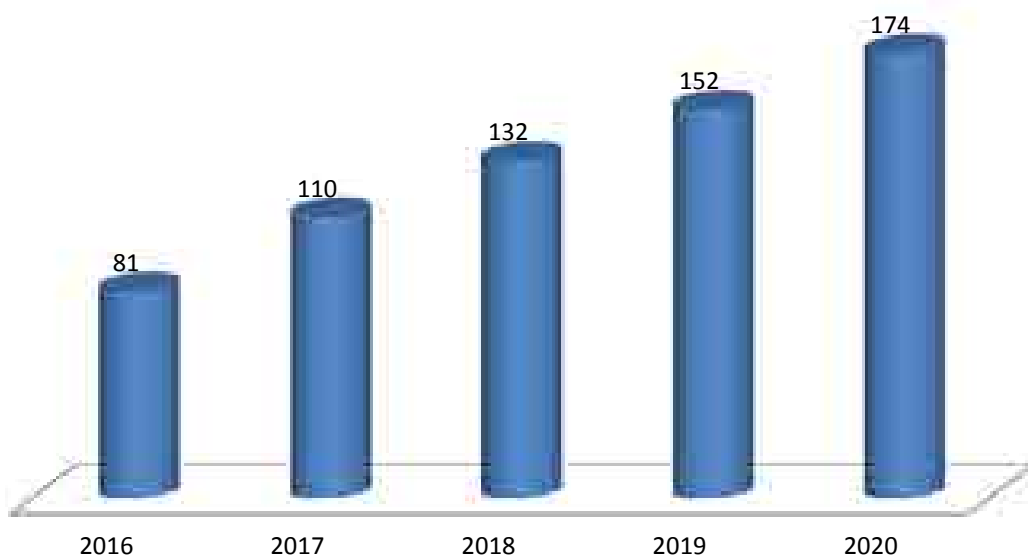


KẾ HOẠCH DOANH THU

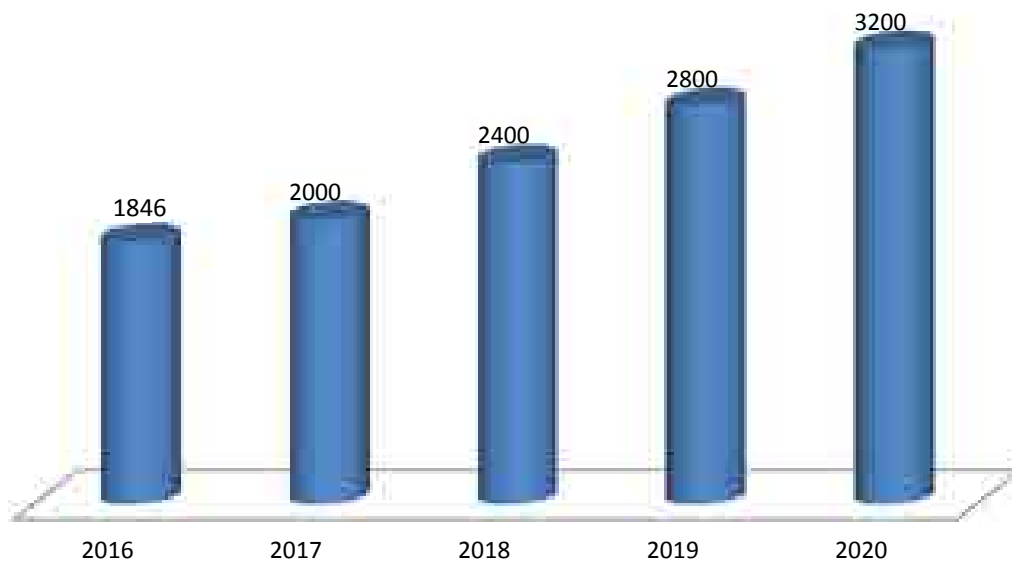
CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016-2020



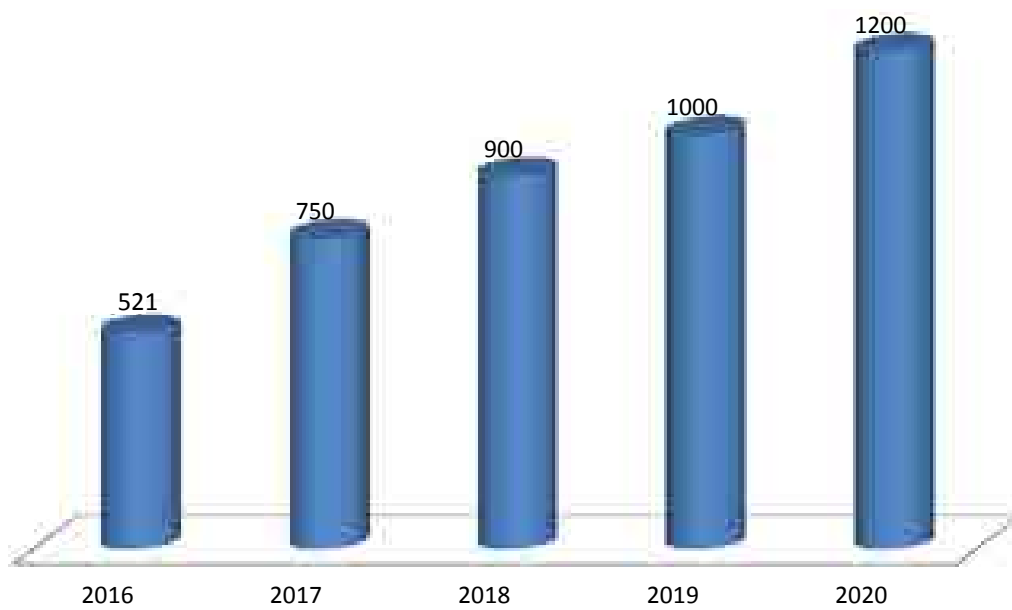
*Doanh thu năm 2020
(3.345 tỷ đồng)*



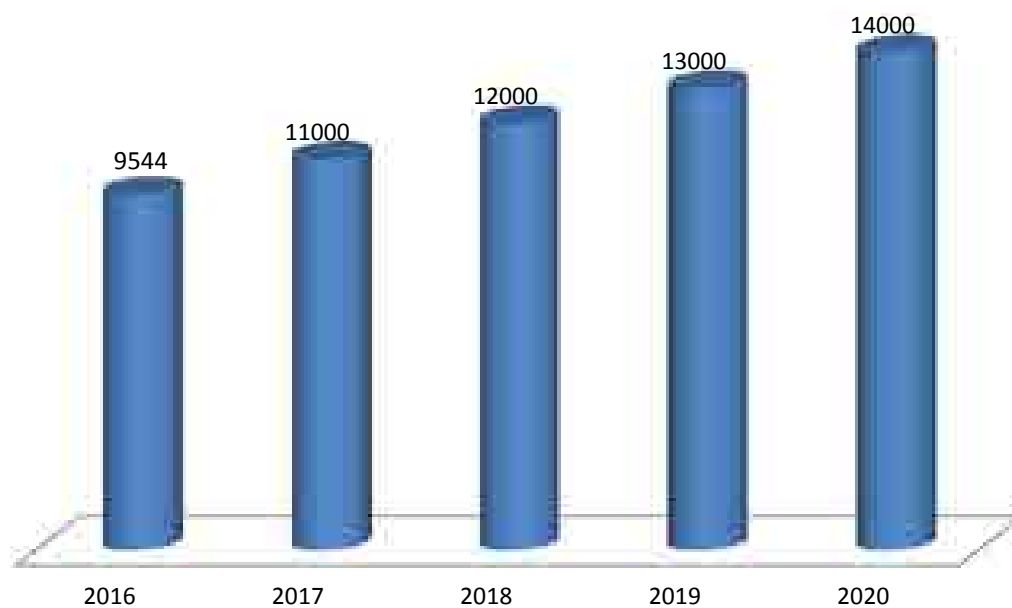
*Lợi nhuận sau thuế năm 2020
174 (Tỷ đồng)*



Tổng tài sản năm 2020: 3200 (tỷ đồng)



Vốn chủ sở hữu năm 2020: 1200 (tỷ đồng)



Số lượng nhân viên năm 2020: 20.000 người

TNG

Tăng trưởng
bền vững



MỤC TIÊU LÂU DÀI

TNG phấn đấu trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam bán lẻ sản phẩm mang thương hiệu TNG trong lĩnh vực dệt may thay cho việc sản xuất các thương hiệu lớn trên thế giới.

TNG mong muốn tạo nên một thương hiệu Việt, thể hiện tầm vóc trí tuệ và niềm tự hào Việt Nam trên trường quốc tế.

Cơ sở thực hiện mục tiêu

Công tác kiểm soát tài chính:

- + Các chi nhánh đã phân luồng dữ liệu cập nhật chứng từ theo ngày phát sinh, không để dồn cuối tháng, cuối quý.
- + Cập nhật online trên hệ thống phần mềm.
- + Công nợ phải thu/ phải trả không có công nợ quá hạn nhờ hệ thống cảnh báo sớm ERP.
- + Hàng tháng đều phân tích số liệu cho HĐQT/ Ban giám đốc nắm tổng thể kế hoạch/ thực hiện tài chính.
- + phân tích từng khoản mục chi phí vượt theo tháng/ theo nhà máy và họp từng nhà máy để ra kế hoạch khắc phục các tháng tiếp theo.

Công tác kiểm soát đơn hàng:

- + Kiểm soát đơn hàng đảm bảo sản xuất.
- + Có kế hoạch đưa hàng đi gia công khi các nhà máy vượt năng lực.
- + Áp dụng hệ thống phần mềm quản trị kinh doanh để kiểm soát đơn hàng từ khâu đầu vào tính giá thành, tổ chức sản xuất, xuất hàng đi, thu tiền về nhanh gọn, chính xác.

Công tác kiểm soát chất lượng:

- + Phân cấp quản lý chất lượng : Công ty – Phòng quản lý chất lượng của công ty: Giám sát, hướng dẫn. Nhà máy – Phòng quản lý chất lượng của nhà máy: Thực thi.
- Đảm bảo chất lượng hàng hóa giám sát hai cấp khi hàng đến tay người tiêu dùng an tâm về chất lượng sản phẩm từ các công nhân có ý thức may, cho đến các bộ phận hoàn thiện sản phẩm.

Công tác tổ chức, nhân sự:

- + Tư vấn được công tác đánh giá hiệu quả công việc tự động trên phần mềm các phòng/ bộ phận và từng cá nhân. Kết quả công việc sẽ tự động khen thưởng hay giảm trừ tiền lương qua hệ thống phần mềm.
- + Đưa ra cơ chế tự cá nhân kiểm soát công việc trên phần mềm và tất cả phục vụ chung mục tiêu của công ty trên hệ thống.
- + Đảm bảo công tác nhân sự ổn định, các vị trí chủ chốt đều có phương án dự phòng nhân sự.
- + Duy trì tốt kỷ cương nề nếp của công ty.
- + Bộ phận phục vụ hỗ trợ tốt các chính sách cho người lao động.
- + Khuyến khích, tạo động lực cho người lao động thông qua các chính sách, hướng dẫn.

Công tác áp dụng công nghệ mới, xuất khẩu hàng hóa, IT:

- + Áp dụng các công nghệ mới bước đầu có hiệu quả , tăng năng suất sản phẩm.
- + Kiểm soát chặt chẽ chứng từ xuất hàng, thủ tục nhanh gọn, chính xác.
- + Nâng cấp website, đảm bảo thân thiện, thuận tiện người sử dụng.
- + Đưa ra các giải pháp tốt để chia sẻ thông tin với khách hàng, cổ đông , nhà đầu tư thông qua website, cầu truyền hình.
- + Đảm bảo tốt an ninh mạng, không có sự cố về mạng internet.

Công tác Kiểm soát:

- + Bộ phận kiểm soát nội bộ, kết hợp với ban kiểm soát về:
 - Đánh giá nhà cung cấp.
 - Kiểm soát hợp đồng.
 - Kiểm soát công nợ.
 - Kế hoạch tăng vốn
 - Kiểm soát các nghị quyết, quyết định HĐQT để thực hiện tốt chỉ đạo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - NHIỆM KỲ 2015 – 2020



Ông: NGUYỄN VĂN THỜI

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1958

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2003

Quá trình công tác

1982 - 1992:

Đội trưởng đội vật tư Công ty xây
lắp điện Bắc Thái

1993:

Phó giám đốc xí nghiệp may Bắc Thái
1993 - 2002:

Giám đốc công ty may Thái Nguyên
2003 - Nay:

Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư và
thương mại TNG

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ điện
mỏ, Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị

Khác: Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp
tỉnh Thái Nguyên, Phó Chủ tịch Hiệp hội
doanh nghiệp TP Thái Nguyên

Thành tích tiêu biểu: Giải thưởng
doanh nhân tiêu biểu, Huân chương
lao động Hạng ba năm 2007



Ông: RUSDY PRANATA

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1975

Quốc tịch: Indonesia

Thời điểm bổ nhiệm: 2014

Quá trình công tác

11/2001 - 2/2005:

Cán bộ kiểm soát tài chính tại Công
ty Toys'R'Us - In-đô-nê-xi-a

2/2005-12/2014:

Giám đốc tài chính doanh nghiệp,
Phó tổng giám đốc công ty PT Great
River International Tbk Garment

Manufacturing and Retailers/
PT Samudra Biru/ Garment

Manufacturing for Export and Local
Market

12/2014 –Nay:

Giám đốc Công ty PT Surya Berkas
Indonesia Klalten, Central Java/PT
Aseli Garmen Indonesia.

Ủy viên hội đồng quản trị Công ty
Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG



Ông: NGUYỄN ĐỨC MẠNH

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2010

Quá trình công tác

2010 - 2011:

Trưởng phòng kinh doanh Công ty
CP đầu tư và thương mại TNG

2011 - nay:

Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc
Công ty CP đầu tư và thương mại
TNG

Trình độ chuyên môn: Cử nhân
CNTT – USA; Cử Nhân ngoại ngữ:
Shanghai, China.

Khác:

Giám đốc chi nhánh Thời trang TNG



Ông: NGUYỄN VĂN THỜI

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1971

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2013

Quá trình công tác

1995 - 2013:

Cán bộ Công ty CP may Thái
Nguyên

2013 - 8/2014:

Phó Tổng giám đốc Công ty CP đầu
tư và thương mại TNG

9/2014 - nay:

Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư và
thương mại TNG



Bà: Lương Thị Thúy Hà

Thành viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch: Việt Nam

Năm sinh: 1969

Thời gian bổ nhiệm: 2016

Quá trình công tác:

1992 - 2012:

Cán bộ Công ty CP Đầu tư và
Thương mại TNG

2013 - 4/2016:

Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư
và Thương mại TNG

04/2016 - nay:

Thành viên Hội đồng quản trị, Kế
toán trưởng Công ty CP Đầu tư và
Thương mại TNG

Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị



Đánh giá hoạt động các tiểu ban trong năm

TT	Tiểu ban	Danh sách thành viên	Số lần họp	Kết quả hoạt động
1	Ban quan hệ cổ đông	<p>1. Ông: Nguyễn Văn Đức - Trưởng ban kiểm soát - Trưởng ban</p> <ul style="list-style-type: none"> • SĐT: 091 446 2992 • Email: ducnguyen@tng.vn <p>2. Bà: Lê Quỳnh Anh - Phòng pháp chế - Thành viên</p> <ul style="list-style-type: none"> • SĐT: 098 892 0136 • Email: quynhanh@tng.vn <p>3. Ông: Lê Xuân Vĩ - Phó phòng IT - thành viên</p> <ul style="list-style-type: none"> • SĐT: 091 696 2112 • Email: levi@tng.vn 	04 lần/năm	<p>Tiểu ban quan hệ cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban quan hệ cổ đông giải quyết mọi thắc mắc, khiếu nại về chủ trương, chính sách liên quan đến hoạt động của TNG hay liên quan đến quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc bất cứ quyền và nghĩa vụ nào được pháp luật quy định; theo hai hướng: chủ động cung cấp thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu. - TNG chủ động cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của mình trên Website của Công ty http://tng.vn. Đây là cổng thông tin trực tuyến cung cấp thông tin nhanh và đầy đủ nhất về tình hình hoạt động của TNG.
2	Tiểu ban kiểm soát	<p>1. Ông Nguyễn Văn Đức - Trưởng BKS</p> <p>SĐT: 02803 856425 máy lẻ 106.</p> <p>Email: ducnguyen@tng.vn</p>	02 lần/năm	<p>+ Tiểu ban kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, rà soát các hoạt động của từng chi nhánh đảm bảo tài chính lành mạnh. - Từng nhà máy báo cáo KQSXKD theo tháng. - Phân tích các báo cáo KQSXKD của từng chi nhánh, chỉ ra những vấn đề vướng mắc về tài chính và cùng tháo gỡ các khó khăn. - Họp định kỳ các kế toán trưởng nhà máy, phân tích các khó khăn, các rủi ro tiềm tàng để chủ động phòng tránh. - Tích cực cùng các bộ phận khác đưa ra quy chế tự kiểm soát của từng bộ phận.
3	Tiểu ban nhân sự	<p>1. Bà Lý Thị Liên – PTGD</p> <p>2. Ông Nguyễn Văn Sơn – trưởng phòng TC-HC.</p> <p>3. Bà Nguyễn Phương Thúy – P.P TC-HC</p> <p>SĐT: 02803 856425 máy lẻ 113.</p> <p>Email: sonnv@tng.vn</p>	12 lần/năm	<p>+ Tiểu ban nhân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn cho HĐQT đưa ra các chiến lược thu hút người lao động làm việc hăng say qua việc quy chế phân phối thu nhập. - Đưa ra cơ chế giúp HĐQT thu hút người lao động bằng cách khuyến khích người lao động - Tư vấn HĐQT phát triển nguồn ngân lực có tay nghề kỹ thuật cao thông qua các hội thi tay nghề. - Đưa ra cách tích đánh giá năng lực từng nhân viên và đưa vào hệ thống đánh giá tự động trên phần mềm PMS (performance Management System) của từng cá nhân trong công việc. - Tư vấn HĐQT đưa ra các cơ chế, chính sách tạo động lực cho người lao động thông qua cơ chế thưởng, thưởng sáng kiến...

4	Tiểu ban thi đua khen thưởng kỷ luật	<p>1. Bà Lý Thị Liên – PTGD 2. Ông Nguyễn Văn Sơn – trưởng phòng TC-HC. 3. Bà Nguyễn Phương Thúy – PP TC- HC. 4. Nguyễn Đức Hiệp - Chủ tịch CĐ. 5. Nguyễn Thị Thanh Yến _ Bí Thư Đoàn Thanh niên. SĐT : 02803 856425 máy lẻ 113. Email: sonnv@tng.vn</p>	02 lần/năm	<p>Tiểu ban thi đua, khen thưởng, kỷ luật: - Cùng tiểu ban nhân sự Tư vấn HĐQT đưa ra các cơ chế, chính sách tạo động lực cho người lao động thông qua cơ chế thưởng, thưởng sáng kiến. - Kết hợp cùng Công đoàn, đoàn thanh niên công ty phát động phong trào thi đua, hăng say lao động. - Truy lý người vi phạm nghiêm minh: Có lý, có tình.</p>
5	Tiểu ban đánh giá nhà cung cấp và các nhà thầu	<p>1. Ông Nguyễn Văn Thới -TGD 2. Bà Lương Thị Thúy Hà. Kế toán trưởng 3. Hà Thị Tuyết - TP Pháp chế 4. Ông Nguyễn Văn Đức – T.BKS SĐT: 02803 856425 máy lẻ 106. Email: ducnguyen@tng.vn</p>	02 lần/năm	<p>TNG được gặp gỡ trực tiếp các đơn vị SX, không thông qua các môi giới trung gian để kiểm soát về chất lượng, chi phí đầu vào. Tuyên truyền thông báo về quy tắc đạo đức “NG-HIÊM CẤM NHẬN HỐI LỘ” số 613 TB- TNG ngày 19/11/2013 cho các khách hàng, các nhà thầu phụ, các nhà cung cấp của TNG. Cam kết hợp tác lâu dài, giải quyết các thắc mắc ngay với nhà cung cấp thầu phụ để các nhà thầu phụ yên tâm cấp hàng cho TNG. + Tiểu ban đánh giá nhà cung cấp: - Triển khai đánh giá các nhà cung cấp đầu vào của TNG. - Thực hiện đấu thầu từng nhóm lĩnh vực để kiểm soát chi phí.</p>
6	Tiểu ban đàm phán Hợp đồng	<p>1. Ông Nguyễn Văn Thới -TGD 2. Bà Lương Thị Thúy Hà - Kế toán trưởng. 3. Hà Thị Tuyết - TP Pháp chế. 4. Ông Nguyễn Văn Đức – T BKS 5. Ông Trần Minh Hiếu – TP Kinh doanh SĐT : 02803 856425 máy lẻ 106. Email : ducnguyen@tng.vn</p>		<p>+ Tiểu ban đàm phán hợp đồng: - Xây dựng tiêu chí đánh giá các khách hàng, các nhà cung cấp để có thông tin đàm phán các quyết định có lợi cho TNG.</p>
7	Ban đào tạo nội bộ	<p>1. Bà Lý Thị Liên - Phó tổng GD. 2. Ông Nguyễn Văn Sơn - TP Tổ chức HC. 3. Bà Nguyễn Phương Thúy – PP tổ chức SĐT: 02803 856425 máy lẻ 113. Email: sonnv@tng.vn</p>		<p>+ Tiểu ban đào tạo nội bộ: - Hàng tuần đào tạo, họp chuyên môn các bộ phận để giải quyết các vướng mắc</p>
8	Tiểu ban phát triển bền vững	<p>1. Bà Lý Thị Liên – PTGD 2. Ông Nguyễn Văn Sơn – trưởng phòng TC- HC. 3. Nguyễn Đức Hiệp - Chủ tịch CĐ. 4. Nguyễn Thị Thanh Yến _ Bí Thư Đoàn Thanh niên. SĐT: 02803 856425 máy lẻ 113. Email: sonnv@tng.vn</p>	01 lần	<p>Tiểu ban phát triển bền vững: - Tư vấn, tham mưu cho HĐQT Công ty trong việc hoạch định chiến lược phát triển chương trình phát triển bền vững của Công ty theo quy định. - Thực hiện tốt nhất các chính sách cho người lao động, giảm thiểu lãng phí về năng lượng, tham gia tích cực bảo vệ môi trường.</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Văn Thời	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT		8	100%
2	Nguyễn Đức Mạnh	Nguyễn Đức Mạnh	Ủy viên		8	100%
3	Nguyễn Việt Thành	Nguyễn Việt Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 11/03/2016	3	0%
4	Rusdy Pranata	Rusdy Pranata	Ủy viên		8	100%
5	Nguyễn Văn Thới	Nguyễn Văn Thới	Ủy viên		8	100%
6	Lương Thị Thúy Hà	Lương Thị Thúy Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm 24/04/2016	5	100%

Số Nghị quyết:

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Kết quả																																
1	01/NQ-HĐQT	05/01/2016	<p>1. Thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phiếu của đợt phát hành cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG theo Giấy chứng nhận chào bán số 86/GCN - UBCKNN cấp ngày 23/10/2015 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước căn cứ vào kết quả số R36/2015-TNG/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam gửi ngày 25/12/2015 như sau:</p> <table border="1" data-bbox="486 338 722 1585"> <thead> <tr> <th>Đối tượng</th> <th>Số lượng cổ phiếu phát hành</th> <th>Số lượng cổ phiếu đăng ký và nộp tiền mua</th> <th>Số lượng cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cổ đông hiện hữu</td> <td>5.485.642</td> <td>5.345.363</td> <td>140.279</td> </tr> <tr> <td>Tổng cộng</td> <td>5.485.642</td> <td>5.345.363</td> <td>140.279</td> </tr> </tbody> </table> <p>2. Thông qua việc tiếp tục phân phối số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua nêu trên như sau: Phân phối toàn bộ số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua nêu trên (140.279 cổ phiếu) cho các cá nhân như sau:</p> <table border="1" data-bbox="815 360 1107 1563"> <thead> <tr> <th>HỌ TÊN</th> <th>Chức vụ</th> <th>Số lượng cổ phiếu mua</th> <th>Đơn giá/CP</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Nguyễn Văn Quân</td> <td>CN PB3</td> <td>121.979</td> <td>12.000 đ</td> </tr> <tr> <td>Đỗ Văn Hoàn</td> <td>CN PB4</td> <td>12.200</td> <td>12.000 đ</td> </tr> <tr> <td>Hoàng Minh Thanh</td> <td>CN SC1</td> <td>6.100</td> <td>12.000 đ</td> </tr> <tr> <td>Tổng cộng</td> <td></td> <td>140.279</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>Cổ phiếu được phân phối lại nêu trên là loại cổ phiếu phổ thông, hạn chế chuyển nhượng trong vòng một năm theo nghị quyết HĐQT số 20/NQ-HĐQT ngày 19/10/2015 về việc hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu.</p> <p>3.: Thời hạn và cách thức nộp tiền mua cổ phiếu phân phối lại nêu trên Các cá nhân tại điều 2 có trách nhiệm nộp tiền mua Cổ phiếu phân phối lại nêu trên chậm nhất trước 15h00 ngày 05 tháng 01 năm 2016. Tài khoản thanh toán tiền mua Cổ phiếu: Số tài khoản: 3901 0000 698958 tại Ngân hàng BIDV chi nhánh Thái Nguyên Tên chủ tài khoản: Công Ty Cổ Phần Đầu tư và Thương mại TNG Nếu hết thời gian nộp tiền nêu trên, các cá nhân không thực hiện nộp tiền, số Cổ phiếu còn lại sẽ được Hội đồng quản trị phân phối lại cho các Nhà đầu tư khác.</p>	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu đăng ký và nộp tiền mua	Số lượng cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua	Cổ đông hiện hữu	5.485.642	5.345.363	140.279	Tổng cộng	5.485.642	5.345.363	140.279	HỌ TÊN	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu mua	Đơn giá/CP	Nguyễn Văn Quân	CN PB3	121.979	12.000 đ	Đỗ Văn Hoàn	CN PB4	12.200	12.000 đ	Hoàng Minh Thanh	CN SC1	6.100	12.000 đ	Tổng cộng		140.279		Đã thực hiện xong
Đối tượng	Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu đăng ký và nộp tiền mua	Số lượng cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua																																	
Cổ đông hiện hữu	5.485.642	5.345.363	140.279																																	
Tổng cộng	5.485.642	5.345.363	140.279																																	
HỌ TÊN	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu mua	Đơn giá/CP																																	
Nguyễn Văn Quân	CN PB3	121.979	12.000 đ																																	
Đỗ Văn Hoàn	CN PB4	12.200	12.000 đ																																	
Hoàng Minh Thanh	CN SC1	6.100	12.000 đ																																	
Tổng cộng		140.279																																		

2	02/NQ/TNG-HĐQT	06/01/2016	<p>Triệu tập phiên họp thường niên năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông với nội dung cụ thể như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thời gian tổ chức đại hội: 09h00 ngày 10/4/2016. 2. Địa điểm tổ chức đại hội: Công ty sẽ thông báo sau. 3. Chương trình Đại hội: <p>Đại hội thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016; thông qua việc chi cổ tức năm 2016 và mức chi trả cổ tức năm 2016, thông qua phương án phát hành trái phiếu, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, bầu bổ sung thành viên BKS; sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	Đã thực hiện xong
3	03/NQ-HĐQT	11/03/2016	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua chủ trương nơi room, nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tối đa đến 100% vốn điều lệ Giao cho Chủ tịch HĐQT lập phương án điều chỉnh ngành nghề kinh doanh, sửa đổi điều lệ Công ty, trình HĐQT để xuất với Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 để thực hiện chủ trương này 2. Thông qua chủ trương sáp nhập Công ty CP Thời trang TNG vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG <p>Lộ trình sáp nhập: Từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty CP Thời trang TNG, Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG phê duyệt theo đúng trình tự, thủ tục quy định</p>	Đã thực hiện
4	04/NQ-HĐQT	16/03/2016	<p>Về việc: Thay đổi địa chỉ trụ sở, tăng vốn điều lệ Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi Khoản 3, điều 2 về trụ sở đăng ký của Công ty như sau: <p>Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Trụ sở đăng ký của Công ty: <p>-Địa chỉ: Số 434/1 Đường Bắc Kạn, Phường Hoàng Văn Thu, TP Thái Nguyên.</p> <p>II. Sửa đổi Khoản 1, điều 5 điều lệ Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG về vốn điều lệ, cổ phần quy định tại Điều lệ Công ty như sau:</p> <p>"Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vốn điều lệ của Công ty là 296.221.270.000 đồng (Hai trăm chín sáu tỷ hai trăm hai mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn) <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chi thành 29.622.127 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Quyết định việc sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và giấy tờ pháp lý khác phù hợp với nội dung về việc chuyển địa điểm trụ sở và tăng vốn điều lệ nêu trên <p>Giao cho phòng Pháp chế Công ty thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành</p>	Đã thực hiện

5	06A/TNG	07/06/2016	<p>I. Thông qua thời gian thực hiện việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần nhằm sáp nhập Công ty Cổ phần Thời trang TNG (TNGF) vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (TNG) theo phương án đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của TNG thông qua: Quý II-III/2016.</p> <p>II. Thông qua nguyên tắc làm tròn, xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn trong quá trình phân phối cổ phiếu phát hành thêm để hoán đổi cổ phần cho cổ đông của TNGF và cổ đông của TNG để thực hiện sáp nhập TNGF vào TNG:</p> <ul style="list-style-type: none"> Số cổ phiếu phân phối cho cổ đông của TNGF và TNG sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần lẻ thập phân (nếu có) phát sinh do làm tròn trong quá trình phân phối cổ phiếu phát hành thêm để hoán đổi cổ phần cho cổ đông của TNGF và cổ đông của TNG để thực hiện sáp nhập TNGF vào TNG sẽ được HĐQT Công ty chào bán cho các đối tượng khác với giá 10.000 đồng/cổ phần. Số tiền thu được từ bán cổ phiếu lẻ sẽ được trả cho cổ đông sở hữu cổ phiếu có phần lẻ thập phân. 	Đã thực hiện
6	05A/TNG-HD- QT	07/06/2016	<p>Thông qua chi tiết phương án phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 năm 2015 và phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP) để tăng vốn điều lệ Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2016 theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG Mã chứng khoán: TNG Vốn điều lệ trước khi phát hành: 296.221.270.000 đồng Số lượng cổ phần trước khi phát hành: 29.622.127 cổ phần Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 4.443.318 cổ phần Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần Thời gian thực hiện: Quý II-III/2016 (sau khi được UBCKNN chấp thuận) Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu (có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức bằng cổ phiếu ("Ngày Đăng Ký Cuối Nhận Cổ Tức")) và người lao động <p>Trả cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 năm 2015</p> <ul style="list-style-type: none"> Số lượng cổ phần phát hành: 2.962.212 cổ phần Tỷ lệ thực hiện: 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phần được nhận 1 cổ phần mới) Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu mỗi cổ đông được nhận sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Ví dụ: <i>Tại ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 năm 2015, cổ đông A sở hữu 123 cổ phiếu. Số cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 năm 2015 mà cổ đông A được nhận tính theo tỷ lệ cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức là (123 x 1)/10 = 12,3 cổ phiếu. Sau khi làm tròn, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là 12 cổ phiếu, còn 0,3 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.</i> Nguồn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 	Đã thực hiện

			<p>Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng cổ phần phát hành: 1.481.106 cổ phần - Số lượng cổ phần phát hành cho người lao động bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành. - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần. - Tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình ESOP và nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng: <ul style="list-style-type: none"> • Các cá nhân thuộc Hội đồng quản trị; • Các cá nhân thuộc Ban Kiểm soát; • Các cá nhân thuộc Ban Tổng Giám Đốc; • Trưởng, phó phòng công ty; • Các cá nhân là Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty tính đến hết ngày 31/05/2016. Tiêu chí phân phối cổ phiếu dựa trên cơ cấu phân cấp cán bộ hiện tại trong Công ty. Tỷ lệ phân bổ cổ phiếu cụ thể sẽ chốt danh sách các đối tượng vào ngày 31/05/2016. - Danh sách chi tiết và số lượng cổ phần được mua của người lao động được tham gia chương trình ESOP được đính kèm theo nghị quyết này. - Số lượng cổ phiếu mà người lao động được mua nhưng từ chối không mua toàn bộ hoặc một phần sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phân phối lại cho các đối tượng khác theo tiêu chí của Hội đồng quản trị đề ra, với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho người lao động. - Phương án sử dụng vốn thu được từ việc phát hành hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP): <ul style="list-style-type: none"> • Tổng số tiền dự kiến thu được: 14.811.060.000 đồng • Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể là thanh toán tiền mua nguyên phụ liệu, và trả các chi phí trực tiếp trong quá trình sản xuất kinh doanh. Chi tiết như sau: 																			
		<table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Mục đích</th> <th>Số tiền dự kiến (đồng)</th> <th>Nhà cung cấp dự kiến</th> <th>Thời gian dự kiến</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Mua hàng, nguyên liệu, phụ liệu để xuất hàng</td> <td>10.811.606.000</td> <td>KAI CHERNG ENTERPRISE CO.,LTD, CHANGHO CHINA, CÁC NHÀ CUNG CẤP KHÁC</td> <td>Quý 2,3,4 năm 2016</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Mua hàng, nguyên liệu, phụ liệu để xuất hàng</td> <td>4.000.000.000</td> <td>CHINA DAWN GARMENT, GREAT SOURCING INC</td> <td>Quý 2,3,4 năm 2016</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Tổng cộng</td> <td>14.811.060.000</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	STT	Mục đích	Số tiền dự kiến (đồng)	Nhà cung cấp dự kiến	Thời gian dự kiến	1	Mua hàng, nguyên liệu, phụ liệu để xuất hàng	10.811.606.000	KAI CHERNG ENTERPRISE CO.,LTD, CHANGHO CHINA, CÁC NHÀ CUNG CẤP KHÁC	Quý 2,3,4 năm 2016	2	Mua hàng, nguyên liệu, phụ liệu để xuất hàng	4.000.000.000	CHINA DAWN GARMENT, GREAT SOURCING INC	Quý 2,3,4 năm 2016		Tổng cộng	14.811.060.000		
STT	Mục đích	Số tiền dự kiến (đồng)	Nhà cung cấp dự kiến	Thời gian dự kiến																		
1	Mua hàng, nguyên liệu, phụ liệu để xuất hàng	10.811.606.000	KAI CHERNG ENTERPRISE CO.,LTD, CHANGHO CHINA, CÁC NHÀ CUNG CẤP KHÁC	Quý 2,3,4 năm 2016																		
2	Mua hàng, nguyên liệu, phụ liệu để xuất hàng	4.000.000.000	CHINA DAWN GARMENT, GREAT SOURCING INC	Quý 2,3,4 năm 2016																		
	Tổng cộng	14.811.060.000																				

			<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký phát hành: Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện những dự án đã được đại hội đồng cổ đông thông qua, tùy tình hình thực tế, HĐQT sẽ thực hiện các giải pháp như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại; - Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng... - Sửa đổi điều lệ Công ty; Thay đổi đăng ký kinh doanh; Lưu ký và niêm yết bổ sung <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và thay đổi đăng ký kinh doanh liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ sau khi hoàn tất đợt phát hành và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, thay đổi đăng ký kinh doanh với mức vốn điều lệ mới sau khi phát hành. - Sau khi hoàn thành toàn bộ các công việc phát hành, công ty sẽ tiến hành các thủ tục để đăng ký lưu ký toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. - Các nội dung khác <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt phát hành cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo ĐHCĐ gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này. - Thực hiện bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án phát hành theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp.
7	07A-TNG	07/06/2016	<p>Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần theo Hợp đồng sáp nhập giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương TNG (TNG) và Công ty Cổ phần Thời trang TNG (TNGF), gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu để hoán đổi cổ phần; - Biên bản và Nghị quyết ĐHCĐ của TNG và TNGF thông qua phương án sáp nhập, phương án hoán đổi cổ phiếu và phương án hoạt động kinh doanh sau sáp nhập; - Hợp đồng sáp nhập giữa TNG và TNGF; - Dự thảo Điều lệ sau sáp nhập; - Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của TNG và TNGF; - Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý cạnh tranh về sáp nhập hoặc cam kết tuân thủ các quy định của Luật cạnh tranh của HĐQT TNG và TNGF; - Bản cáo bạch; - Nghị quyết HĐQT thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần; - Hợp đồng tư vấn hồ sơ chào bán và đại lý hoán đổi cổ phiếu; - Các tài liệu khác liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần.

8	08A-TNG	21/06/2016	<p>1. Thông qua nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng được tham gia chương trình ESOP để tăng vốn điều lệ Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 2016/603/NQ-ĐHĐCĐ ngày 2016/04/24 theo ủy quyền của ĐHĐCĐ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ông Nguyễn Đức Mạnh trong thời gian công tác đã có thành tích đặc biệt xuất sắc với công ty và tỷ lệ cổ phiếu được mua là %47,553 • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Chủ tịch HĐQT: 1,647% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Tổng giám đốc xuất sắc: 2,863% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ phụ trách chi nhánh xuất sắc nhóm 1 : 1,554% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ phụ trách chi nhánh xuất sắc nhóm 2: 1,284% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ phụ trách chi nhánh xuất sắc nhóm 3: 1,014% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 1: 3,376% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 2: 2,701% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 3: 1,723% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 4: 1,309% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 5: 1,123% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 6: 1,039% • (5 cổ phần lẻ được công vào Sổ cổ phiếu được mua của Ông Nguyễn Văn Đức) • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 7: 0,939% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 8: 0,878% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 9: 0,853% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 10: 0,769% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 11: 0,743% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 12: 0,669% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 13: 0,583% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 14: 0,574% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 15: 0,540% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 16: 0,419% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 17: 0,391% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 18: 0,384% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 19: 0,347% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 20: 0,329% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 21: 0,311% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 22: 0,270% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 23: 0,203% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 24: 0,135% • Tỷ lệ cổ phiếu được mua đối với Cán bộ xuất sắc nhóm 25: 0,108%
---	---------	------------	---

		<p>2.Định chính nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05A-TNG-HĐQT ngày 07/06/2016 như sau: "Điều 1:.. Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) - Số lượng cổ phần phát hành: 1.481.106 cổ phần - Số lượng cổ phần phát hành cho người lao động bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành..."</p> <p>Nội dung đính chính: "Điều 1:.. - Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) - Số lượng cổ phần phát hành: 1.481.106 cổ phần - Số lượng cổ phần phát hành cho người lao động bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành..."</p> <p>Lý do đính chính: Do sơ suất khi đánh máy vi tính nên đã đánh nhầm nội dung " 01 năm" thành "01 tháng" Các thông tin còn lại trong nghị quyết không thay đổi.</p>	
--	--	--	--

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

TT	Họ tên thành viên HĐQT độc lập	Công việc được giao	Kết quả	Đề xuất
1	Rusdy Pranata	<ul style="list-style-type: none">- Tham gia quá trình đàm phán giá thành cổ phần,- Hỗ trợ việc quản trị Công ty theo thông lệ quốc tế.- Phân tích tình hình ngành dệt may trên thế giới cũng như Việt Nam để có chính sách phù hợp	<ul style="list-style-type: none">- Tham gia cùng Chủ tịch đàm phán một số cổ đông, nhà đầu tư.- Đang xúc tiến gặp gỡ các khách hàng nhật bản	<ul style="list-style-type: none">- Đưa ra các tư vấn chắc chắn về việc phát hành trái phiếu cho Chủ tịch HĐQT.- Mở rộng thị trường nhật BẢN trong thời gian tới.



Đánh giá hoạt động của chủ tịch HĐQT

Công cụ đánh giá: Dùng bảng hỏi ngẫu nhiên cán bộ quản lý trong ngày tổng kết năm

TT	Họ tên	Công việc	Kết quả
1	Nguyễn Văn Thời	- Tạo ra một hội đồng quản trị có hiệu quả : phân giao rõ ràng nhiệm vụ cho từng thành viên.	- Các thành viên đã thực hiện rất tốt công việc của mình.
2	Nguyễn Văn Thời	- Vận hành hội đồng quản trị có hiệu quả.	- Các thành viên biết rõ công việc của mình và vận hành công việc một cách rất chủ động.
3	Nguyễn Văn Thời	- Hoạch định chiến lược	- Nhiệm vụ chiến lược cụ thể, rõ ràng, minh bạch.
4	Nguyễn Văn Thời	- Vai trò lãnh đạo trong việc kiểm soát rủi ro.	- Bộ phận ban kiểm soát, phòng pháp chế, phòng kế toán kết hợp thực hiện công việc tiền kiểm trước khi thực hiện.
5	Nguyễn Văn Thời	- Quản trị điều hành.	- Tuân thủ theo đúng luật doanh nghiệp, thông tư 121 – quản trị công ty và điều lệ công ty. - đã áp dụng thông lệ quản trị công ty: như việc khuyến khích các cổ đông cho ý kiến phản hồi, xây dựng HĐQT , ban điều hành năng động.
6	Nguyễn Văn Thời	- Văn hóa doanh nghiệp.	- Thực hiện rất tốt theo đúng sổ tay văn hóa doanh nghiệp đề ra.

Ý KIẾN ĐỀ XUẤT CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

- Để tăng cường công tác giám sát, tiền kiểm đạt hiệu quả cao cho công ty. Chủ tịch HĐQT công ty đề xuất chuyển đổi mô hình BKS trực thuộc ĐHĐCĐ bầu ra thay bằng Ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Trình ĐHĐCĐ thường niên trong năm 2017
- Ban Kiểm toán nội bộ hoạt động THƯỜNG XUYỀN, theo kế hoạch, quy trình, phương pháp khoa học, kiểm soát toàn diện và đầy đủ đối với mọi hoạt động của Công ty .
- Ban Kiểm toán nội bộ báo cáo trực tiếp cho thành viên HĐQT độc lập

ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ

- Chủ tịch HĐQT, Các thành viên HĐQT tham ra hội thảo quản trị công ty.

1. Ông Nguyễn Văn Thời.
 2. Ông Nguyễn Văn Đức
- Tham ra hội thảo quản trị công ty do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức tháng 3/ 2016.
 - Tham dự khóa đào tạo “ Giám đốc nhân sự chuyên nghiệp” do trường doanh nhân PTI tổ chức ngày 05/01/2016
 - Tham dự hội thảo Luật doanh nghiệp 2014: Các quy định mới về quản trị công ty và khả năng áp dụng đối với doanh nghiệp Việt Nam ngày 02/06/2016
 - Tham dự khóa đào tạo “ Tập huấn quy định cập nhật trên thị trường Phái sinh” do HNX tổ chức ngày 18/11/2016
 - Tham dự khóa đào tạo “ Quản lý rủi ro trên thị trường Phái sinh VN” do HNX tổ chức ngày 10/11/2016
 - Tham dự hội thảo quản trị công ty “Nhiệm vụ và đánh giá hiệu quả hoạt động của thành viên HĐQT” do HNX tổ chức ngày 11/11/2016
 - Dẫn đầu quản trị công ty nâng cao hoạt động của HĐQT.
 - Cùng tham gia hướng dẫn, thực hiện các thông tư, công văn mới:
 - + Thực hiện công văn chỉ đạo số 2463 của UBCKNN
 - + Luật doanh nghiệp 2014

GIỚI THIỆU VỀ BAN KIỂM SOÁT



Ông: NGUYỄN VĂN ĐỨC

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2011

Quá trình công tác

1999 – 2007:

Cán bộ - Công ty CP may Thái Nguyên

2008 – nay:

Trưởng Ban kiểm soát – Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Cử nhân kế toán, Cử nhân ngoại ngữ



Ông: TRẦN MINH HIẾU

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1979

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2016

Quá trình công tác

2004 – 2012:

Cán bộ - Công ty CP may Thái Nguyên

2012 - Nay:

Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG

Trình độ chuyên môn

Cử nhân QTKD Quốc tế



Bà: Hà Thị Tuyết

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1984

Quốc tịch: Việt Nam

Thời điểm bổ nhiệm: Năm 2016

Quá trình công tác

07/2007 - 2015:

Cán bộ - Công ty may Thái Nguyên

2015– Nay:

Trưởng phòng Pháp chế Công ty CP đầu tư và thương mại TNG

Trình độ chuyên môn

Luật sư

Hoạt động của ban kiểm soát

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

Stt No.	Thành viên BKS Members of Supervisory Board	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS Day becoming/ no longer member of the Supervisory Board	Số buổi họp BKS tham dự Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp Percentage	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
1	Ông Nguyễn Văn Đức	Trưởng BKS		4	100%	
2	Bà Hà Thị Tuyết	Thành viên BKS	Bổ nhiệm 24/04/2016	4	100%	Bổ nhiệm 24/04/2016
3	Ông Trần Minh Hiếu	Thành viên BKS	Bổ nhiệm 24/04/2016	4	100%	Bổ nhiệm 24/04/2016

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of Directors and shareholders:

Trong 2016, Ban kiểm soát đã họp phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên kiểm soát trên các mặt hoạt động của Công ty, thống nhất kế hoạch kiểm soát năm 2016. Định kỳ hàng tháng Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh và công ty. Sau kiểm soát Ban kiểm soát đều có biên bản làm việc với giám đốc và kế toán trưởng các chi nhánh và đưa ra những tồn tại cần khắc phục trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, công tác quản lý tài chính của Công ty góp phần đảm bảo sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

Trưởng ban kiểm soát được giao nhiệm vụ : Báo cáo đánh giá việc xây dựng kế hoạch SXKD năm 2016

- Xây dựng kế hoạch SXKD cho các đơn vị
- Giao kế hoạch SXKD của Tổng giám đốc cho các đơn vị

Đối với hoạt động của Hội đồng quản trị:

6 tháng đầu năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã không ngừng nỗ lực đưa ra nhiều giải pháp về sản xuất kinh doanh phải có lãi

HĐQT Công ty đã triển khai các chính sách về đấu thầu : 'Tiến hành đấu thầu toàn bộ nguyên vật liệu đầu vào' để tiết kiệm hạ giá thành sản phẩm mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty và các Cổ đông.

Thành lập hội đồng đấu thầu với chức năng nhiệm vụ :

Lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cạnh tranh nhất, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về giá và chất lượng hàng hóa, dịch vụ

Xử lý các hành vi vi phạm trật tự quản lý công ty và yêu cầu bồi thường trách nhiệm vật chất (Nếu có) đối với nhưng cá nhân không chấp hành quy định của công ty về mua bán hàng hóa, cá nhân có biểu hiện gian dối, không minh bạch, trục lợi cá nhân trong việc mua bán với khách hàng, nhà cung cấp. Mức truy thu/ bồi thường tối thiểu bằng 100% chênh lệch giữa giá thị trường và giá mua bán

Tổ chức giám sát Ban giám đốc điều hành, quan tâm tới công tác tổ chức cán bộ quản lý trong toàn Công ty và ban hành các Nghị quyết với các nội dung chủ yếu tập trung hoàn thiện nâng cao các mặt quản lý điều hành phục vụ cho sản xuất kinh doanh chung của toàn Công ty.

HĐQT đã duy trì các cuộc họp thường kỳ hàng tuần, tháng, Quý đảm bảo nắm rõ tình hình sản xuất kinh doanh của các chi nhánh để đưa ra các chính sách kịp thời.

6 tháng đầu năm năm 2016, HĐQT cũng đã ra 7 nghị quyết Hội đồng quản trị về Đại hội cổ đông, thay đổi địa điểm trụ sở chính và thông qua các phương án phát hành cổ phiếu...

Đối với hoạt động của Ban giám đốc điều hành:

Ban giám đốc điều hành đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động SXKD theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ theo Pháp luật Nhà nước, các quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty

Ban giám đốc chỉ đạo thực hiện tốt các nội quy lao động, thảo ước lao động tập thể. Căn cứ hướng dẫn các quy định của Công ty ban hành, hàng ngày theo dõi hành vi, vi phạm NQCC của CBCNV

Thực hiện chuyển đổi hình thức nhập khẩu nguyên phụ liệu theo điều kiện CIF sang hình thức nhập khẩu nguyên phụ liệu theo điều kiện FOB

Đối với hợp đồng nguyên phụ liệu từ nhà cung cấp nước ngoài : Tất cả nguyên phụ liệu nhập khẩu từ nước ngoài đều được nhập theo điều kiện FOB/EXW/FCA.

Trong quá trình thương thảo hợp đồng với nhà cung cấp nước ngoài, các cán bộ kinh doanh phải chủ động đàm phán điều kiện giao hàng là FOB/EXW/FCA. Tất cả nguyên phụ liệu nhập khẩu theo điều kiện CIF, CNF, CFR bắt buộc phải chuyển đổi và đàm phán sang hình thức mua điều kiện FOB, EXW hoặc FCA

Ban giám đốc chỉ đạo công tác điều hành đã thực hiện các giải pháp về đơn hàng và tổ chức sản xuất phù hợp với phương án kỹ thuật khai thác hợp lý, Ban giám đốc chỉ đạo công tác điều hành của các đơn vị đẩy mạnh năng suất lao động của toàn công ty

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers:

- Việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và ban kiểm soát được thực hiện hiệu quả. Các phòng ban trong công ty, đã tích cực phối hợp, cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu góp phần để hoạt động của ban kiểm soát ngày càng hoàn thiện và đạt kết quả tốt

- Tham mưu, tư vấn cho HĐQT về phương án nới room cho nhà đầu tư nước ngoài lên 100% và các phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2/2015 và theo sự lựa chọn của người lao động (ESOP)

- Tham mưu, tư vấn hồ sơ tài liệu sáp nhập Công ty cổ phần Thời trang TNG vào Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG, soạn thảo hợp đồng sáp nhập cũng như các thủ tục sáp nhập khác

- Tham gia hội đồng đàm phán hợp đồng với các khách hàng, các nhà cung cấp. bàn giá theo hội đồng công khai, không riêng lẻ theo từng giám đốc chi nhánh.

- Trước khi thực hiện ký kết hợp đồng hoặc mua, hoặc bán và các hợp đồng khác, các chi nhánh may đều thông tin lại bộ phận chuyên môn phòng Pháp chế công ty trực thuộc Ban kiểm soát để thẩm định về mặt pháp lý, tránh các rủi ro về thanh toán và phải có dấu xác nhận đã thẩm định của BKS thì lãnh đạo công ty mới phê duyệt để thực hiện HĐ.

- Ban lãnh đạo công ty căn cứ vào kết quả đánh giá nhà cung cấp của Ban kiểm soát để phê duyệt nhà cung cấp, từ đó ký kết hợp đồng với nhà cung cấp

- Sau khi chuyển tiền đi, hệ thống phần mềm kiểm soát ngày dự kiến hàng về tại cảng Hải Phòng, các bộ phận căn cứ vào thông tin để triển khai công việc và hệ thống sẽ thông báo Deadline cho từng đơn vị và kết thúc bằng việc thủ kho các chi nhánh xác nhận số hàng về kho. Trong quá trình SX các mã hàng sẽ thể hiện từng đơn vị để mọi người cùng theo dõi.

- Ban Kiểm soát tiến hành phân tích các báo cáo tài chính công ty và so sánh với các doanh nghiệp trong ngành, lập báo cáo cho Hội đồng quản trị để HĐQT thấy được vị trí của TNG cũng như có được định hướng đúng đắn cho công ty

- Kiểm soát báo cáo KQSXKD các chi nhánh theo tháng theo các điều khoản của HĐ thuê giám đốc, nếu lỗi, BKS sẽ kiểm tra, phân tích nguyên nhân lỗi, kế hoạch các tháng tiếp theo và đề xuất các khuyến nghị.

- Các công trình XD, khi nghiệm thu từng giai đoạn của nhà thầu, BKS cùng tham gia các bộ phận chức năng như phòng XD, BQLDA để kiểm nghiệm theo từng giai đoạn hoàn thiện của công trình.

- Công ty đã thực hiện việc báo cáo tuân thủ trên thị trường chứng khoán, báo cáo KQSXKD theo tháng trên website công ty. Từng bước công bố các báo cáo với tiếng Việt và tiếng Anh để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài

- Khi HĐQT họp thì thành phần BKS đều tham gia trao đổi, đóng góp ý kiến, cùng tham gia kế hoạch kiểm tra định kỳ các đơn vị, chi nhánh.

- BKS tham gia cuộc họp giao ban định kỳ giữa lãnh đạo công ty và các cán bộ quản lý trao đổi về cách thực hiện KQSXKD.

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ Other activities of the Supervisory Board (if any):

- Ban kiểm soát chủ động phân công công việc các thành viên trong năm 2016 thực hiện theo điều lệ, theo kế hoạch SXKD 2016

- Chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin liên quan đến quan hệ cổ đông.

- Thành viên Hội đồng đấu thầu với nhiệm vụ lựa chọn, đánh giá nhà cung cấp giá tốt nhất và chất lượng nhất cho công ty

- Trưởng ban kiểm soát đánh giá khách mua hàng:

Chịu trách nhiệm về các vụ liên quan đến khách hàng có hành vi lừa gạt gây nên tổn thất tài chính cho công ty

- Thành viên ban kiểm soát thực hiện công tác đánh giá, tham mưu lựa chọn nhà cung cấp:

Chịu trách nhiệm về các vụ việc liên quan đến nhà cung cấp có hành vi lừa gạt gây nên tổn thất tài chính cho công ty

- Thành viên hội đồng kiểm kê vốn và tài sản công ty có chức năng chỉ đạo các tổ kiểm kê phục vụ trong phạm vi chỉ đạo

- Tư vấn và tham gia chương trình “ Trao đổi thông tin trước thềm ĐHĐCĐ năm 2016 để gặp mặt các nhà đầu tư cũng như tiếp nhận, giải quyết thắc mắc của họ

- Thành viên ban kiểm soát trong ban thẩm tra tư cách đại biểu dự ĐHĐCĐ 2016.

- Ban kiểm soát làm nòng cốt ban kiểm phiếu trong ĐHĐCĐ 2016.

- Rà soát, kiểm tra chu trình tổ chức ĐHĐCĐ 2016 theo đúng điều lệ, luật doanh nghiệp 2005.

- Tiến hành so sánh nội dung Thông tư 121/2012/TT-BTC và luật chứng khoán và luật doanh nghiệp. Trên cơ sở đối chiếu xem trong điều lệ công ty, công ty đã thực hiện và chưa thực hiện điều gì. Từ đó điều chỉnh điều lệ công ty

- Thực hiện thẩm định báo cáo thường niên 2016 và báo cáo phát triển bền vững 2016. Hai báo cáo đã thể hiện bức tranh tổng quan về Công ty cũng như cho thấy được định hướng năm 2016 của Công ty

- Tham gia hội đồng đấu thầu : Xử lý các hành vi vi phạm trật tự quản lý công ty và yêu cầu bồi thường trách nhiệm vật chất (Nếu có) đối với nhưng cá nhân không chấp hành quy định của công ty về mua bán hàng hóa, cá nhân có biểu hiện gian dối, không minh bạch, trục lợi cá nhân trong việc mua bán với khách hàng, nhà cung cấp. Mức truy thu/ bồi thường tối thiểu bằng 100% chênh lệch giữa giá thị trường và giá mua bán

- Trong hệ thống phần mềm QTKD cũng đã xây dựng được công nợ trong hạn, quá hạn bằng việc kiểm soát hạn mức tín dụng của từng chi nhánh, nên các đơn vị nào mà chuẩn bị quá hạn mức tín dụng, lập tức

các bộ đề nghị thanh toán sẽ bị tạm dừng, không phê duyệt được. hệ thống phần mềm này bắt buộc các nhân viên kinh doanh không chỉ theo hàng tốt mà phải luôn đốc thúc công nợ để số tiền của các chi nhánh luôn luôn ở trong hạn mức cho phép để hoạt động.

- Phân tích báo cáo tài chính hàng tháng, đưa những chỉ số tài chính cơ bản của TNG đem so sánh với các đơn vị cùng ngành để cho Nhà đầu tư thấy được các nhìn tổng quát nhất về Công ty

Thẩm định các công bố thông tin tới thị trường chứng khoán.

NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP

Stt No.	Ngày họp	Nội dung họp
1	30/4/2016	<p style="text-align: center;">I, Phiên họp thường niên năm 2016:</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG được tổ chức vào ngày 24/04/2016, với sự tham gia của 97 cổ đông đại diện cho 20.954.818 cổ phần, chiếm 70,74 % vốn điều lệ công ty. Căn cứ vào nghị quyết của công ty, Luật doanh nghiệp thì công ty đã tiến hành đại hội theo đúng thủ tục, quy định của điều lệ, luật doanh nghiệp.</p> <p style="text-align: center;">II, Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh quý I/ 2016, thẩm tra báo cáo tài chính.</p> <p>Bảng phân tích kết quả hoạt động kinh doanh.</p> <p>Quý 1 năm nay TNG đạt sự tăng trưởng mạnh về doanh thu và lợi nhuận. Doanh thu bán hàng quý I/2016 đạt 357,9 tỷ đồng, tăng 20,5% so với cùng kỳ năm 2015.</p> <p>Kỳ này, biên lãi gộp của công ty giảm nhẹ còn 17% vì lý do giá vốn hàng bán tăng 23,76% so với cùng kỳ và nhanh hơn so với doanh thu thuần. Song phần lợi nhuận gộp vẫn đạt 60,7 tỷ đồng, tăng 6,92% so với cùng kỳ năm ngoái.</p> <p>Chi phí bán hàng giảm 48% so với cùng kỳ tương ứng đạt 4,6 tỷ đồng trong bối cảnh doanh thu thuần, lãi gộp tăng giúp TNG đạt lợi nhuận sau thuế 14 tỷ đồng, tăng 24% so với quý I/2015.</p> <p>Công ty quản trị tốt hoạt động sản xuất, bán hàng nên đạt mức lợi nhuận cao hơn năm ngoái. Song ROA quý 1/2016 vẫn giữ ở mức 0,8% so với quý 1/2015, và ROE có giảm nhẹ còn 3,18% so với cùng kỳ</p> <p>Về phía tài sản, Tổng tài sản đã tăng 8,65% so với đầu năm và đạt 1.753 tỷ đồng. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tài sản ngắn hạn tăng 12,92% so với đầu năm, đạt 791 tỷ đồng + Tài sản dài hạn tăng 5,38% so với đầu năm đạt 961 tỷ đồng <p>Về phía Nguồn vốn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tổng nợ phải trả tăng 10,55% so với đầu năm, đạt 1.310 tỷ đồng

+ Vốn chủ sở hữu tăng 3,41% so với đầu năm, đạt 442 tỷ đồng

Về đơn hàng, các khách hàng truyền thống của công ty như khách hàng từ Colombia, Decathlon gia tăng giá trị đơn hàng giúp công ty đạt doanh thu tốt hơn năm ngoái.

Bảng CĐKT

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm	Tăng (+) / Giảm (-) (%)
TỔNG TÀI SẢN	1.753.305.980.909	1.613.646.205.042	8,65%
+ TSNH	791.734.633.060	701.124.921.431	12,92%
+ TSDH	961.571.347.849	912.521.283.611	5,38%
TỔNG NGUỒN VỐN	1.753.305.980.909	1.613.646.205.042	8,65%
+ Nợ phải trả	1.310.634.246.782	1.185.566.716.281	10,55%
+ VCSH	442.671.734.127	428.079.488.761	3,41%

Báo cáo KQSXKD

Chỉ tiêu	Q1/2016	Q1/2015	Tăng (+) / Giảm (-) (%)
Doanh thu thuần	357.962.738.430	296.965.053.968	+ 20,54
Lợi nhuận gộp	60.772.120.459	56.839.256.702	+ 6,92
Biên lợi nhuận gộp	17%	19,1%	-2,1
Chi phí tài chính	17.659.040.413	12.537.287.073	+40,85
Trong đó : Chi phí lãi vay	14.838.894.633	11.722.774.870	+26,58
Chi phí bán hàng	4.637.576.967	8.836.453.974	-47,52
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.720.046.369	23.112.369.120	+19,94
Lợi nhuận sau thuế TNDN	14.058.897.366	11.303.485.252	+24,38

	<p>III. Báo cáo tài chính đã lập theo thông tư 200 của BTC.</p> <p>- Công ty đã thực hiện lập báo cáo tài chính đã lập theo thông tư 200 của BTC.</p> <p>IV, Kiểm soát các thông tin liên quan đến chứng khoán.</p> <p>- Công ty đã thực hiện tuân thủ báo cáo tài chính, công bố thông tin bất thường, tổ chức DHDGD theo đúng điều lệ công ty, công bố theo đúng thông tư số 52.</p> <p>V, Tình hình hồ sơ, chứng từ kế toán:</p> <p>Các hồ sơ, chứng từ kế toán đảm bảo theo quy định.</p> <p>VII, Chính sách đối với người lao động của công ty:</p> <p>Công ty đã ban hành chính sách về tiền lương, tiền thưởng, hỗ trợ tiền xăng xe, tiền chuyên cần, chính sách về nhà ở, rút ngắn thời gian làm việc 9h/ngày..., Các chính sách của công ty đáp ứng được nguyện vọng của người lao động đã giảm thiểu sự biến động và thu hút được nhiều lao động có tay nghề vào làm việc tại công ty.</p> <p>VIII, Kiểm soát công tác chi đạo HĐQT, ban giám đốc công ty so điều lệ, pháp luật hiện hành.</p> <p>Công ty đã cập nhật thông tin lập báo cáo tài chính, công bố thông tin bất thường, tổ chức DHDGD theo đúng điều lệ công ty, công bố theo đúng thông tư 155.</p> <p>IX, Các vấn đề khác:</p> <p>Tăng cường kiểm soát các nhà cung cấp nước ngoài.</p>
2	<p>15/08/2016</p> <p>I, Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh quý II/ 2016.</p> <p>KOKD quý II/2016 của TNG có sự tương lai với DTT chỉ đạt 498 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng giảm 0,45% so với Quý II/2015. LNST của quý II/2016 đạt 26 tỷ và, mức tăng trưởng tăng 15% so với cùng kỳ năm 2015. Đây là kết quả của việc quản trị chi phí trong kỳ, cụ thể trong quý II/2016</p> <p>+ Chi phí bán hàng giảm 28,51% so với cùng kỳ và đạt 5,3 tỷ đồng</p> <p>+ Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 0,58% so với cùng kỳ và đạt 42,6 tỷ đồng</p> <p>Xét trên KOKD 6 tháng đầu năm 2016 của TNG, TNG có những kết quả rất khả quan với DTT và LNST đạt</p>

856 tỷ đồng và 40,6 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng 7,37% và 19,38% so với cùng kỳ năm 2015

Công ty đã quản trị tốt hoạt động sản xuất, bán hàng nên đạt mức lợi nhuận cao hơn so với năm ngoài. Trong 6 tháng đầu năm 2016, ROE đạt 9,37% và ROA đạt 2,14%.

Việc tăng mạnh của lợi nhuận khác khi tăng tới 322,98% tương ứng đạt 5,4 tỷ đồng và việc kiểm soát chặt chẽ chi phí giúp công ty giảm được 38,84% chi phí bán hàng, là những nguyên nhân giúp Công ty đạt mức tăng lợi nhuận sau thuế

Sản phẩm xuất khẩu chính của TNG là áo Jacket và quần Cargo short sang Mỹ (47%), EU (21%), Canada và Mexico (15%), Hàn Quốc (7%), Nhật Bản (6,5%) và thị trường khác (3,5%). Thống kê từ Vinatex, riêng mặt hàng áo Jacket, KNXX đã tăng nhanh những tháng đầu năm với mức tăng 18% yoy trong quý I và ước tăng 10% yoy trong quý II. Tuy nhiên KNXX quần short giảm hơn với mức tăng 1,4% yoy trong 6T đầu năm và dự báo tăng 10% yoy trong quý III. Với KQKD tích cực, có thể thấy TNG có được sức cạnh tranh lớn so với các doanh nghiệp khác trong ngành về quy mô và năng lực sản xuất.

Về phía tài sản, Tổng tài sản đã tăng 17,90% so với đầu năm và đạt 1.902 tỷ đồng. Cụ thể:

- + Tài sản ngắn hạn tăng 25,20% so với đầu năm, đạt 877 tỷ đồng
- + Tài sản dài hạn tăng 12,29% so với đầu năm đạt 1.024 tỷ đồng

Về phía Nguồn vốn:

- + Tổng nợ phải trả tăng 23,93% so với đầu năm, đạt 1.469 tỷ đồng
- + Vốn chủ sở hữu tăng 1,19% so với đầu năm, đạt 433 tỷ đồng

Về đơn hàng, các khách hàng truyền thống của công ty như khách hàng từ Colombia, Decathlon gia tăng giá trị đơn hàng giúp công ty đạt doanh thu tốt hơn năm ngoài.

Bảng CĐKT

Chi tiêu	Cuối năm	Đầu năm	Tăng (+) / Giảm (-) (%)
TỔNG TÀI SẢN	1.902.442.627,477	1.613.646.205,042	17,90%
+ TSNNH	877.795.476,981	701.124.921,431	25,20%
+ TSDH	1.024.647.150,496	912.521.283,611	12,29%
TỔNG NGUỒN VỐN	1.902.442.627,477	1.613.646.205,042	17,90%
+ Nợ phải trả	1.469.261.103,529	1.185.566.716,281	23,93%
+ VCSH	433.181.523,948	428.079,488,761	1,19%

Báo cáo KOSXKD

Chi tiêu	6 tháng đầu năm		Tăng (+) / Giảm (-) (%)
	Năm 2016	Năm 2015	
Doanh thu thuần	856.246.893,146	797.486.218,732	+7,37
Lợi nhuận gộp	153.268.193,873	160.521.887,147	-4,52
Biên lợi nhuận gộp	17,9	20,1	-2,22
Chi phí tài chính	37.053.530,983	39.600,683,071	-6,43
- Trong đó: Chi phí lãi vay	32.171,426,737	27.370,313,856	+17,54
Chi phí bán hàng	9.943,466,566	16.258,311,829	-38,84
Chi phí quản lý doanh nghiệp	70.379,731,529	68.645,930,086	+2,53
Lợi nhuận khác	3.893,028,647	687,603,020	+466,17
Lợi nhuận sau thuế	40.613,111,091	34.019,177,255	+19,38

		<p>II, Tình hình hồ sơ, chứng từ kế toán: - Các chứng từ đòi tiền khách hàng chưa được hết, vẫn còn nhiều khách hàng để công nợ phải thu quá hạn: Capital,...</p>
3	30/11/2016	<p>I, Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh quý III/ 2016. Bảng phân tích kết quả hoạt động kinh doanh. Trong Quý III/2016, Doanh thu thuần đạt hơn 595 tỷ đồng, giảm nhẹ 5,03% so với cùng kỳ năm trước. Song Giá vốn hàng bán lại có sự giảm mạnh hơn Doanh thu thuần, tức giảm 6,43% so với cùng kỳ, điều đó giúp lợi nhuận gộp của Công ty vẫn đạt mức tăng trưởng tăng 2,54%, đạt 100 tỷ đồng.</p> <p>Lợi nhuận sau thuế quý III/2016 đạt 29 tỷ đồng, tăng trưởng 18,08% so với Quý III/2015. Với mức tăng trưởng giảm Doanh thu nhưng Lợi nhuận sau thuế vẫn đạt mức tăng trưởng khá quan là do cơ chế quản lý chi phí của Công ty hoạt động hiệu quả. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chi phí bán hàng giảm 23,55% đạt mức 9,7 tỷ đồng + Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 29,89% đạt mức 37,4 tỷ đồng <p>Xét trên KQKD 9 tháng đầu 2016, Doanh thu thuần đạt 1.451 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,91% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm tiếp tục đạt mức tăng trưởng tốt với 18,83%, tương ứng đạt 70 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế nhanh hơn tốc độ tăng trưởng của Doanh thu thuần là do các nguyên nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chi phí bán hàng giảm 32,81 % so với cùng kỳ + Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 11,67% so với cùng kỳ + Lợi nhuận gộp khác tăng 156,86% so với cùng kỳ, tương ứng đạt 4,4 tỷ đồng <p>Bên cạnh đó, công ty ứng dụng các phần mềm quản lý đơn hàng, sản xuất, kỹ thuật, chất lượng... do vậy đã tiết kiệm được thời gian, giảm nhiều chi phí.</p> <p>Hết quý III/2016, TNG đạt các chỉ số ROA là 1,61% và ROE là 5,96%.</p> <p>Về phía tài sản, Tổng tài sản đã tăng 13,29% so với đầu năm và đạt 1.828 tỷ đồng. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tài sản ngắn hạn tăng 12,56% so với đầu năm, đạt 789 tỷ đồng + Tài sản dài hạn tăng 13,84% so với đầu năm đạt 1038 tỷ đồng <p>Về phía Nguồn vốn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tổng nợ phải trả tăng 12,52% so với đầu năm, đạt 1.333 tỷ đồng + Vốn chủ sở hữu tăng 15,42% so với đầu năm, đạt 494 tỷ đồng

Bảng CĐKT

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm	Tăng (+) / Giảm (-) (%)
TỔNG TÀI SẢN	1.828.040.616.443	1.613.646.205.042	13,29%
+ TSNNH	789.215.675.096	701.124.921.431	12,56%
+ TSDH	1.038.824.941.347	912.521.283.611	13,84%
TỔNG NGUỒN VỐN	1.828.040.616.443	1.613.646.205.042	13,29%
+ Nợ phải trả	1.333.948.575.680	1.185.566.716.281	12,52%
+ VCSH	494.092.040.763	428.079.488.761	15,42%

Báo cáo KQSKKD

Chỉ tiêu	9 tháng đầu năm		Tăng (+)/ Giảm (-) (%)
	Năm 2016	năm 2015	
Doanh thu thuần	1.451.442.133.414	1.424.216.544.876	1,91%
Giá vốn hàng bán	1.197.920.457.658	1.165.926.758.907	2,74%
Lợi nhuận gộp	253.521.675.756	258.289.785.969	-1,85%
Chi phí tài chính	57.301.830.537	51.604.104.006	11,04%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	44.949.657.699	42.280.746.905	6,31%
Chi phí bán hàng	19.504.197.888	29.026.345.660	-32,81%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	107.866.487.497	122.111.800.605	-11,67%
Lợi nhuận khác	4.434.164.652	1.726.312.479	156,86%
Lợi nhuận sau thuế	70.063.685.748	58.960.372.509	18,83%

II, Tình hình hồ sơ, chứng từ kế toán

A. Kiểm soát đơn hàng:

Hiện nay công ty đang thực hiện quy trình trên phần mềm:

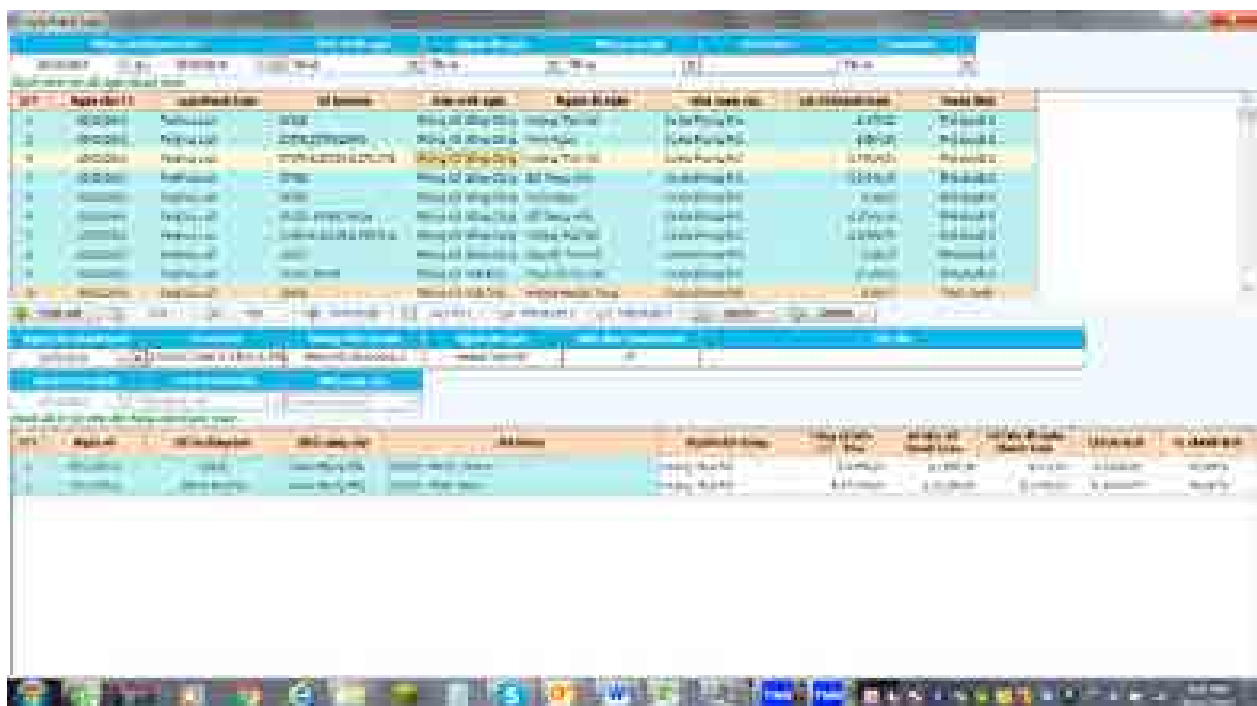
1. Mã hàng mới: Có hệ thống theo dõi, cập nhật trên phần mềm



The screenshot displays the TNG software interface. On the left, there is a navigation menu with various options. The main area is a large table with multiple columns, likely representing inventory or order details. The table has a header row with orange background and several data rows below it. The columns include information such as item codes, descriptions, and quantities. The interface is in Vietnamese.

2. Thực hiện chuyển tiền:

Khi các đơn hàng xác nhận trên phần mềm có ngày deadline ddeerr các bộ phận xử lý thông tin , cập nhật và đưa ra các khuyến nghị để xử lý. Các vướng mắc được xử lý, màn hình sẽ hiện ra một danh mục chuyển tiền tối đa số tiền đã được xác nhận trên phần mềm, căn cứ vào bảng cân đối nhu cầu:



The screenshot shows a window titled 'Chuyển tiền' (Transfer) within the TNG software. It contains a table with columns for 'Ngày chốt' (Closing Date), 'Mã đơn hàng' (Order Code), 'Số tiền' (Amount), 'Ngày xác nhận' (Confirmation Date), 'Số tiền cần' (Required Amount), 'Số tiền chuyển' (Transfer Amount), and 'Mã đơn hàng' (Order Code). The table lists several entries with numerical values. Below the table, there are some input fields and buttons. The interface is in Vietnamese.



Khi số tiền chuyển nhỏ hơn bằng nhu cầu thì lệnh in được thực hiện. Nếu số tiền lớn vượt nhu cầu thì tự nhiên máy báo lỗi số tiền vượt.

3. Lệnh chuyển tiền xong, theo dõi hàng về:

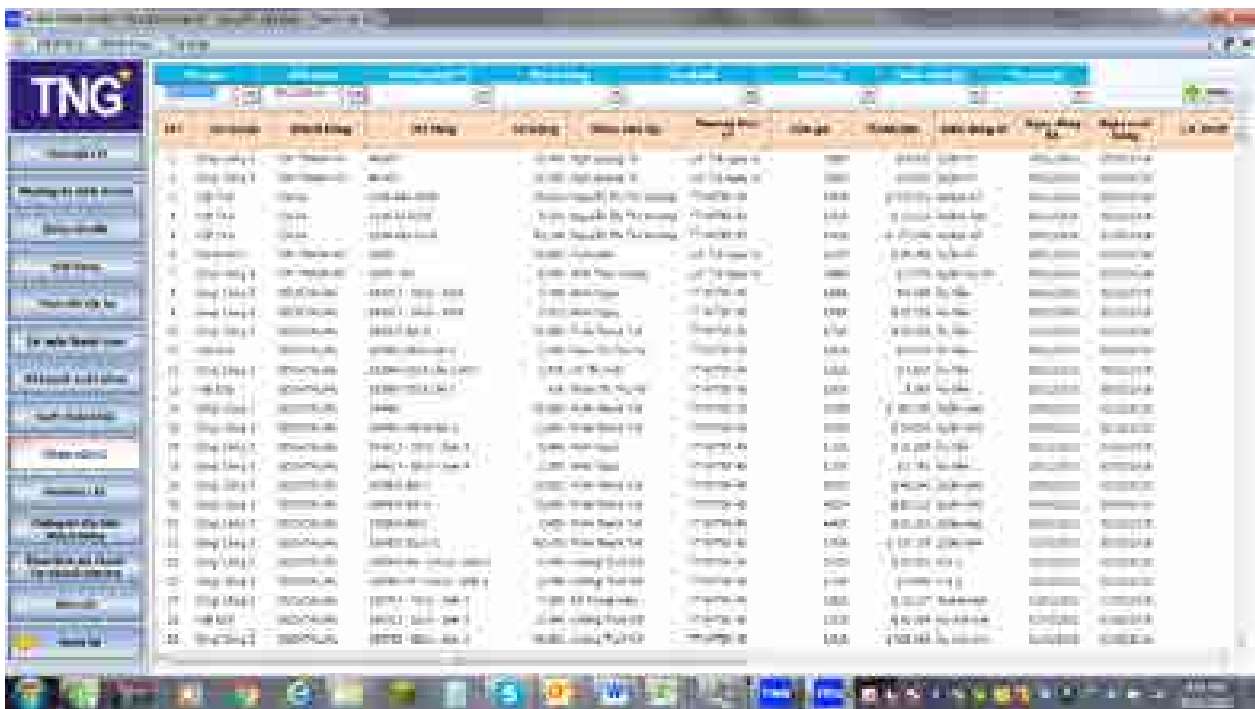


Trên phần mềm cho ta biết lô hàng mà chuyển tiền mua đang trong tình trạng như thế nào: Ngày nào xuất ở nước ngoài, ngày nào về đến Việt Nam, ngày nào TNG nhận được hàng, ngày nào hàng về kho, ai nhận, nhận lúc nào sẽ hiển thị ra.

Việc nguyên phụ liệu về để may sản phẩm sẽ thực hiện may được báo nhiều sản phẩm thông qua báo đồng bộ:



Việc cập nhật, trao đổi thông tin sẽ qua hệ thống tư vấn như sau:



Hệ thống kiểm soát đơn hàng chạy ổn định trên phần mềm, đến thời điểm kiểm tra hệ thống tuân thủ các quy trình nên không có phát sinh để xử lý.

B. Kiểm soát sản xuất

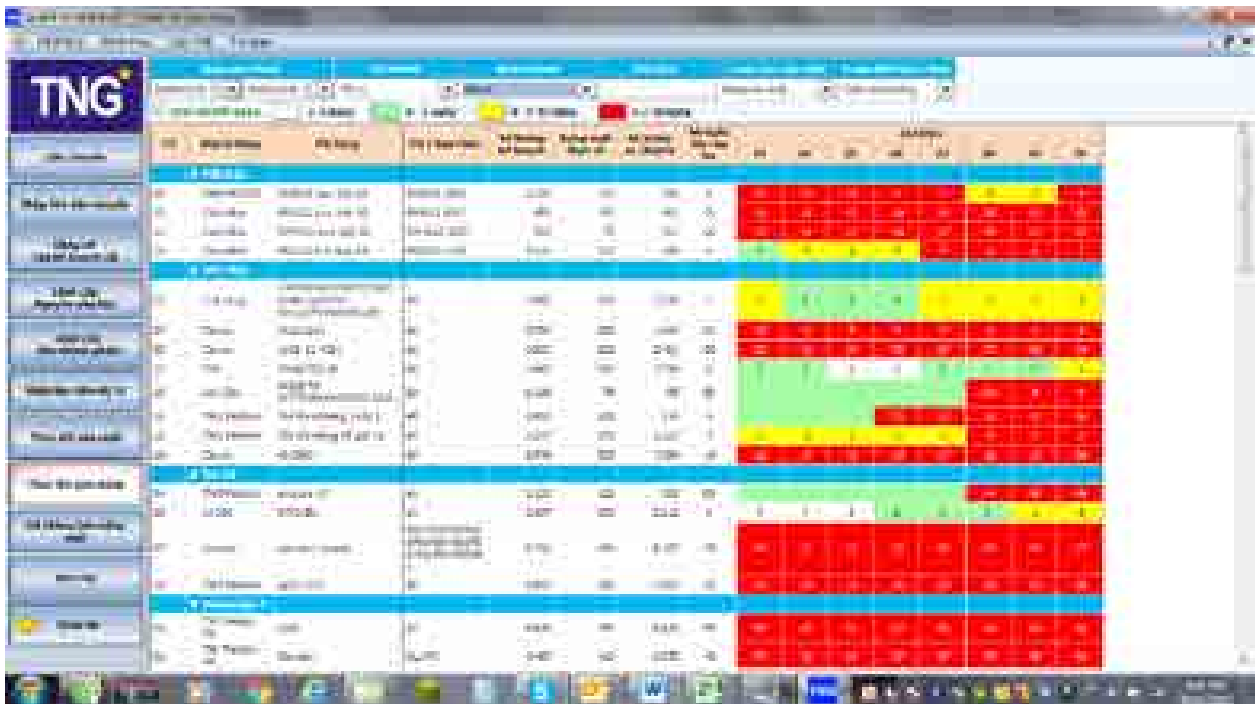
1. Mã hàng mới – xây dựng báo cáo năng lực sản xuất:



Trên hệ thống này, bộ phận kiểm soát nội bộ kiểm soát được:

- + Năng lực sản xuất.
- + Theo dõi đồng bộ nhưng chưa vào chuyên sản xuất.
- + Theo dõi được khả năng xuất hàng của mã hàng.

Nếu có vấn đề về giao hàng, trên phần mềm cảnh báo xuất hàng:



Căn cứ vào cảnh báo để cán bộ điều độ điều tiết hàng phù hợp không bị chậm tiến độ giao hàng.

Hệ thống kiểm soát sản xuất chạy ổn định trên phần mềm, đến thời điểm kiểm tra hệ thống tuân thủ các quy trình nên không có phát sinh để xử lý.

C. Kiểm soát dòng tiền

1. Mã hàng mới khi phê duyệt trên phần mềm sẽ tự động hiện trên phần mềm bằng các account cho phép access



The screenshot displays the TNG software interface. On the left, there is a sidebar menu with various options. The main area shows a table with columns for item details, including item name, quantity, and price. The table contains multiple rows of data, likely representing different items or transactions.

Sau khi đơn hàng được phê duyệt, theo nhu cầu số lượng cán bộ theo dõi hàng sẽ theo dõi hàng và thông báo làm lệnh chuyển tiền trên phần mềm



The screenshot shows a payment slip form within the TNG software. The form is titled "ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN" (Request for Payment) and includes a table with columns for item name, quantity, and price. The form also contains fields for the total amount and the date of payment.

Khi số tiền chuyển nhỏ hơn bằng nhu cầu thì lệnh in được thực hiện. Nếu số tiền lớn vượt nhu cầu thì tự nhiên máy báo lỗi số tiền vượt.

Lệnh chuyển tiền xong, theo dõi hàng về:

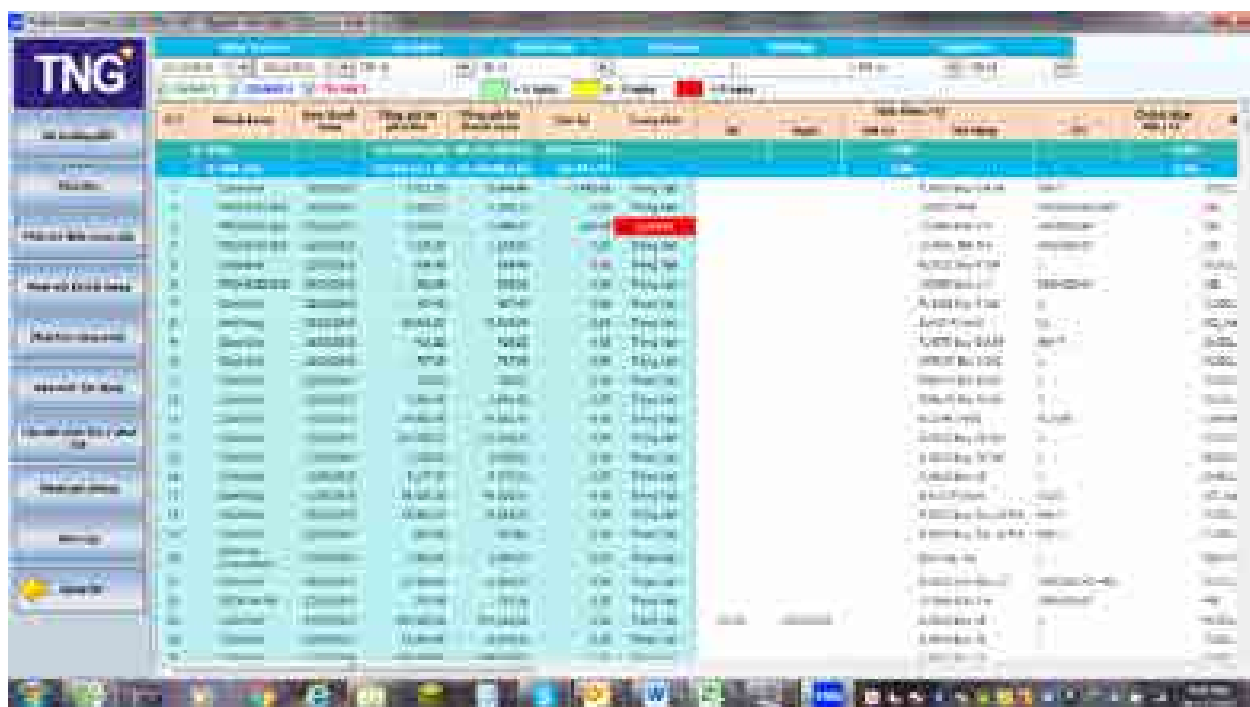


Trên phần mềm cho ta biết lô hàng mà chuyển tiền mua đang trong tình trạng như thế nào: Ngày nào xuất ở nước ngoài, ngày nào về đến Việt Nam, ngày nào TNG nhận được hàng, ngày nào hàng về kho, ai nhận, nhận lúc nào sẽ hiển thị ra

Hệ thống máy sẽ kiểm soát giá trị tiền chuyển đi, giá trị hàng về đến TNG, giá trị tiền hàng về như thế nào, nếu hàng không về theo kế hoạch đã thiết lập để giám sát thì có tin nhắn cảnh báo tới (Cán bộ đơn hàng, cán bộ theo dõi kế hoạch , thủ kho, trưởng phòng KD, giám đốc nhà máy) sẽ kiểm tra lại chuyển tiền đi, hàng có về đủ không ?

Sau khi hàng về, tiến hành sản xuất sẽ theo dõi:

Xuất hàng đi, khi hàng xuất đi sẽ xuất hiện công nợ tiền hàng và kế toán lấy cơ sở theo dõi:



Hệ thống phần mềm sẽ tự động:

+ Giá trị hàng xuất,

- + Giá trị tiền về của khách hàng trả.
- + Tự động tính chênh lệch trên từng hóa đơn invoice để đòi tiền theo mã hàng.

Thêm vào đó, hệ thống cảnh báo chứng từ đòi hàng muộn thanh toán :

- + Đưa ra cảnh báo làm chứng từ, đòi hàng muộn.
- + Đưa ra cảnh báo các mã hàng đã xuất nhưng thanh toán muộn.

+ cảnh báo các bộ phận có liên quan có trách nhiệm giải quyết tổn đọng công nợ công ty. Nếu không giải quyết sẽ có cảnh báo không chuyển tiền mua nguyên phụ liệu cho các đơn hàng tiếp theo của khách này.

Hệ thống kiểm soát sản xuất chạy ổn định trên phần mềm, đến thời điểm kiểm tra hệ thống tuân thủ các quy trình nên không có phát sinh để xử lý

KIỂM SOÁT CHI PHÍ BẰNG HỆ THỐNG CÔNG CỤ:

The screenshot displays a complex data table within a software application titled 'TNG'. The table is organized into several columns, likely representing different stages of production or financial metrics. The data is presented in a grid format with alternating light blue and white rows. The interface includes a sidebar on the left with various menu options and a top navigation bar. The overall appearance is that of a professional business management tool.

Hệ thống kiểm soát chỉ tiêu định lượng gắn liền trách nhiệm công việc với tiền lương thể hiện qua các chỉ số K (KPIs) chạy ổn định trên phần mềm, đánh giá chính xác đến thời điểm kiểm tra hệ thống tuân thủ các quy trình nên không có phát sinh để xử lý.



Báo cáo đánh giá của ban kiểm soát công ty về công ty kiểm toán deloitte

1. Cùng phối hợp thực hiện:

- Trao đổi công việc trước khi thực hiện kiểm toán: Lịch hẹn, trao đổi thông tin với BKS trước khi thực hiện.



2. Tính nghiêm túc, độc lập khi thực hiện công việc.



3. Thông báo tóm tắt công việc sau khi thực hiện kiểm toán:



4. Cùng tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên 2016: tham dự và cùng giải đáp các vướng mắc với các cổ đông TNG.



Đánh giá hoạt động của Trưởng Ban kiểm soát

Công cụ đánh giá: Dùng bảng hỏi ngẫu nhiên cán bộ quản lý trong ngày tổng kết năm

TT	Họ tên	Công việc	Kết quả	Đề xuất	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Đức	Thực hiện theo luật doanh nghiệp, Thông tư 121- Quản trị công ty, Điều lệ công ty	Thực hiện rất tốt công việc		
2	Nguyễn Văn Đức	Giám sát việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên	Đã giám sát đúng luật		
3	Nguyễn Văn Đức	Kiểm soát các văn bản, nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT	Đã thực hiện rất tốt		
4	Nguyễn Văn Đức	Kiểm soát tài chính	<ul style="list-style-type: none">- Phân tích báo cáo KQSXKD.- Thực hiện đánh giá nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào.- Cùng tham dự , đàm phán với các khách hàng.		
5	Nguyễn Văn Đức	Quản trị điều hành	<ul style="list-style-type: none">- Tham gia các cuộc họp xây dựng kế hoạch SXKD hàng năm.- Tham dự việc triển khai thực hiện KHSXKD của từng đơn vị		
6	Nguyễn Văn Đức	Kiểm soát hoạt động SXKD	<ul style="list-style-type: none">- Thực hiện rất tốt việc tiền kiểm, triển khai đánh giá các nhà cung cấp- Gửi thông điệp rõ ràng của Chủ tịch HĐQT với việc nghiêm cấm nhận hối lộ		

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ tên	Chức vụ	Tổng cộng (đ)
HĐQT			
1	Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch HĐQT	2.119.206.800
2	Nguyễn Đức Mạnh	Ủy viên HĐQT	667.513.798
3	Rusdy Pranata	UVHĐQT	60.000.000
4	Nguyễn Văn Thới	UVHĐQT, Tổng giám đốc	1.501.635.942
5	Lương Thị Thúy Hà	UV HĐQT	452.381.307
BAN GIÁM ĐỐC			
1	Nguyễn Văn Thới	UV HĐQT, TGD	1.501.635.942
2	Nguyễn Đức Mạnh	P. TGD	667.513.798
3	LýThị Liên	P. TGD	537.319.219
4	Lương Thị Thúy Hà	KTT	452.381.307
BAN KIỂM SOÁT			
8	Nguyễn Văn Đức	Trưởng BKS	292.008.453
9	Hà Thị Tuyết	UV BKS	283.590.665
10	Trần Minh Hiếu	UV BKS	313.660.844

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan:

Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người có liên quan của người có liên quan / List of internal persons and their affiliated persons

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) / Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) / Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp / ID card/Pass port No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ / Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú / Note
1	Nguyễn Văn Thời	002C141296	Chủ tịch HĐQT	090117808 cấp ngày 11/08/2014 tại CATN	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	6.624.491	19,33%	
2	Nguyễn Đức Mạnh	002C163790	Ủy viên HĐQT, PTGD	090882528 cấp ngày 20/05/2013 tại CATN	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	2.082.018	6,08%	
3	Đỗ Thị Hà	002C163791	Người liên quan chủ tịch HĐQT	090513872	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	871.082	2,54%	
4	Nguyễn Mạnh Linh	002C163793	Người liên quan chủ tịch HĐQT	090972003	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	738.290	2,15%	
5	Lý Thị Liên	002C141232	PTGD	090888102 cấp ngày 14/09/2010 tại CATN	Phường Tân Lập, TP Thái Nguyên	415.954	1,21%	
6	Lương Thị Thuý Hà	002C141323	UV/HĐQT Kế toán trưởng, kiêm TP kế toán	090555417	Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên	253.159	0,74%	Bổ nhiệm từ 16/11/2016
7	Nguyễn Văn Thới	002C141322	TGD công ty	090784558 cấp ngày 20/11/2009 tại CATN	Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên	375.954	1,1%	
8	Trần Thị Thu Hà	002C141227	Trưởng phòng kế toán	090888105 cấp ngày 17/09/2012 tại CATN	Phường Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên	30.288	0,06%	Miễn nhiệm từ 16/11/2016
9	Nguyễn Văn Đức	002C141291	Trưởng BKS	090709267 cấp ngày 01/11/2009 tại CATN	Xã Quyết Thắng, TP Thái Nguyên	66.690	0,19%	
10	Hà Thị Tuyết		Ủy viên BKS	090783966 cấp ngày 10/01/1999 tại CA Thái Nguyên	Tổ 28 phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	8.637	0,03%	
11	Trần Minh Hiếu		Ủy viên BKS	091704585 cấp ngày 08/08/2009 tại CA Thái Nguyên	Tổ 18 Phường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	19.463	0,06%	
12	Nguyễn Thị Nhuận	058C024550	Người có liên quan	091928825 cấp ngày 20/10/2014 tại CATN	Huyện Phú Bình, TP Thái Nguyên	200.133	0,58%	
13	Nguyễn Thị Miên	002C101506	Người có liên quan	150752752 do công tan Thái Bình cấp	Phường Tân Quang, TP Sông Công, TP Thái Nguyên	204.045	0,595%	

Tng tăng trưởng bền vững

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/ Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal person	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	
1	Nguyễn Văn Thời	Tổng giám đốc	375.954	1,1%	415.954	1,21%	Mua
2	Trần Thị Thu Hà	TP Kế toán	19.288	0,06%	30.288	0,088%	Mua
3	Nguyễn Thị Miện	Em gái Chủ tịch	48.145	0,14%	204.045	0,595%	Mua
4	Nguyễn Thị Nhuận	Em gái Chủ tịch	10.333	0,03%	189.800	0,55%	Mua

Tng tăng trưởng bền vững

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Theo luật doanh nghiệp năm 2014.
2. Tham khảo các thông lệ tốt của thế giới thông qua tài liệu của IFC, Viện quản trị công ty OID của Thái Lan và bài chia sẻ Phó tổng giám đốc sở giao dịch Chứng khoán Thái Land tại Hội nghị thường niên các doanh nghiệp niêm yết năm 2016 tổ chức tại Nha Trang.
3. Tham khảo các tài liệu của OECD.
4. Có quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
5. Đủ trên 1/3 thành viên HĐQT là thành viên HĐQT độc lập.
6. Chủ tịch HĐQT không đồng thời là Tổng giám đốc.
7. Tham dự các diễn đàn quản trị công ty:
 - Tham dự khóa đào tạo “ Giám đốc nhân sự chuyên nghiệp” do trường doanh nhân PTI tổ chức ngày 05/01/2016
 - Tham dự hội thảo Luật doanh nghiệp 2014: Các quy định mới về quản trị công ty và khả năng áp dụng đối với doanh nghiệp Việt Nam ngày 02/06/2016
 - Tham dự khóa đào tạo “ Tập huấn quy định cập nhật trên thị trường Phái sinh” do HNX tổ chức ngày 18/11/2016
 - Tham dự khóa đào tạo “ Quản lý rủi ro trên thị trường Phái sinh VN” do HNX tổ chức ngày 10/11/2016
 - Tham dự hội thảo quản trị công ty “Nhiệm vụ và đánh giá hiệu quả hoạt động của thành viên HĐQT” do HNX tổ chức ngày 11/11/2016
 - Diễn đàn quản trị công ty nâng cao hoạt động của HĐQT.
 - Cùng tham gia hướng dẫn, thực hiện các thông tư, công văn mới:
 - + Thực hiện công văn chỉ đạo số 2463 của UBCKNN
 - + Luật doanh nghiệp 2014

GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẴM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI:

Tỷ lệ sở hữu tối đa người nước ngoài đối với TNG là 49%.

Tính đến ngày 31/12/2016 TNG có tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài là 21,68%.

Căn cứ Khoản 2 Điều Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác hoặc thuộc các trường hợp quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP. Hiện tại, Công ty đang có một số hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, do đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa vẫn là 49%.

Ngày 11/03/2016, HĐQT công ty có Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT về việc : Thông qua chủ trương nâng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đến 100% vốn điều lệ và sáp nhập Công ty cổ phần Thời trang TNG vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG.).

Thông qua chủ trương nói room, nâng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài đến 100% vốn điều lệ.

Giao cho Chủ tịch HĐQT lập phương án điều chỉnh ngành nghề kinh doanh, sửa đổi Điều lệ Công ty, trình HĐQT đề xuất với Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 để thực hiện chủ trương này.

Sau khi kiểm tra các đơn vị tư vấn và vụ trưởng vụ chào bán chứng khoán thì TNG có một số mã ngành trùng với 267 ngành nghề kinh doanh có điều kiện. TNG đang đợi Bộ kế hoạch và đầu tư chỉnh sửa các ngành nghề có điều kiện để việc nói room hoàn thiện.

HỢP ĐỒNG HOẶC CÁC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

TNG

LỜI KẾT

Dệt may Việt Nam lâu nay vẫn mang nặng dấu ấn gia công với biên lợi nhuận thấp, bởi vậy những doanh nghiệp có chiến lược đầu tư cho ngành thời trang táo bạo, tiến tới xuất khẩu hàng do mình làm ra như TNG được kỳ vọng sẽ tạo ra những bước chân tiên phong trong lĩnh vực tiềm năng nhưng cạnh tranh đầy khốc liệt này.

Tiếp tục phát huy tinh thần đoàn kết, năng động, luôn cạnh tranh bằng sự khác biệt – những giá trị cốt lõi, TNG sẽ tiếp tục nỗ lực, vượt qua mọi thách thức khó khăn, triển khai hiệu quả các lĩnh vực kinh doanh, phát triển mạnh mẽ, bền vững năm 2016 và các năm tiếp theo vì sự phồn thịnh của đất nước, sự thịnh vượng của Quý cổ đông, đối tác, khách hàng và tất cả cán bộ nhân viên.

Xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới Quý vị cổ đông, những người đã luôn tin tưởng và sát cánh cùng TNG trên con đường phát triển.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Thành	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Thời	Thành viên	
Ông Rusdy Pranata	Thành viên	
Bà Lương Thị Thủy Hà	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thời	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 07 tháng 3 năm 2017)
Bà Lý Thị Liên	Phó Tổng Giám đốc	(Giao quyền Tổng Giám đốc từ ngày 07 tháng 3 năm 2017)
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lý Thị Liên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 12 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

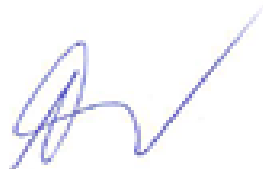
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Lý Thị Liên
Quyền Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị, 



Nguyễn Văn Thời
Chủ tịch

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 3 năm 2017

Số: 701 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2016, vốn lưu động của Công ty bị thiếu hụt có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0031-2013-001-1

Phạm Nam Phong
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0929-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 3 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		771.177.332.669	701.124.921.431
I. Tiền	110		11.782.348.123	56.463.716.439
1. Tiền	111	5	11.782.348.123	56.463.716.439
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		265.934.740.765	263.353.979.893
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	251.743.681.076	253.977.185.493
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.981.119.776	992.573.523
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	76.200.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	10.355.875.884	13.638.145.013
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.145.935.971)	(5.330.124.136)
III. Hàng tồn kho	140	9	445.446.275.926	348.279.238.073
1. Hàng tồn kho	141		450.777.731.965	352.030.706.195
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.331.456.039)	(3.751.468.122)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.013.967.855	33.027.987.026
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	13.348.846.844	8.923.816.028
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.665.121.011	24.104.170.998
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.075.045.289.560	912.521.283.611
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.283.406.680	473.684.063
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		2.302.336.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		1.981.070.680	473.684.063
II. Tài sản cố định	220		900.913.375.185	734.559.370.183
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	884.519.142.489	686.768.949.561
- Nguyên giá	222		1.280.742.001.255	1.004.967.548.881
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(396.222.858.766)	(318.198.599.320)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	5.673.175.888	8.351.748.379
- Nguyên giá	225		10.108.822.322	12.894.064.307
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.435.646.434)	(4.542.315.928)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	10.721.056.808	39.438.672.243
- Nguyên giá	228		20.847.370.541	46.439.198.459
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.126.313.733)	(7.000.526.216)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		105.447.041.340	157.323.660.200
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	105.447.041.340	157.323.660.200
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	771.150.000	4.271.150.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(771.150.000)	(4.271.150.000)
V. Tài sản dài hạn khác	280		64.401.466.355	20.164.569.165
1. Chi phí trả trước dài hạn	281	10	64.401.466.355	20.164.569.165
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 20 270)			1.846.222.622.229	1.613.646.205.042

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.325.113.215.809	1.185.566.716.281
I. Nợ ngắn hạn	310		1.011.014.675.599	912.019.139.264
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		117.561.150.752	197.072.099.822
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.147.180.119	258.907.704
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.452.817.509	5.941.072.484
4. Phải trả người lao động	314		31.809.900.083	29.091.239.018
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		9.265.156.218	11.166.841.076
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.894.274.781	1.246.096.481
7. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	17	832.699.311.666	666.729.421.508
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.184.884.471	513.461.171
II. Nợ dài hạn	330		314.098.540.210	273.547.577.017
1. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	18	314.098.540.210	273.547.577.017
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		521.109.406.420	428.079.488.761
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	521.109.406.420	428.079.488.761
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		342.649.780.000	294.818.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		30.674.475.123	29.615.225.005
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		55.419.591	55.419.591
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		48.980.965.015	44.927.956.783
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		17.564.975.246	10.613.188.342
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.183.791.445	48.049.219.040
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ kế đến cuối năm trước	421a		4.677.000	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		81.179.114.445	48.049.219.040
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.846.222.622.229	1.613.646.205.042


Trần Thị Hiệp
Người lập biểu


Lương Thị Thủy Hà
Kế toán trưởng


Lý Thị Liên
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2017


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.887.748.876.802	1.923.940.013.849
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.887.748.876.802	1.923.940.013.849
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	1.554.545.859.262	1.574.938.521.234
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		333.203.017.540	349.001.492.615
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	15.624.286.111	18.332.478.234
7. Chi phí tài chính	22	26	88.185.793.211	97.899.700.796
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		67.121.178.523	56.842.066.988
8. Chi phí bán hàng	25		28.942.215.544	36.668.267.417
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		140.126.838.350	146.518.877.448
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		91.572.456.546	86.247.125.188
11. Thu nhập khác	31	27	5.958.322.231	1.791.514.454
12. Chi phí khác	32	27	2.731.506.032	7.886.828
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.226.816.199	1.783.627.626
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		94.799.272.745	88.030.752.814
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	13.620.158.300	16.730.373.774
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		81.179.114.445	71.300.379.040
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.489	2.427


 Trần Thị Hiệp
 Người lập biểu


 Lương Thị Thúy Hà
 Kế toán trưởng


 Lý Thị Liên
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	94.799.272.745	88.030.752.814
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	88.643.776.330	63.323.057.442
Các khoản dự phòng	03	1.395.799.752	4.008.108.630
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.085.559.705	2.426.763
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	281.400.829	(42.329.320)
Chi phí lãi vay	06	67.121.178.523	56.842.066.988
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	263.326.987.884	212.164.083.317
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.581.999.496)	(84.384.625.713)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(53.298.200.445)	(24.194.427.880)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(97.441.670.285)	34.763.705.035
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(29.146.147.424)	(21.641.506.410)
Tiền lãi vay đã trả	14	(65.781.729.165)	(55.930.493.088)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.515.747.299)	(13.388.380.577)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.819.352.419	7.629.089.599
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.993.966.338)	(5.443.801.671)
Điều chỉnh số dư tiền do nhận sáp nhập		550.756.606	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(62.363.543)	49.573.642.612
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(250.455.310.519)	(243.346.629.155)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.697.564.796	620.327.273
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	917.321.030
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	198.051.947	81.807.352
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(246.559.693.776)	(241.727.173.500)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	16.344.408.000	109.756.105.459
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.045.135.478.643	1.890.021.951.842
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.859.539.197.640)	(1.755.615.354.804)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(9.772.767.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	201.940.689.003	234.389.934.897
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(44.681.368.316)	42.236.404.009
Tiền và tương đương tiền đầu năm (60)	60	56.463.716.439	14.227.312.430
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	11.782.348.123	56.463.716.439

Trần Thị Hiệp
Người lập biểu

Lương Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng



Lý Thị Liên
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 448/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên) ngày 12 tháng 11 năm 1979. Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3744/QĐ-UB ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2003, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với Giấy phép kinh doanh số 1703000036 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 02 tháng 01 năm 2003. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600305723 sửa đổi ngày 30 tháng 9 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty, vốn điều lệ của Công ty là 342.649.780.000 VND. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là TNG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.544 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 9.313).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán hàng may mặc; sản xuất bao bì giấy, nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon và nguyên, phụ liệu hàng may mặc; đào tạo nghề may công nghiệp; mua bán máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị phòng cháy chữa cháy; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, đầu tư xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư; vận tải hàng hóa đường bộ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh; dịch vụ xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa; in ấn; hoàn thiện sản phẩm dệt.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Quy mô của Công ty bao gồm 1 trụ sở chính và 18 chi nhánh phụ thuộc, trong đó, trụ sở chính của Công ty được đặt tại địa chỉ: Số 434/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 239.837.342.930 VND (31 tháng 12 năm 2015: 210.894.217.833 VND) do Công ty sử dụng vốn lưu động để đầu tư tài sản cố định. Khả năng thanh toán của Công ty phụ thuộc vào việc tiếp tục nhận được các khoản vay từ ngân hàng, kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Dựa trên kế hoạch kinh doanh năm 2016, kế hoạch về cơ cấu tài chính, phát hành trái phiếu và tăng vốn điều lệ như trình bày tại Thuyết minh số 19, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đó, Công ty đã lập báo cáo tài chính này trên cơ sở hoạt động liên tục.

Năm tài chính

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	4 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 9
Tài sản khác	5 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> (Số năm)
Máy móc và thiết bị	7 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ phù hợp với thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Các phần mềm quản lý hàng tồn kho, tiền lương, điều hành sản xuất và kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 6 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí để có được quyền sử dụng đất, lợi thế thương mại phát sinh khi sáp nhập Công ty Cổ phần Thời Trang TNG vào Công ty và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí trả trước để có được quyền sử dụng đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Lợi thế thương mại phát sinh khi sáp nhập Công ty Cổ phần Thời trang TNG vào Công ty là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Khoản lợi thế thương mại này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định, các chi phí quảng cáo và chi phí bảo hiểm phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	1.188.356.215	1.556.185.710
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	10.593.991.908	54.907.530.729
	<u>11.782.348.123</u>	<u>56.463.716.439</u>

- (i) Gồm số dư tiền gửi ngân hàng dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 17.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Desipro Pte. Ltd. (Promiles SNC)	115.186.154.842	68.915.900.409
Công ty The Children's Place., Ltd	21.454.544.897	1.106.683.975
Công ty Asmara International Limited	14.073.728.305	68.126.980.578
Công ty Wishbone Co., Ltd	1.039.761.261	25.058.788.331
Các khách hàng khác	99.989.491.771	71.981.548.893
Phải thu khách hàng các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 31 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan	-	18.787.283.307
	<u>251.743.681.076</u>	<u>253.977.185.493</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Ngắn hạn		
Phải thu cơ quan bảo hiểm (i)	4.358.833.249	2.718.499.816
Phải thu thuế xuất nhập khẩu tạm nộp	1.747.803.800	2.917.404.660
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.247.213.291	1.609.702.660
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.090.542.219	2.519.457.602
Bồi thường giải phóng mặt bằng - Phú Bình	-	1.833.990.486
Phải thu khác	1.911.483.325	2.039.089.789
	<u>10.355.875.884</u>	<u>13.638.145.013</u>

(i) Phản ánh khoản Công ty ứng trước để nộp hộ cho người lao động tiền bảo hiểm xã hội người lao động phải nộp cho cơ quan bảo hiểm.

8. NỢ XẤU

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
Phải thu khó có khả năng thu hồi	5.145.935.971	-		5.378.809.571	48.685.435	
Công ty The Children's Place - Disney Store	1.476.984.012	-	Hơn 4 năm	1.476.984.012	-	Hơn 3 năm
Công ty Gama OB	1.103.895.250	-	Hơn 4 năm	1.103.895.250	-	Hơn 3 năm
Công ty Steve & Berrys	653.562.659	-	Hơn 4 năm	653.562.659	-	Hơn 3 năm
Công ty Buda Bean	599.415.428	-	Hơn 4 năm	599.415.428	-	Hơn 3 năm
Resources Viet Nam Corporation	593.781.199	-	Hơn 4 năm	593.781.199	-	Hơn 3 năm
Các đối tượng khác	718.297.423	-	Hơn 3 năm	951.171.023	48.685.435	Hơn 2 năm

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.356.638.378	-	33.218.985.917	-
Nguyên liệu, vật liệu	127.617.974.020	-	138.437.637.516	-
Công cụ, dụng cụ	1.841.721.245	-	1.124.475.795	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	50.156.947.637	-	43.547.030.284	-
Thành phẩm	261.197.060.941	(5.331.456.039)	135.702.576.683	(3.751.468.122)
Hàng gửi bán	7.607.389.744	-	-	-
Cộng	450.777.731.965	(5.331.456.039)	352.030.706.195	(3.751.468.122)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã dùng hàng hóa luân chuyển với giá trị tối thiểu là 55 tỷ VND để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 55 tỷ VND).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.278.513.760	4.791.163.522
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	1.294.210.307	1.643.353.436
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.776.122.777	2.489.299.070
	13.348.846.844	8.923.816.028
b) Dài hạn		
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (i)	20.729.790.151	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.165.162.868	15.386.504.186
Lợi thế thương mại (ii)	16.592.938.082	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	4.846.937.047	2.963.692.903
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.066.638.207	1.814.372.076
	64.401.466.355	20.164.569.165

(i) Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất liên quan đến các lô đất Công ty đã được cấp quyền sử dụng đất trong năm 2016 theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

(ii) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần thời Trang TNG vào Công ty (xem thêm Thuyết minh số 30).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	12.894.064.307	12.894.064.307
Chuyển sang TSCĐ hữu hình do mua lại trong năm	(2.785.241.985)	(2.785.241.985)
Số dư cuối năm	10.108.822.322	10.108.822.322
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	4.542.315.928	4.542.315.928
Trích khấu hao trong năm	1.431.634.545	1.431.634.545
Chuyển sang TSCĐ hữu hình do mua lại trong năm	(1.538.304.039)	(1.538.304.039)
Số dư cuối năm	4.435.646.434	4.435.646.434
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	8.351.748.379	8.351.748.379
Tại ngày cuối năm	5.673.175.888	5.673.175.888

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	35.218.083.167	11.221.115.292	46.439.198.459
Tăng trong năm	3.668.834.000	1.886.545.000	5.555.379.000
Giảm khác (i)	(31.147.206.918)	-	(31.147.206.918)
Số dư cuối năm	7.739.710.249	13.107.660.292	20.847.370.541
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	7.000.526.216	7.000.526.216
Trích khấu hao trong năm	1.258.067.179	1.867.720.338	3.125.787.517
Số dư cuối năm	1.258.067.179	8.868.246.554	10.126.313.733
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	35.218.083.167	4.220.589.076	39.438.672.243
Tại ngày cuối năm	6.481.643.070	4.239.413.738	10.721.056.808

(i) Công ty thực hiện đánh giá, phân loại lại giá trị quyền sử dụng đất sang Chi phí xây dựng cơ bản dở dang để tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các thủ tục của các dự án đang trong quá trình xin cấp phép chuyển đổi mục đích sử dụng của các lô đất hoặc xin phê duyệt bù trừ chi phí nhận chuyển nhượng đất, chi phí bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng với tiền thuê đất phải nộp theo hướng dẫn của Thông tư số 77/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành quy định về thu tiền thuê đất và các quy định về đất có liên quan trong từng thời kỳ.

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 18.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	105.447.041.340	157.323.660.200
- Mua sắm	3.078.805.934	5.032.874.051
- Xây dựng cơ bản	102.368.235.406	152.290.786.149
Trong đó:		
- Nhà máy TNG Phú Lương	35.674.578.475	30.437.399.362
- Nhà máy TNG Sông Công	18.441.542.235	406.360.206
- Dự án Phú Bình	17.799.063.222	11.044.878.494
- Nhà máy TNG Đại Từ	10.485.842.193	56.441.163.391
- Dự án nhà ở xã hội	9.450.753.029	2.884.000
- Dự án nhà máy Việt Thái	9.232.113.230	189.488.945
- Trung tâm thương mại Minh Cầu	4.265.975.956	1.268.691.430
- Dự án Trung tâm thời trang TNG	-	57.074.069.372
- Khác	97.173.000	458.725.000
Cộng	105.447.041.340	157.323.660.200

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái	771.150.000	(771.150.000)	771.150.000	(771.150.000)
Công ty Cổ phần Thời trang TNG	-	-	3.500.000.000	(3.500.000.000)
	771.150.000	(771.150.000)	4.271.150.000	(4.271.150.000)

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lỗ Công ty phải gánh chịu theo tỷ lệ vốn góp sẽ bằng đúng giá trị Công ty đã góp vốn. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty này với số tiền bằng với giá trị Công ty đã góp vốn.

Trong năm, Công ty đã sáp nhập Công ty Cổ phần Thời trang TNG vào Công ty theo hình thức phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần (xem thêm Thuyết minh 30).

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái	Thái Nguyên	49	49	Xây lắp điện

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm VND	Phát sinh trong năm		Số cuối năm VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.463.477.688	13.620.158.300	15.515.747.299	3.567.888.689
Các loại thuế khác	477.594.796	7.096.285.200	6.688.951.176	884.928.820
Thuế thu nhập cá nhân	406.274.722	3.605.832.284	3.206.178.302	805.928.704
Thuế khác	71.320.074	3.490.452.916	3.482.772.874	79.000.116
Cộng	5.941.072.484	20.716.443.500	22.204.698.475	4.452.817.509

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	568.161.133.408	568.161.133.408	1.782.289.154.913	1.644.286.837.191	706.163.651.130	706.163.651.130
Nợ dài hạn đến hạn trả	95.661.062.080	95.661.062.080	130.772.497.899	182.266.596.953	124.266.963.026	124.266.963.026
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	2.907.226.020	2.907.226.020	2.268.697.510	2.907.226.020	2.268.697.510	2.268.697.510
Cộng	666.729.421.508	666.729.421.508	1.915.330.350.322	1.749.360.460.164	832.699.311.666	832.699.311.666

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay ngắn hạn	706.163.651.130	568.161.133.408
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	256.551.860.472	230.240.162.971
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	446.165.871.440	331.541.889.028
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	2.226.051.309	5.778.031.409
Khoản vay ngắn hạn khác (iv)	1.219.867.909	601.050.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	124.266.963.026	95.661.062.080
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	33.610.449.795	46.198.938.795
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	54.056.020.000	29.557.567.429
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	13.642.600.000	13.554.400.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên	22.957.893.231	6.350.155.856
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	2.268.697.510	2.907.226.020
	832.699.311.666	666.729.421.508

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng ngày 01 tháng 8 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 400 tỷ VND (bao gồm cả vay VND và USD). Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng VND là 6,7%/năm, USD là 3%/năm và được điều chỉnh mỗi tháng một lần. Khoản vay có tài sản bảo đảm bảo là máy móc thiết bị may công nghiệp và thiết bị văn phòng; các công trình trên đất của Công ty; 04 máy thuê tự động; công trình và vật kiến trúc gắn liền với đất tại Khu B Khu Công nghiệp Sông Công, hàng hóa luân chuyển và quyền phát thu phát sinh từ hợp đồng kinh tế của Công ty mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tài trợ vốn.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng ngày 01 tháng 8 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 600 tỷ VND (bao gồm cả vay VND và ngoại tệ quy đổi, số dư L/C trừ phần kỹ quỹ, số dư bảo lãnh) với lãi suất khoản vay được xác định theo từng lần giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp, cầm cố tài sản của bên vay; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác.
- (iii) Khoản vay từ ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MB) - chi nhánh Thái Nguyên, theo Hợp đồng ngày 20 tháng 4 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND. Lãi suất cho từng khoản tín dụng được quy định cụ thể trong từng lần giải ngân.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn khác từ cán bộ công nhân viên của Công ty với kỳ hạn không quá 12 tháng.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	366.939.941.587	366.939.941.587	178.697.873.105	107.271.511.456	438.365.503.236	438.365.503.236
Nợ thuê tài chính dài hạn	5.175.923.530	5.175.923.530	-	2.907.226.020	2.268.697.510	2.268.697.510
Cộng	372.115.865.117	372.115.865.117	178.697.873.105	110.178.737.476	440.634.200.746	440.634.200.746
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	98.568.288.100				126.535.660.536	
Số phải trả sau 12 tháng	273.547.577.017				314.098.540.210	

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	104.401.644.352	79.564.940.060
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	242.597.044.288	232.833.708.190
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thái Nguyên (iv)	71.902.914.596	20.722.929.701
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (iii)	19.463.900.000	32.886.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn (v)	2.268.697.510	5.175.923.530
Vay dài hạn khác	-	932.363.636
	440.634.200.746	372.115.865.117

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ký ngày 23 tháng 02 năm 2011, Hợp đồng tín dụng ký ngày 04 tháng 12 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức tín dụng là 323 tỷ VND để phục vụ nhu cầu xây dựng nhà máy TNG Phú Bình và Trung tâm thiết kết thời trang TNG của Công ty. Lãi suất hiện tại đối với khoản vay bằng VND là 10,4%/năm và với các khoản vay bằng USD là 6,5%/năm (lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần). Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc và tài sản hình thành từ Dự án để đảm bảo cho các khoản vay.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo các hợp đồng tín dụng còn hiệu lực với tổng hạn mức tín dụng 283 tỷ VND. Các khoản vay dùng để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất bông cho Xi nghiệp sản xuất bông thuộc tổ hợp nhà máy may tại Khu B Khu công nghiệp Sông Công, đầu tư Dự án mở rộng năng lực sản xuất của nhà máy TNG Đại Từ, cải tạo hệ thống thiết bị và nâng cấp đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản của Công ty. Lãi suất hiện tại đối với khoản vay bằng VND từ 10,5%/năm - 11,5%/năm và với các khoản vay bằng USD từ 4,5%/năm - 6%/năm (lãi suất thả nổi điều chỉnh 01 tháng/lần). Khoản vay được đảm bảo bằng hệ thống dây chuyền sản xuất bông được lắp đặt tại chi nhánh Sông - Khu B Khu công nghiệp Sông Công và tài sản hình thành từ vốn vay của Dự án.

- (iii) Khoản vay từ ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng ngày 22 tháng 11 năm 2013 và Hợp đồng tín dụng ngày 29 tháng 4 năm 2014 với tổng hạn mức tín dụng là 2.194.648 USD và 1.381.455.410 VND, mục đích để thanh toán bởi hoàn các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp cho Dự án đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị cho Nhà máy TNG Sống Công và Nhà máy TNG Phú Bình. Khoản vay chịu lãi suất hiện tại 10% đối với khoản vay bằng VND và 4,5% với khoản vay USD, điều chỉnh 03 tháng một lần. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay là các máy móc, thiết bị thuộc Dự án đầu tư.
- (iv) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("MB") - Chi nhánh Thái Nguyên theo các hợp đồng tín dụng còn hiệu lực với tổng hạn mức tín dụng 3.324.900 USD và 19.612.742.199 VND. Mục đích khoản vay để thanh toán L/C theo phương án mở L/C căn cứ vào hợp đồng nhập khẩu máy móc, thiết bị ngành may mặc và thanh toán tiền mua hàng nội địa. Lãi suất vay được áp dụng lãi suất thả nổi, ngày điều chỉnh lãi suất và kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ phương án bao gồm máy móc thiết bị ngành may mặc chi tiết theo từng hợp đồng mua sắm.
- (v) Nợ thuế tài chính dài hạn phản ánh hai Hợp đồng thuê tài chính ngày 05 tháng 6 năm 2013 với Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Các khoản nợ này có thời hạn 4-5 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất được xác định theo từng thời kỳ.

Các khoản vay dài hạn và nợ thuế tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	126.535.660.536	98.568.288.100
Trong năm thứ hai	103.844.692.720	92.451.123.266
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	210.253.847.490	181.096.453.751
	<u>440.634.200.746</u>	<u>372.115.865.117</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	126.535.660.536	98.568.288.100
Số phải trả sau 12 tháng	<u>314.098.540.210</u>	<u>273.547.577.017</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng		
Số dư đầu năm trước	162.879.460.000	29.860.679.546	57.119.591	28.042.547.057	5.430.252.426	35.851.309.157	262.121.367.777		
Tăng vốn trong năm	131.939.020.000	(245.454.541)	-	-	-	(21.937.460.000)	109.756.105.459		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	71.300.379.040	71.300.379.040		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(9.772.767.600)	(9.772.767.600)		
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2014	-	-	-	16.885.469.726	5.182.935.916	(24.751.281.557)	(2.682.935.915)		
Tạm trích quỹ năm 2015	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)		
Thủ lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.640.960.000)	(1.640.960.000)		
Giảm khác	-	-	(1.700.000)	-	-	-	(1.700.000)		
Số dư đầu năm nay	294.818.480.000	29.615.225.005	55.419.591	44.927.956.783	10.613.188.342	48.049.219.040	428.079.488.761		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	81.179.114.445	81.179.114.445		
Tăng vốn trong năm (i)	1.402.790.000	130.558.000	-	-	-	-	1.533.348.000		
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2015 (ii)	-	-	-	4.053.008.232	6.951.786.904	(16.956.582.040)	(5.951.786.904)		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 (ii)	29.617.450.000	(35.000.000)	-	-	-	(29.617.450.000)	(35.000.000)		
Phát hành cổ phiếu ESOP/2016 (ii)	14.811.060.000	(22.307.882)	-	-	-	-	14.788.752.118		
Phát hành cổ phiếu hoán đổi cổ phần (i)	2.000.000.000	986.000.000	-	-	-	-	2.986.000.000		
Thủ lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.470.510.000)	(1.470.510.000)		
Số dư cuối năm nay	342.649.780.000	30.674.475.123	55.419.591	48.980.965.015	17.564.975.246	81.183.791.445	521.109.406.420		

- (i) Công ty đã thực hiện việc tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 510/2015/NQ-ĐHDCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2015 bao gồm phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1, với số lượng dự kiến phát hành thêm là 5.485.642 cổ phiếu. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ thành công với số lượng 5.345.363 cổ phiếu với giá trị 53.453.630.000 VND. Số lượng 140.279 cổ phiếu lẻ là cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết được Hội đồng Quản trị phân phối cho các đối tượng khác theo Nghị quyết số 01A/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 01 năm 2016 với số tiền 1.402.790.000 VND.
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHDCĐ ("Nghị quyết số 603") ngày 24 tháng 4 năm 2016, trong năm Công ty đã trả cổ tức đợt 2 năm 2015 theo tỷ lệ 10:1 với số lượng phát hành thêm là 2.961.745 cổ phiếu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với số lượng cổ phần phát hành là 1.481.106 cổ phiếu. Đồng thời, Công ty đã phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần sáp nhập Công ty Cổ phần Thời Trang TNG vào Công ty với số lượng cổ phiếu phát hành là 200.000 cổ phiếu.
- (iii) Cũng theo Nghị quyết số 603, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 4.053.008.232 VND, 6.951.786.904 VND và 6.951.786.904 VND. Trong đó, Quỹ khen thưởng phúc lợi tạm phân phối từ lợi nhuận trong năm tài chính 2015 là 1.000.000.000 VND, Công ty đã thực hiện phân phối bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 5.951.786.904 trong năm nay theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Tình hình sử dụng vốn thu được của đợt phát hành

Theo Nghị quyết số 603, Văn bản số 4796/UBCK-QLCB ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2015, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty và Văn bản số 4797/UBCK-QLCB ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi riêng lẻ, tổng số vốn điều lệ tăng lên và số tiền thu về từ đợt phát hành là 46.428.510.000 VND và 14.820.978.118 VND. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, số vốn này đã được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục đích phát hành ban đầu.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.264.978	29.481.848
+ Cổ phiếu phổ thông	34.264.978	29.481.848
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (*)	34.264.978	29.481.848
+ Cổ phiếu phổ thông	34.264.978	29.481.848

(*) Gồm 140.279 cổ phiếu phổ thông như đã trình bày ở mục (i) và 1.481.106 cổ phiếu phổ thông như đã trình bày ở mục (ii) nêu trên bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (USD)	259.164	42.498

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty chủ yếu thực hiện tại số 434/1 đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm may mặc (xuất khẩu và bán nội địa). Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 22 và Thuyết minh số 23.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu bán hàng	1.229.450.306.393	1.411.346.469.253
Doanh thu gia công	627.944.144.708	512.593.544.596
Doanh thu bán sản phẩm thời trang	30.354.425.701	-
	<u>1.887.748.876.802</u>	<u>1.923.940.013.849</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.887.748.876.802</u>	<u>1.923.940.013.849</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn bán hàng	1.012.442.336.191	1.174.703.540.804
Giá vốn gia công	517.106.900.181	400.234.980.430
Giá vốn bán sản phẩm thời trang	24.996.622.890	-
	<u>1.554.545.859.262</u>	<u>1.574.938.521.234</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	820.567.952.976	900.011.709.000
Chi phí nhân công	744.931.127.317	621.927.152.765
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.643.776.330	63.323.057.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	82.868.342.511	87.358.926.981
Chi phí khác bằng tiền	119.380.942.278	100.350.362.817
	<u>1.856.392.141.412</u>	<u>1.772.971.209.005</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	198.051.947	403.208.382
Lãi chênh lệch tỷ giá	15.426.234.164	17.929.269.852
	15.624.286.111	18.332.478.234

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	67.121.178.523	56.842.066.988
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	382.678.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá	21.064.614.688	37.174.954.838
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	3.500.000.000
	88.185.793.211	97.899.700.796

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.663.798.368	21.799.908
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.697.564.796	620.327.273
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(2.033.766.428)	(598.527.365)
Các khoản thu nhập khác	4.294.523.863	1.769.714.546
	5.958.322.231	1.791.514.454
Các khoản chi phí khác	2.731.506.032	7.886.828
	2.731.506.032	7.886.828
Lợi nhuận khác	3.226.816.199	1.783.627.626

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	94.799.272.745	88.030.752.814
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(4.138.325.702)	385.748.030
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.150.974.611	385.748.030
Chuyển lỗ (*)	(7.289.300.313)	-
Thu nhập chịu thuế	90.660.947.043	88.416.500.844
Thuế suất	0%, 15% và 20%	15%, 20% và 22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.801.339.274	17.027.073.774
Trừ: Chi phí cho lao động nữ	(230.100.000)	(296.700.000)
Tặng do sáp nhập (*)	48.919.026	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.620.158.300	16.730.373.774

(*) Nghĩa vụ thuế và Chuyển lỗ được chuyển giao từ Công ty Cổ phần Thời Trang TNG khi tiến hành sáp nhập vào Công ty (xem thêm Thuyết minh số 30).

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước Trình bày lại (*) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	81.179.114.445	71.300.379.040
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(6.951.786.904)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	81.179.114.445	64.348.592.136
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	32.729.321	26.508.682
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.480	2.427

(*) Số liệu Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2016 được trình bày lại chủ yếu do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu thực hiện trong năm 2016.

	Số đã báo cáo VND	Số điều chỉnh so với số liệu đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	71.300.379.040	-	71.300.379.040
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.000.000.000)	(5.951.786.904)	(6.951.786.904)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	70.300.379.040	(5.951.786.904)	64.348.592.136
Số cổ phiếu bình quân gia quyền	23.546.937	2.961.745	26.508.682
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.986		2.427

30. NGHIỆP VỤ SÁP NHẬP

Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 603/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2016 của Công ty và Nghị quyết số 219/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/3/2016 của Công ty Cổ phần Thời trang TNG đã thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần Thời trang TNG vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG theo hình thức phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần theo tỷ lệ hoán đổi là 5:1 (05 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thời trang TNG đổi lấy 01 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG). Trong năm, Công ty đã hoàn thành phát hành 200.000 cổ phần cho cổ đông của Công ty Cổ phần Thời Trang TNG và cổ đông hiện hữu của Công ty để hoán đổi cổ phần. Công ty đã xác định chi phí liên quan đến việc sáp nhập dựa trên giá trị cổ phiếu phát hành và ghi nhận lợi thế thương mại như sau:

	<u>Số tiền</u>
	<u>VND</u>
Giá trị thị trường của 200.000 cổ phiếu tại ngày hoán đổi	3.180.000.000
Giá trị tài sản thuần của Công ty Cổ phần Thời trang TNG tại thời điểm sáp nhập	(13.412.938.082)
Lợi thế thương mại	16.592.938.082

Theo Hợp đồng sáp nhập công ty và Biên bản bàn giao ngày 17/8/2016, Công ty Cổ phần Thời Trang TNG được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG và trở thành chi nhánh Thời trang TNG của Công ty. Sau khi sáp nhập, toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty Cổ phần Thời Trang TNG được chuyển sang Công ty.

Các thông tin tài chính về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thời Trang TNG tại thời điểm nhận sáp nhập (ngày 17 tháng 8 năm 2016) được trình bày như sau:

	<u>17/8/2016</u>
	<u>VND</u>
Tài sản	
Tiền	550.756.606
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.614.756.311
Hàng tồn kho	45.448.825.325
Tài sản ngắn hạn khác	907.004.605
Tài sản cố định hữu hình	967.313.286
Tài sản dài hạn khác	2.293.363.919
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	52.782.020.052
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	66.194.958.134
Vốn chủ sở hữu	(13.412.938.082)
Vốn điều lệ	10.000.000.000
Lỗi lũy kế	(23.430.753.239)
Quỹ đầu tư phát triển	17.815.157
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	52.782.020.052
	<u>Cho kỳ hoạt động từ</u>
	<u>01/01/2016 đến 17/8/2016</u>
	<u>VND</u>
Doanh thu	
Doanh thu bán hàng	48.147.871.910
Kết quả	
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.142.726.961)

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Thời trang TNG	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Công ty Cổ phần Thời trang TNG		
Mua hàng	386.268.000	-
Bán hàng	4.608.835.837	18.812.571.700
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	3.472.511.110	4.712.420.293

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Thời trang TNG		
Phải thu	-	18.787.283.307

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 42.043.688.493 VND (năm 2015 là 87.696.231.584 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Trần Thị Hiệp
Người lập biểu



Lương Thị Thúy Hà
Kế toán trưởng




Lý Thị Liên
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2017